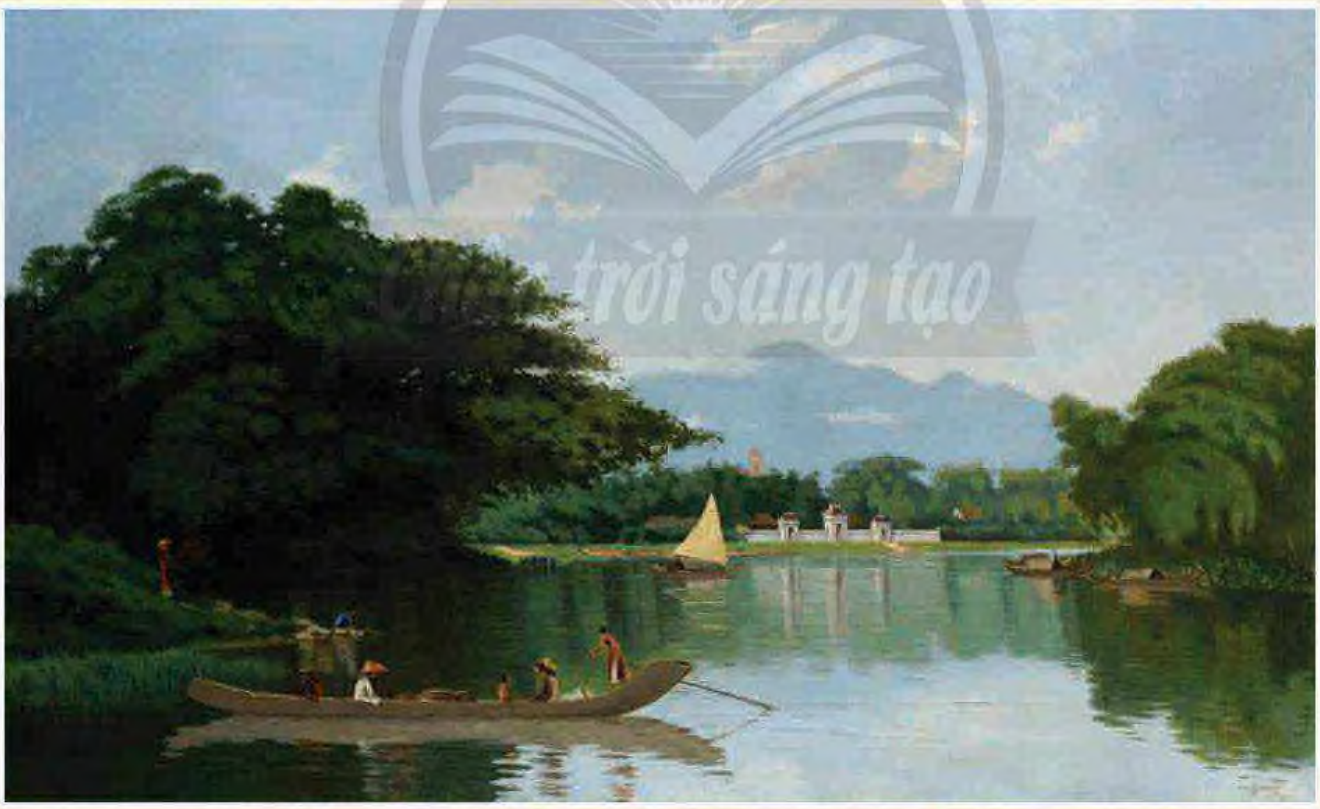
Chân trời sáng tạo

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY – PHAN THU HIỀN
DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU – TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM
NGUYỄN THỊ NGỌC THUÝ – ĐINH PHAN CẨM VÂN – PHAN THU VÂN

# NGỮ VĂN

11

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chân trời sáng tạo

*Hãy bảo quản, giữ gìn Sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.*

# LỜI NÓI ĐẦU

*Bạn thân mến!*

Trên tay bạn là sách giáo khoa **Ngữ văn 11**, bộ sách *Chân trời sáng tạo* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tiếp nối **Ngữ văn 10**, đây là phương tiện giúp bạn thực hiện các hoạt động học tập trong từng bài học, qua đó nâng cao các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung như: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, đáp ứng các yêu cầu của Chương trình môn Ngữ văn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018.

Sách giáo khoa **Ngữ văn 11** gồm hai tập, chín bài học tương ứng chín chủ điểm, gắn với những vấn đề thiết thực, gần gũi trong cuộc sống của bạn.

Với năm bài học trong tập một, bạn sẽ có cơ hội lắng nghe tiếng nói trữ tình tài hoa của các tác giả tuỳ bút, tản văn đương đại, cảm nhận điều huyền diệu trong sự sống của thiên nhiên, tạo vật và con người (*Thông điệp từ thiên nhiên*); chia sẻ quan niệm, ý kiến sâu sắc của người viết trong các áng văn nghị luận về các vấn đề thiết yếu của đời sống hôm nay và ngày mai (*Hành trang vào tương lai*); thưởng thức những câu chuyện tình yêu, khát vọng hạnh phúc lứa đôi kể bằng lời thơ truyền thống (*Khát khao đoàn tụ*); tìm hiểu vẻ đẹp của văn hoá, cảnh quan đất nước (*Nét đẹp văn hoá và cảnh quan*); trải nghiệm những tình huống lựa chọn cách hành xử quyết đoán và gay cấn của các nhân vật bi kịch qua nghệ thuật biên kịch của những nhà soạn kịch tài ba (*Băn khoăn tìm lẽ sống*).

Với bốn bài học trong tập hai, bạn sẽ hình dung và suy ngẫm về mối quan hệ cộng sinh giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên qua những câu chuyện hấp dẫn, tình tiết bất ngờ (*Sống với biển rừng bao la*); lắng nghe "tiếng kêu thương" và niềm khát khao công lí trong *Truyện Kiều* hay chia sẻ nỗi niềm thiếu vắng tri âm trong thơ chữ Hán của đại thi hào Nguyễn Du (*Những điều trông thấy*); khám phá thế giới của cái tôi qua những vần thơ giàu yếu tố tượng trưng (*Cái tôi – thế giới độc đáo*); ngược dòng thời gian, theo dõi những bước đi của nhân vật, sự kiện trong dòng chảy của thời cuộc hay ngẫm nghĩ về vai trò của kí ức qua các tác phẩm truyện, truyện kí (*Những chân trời kí ức*).

Mỗi bài học trong sách sẽ giúp bạn từng bước nâng cao kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, đồng thời mang lại cho bạn những nhận thức mới về tự nhiên, xã hội và bản thân. Để học tốt **Ngữ văn 11**, bạn nhớ đọc kĩ hướng dẫn và cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong từng bài học nhé.

Chúc bạn thành công.

**NHÓM TÁC GIẢ**

# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Để sử dụng hiệu quả bộ sách giáo khoa Ngữ văn 11, bạn cần:

1. Nắm vững cấu trúc chung của sách, chức năng của các phần, mục trong sách.

Ngoài mục *Hướng dẫn sử dụng sách*, ở một số trang đầu, sách còn có: Mục lục giúp bạn nhanh chóng lật tìm tên các bài học, các văn bản đọc hiểu, các nội dung, đề mục liên quan. Ở cuối mỗi tập đều có các bảng tra cứu thuật ngữ, yếu tố Hán Việt, tiếng nước ngoài,...

2. Nắm vững cấu trúc chung của các bài học và chức năng của các phần, mục cụ thể trong từng bài. Mỗi bài học đều gồm các nội dung liên quan chặt chẽ với nhau như sau:

• YÊU CẦU CẦN ĐẠT: Sách nêu lên những yêu cầu nhằm định hướng cho việc học tập, xem như cái đích buộc phải đạt được khi học xong bài học. Đây chính là căn cứ để giáo viên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của bạn và giúp bạn tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mình.

• Phần ĐỌC và THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT gồm Tri thức Ngữ văn và các văn bản đọc hiểu chọn lọc, giúp bạn dựa vào các câu hỏi hướng dẫn theo tiến trình đọc (*Trước khi đọc*, *Đọc văn bản* và *Sau khi đọc*) để rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc văn bản theo các thể loại mà chương trình quy định.

• Phần VIẾT: Sau khi tìm hiểu tri thức, sơ đồ khái quát về kiểu bài, đọc ngữ liệu tham khảo, bạn được hướng dẫn thực hành viết văn bản theo bốn bước chính: *Chuẩn bị viết; Tìm ý, lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa*. Nội dung các hoạt động này được kết nối chặt chẽ với nhau, giúp bạn có được kĩ năng tạo lập văn bản theo một kiểu loại nhất định. Sau khi viết xong một văn bản, bạn có thể dùng bảng kiểm để tự đánh giá và điều chỉnh cách viết của mình.

• Phần NÓI VÀ NGHE: Sách hướng dẫn bạn thực hành luyện tập theo các bước, các thao tác cụ thể trong sự kết nối với phần Viết và phần Đọc. Nội dung hướng dẫn riêng về NGHE được bố trí ở Bài 1 (học kì I), Bài 8 (học kì II).

• Phần ÔN TẬP: Cuối mỗi bài học, sách gợi ý một số câu hỏi, bài tập giúp bạn ôn, luyện thêm về đọc, viết, nói và nghe để nắm vững các nội dung cơ bản của toàn bài học.

Dưới đây là một ví dụ về cấu trúc bài học dạng sơ đồ của **Bài 2. Hành trang vào tương lai (Văn bản nghị luận)**. Tám bài học khác đều có cấu trúc tương tự. Bạn nên xem kĩ sơ đồ này để hiểu hơn về cách sử dụng sách.

**YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đánh giá được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết; nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết và phân tích được: nội dung và mối quan hệ của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản; xác định mục đích, thái độ và tình cảm của người viết, nội dung và ý nghĩa của văn bản.
- ...

**YÊU CẦU CẦN ĐẠT**: Sách nêu lên những yêu cầu nhằm định hướng cho việc học tập, xem như cái đích buộc phải đạt được khi học xong bài học. Đây chính là căn cứ để giáo viên kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của bạn và giúp bạn tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của mình.

## ĐỌC

### VĂN BẢN 1

# MỘT CÂY BÚT VÀ MỘT QUYỂN SÁCH CÓ THỂ THAY ĐỔI THẾ GIỚI[1]

**Ma-la-la Diu-sa-phdai (Malala Yousafzai)[2]**

### Trước khi đọc

Bạn hãy tìm hiểu về Ma-la-la Diu-sa-phdai, Ngày Ma-la-la và chia sẻ với các thành viên trong lớp.

### Đọc văn bản

Đói nghèo, thất học, bất công, tệ phân biệt chủng tộc và sự tước đoạt các quyền cơ bản, đó là những vấn đề chính yếu mà cả nam giới và phụ nữ đều phải đối mặt. 1

[...]

*Theo dõi*

1 Chỉ ra các yếu tố tự sự trong đoạn văn này.

### Sau khi đọc

1. Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được trình bày trong văn bản dựa vào sơ đồ sau (làm vào vở):




**PHẦN ĐỌC và THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:** Sau khi cung cấp tri thức Ngữ văn làm công cụ đọc hiểu, phần đọc các văn bản chính theo thể loại (văn bản 1 và văn bản 2) đều có các câu hỏi hướng dẫn: *Trước khi đọc*, *Đọc văn bản* và *Sau khi đọc*.

## VIẾT

# VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Ở lớp 10, bạn đã học viết kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội. Trong bài học, bạn sẽ tiếp tục rèn luyện kĩ năng viết kiểu bài này; chú trọng cách mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; phân tích, trao đổi với các ý kiến trái chiều để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

### Tri thức về kiểu bài

**Kiểu bài:** *Nghị luận về một vấn đề xã hội* là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội (một ý kiến, một tư tưởng đạo lí hay một hiện tượng xã hội), giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề đó.

**PHẦN VIẾT:** Sau khi tìm hiểu tri thức về kiểu bài, đọc ngữ liệu tham khảo, bạn được hướng dẫn thực hành viết văn bản theo bốn bước chính: *Chuẩn bị viết; Tìm ý, lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa*. Nội dung các hoạt động này được kết nối chặt chẽ với nhau, giúp bạn có được kĩ năng tạo lập văn bản theo một kiểu loại nhất định. Sau khi viết xong một văn bản, bạn có thể dùng bảng kiểm để tự đánh giá và điều chỉnh cách viết của mình.

Chân trời sáng tạo

## Đọc ngữ liệu tham khảo

### Tầm quan trọng của việc học phương pháp học

Tất cả chúng ta đều suốt đời học tập trong những lĩnh vực khác nhau, nhưng không phải ai cũng thành công trên con đường học vấn. Không phải vì họ lười biếng, không phải vì họ không đam mê mà vì họ không tìm ra cách học hiệu quả, cách thích ứng với những thay đổi của thế giới hiện đại. Có thể nói, học phương pháp học chính là chìa khoá thành công trên hành trình lĩnh hội tri thức, như quan niệm của Phrít-men (Friedman) trong cuốn *Thế giới phẳng*: "Kĩ năng đầu tiên và quan trọng nhất mà bạn cần có trong thế giới hiện đại là khả năng học phương pháp học".[1]

Học phương pháp học là học các kĩ năng, cách thức để tiếp thu tri thức khổng lồ của nhân loại một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất. Như vậy, ý kiến của Phrít-men khẳng định tầm quan trọng của việc học phương pháp học.[2]

[1]: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.

[2]: Giải thích vấn đề cần bàn luận.

## Thực hành viết theo quy trình

**Đề bài:**

Câu lạc bộ Văn học của trường bạn tổ chức cuộc thi viết với chủ đề *Những góc nhìn cuộc sống*. Hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội mà bạn quan tâm để gửi tham gia cuộc thi.



## NÓI VÀ NGHE

### TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

**Đề tài:**

Bài viết của bạn được lựa chọn để tham gia buổi toạ đàm *Những góc nhìn cuộc sống*, trình bày ý kiến, quan điểm của học sinh về các vấn đề xã hội. Từ bài viết, bạn hãy chuẩn bị nội dung bài nói để tham gia buổi toạ đàm.

***Bước 1: Chuẩn bị nói***

**Xác định đề tài**

Đề tài của bài nói đã được bạn chuẩn bị ở phần Viết.

**PHẦN NÓI VÀ NGHE:** Sách hướng dẫn bạn thực hành luyện tập theo các bước, các thao tác cụ thể trong sự kết nối với phần Viết và phần Đọc.

## ÔN TẬP

1. Hãy lập bảng tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, mục đích của người viết trong các văn bản nghị luận đã học trong bài.
2. Theo bạn, điều gì làm nên sự hấp dẫn, thuyết phục cho nhan đề của văn bản nghị luận?
3. Yếu tố thuyết minh, tự sự, miêu tả có tác dụng như thế nào đối với văn bản nghị luận?
4. Bạn hãy ghi lại những cách mở bài, kết bài ấn tượng mà bản thân và các bạn đã thực hiện khi viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội.
5. Khi trình bày ý kiến, đánh giá về một vấn đề xã hội, cần lưu ý điều gì để phản hồi hiệu quả các ý kiến trái chiều của người nghe?

**ÔN TẬP:** Cuối mỗi bài học, sách gợi ý một số câu hỏi, bài tập giúp bạn ôn, luyện thêm về đọc, viết, nói và nghe để nắm vững các nội dung cơ bản của toàn bài học.

# MỤC LỤC


Lời nói đầu ..... 3
Hướng dẫn sử dụng sách ..... 4

**BÀI 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN (TUỲ BÚT, TẢN VĂN) ..... 9**

**ĐỌC** ..... 11
*Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) ..... 11
*Cõi lá* (Đỗ Phấn) ..... 17
*Chiều xuân* (Anh Thơ) ..... 19
**Thực hành tiếng Việt** ..... 20
*Trăng sáng trên đầm sen* (Chu Tự Thanh) ..... 21
**VIẾT** ..... 23
Viết văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận ..... 23
**NÓI VÀ NGHE** ..... 29
Giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân ..... 29
**ÔN TẬP** ..... 35

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN) ..... 36**

**ĐỌC** ..... 37
*Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới* (Ma-la-la Diu-sa-phdai) ..... 37
*Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI* (Đỗ Thị Ngọc Quyên, Nguyễn Đức Dũng) ..... 41
*Công nghệ AI của hiện tại và tương lai* ..... 44
**Thực hành tiếng Việt** ..... 45
*Hình tượng con người chinh phục thế giới trong "Ông già và biển cả"* (Lê Lưu Oanh) ..... 46
**VIẾT** ..... 48
Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội ..... 48
**NÓI VÀ NGHE** ..... 53
Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội ..... 53
**ÔN TẬP** ..... 55

**BÀI 3: KHÁT KHAO ĐOÀN TỤ (TRUYỆN THƠ) ..... 56**

**ĐỌC** ..... 58
*Lời tiễn dặn* (Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái) ..... 58
*Tú Uyên gặp Giáng Kiều* (Trích *Bích Câu kì ngộ* – Vũ Quốc Trân) ..... 62
*Người ngồi đợi trước hiên nhà* (Huỳnh Như Phương) ..... 68
**Thực hành tiếng Việt** ..... 70

*Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu* (Trích *Quan Âm Thị Kính* – truyện thơ khuyết danh Việt Nam) ..... 72
**VIẾT** ..... 75
Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát) ..... 75
**NÓI VÀ NGHE** ..... 80
Giới thiệu một truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân ..... 80
**ÔN TẬP** ..... 82

**BÀI 4: NÉT ĐẸP VĂN HOÁ VÀ CẢNH QUAN (VĂN BẢN THÔNG TIN)** ..... **83**
**ĐỌC** ..... 85
*Sơn Đoòng – Thế giới chỉ có một (Theo* Ngọc Thanh, Hồng Minh, Tuyết Loan, Hồ Cúc Phương, Phan Anh, Mạnh Hà) ..... 85
*Đồ gốm gia dụng của người Việt* (Phan Cẩm Thượng) ..... 90
*Chân quê* (Nguyễn Bính) ..... 94
**Thực hành tiếng Việt** ..... 95
*Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai* (Vũ Hoài Đức) ..... 96
**VIẾT** ..... 99
Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội ..... 99
**NÓI VÀ NGHE** ..... 107
Trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội ..... 107
**ÔN TẬP** ..... 109

**BÀI 5: BĂN KHOĂN TÌM LẼ SỐNG (BI KỊCH)** ..... **110**
**ĐỌC** ..... 112
*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (Trích *Vũ Như Tô* – Nguyễn Huy Tưởng) ..... 112
*Sống hay không sống – đó là vấn đề* (Trích *Hăm-lét* – Sếch-xpia) ..... 120
*Chí khí anh hùng* (Nguyễn Công Trứ) ..... 126
**Thực hành tiếng Việt** ..... 127
*Âm mưu và tình yêu* (Trích *Âm mưu và tình yêu* – Si-le) ..... 129
**VIẾT** ..... 134
Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (kịch bản văn học) hoặc tác phẩm nghệ thuật (bộ phim) ..... 134
**NÓI VÀ NGHE** ..... 139
Giới thiệu một kịch bản văn học hoặc một bộ phim theo lựa chọn cá nhân ..... 139
**ÔN TẬP** ..... 140

**Ôn tập cuối học kì I** ..... **141**
**Bảng giải thích thuật ngữ** ..... **143**
**Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt** ..... **144**
**Bảng tra cứu tiếng nước ngoài** ..... **146**

BÀI 1

# THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN

## (TUỲ BÚT, TẢN VĂN)

### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tuỳ bút, tản văn.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Giải thích được nghĩa của từ.
- Viết được bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân (tác phẩm văn học, tác phẩm điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ).
- Nắm bắt nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.
- Biết yêu quý và có ý thức gìn giữ vẻ đẹp của thiên nhiên.

### TRI THỨC NGỮ VĂN

***Tuỳ bút*** là tiểu loại thuộc loại hình kí; thường tập trung thể hiện cái "tôi" của tác giả, luôn có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. Ở tuỳ bút, chi tiết, sự kiện chỉ là cái có, là tiền đề để bộc lộ cảm xúc, suy tư, nhận thức, đánh giá về con người và cuộc sống. Ngôn ngữ của tùy bút giàu chất thơ (có chất trữ tình, giàu nhạc điệu, giàu sức gợi,...).

***Tản văn*** là một dạng văn xuôi gần với tuỳ bút; thường kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả thiên nhiên, khắc hoạ nhân vật. Tản văn chú trọng việc nêu lên được nét chính của các hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội và bộc lộ tình cảm, ý nghĩ của tác giả.

Nếu sức hấp dẫn của tuỳ bút là tính chất tự do, tài hoa trong liên tưởng gắn với cái tôi tác giả thì sức hấp dẫn của tản văn chủ yếu ở khả năng phát hiện những nét đặc thù, đặc biệt của sự việc, đối tượng hay khả năng kết nối, xâu chuỗi các sự việc, đối tượng có vẻ rời rạc, nhỏ nhặt để hướng đến thể hiện chủ đề của tác phẩm.

*Yếu tố tự sự trong tuỳ bút, tản văn* là yếu tố kể chuyện, thể hiện qua việc ghi chép, thuật lại các sự việc, câu chuyện, chuỗi tình tiết liên quan tới hành vi, diễn biến tâm trạng, tình cảm của nhân vật hay lịch sử, phong tục được đề cập trong tác phẩm.

*Yếu tố trữ tình trong tuỳ bút, tản văn* là yếu tố thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của cái tôi tác giả trong tuỳ bút hay của người kể chuyện, quan sát, miêu tả trong tản văn.

*Ngôn ngữ văn học* là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong tác phẩm văn chương, có tính nghệ thuật, thể hiện qua các đặc điểm: *1) giàu sức truyền cảm, biểu cảm:* có khả năng chứa đựng nhiều tình cảm, cảm xúc; *2) tính đa nghĩa:* các hình thức ẩn dụ, nhân hoá, tượng trưng,... khiến câu văn, câu thơ hàm chứa nhiều tầng ý nghĩa; *3) tính hình tượng:* có khả năng khơi gợi hình ảnh, hình tượng, mang lại cho người đọc ấn tượng sinh động về sự vật được nói đến, từ đó có những liên tưởng, phán đoán thú vị; *4) tính thẩm mĩ:* ngôn ngữ văn học phải được gọt giũa, tinh luyện từ ngôn ngữ chung để đạt tới giá trị nghệ thuật, tạo được rung động thẩm mĩ trong người đọc. *Ngôn ngữ trong tuỳ bút, tản văn,* ngoài các đặc điểm chung của ngôn ngữ văn học còn có thêm nét riêng của thể loại: thường thấm đượm chất thơ và dấu ấn riêng của tác giả.

***Cách giải thích nghĩa của từ***

Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ,...) mà từ biểu thị. Nghĩa của từ được nhận diện thông qua nhận thức, sự hiểu biết của mỗi người.

• Có thể giải thích nghĩa của từ bằng một số cách chính sau đây:

– Phân tích nội dung nghĩa của từ và nếu cần có thể nêu phạm vi sử dụng, khả năng kết hợp của từ; chú ý đến sự khác nhau giữa các từ đồng nghĩa (nếu có).

Ví dụ: ***Hắn*** (khẩu ngữ): từ dùng để chỉ người ở ngôi thứ ba, với hàm ý coi thường hoặc thân mật. ***Hắn*** *không phải là người tử tế.*

– Dùng một (hoặc một số) từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.

*Lưu ý:* Những từ dùng để giảng giải phải dễ hiểu hơn từ cần giải thích. Khi dùng từ đồng nghĩa để giải thích, có thể nói thêm sự khác biệt về sắc thái nghĩa và cách dùng của những từ ngữ ấy.

Ví dụ: ***Đẫy đà:*** to béo, mập mạp.

***Bất chợt:*** chợt (nhưng nghĩa mạnh hơn).

***Bất an:*** không yên ổn.

***Sơ suất:*** không cẩn thận.

– Đối với từ ghép, có thể giải thích nghĩa của từ bằng cách giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.

Ví dụ: ***Tươi trẻ:*** tươi tắn và trẻ trung.

***Sơn hà:*** *sơn* là núi, *hà* là sông; *sơn hà*: núi sông, thường dùng để chỉ đất đai thuộc chủ quyền của một nước.

• Khi giải thích từ, cần chú ý đến nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.

– Nghĩa gốc là nghĩa ban đầu của từ.

Ví dụ: *Tấm **thảm** trải sàn này đẹp quá!*

***Thảm*** ở ví dụ trên mang nghĩa gốc, chỉ "hàng dệt bằng sợi to, thường có hình trang trí, dùng trải trên lối đi, trên sàn nhà".

– Nghĩa chuyển là nghĩa hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.

Ví dụ: *Tôi yêu những **thảm** lá vàng tuyệt đẹp ở nơi này.*

***Thảm*** trong trường hợp này là nghĩa chuyển, chỉ "lớp lá cây dày phủ trên mặt đất".



## ĐỌC

### VĂN BẢN 1

# AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?[1]

**Hoàng Phủ Ngọc Tường**

### Trước khi đọc

1. Bạn đã biết gì về Huế? Hãy chia sẻ với các bạn về điều đó.

2. Dựa vào nhan đề và hình ảnh minh hoạ, bạn dự đoán gì về nội dung của văn bản?



Sông Hương
(*https://vov.vn/du-lich/*)

[1] Bút kí và tuỳ bút là hai thể loại gần gũi nhau. Tuy nhiên, nếu bút kí (ghi theo ngòi bút) xem trọng tính chất hướng ngoại, tính ghi chép, thì tuỳ bút (viết tự do theo ngòi bút) lại xem trọng tính chất hướng nội, tự do trong liên tưởng, thể hiện tình cảm, cảm xúc và cái tôi của người viết. *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* thể hiện đặc điểm của thể tuỳ bút một cách đậm nét.

## Đọc văn bản

[...] Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất. Trước khi về đến vùng châu thổ[1] êm đềm, nó là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như con lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan[2] phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lí giải được về mặt khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở. Nếu chỉ mải nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu một cách đầy đủ bản chất của sông Hương với cuộc hành trình gian truân mà nó đã vượt qua, không hiểu thấu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ, đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khoá trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng[3]. 1

**Suy luận**

1 Đoạn văn này miêu tả khúc sông nào của dòng sông Hương? Nét đẹp riêng của khúc sông này là gì?

Phải nhiều thế kỉ qua, người tình mong đợi mới đến đánh thức người gái đẹp ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại. Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng những khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó. Từ ngã ba Tuần[4], sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén; vấp Ngọc Trản[5], nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán[6] rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ[7], xuôi dần về Huế. Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột

---

[1] *Châu thổ*: đồng bằng ở vùng cửa sông do phù sa bồi đắp nên.

[2] *Di-gan*: người Di-gan hoặc người Rom (Romani) là một dân tộc thuộc nhóm sắc tộc Ấn-Arya (Indo-Arya), sống thành nhiều cộng đồng ở các quốc gia trên khắp thế giới. Trước đây, họ được biết đến là các cộng đồng du cư, di chuyển trên những đoàn xe lưu động đặc trưng như những ngôi nhà. Tuy nhiên, ngày nay đa số họ đang sống định cư. Người Di-gan có biệt tài nhảy múa rất giỏi.

[3] *Kim Phụng*: ngọn núi cao nhất ở phía tây nam thành phố Huế, còn có tên là núi Thương.

[4] *Ngã ba Tuần*: nơi hai nhánh sông Hương gặp nhau ở thượng nguồn.

[5] *Ngọc Trản* (chữ Hán có nghĩa là *chén ngọc*): xưa có tên là Hương Uyển Sơn, sau đổi tên là Ngọc Trản, dân gian vẫn quen gọi là Hòn Chén vì nó ngay ngắn, tròn trĩnh giống hình cái chén úp.

[6] *Nguyệt Biều, Lương Quán*: tên hai làng bên bờ sông Hương, nổi tiếng với những khu vườn thanh trà xanh mướt.

[7] *Thiên Mụ*: tên một ngôi chùa đẹp ở Huế, nằm trên đồi Hà Khê, tả ngạn sông Hương, phía tây thành phố Huế, được chúa Nguyễn Hoàng xây dựng vào năm 1601.

như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo[1] mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, "sớm xanh, trưa vàng, chiều tím" như người Huế thường miêu tả. Giữa đám quần sơn lô xô ấy, là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ toả lan khắp cả một vùng thượng lưu *Bốn bề núi phủ mây phong/ Mảnh trăng thiên cổ bóng tùng Vạn Niên*[2]. Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông Hương, như triết lí, như cổ thi, kéo dài mãi đến lúc mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ, ngân nga từ bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà... 2

**Tưởng tượng**

2 Bạn hình dung như thế nào về hình ảnh sông Hương qua đoạn văn này?

Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biền[3] bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam – đông bắc, phía đó, nơi cuối đường, nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngắn trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non. Giáp mặt thành phố ở cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến[4]; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng "vâng" không nói ra của tình yêu. Và như vậy, giống như sông Xen của Pa-ri, sông Đa-nuýp của Bu-đa-pét; sông Hương nằm ngay giữa lòng thành phố yêu quý của mình; Huế trong tổng thể vẫn giữ nguyên dạng một đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông. Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương toả đi khắp phố thị, với những cây đa, cây cừa[5] cổ thụ toả vầng lá u sầm xuống những xóm thuyền xúm xít; từ những nơi ấy, vẫn lập loè trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê[6] xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được. Những chi lưu[7] ấy, cùng với hai hòn đảo nhỏ trên sông đã làm giảm hẳn lưu tốc[8] của dòng nước, khiến cho sông Hương khi qua thành phố đã trôi đi chậm, thực chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh. Tôi đã đến Lê-nin-grát, có lúc đứng nhìn sông Nê-va cuốn trôi những đám băng lô xô, nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân; mỗi phiến băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân, thích thú với chiếc thuyền xinh đẹp của chúng; và đoàn tàu tốc hành

---

[1] *Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo*: tên của những quả đồi nằm ở phía tây nam thành phố Huế.

[2] Đây là một câu ca dao Huế.

[3] *Biền*: bãi lấy ở ven sông, khi triều lên thì ngập nước.

[4] *Cồn Giã Viên, Cồn Hến*: hai cồn cát nhỏ nổi trên sông Hương, phía trước kinh thành Huế. Hai bãi đất này tạo cho kinh thành Huế cái thế "tả thanh long, hữu bạch hổ" (bên trái là rồng xanh, bên phải là hổ trắng).

[5] *Cây cừa*: một loại cây thân gỗ, cành lá rậm rạp, rễ phụ rủ từng chùm, đâm xuống đất để hút nước và chất dinh dưỡng nuôi cây.

[6] *Mô tê* (từ ngữ địa phương miền Trung): đâu đó.

[7] *Chi lưu*: sông nhánh, trong quan hệ với sông cái.

[8] *Lưu tốc*: tốc độ chảy của dòng nước.

lạ lùng ấy với những hành khách tí hon của nó băng băng lướt qua trước cung điện Pê-téc-bua cũ để ra bể Ban-tích. Tôi vừa từ trong khói lửa miền Nam đến đây, lâu năm xa Huế, và chính Lê-nin-grát đã đánh thức trong tâm hồn tôi giấc mơ lộng lẫy của tuổi dại. Ôi, tôi muốn hoá làm một con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thuỷ tinh để đi ra biển. Tôi cuống quýt vỗ tay, nhưng sông Nê-va đã chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo. Hai nghìn năm trước, có một người Hy Lạp tên là Hê-ra-clít, đã khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh[1], thế vậy! Lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quý điệu chảy lặng lờ của nó khi ngang qua thành phố... Đấy là điệu slow[2] tình cảm dành riêng cho Huế, có thể cảm nhận được bằng thị giác qua trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng. 3

**Theo dõi**

3 Qua đoạn văn này, tác giả đã thể hiện tình cảm gì?

Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. Đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày, hoặc trên sân khấu nhà hát. Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm[3] của những mái chèo khuya. Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này với một phiến trăng sầu. Và từ đó, những bản đàn đã đi suốt đời Kiều. Tôi đã chứng kiến một người nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỉ, một buổi tối ngồi nghe con gái đọc *Kiều*: *Trong như tiếng hạc bay qua/ Đục như tiếng suối mới sa nửa vời*... Đến câu ấy, người nghệ nhân chợt nhổm dậy vỗ đùi, chỉ vào trang sách của Nguyễn Du mà thốt lên: "Đó chính là Tứ Đại Cảnh[4]!". 4

**Suy luận**

4 Bạn hiểu gì về mối quan hệ giữa sông Hương với Huế qua câu văn "Quả đúng như vậy ... của những mái chèo khuya"?

Rời khỏi Kinh thành, sông Hương chếch về hướng chính bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vỹ Dạ. Và rồi, như sực nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh[5] xưa cổ.

---

[1] Câu nói của Hê-ra-clít, nhà triết học Hy Lạp cổ đại: "Không ai có thể tắm hai lần trên một dòng sông", ngụ ý chỉ vạn vật trong tự nhiên luôn biến chuyển, không lặp lại.

[2] *Điệu slow*: điệu nhạc được tạo ra bởi cách phối hoà âm, có nhịp điệu chậm, dìu dặt.

[3] *Bán âm*: (hay *bán cung*) một nửa của một cung bậc âm thanh trong âm nhạc. Trong một quãng tám có mười hai bán cung, mở đầu là bậc một (tiếp theo là các bậc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy), kết thúc là bậc một của quãng tám tiếp theo; quãng tám gồm bảy bậc, nhưng có tám âm. Từ *bán âm* ở đây được sử dụng như một ẩn dụ để chỉ sự biến đổi tinh tế, khác thường của thanh âm, bắt nguồn từ đời sống nghệ thuật trên sông Hương của âm nhạc Huế.

[4] *Tứ Đại Cảnh*: tên một bản nhạc cổ của Huế, tương truyền do vua Tự Đức sáng tác.

[5] *Thị trấn Bao Vinh*: một thị trấn cổ ở Huế, thuộc xã Hương Vinh, huyện Hương Trà.

Đối với Huế, nơi đây chính là chỗ chia tay dõi xa ngoài mười dặm trường đình[1]. Riêng với sông Hương, vốn đang xuôi chảy giữa cánh đồng phù sa êm ái của nó, khúc quanh này thật bất ngờ biết bao. Có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây; và để nhân cách hoá nó lên, tôi gọi đây là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu. Và giống như nàng Kiều trong đêm tình tự, ở ngã rẽ này, sông Hương đã chí tình[2] trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả: *Còn non, còn nước, còn dài/ Còn về, còn nhớ*... Lời thề ấy vang vọng khắp lưu vực sông Hương thành giọng hò dân gian, ấy là tấm lòng người dân nơi Châu Hoá xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở.

*

* *

[...]

Sông Hương là vậy, là dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự hiến đời mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước. Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nắng đem áo ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa: màu áo điều lục[3] với loại vải vân thưa màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thuở ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng[4]. Đấy cũng chính là màu sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của tự nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông... 5

**Suy luận**

5 Bạn hiểu như thế nào về hình ảnh "sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc" trong đoạn này?

Có một dòng thi ca về sông Hương và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ. Mỗi nhà thơ đều có một khám phá riêng về nó: từ xanh biếc thường ngày, nó bỗng thay màu thực bất ngờ, *Dòng sông trắng – lá cây xanh*[5] trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà, từ tha thướt mơ màng nó chợt nhiên hùng tráng lên *như kiếm dựng trời xanh*[6] trong khí phách của Cao Bá Quát; từ nỗi quan hoài vạn cổ[7] với bóng chiều bảng lảng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan, nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn, trong thơ Tố Hữu. Và ở đây, một lần nữa, sông Hương quả thực là Kiều, rất Kiều, trong cái nhìn thắm thiết tình người của tác giả *Từ ấy*.

Có một nhà thơ từ Hà Nội đã đến đây, tóc bạc trắng, lặng ngắm dòng sông, [...] hỏi với trời, với đất, một câu thật bâng khuâng:

---

[1] *Trường đình*: ngôi nhà được dùng làm nơi uống rượu chia tay lần cuối cùng trên đường tiễn người đi xa.

[2] *Chí tình*: có tình cảm hết sức chân thành và sâu sắc.

[3] *Điều lục*: màu đỏ (*điều*) và màu xanh (*lục*), hai màu này thường đi đôi với nhau trong nghệ thuật hoà phối sắc màu của Huế.

[4] *Sương giáng*: tên gọi một trong hai mươi bốn ngày tiết trong năm, theo lịch cổ truyền của Trung Quốc, ứng với ngày 23 hoặc 24 tháng Mười dương lịch.

[5] *"Dòng sông trắng – lá cây xanh"*: câu thơ của Tản Đà được trích trong bài *Chơi Huế*.

[6] *"Như kiếm dựng trời xanh"*: nguyên văn được trích từ câu thơ chữ Hán của Cao Bá Quát "Trường giang như kiếm lập thanh thiên" (*Hiểu quá Hương Giang*), tạm dịch "*Dòng sông dài như lưỡi gươm dựng giữa trời xanh*" (*Buổi sáng qua sông Hương*).

[7] *Quan hoài vạn cổ*: nhớ về một thuở xa xưa.

*– Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

(Tóm tắt phần hai: *Những thành tựu khảo cổ học cho biết, sông Hương là một địa điểm có vị trí chiến lược quan trọng nơi biên giới phía nam của nước Việt cổ, từng chứng kiến nhiều chiến công chống xâm lược rất oanh liệt của nhân dân ta qua nhiều triều đại phong kiến.*

Tóm tắt phần ba: *Người làng Thành Trung có nghề trồng rau thơm. Ở đây có một huyền thoại kể rằng, vì yêu quý con sông xinh đẹp, nhân dân hai bờ sông Hương đã nấu nước của trăm loài hoa đổ xuống dòng sông cho làn nước thơm tho mãi mãi.*

*Ai đã đặt tên cho dòng sông? Có lẽ huyền thoại trên đã giải đáp câu hỏi ấy chăng?*)

(In trong *Tác phẩm văn học được giải thưởng Nhà nước – Hoàng Phủ Ngọc Tường, Tuyển tập*, tập một, NXB Hội Nhà văn, 2015, tr. 283 – 300)

## Sau khi đọc

1. Thực hiện các yêu cầu dưới đây:
   a. Chỉ ra bố cục của văn bản và nêu nội dung chính của từng phần.
   b. Nêu một số chi tiết cho thấy hình tượng sông Hương trong văn bản được miêu tả từ nhiều góc nhìn khác nhau (như góc nhìn thiên nhiên, góc nhìn lịch sử, góc nhìn văn hoá,...)
   c. Liệt kê một số từ ngữ, câu văn cho thấy cái tôi của tác giả trong văn bản.
   d. Phân tích vẻ đẹp của sông Hương được miêu tả qua một đoạn văn trong văn bản.
2. Chỉ ra yếu tố tự sự, yếu tố trữ tình và tác dụng của việc kết hợp hai yếu tố đó trong đoạn văn: "Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên ... chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng". Tìm và phân tích một vài đoạn khác trong văn bản có đặc điểm tương tự.
3. Phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.
4. Nêu nhận xét của bạn về cách trả lời câu hỏi "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" trong tác phẩm.
5. Nhận xét về cách thể hiện cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm.
6. Theo bạn, vai trò của sông Hương trong tư cách "người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở" được nói đến trong đoạn đầu có được thể hiện trong phần còn lại của văn bản hay không? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?
7. Việc tác giả có những phát hiện đặc biệt về sông Hương đã đem đến cho bạn bài học gì về cách quan sát, cảm nhận cuộc sống xung quanh?

❋ **Bài tập sáng tạo:** Làm một bài thơ, vẽ một bức tranh,... về hình tượng sông Hương (hoặc về sông núi quê hương của bạn).

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 tại thành phố Huế, quê ở huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ông là một nhà văn, đồng thời cũng là một nhà văn hoá và có sự gắn bó sâu sắc với Huế.

Ông có sở trường về tuỳ bút – bút kí. Các tác phẩm chính của ông: *Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu* (1971), *Rất nhiều ánh lửa* (1979), *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (1986), *Hoa trái quanh tôi* (1995), *Ngọn núi ảo ảnh* (1999),...



Hoàng Phủ Ngọc Tường

## VĂN BẢN 2

# CÕI LÁ

**Đỗ Phấn**

### Trước khi đọc

Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông mang đến cho thiên nhiên những cảnh sắc rất đặc trưng. Hãy nêu những dấu hiệu biến đổi của thiên nhiên khi thời tiết chuyển mùa mà bạn có ấn tượng sâu sắc.



*(Tranh do tác giả Đỗ Phấn cung cấp)*

### Đọc văn bản

Bẽ bàng mùa xuân đến muộn. Khi cái nắng đã chao chát trên những lộc non báo hiệu mùa hè, chẳng hiểu vì sao lòng người bỗng rộn ràng đến thế. Oà thức cùng với xôn xao lá cành. 1

**Theo dõi**

1 Bạn hiểu thế nào về từ "oà thức"?

Chín cây bồ đề trên đường Trần Nhân Tông làm thành một khoảng trời trong veo màu thạch lựu. Những chiếc lá non đu đưa trong gió tưởng như có tiếng chuông chùa huyền hoặc vọng về từ cõi thanh cao u tịch. Những đứa trẻ tan trường ríu rít dưới gốc cây như những thiên thần bước ra từ lá. Nhiều người Hà Nội chẳng có việc gì cũng vòng xe qua đoạn phố đông mà chật chội [...] này chỉ để ngắm nhìn một chút sắc lá ngọt ngào như mật chảy tháng Giêng.

Nhìn chung thì vòng đời của một chiếc lá bồ đề dù được mọc ra từ Hà Nội hay ở nơi Phật tổ Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp cũng chỉ kéo dài không đến một năm. Có rất nhiều loài cây trong phố có một vòng đời như vậy. Và hình như đó cũng là một đặc trưng của cây Hà Nội. Làm nên mùa lá rụng kéo dài suốt từ thu sang đông. Nó làm cho người đi xa nhớ về và người Hà Nội thì thao thiết đợi chờ những khoảnh khắc nghỉ ngơi thần trí trong cái biển người chộn rộn áo cơm này.

Cô em gái của tôi sống xa Tổ quốc đã hai chục năm có lẻ. Mỗi lần gọi điện về, nó lại hỏi con đường ven Hồ Gươm mùa này lá đã rụng? Lạ thế! Mùa nào cũng hỏi như vậy. Làm cho người ở nhà thấy thương. Cứ trả lời bừa rằng đang ngổn ngang vàng rượi sắc lá ven hồ. Lá của những cây sấu cổ thụ ở phía đường Đinh Tiên Hoàng. Lá bằng lăng, lá bàng đỏ chói trên đường Lê Thái Tổ. Thực ra thì chưa bao giờ những loại lá ấy rụng cùng một lúc với nhau. Cây cơm nguội vàng và cây bàng lá đỏ... nhiều khi rụng lá cách nhau cả đến... một mùa thu!

Những tưởng vô duyên đến như cây xà cừ là cùng. Cứ như người đàn bà phổng phao nhạt hoét. Chỉ được mỗi ưu điểm về kích thước. Và cũng lại là nhược điểm. Mùa mưa bão rất mất công cắt tỉa bớt cành phòng khi bị đổ. Nhưng không hẳn thế. Thân hình cường tráng và lá cành rậm rạp đến thế của cây lại vô cùng yếu mềm trước một heo may đến sớm. Ngập cả lối đi những lá xanh chen lẫn lá vàng làm nên một mùa thu quyến rũ từng bước chân người.

[...]

Miên man trong cõi lá mùa xuân thành phố, gương mặt ai ai cũng như có phần trẻ lại. Hay tự nhận rằng mình như thế? 2

**Suy luận**

2 *Cõi lá* đã làm nổi bật nét đặc trưng gì của cảnh sắc Hà Nội?

3/2008

(In trong *Hà Nội thì không có tuyết*, NXB Trẻ, 2013, tr. 64 – 66)

Chân trời sáng tạo

## Sau khi đọc

1. Xác định bố cục của văn bản và cho biết bố cục ấy đã thể hiện đặc điểm nào của thể loại.
2. Bạn hiểu như thế nào là "cõi lá"? Qua "cõi lá" ấy, tác giả đã phát hiện ra điều gì về mối liên hệ giữa cây, lá với con người?
3. Phân tích một vài đoạn văn có sự kết hợp giữa tự sự với trữ tình / nghị luận hoặc miêu tả thiên nhiên với miêu tả con người và làm rõ tác dụng của sự kết hợp ấy trong văn bản.
4. Qua việc đọc tản văn *Cõi lá*, bạn hãy nêu một số lưu ý khi đọc hiểu các văn bản thuộc thể loại này.
5. Xác định chủ đề, đánh giá ý nghĩa thông điệp của văn bản.
6. Chỉ ra một vài biểu hiện của nét đẹp văn hoá được thể hiện trong văn bản.

Đỗ Phấn sinh năm 1956 tại Hà Nội. Ông viết văn từ khi còn là học sinh phổ thông, nhưng lớn lên lại theo học hội hoạ, thành danh trước hết từ hội hoạ. Ông trở lại con đường viết văn khoảng từ năm 2005, với những tản văn về Hà Nội. Cho đến nay, Đỗ Phấn đã xuất bản 11 tiểu thuyết, 4 truyện ngắn và 12 tản văn. Hà Nội là một đề tài lớn trong sáng tác của ông.



Đỗ Phấn

## ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

# CHIỀU XUÂN

**Anh Thơ**

### Đọc văn bản

Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.

Ngoài đường đê cỏ non tràn biếc cỏ,
Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ;
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió,
Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng,
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm
Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(In trong *Hoài Thanh, Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam* 1932 – 1941, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 197 – 198)

Chân trời sáng tạo

## Sau khi đọc

1. Bức tranh "chiều xuân" qua ngòi bút của thi sĩ Anh Thơ hiện lên có gì đặc biệt? Hãy chỉ ra một số hình ảnh, chi tiết tiêu biểu làm nên nét riêng của bức tranh đồng quê ấy.
2. Nhịp điệu của bài thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện vẻ đẹp đặc trưng của bức tranh chiều xuân ở thôn quê?
3. Trong nhịp sống hối hả của cuộc sống hiện đại, bức tranh quê trong bài thơ đem đến cho bạn suy nghĩ gì?

### THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chọn ba chú thích giải thích nghĩa của từ trong văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) và cho biết mỗi chú thích đã giải nghĩa từ theo cách nào.
2. Xác định cách giải thích nghĩa của từ được dùng trong những trường hợp sau:

   a. *Lâu bền:* lâu dài và bền vững.

   b. *Dềnh dàng:* chậm chạp, không khẩn trương, để mất nhiều thì giờ vào những việc phụ hoặc không cần thiết.

   c. *Đen nhánh:* đen và bóng đẹp, có thể phản chiếu ánh sáng được.

   d. *Tê* (từ ngữ địa phương): kia.

   đ. *Kiến thiết: kiến* (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là "xây dựng, chế tạo", *thiết* (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là "bày ra, sắp đặt"; *kiến thiết* có nghĩa là xây dựng (theo quy mô lớn).
3. Điền các từ *đăm đăm, giao thương, nghi ngại* vào chỗ trống tương ứng với phần giải thích nghĩa phù hợp (làm vào vở):

   a. .....: giao lưu buôn bán nói chung.

   b. .....: nghi ngờ, e ngại; chưa dám có thái độ, hành động rõ ràng.

   c. .....: có sự tập trung chú ý hay tập trung suy nghĩ rất cao, hướng về một phía hay một cái gì đó.
4. Theo bạn, phần giải thích nghĩa các từ *ấp iu* và *âm u* dưới đây đã chính xác chưa? Vì sao?

   a. *Ấp iu:* ôm ấp.

   b. *Âm u:* tối tăm.
5. Giải thích nghĩa của từ in đậm trong các câu sau và cho biết bạn đã chọn cách giải thích nghĩa nào:

   a. *Những ngọn đồi này tạo nên những mảng* ***phản quang*** *nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, "sớm xanh, trưa vàng, chiều tím" như người Huế thường miêu tả.*

   (Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*)

Bản quyền thuộc về Cánh Diều

b. *Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương toả đi khắp phố thị, với những cây đa, cây cừa cổ thụ toả vầng lá u sầm xuống những xóm thuyền* ***xúm xít****; từ những nơi ấy, vẫn* ***lập loè*** *trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được.*

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*)

c. *Những chiếc lá non đu đưa trong gió tưởng như có tiếng chuông chùa* ***huyền hoặc*** *vọng về từ cõi thanh cao u tịch.*

(Đỗ Phấn, *Cõi lá*)

6. Giải thích nghĩa của những từ sau và xác định cách giải thích nghĩa đã dùng:

a. *bồn chồn*

b. *trầm mặc*

c. *viễn xứ*

d. *nhạt hoét*

Đặt câu với các từ trên.

## ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

### TRĂNG SÁNG TRÊN ĐẦM SEN

(Trích)

**Chu Tự Thanh**[1]

Mấy hôm nay cảm thấy trong lòng bồn chồn không yên. Tối nay hóng mát ngoài sân nhà, bất chợt nhớ đến đầm sen mà ngày nào cũng đi qua, trong đêm trăng đầy đặn như thế này, có lẽ đầm sen sẽ khác hẳn ngày thường chăng. Vầng trăng đang từ từ nhô lên, đã không còn nghe thấy tiếng nô đùa của bọn trẻ chơi trên đường cái bên ngoài bức tường; vợ đang vỗ về thằng Nhuận trong nhà, vừa hát ru, vừa gật gù. Tôi liền nhè nhẹ khoác chiếc áo khoác lên mình, khép cửa đi ra ngoài.

[...]

Trên đường chỉ có mỗi mình tôi, tôi vừa vắt tay ra đằng sau lưng vừa rảo bước. Tôi cảm thấy đất trời này là thuộc về tôi; tôi dường như đã thoát khỏi bản thân vào lúc bình thường, như bước vào một thế giới khác hẳn. Tôi thích ồn ào, cũng thích yên tĩnh; thích lúc đông vui, cũng ưa lúc một mình. Như trong đêm nay, một mình đi dưới ánh trăng mênh mang, tôi có thể suy tư bất cứ điều gì, và cũng có thể không suy nghĩ gì cả, thế là tôi cảm thấy mình là con người tự do. Ban ngày có những việc bắt buộc phải làm, những điều bắt buộc phải nói, thì lúc này đây, có thể bỏ mặc tất cả. Đây chính là cái hay của lúc đơn độc một mình; tôi có thể tận hưởng khung cảnh trăng sáng đầm sen trước mắt.

Trên mặt đầm sen quanh co uốn khúc là những tán lá sen san sát. Lá sen nhô lên mặt nước rất cao, như là váy của nàng vũ nữ yêu kiều. Những bông sen màu trắng

[1] *Chu Tự Thanh* (1891 – 1948) người Dương Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc; là nhân sĩ yêu nước nổi tiếng. Về sáng tác văn học, ông được biết đến chủ yếu bởi những bài tản văn đặc sắc như: *Tấm lưng, Trăng sáng trên đầm sen, Màu xanh,...*

lốm đốm tô điểm trên những lớp lá sen, có bông vừa dịu dàng hé nở, có bông còn e thẹn chúm chím, chúng như những hạt ngọc châu, lại như những cánh sao trên bầu trời đêm thăm thẳm, hoặc lại như những cô gái xinh đẹp vừa tắm xong. Một làn gió nhẹ thổi qua, đưa hương thơm man mác, thoang thoáng như tiếng hát trên toà nhà cao tầng từ xa vọng tới. Giây phút này, lá và hoa dường như có chút rung động, như tia chớp truyền khắp đầm sen trong nháy mắt. Những tán lá sen vốn dựa vào nhau dày đặc, lúc này như có vết rạn màu xanh. Dưới những tán lá sen là dòng nước chảy lặng lẽ, đã bị che lấp, không còn nhìn thấy màu sắc của nó; thế nhưng lá sen trong gió lại càng trở nên duyên dáng.

Ánh trăng như nước chảy, lặng lẽ toả xuống mặt lá sen và hoa sen. Lớp sương mong mỏng phủ trên đầm sen. Lá sen và hoa sen như vừa được tắm gội bằng sữa bò, lại như được bao trùm trong giấc mộng bằng dải lụa mỏng. Tuy vầng trăng đầy đặn, nhưng bầu trời vẫn bị lớp mây mỏng che phủ, cho nên không được sáng tỏ cho lắm. Nhưng tôi cảm thấy như vậy là vừa phải – ngủ say là việc không thể thiếu được, nhưng chợp mắt cũng cảm thấy dễ chịu khác thường. Ánh trăng xuyên qua kẽ lá từ trên những rặng cây cao rọi xuống, bóng lá cây màu đen loang lổ từng lớp trông như ma; hình bóng của những cành liễu thưa thớt, cong cong, như vẽ lên mặt lá sen. Ánh trăng trên đầm sen không đồng đều, thế nhưng giữa ánh sáng và hình bóng tạo nên một giai điệu hài hoà, như bản nhạc vi-ô-lông (violin) nổi tiếng.

Xung quanh đầm sen từ xa đến gần, từ cao đến thấp đều là cây cối, trong đó cây dương liễu là nhiều nhất. Các loại cây cối rậm rạp vòng trong vòng ngoài bao quanh cả đầm sen; chỉ có ven đường là còn mấy chỗ trống, như cố tình để dành lại cho ánh trăng vậy. Màu sắc của cây đều âm u, thoạt nhìn như những làn khói; thế nhưng dáng dấp của dương liễu có thể nhận ra ngay từ trong làn khói đó. Trên ngọn cây là dãy núi xa xa lúc ẩn lúc hiện, chỉ là đường viền của núi mà thôi. Giữa những hàng cây cũng có ánh sáng của mấy ngọn đèn đường, nhưng trông có vẻ uể oải, như con mắt của người đang ngái ngủ. Lúc này, nơi ồn ào nhất phải nói là tiếng ve kêu trên cây và tiếng ếch kêu dưới nước; thế nhưng chúng ồn ào mặc chúng, còn tôi thì lòng trống rỗng.

Bất chợt nhớ lại quang cảnh hái sen. Hái sen là tập tục của vùng Giang Nam[1] đã có từ lâu, nhưng thịnh hành vào thời Lục Triều[2], có thể tìm hiểu đôi chút từ những vần thơ. Hái sen là việc của các thiếu nữ, các nàng thường vừa chèo thuyền vừa cất tiếng hát đi hái sen. Các nàng hái sen không cần phải nói nhiều, bởi còn nhiều người đến xem cảnh hái sen. Đó là mùa nhộn nhịp nhất, mà cũng là mùa lãng mạn nhất.

[...]

(Nhiều tác giả, *Những câu chuyện đi cùng năm tháng*,
Ngọc Ánh biên dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2014, tr. 16 – 19).

## Hướng dẫn đọc

1. Chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh gợi tả vẻ đẹp hoà hợp giữa ánh trăng với hoa lá trên đầm sen.

[1] *Giang Nam*: vùng đất nằm ở phía nam của hạ lưu sông Trường Giang (Trung Quốc).
[2] *Lục Triều*: sáu triều đại của Trung Quốc, từ năm 220 đến năm 589.

2. Nêu một vài chi tiết cho thấy sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình; cho biết tác dụng của sự kết hợp ấy trong văn bản.
3. Người viết tuỳ bút, tản văn thường có những liên tưởng, biểu cảm bất ngờ và thú vị. Nêu dẫn chứng trong văn bản cho thấy đặc điểm đó.
4. Theo bạn, cảm hứng chủ đạo của văn bản trên là gì?
5. Trình bày đặc điểm của thể loại tản văn được thể hiện qua văn bản *Trăng sáng trên đầm sen*.

### TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Từ việc đọc các văn bản trên, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) để chia sẻ về một thông điệp có ý nghĩa nhất mà em nhận được từ thiên nhiên. Sau đó, chọn một từ bất kì trong đoạn văn để giải thích nghĩa và xác định cách giải thích đã dùng.



## VIẾT

## VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH CÓ LỒNG GHÉP MỘT HAY NHIỀU YẾU TỐ NHƯ MIÊU TẢ, TỰ SỰ, BIỂU CẢM, NGHỊ LUẬN

**Kiểu bài:** *Thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận* là kiểu bài thông tin tổng hợp, sử dụng kết hợp nhiều yếu tố, phương tiện để miêu tả, giải thích làm rõ đặc điểm của một đối tượng hoặc một quy trình hoạt động, giúp người đọc hiểu rõ về đối tượng hay quy trình hoạt động ấy.

**Yêu cầu đối với kiểu bài:**

- Nêu được đối tượng hay quy trình cần thuyết minh.
- Làm rõ các đặc điểm của đối tượng/ các bước thực hiện hay các công đoạn trong việc thực hiện quy trình.
- Lồng ghép được một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lí.
- Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ phù hợp.
- Bố cục đảm bảo ba phần:

*Mở đầu:* Nêu nhan đề bài viết và giới thiệu đối tượng/ quy trình cần thuyết minh.

*Nội dung chính:* Lần lượt thuyết minh về các đặc điểm của đối tượng hay các bước của quy trình hoạt động. Trong khi thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và có thể kết hợp sử dụng một số phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ làm rõ nội dung thuyết minh.

*Kết thúc:* Khẳng định giá trị của đối tượng/ quy trình trong đời sống hoặc nêu tác dụng của việc nhận thức đúng về đối tượng/ quy trình.

Chân trời sáng tạo

## Đọc ngữ liệu tham khảo

### Quy trình làm một chiếc nón lá

Cùng với áo dài, nón lá đã tạo nên nét đẹp đặc biệt, trở thành biểu tượng cho người phụ nữ Việt Nam. Nón lá xuất hiện từ khá lâu đời, cho đến thời điểm hiện tại, nón lá vẫn hiện diện trong cuộc sống hằng ngày và nghề làm nón tiếp tục được duy trì, phát triển. Nón lá không chỉ xuất hiện trong sinh hoạt đời thường mà còn đi vào thơ ca, nhạc, hoạ. Để tạo ra một chiếc nón đẹp, giản dị mà tinh tế như thế, người thợ phải thực sự khéo léo, tỉ mỉ và mất khá nhiều thời gian, công sức.[1]

**Chọn nguyên liệu làm lá nón**[2a]

Nón lá được làm bằng các loại lá khác nhau như lá cọ, lá buông[1], lá nón, lá dừa,... Hai loại lá chính dùng làm nón là lá dừa và lá nón[2].

– Lá dừa: Loại lá tốt nhất bạn phải mua từ miền Nam. Lá được chuyển về thường là lá thô, người thợ phải xử lí cẩn thận qua lưu huỳnh. Như thế, lá có độ bền cũng như màu sắc đẹp nhất.[3a]

– Lá nón: Lá nón có nhiều ưu thế trong việc tạo độ bóng, do đó, để có được chiếc nón hoàn hảo, bạn nên chọn lá nón. Chọn loại lá non vừa độ, phần gân lá có màu xanh, lá màu trắng xanh. Nếu như lá trắng và gân lá cũng trắng, chứng tỏ chiếc lá đó đã già, làm nón sẽ không được đẹp.[3b] Sau đó sấy khô, tẩm theo đúng quy trình. Việc sấy khô được tiến hành trên bếp than bằng cách sử dụng một bùi vải đặt lên bếp than có độ nóng vừa phải hoặc dùng gang nóng bọc trong túi vải để ủi từng chiếc lá cho phẳng.[5a] Lá có phẳng, chằm[3] nón mới đẹp. Sau khi sấy xong, phơi sương khoảng hai đến bốn giờ cho lá bớt độ cứng và giòn.[3c]

**Dựng khuôn nón**[2b]



(*nem-vn.net/vi/741*)

[1]: Giới thiệu đối tượng của bài thuyết minh.

[2a], [2b], [2c], [2d]: Giới thiệu các công đoạn làm ra sản phẩm.

[3a], [3b], [3c], [3d], [3đ]: Giới thiệu nguyên liệu làm ra sản phẩm.

[1] *Cây buông*: cây lá kè.
[2] Nguyên liệu làm nón, có thể mỗi vùng sử dụng một loại lá khác nhau.
[3] *Chằm*: khâu, may.

Người thợ làm nón sẽ chuốt từng nan tre (hoặc trúc, giang,…) sao cho chúng có kích thước tròn đều và thường chỉ nhỉnh hơn que tăm một chút.[3d] Uốn nan tre thành từng vòng tròn, có kích thước từ nhỏ đến lớn xếp vào khung có hình chóp nhọn, dựng thành khuôn nón.[5b] Vòng nhỏ nhất có đường kính khoảng hơn 1 cm, vòng lớn nhất là vành nón, đường kính khoảng 50 cm. Nan vành nón có kích thước lớn hơn cả, tạo độ cứng cáp cho chiếc nón. Toàn bộ khung chiếc nón lá có mười sáu vòng. Các vòng nón đều phải tròn trặn, mịn màng, bóng chuốt. Quy trình ấy gợi nhớ đến dòng thơ lục bát quen thuộc của tác giả Tố Hữu: "*Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang*" (*Việt Bắc*).[4a]

**Lợp lá nón**[2c]

Sau khi đã dựng được khuôn nón, sẽ đến khâu lợp lá nón. Khâu này đòi hỏi phải thực hiện khá đều tay, sao cho các phiến lá chồng lên nhau không bị xô lệch. Mỗi loại nón sẽ có độ dày mỏng khác nhau, tạo nên nét đặc trưng và cũng là nét đẹp rất riêng.[6a] Chiếc nón bài thơ xứ Huế được tạo nên với hai lớp: lớp trong gồm hai mươi lá, lớp ngoài cùng gồm ba mươi lá và lớp bài thơ được đặt nằm ở giữa. Khi xếp lá, người thợ phải khéo léo sao cho lúc chêm lá không bị chồng lên thành nhiều lớp, để nón đạt được độ thanh và mỏng. Soi lên ánh nắng, ta đọc được bài thơ, nhìn thấy một đoá hoa hay hình cầu Tràng Tiền, chùa Thiên Mụ. Chính những chi tiết này đã tạo nên nét đặc trưng cho nón bài thơ, khiến du khách cảm thấy thú vị, say mê và một khi đã đến Huế không thể không mua về làm quà. Nón bài thơ tạo nên nét lãng mạn và nét đẹp rất riêng của con người xứ Huế.[4b]

**Chằm nón**[2d]

Nón được chằm bằng những sợi cước dẻo dai, săn chắc, có màu trắng trong suốt.[3d] Chiếc nón lá được tạo nên đẹp mắt hay không phụ thuộc vào sự điêu luyện của đôi tay người thợ và đặc biệt là cần phải đẹp từ đường kim mũi chỉ, tạo cảm giác đều đặn, dễ chịu,…[6b] Dường như người làm nón muốn gửi gắm trong đó bao nâng niu, yêu mến của mình.[4c] Khi nón đã chằm hoàn tất, người ta đính thêm vào chóp nón một cái "xoài" được làm bằng chỉ bóng láng để làm duyên cho chiếc nón. Sau đó phủ lên nón vài lớp dầu thông, phơi đủ nắng, nón sẽ vừa đẹp vừa bền.[5c]

Từ vành nón, khoảng nan thứ ba và thứ tư, người thợ sẽ dùng chỉ kết nhôi, đối xứng hai bên để buộc quai. Quai nón thường được làm bằng lụa, the, nhung,… với các màu sắc như tím, hồng đào, xanh thiên lí,… càng làm tăng thêm nét duyên tươi thắm cho người đội nón.[4d]

Chiếc nón lá giản dị, thân thuộc với đời sống của người dân Việt Nam, đồng thời góp phần tô điểm cho vẻ đẹp dịu dàng của người phụ nữ. Ở nước ta, Huế chính là vùng đất có nhiều nghệ nhân làm nón nhất và những chiếc nón được tạo ra ở đây cũng đẹp nhất; nó khá nhẹ nhàng, thanh thoát giống như những người phụ nữ mỏng manh, yếu đuối mà vẫn cố gắng che chở cho người khác. Nón lá đã trở thành một biểu tượng của văn hoá dân tộc.[7]

(Nhóm biên soạn tổng hợp từ *https://sentayho.com.vn*)

[4a], [4b], [4c], [4d]: Yếu tố biểu cảm được sử dụng lồng ghép vào quá trình thuyết minh.

[5a], [5b], [5c]: Miêu tả chi tiết các thao tác của quy trình.

[6a], [6b]: Yếu tố nghị luận.

[7]: Đánh giá và nêu cảm nhận chung về đối tượng.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Từng phần mở đầu, nội dung chính, kết thúc của bài viết trên đã đáp ứng yêu cầu của kiểu bài thuyết minh như thế nào?
2. Nội dung thuyết minh về quy trình làm một chiếc nón lá được sắp xếp theo trình tự nào? Tác dụng của việc sắp xếp nội dung thuyết minh theo trình tự ấy là gì?
3. Các yếu tố miêu tả có tác dụng như thế nào trong một bài thuyết minh về quy trình hoạt động; chỉ ra một số chi tiết cho thấy bài viết tham khảo có sử dụng yếu tố này.
4. Các yếu tố nghị luận và biểu cảm sử dụng đan xen trong bài viết có tác dụng gì?
5. Bài viết trên sử dụng loại phương tiện phi ngôn ngữ nào? Tác dụng của phương tiện ấy trong bài viết là gì?
6. Từ bài viết, bạn rút ra được những lưu ý gì khi viết bài thuyết minh về một quy trình có sử dụng kết hợp một hay nhiều yếu tố như miêu tả, biểu cảm, nghị luận?

## Thực hành viết theo quy trình

**Đề bài:**

Viết bài thuyết minh về một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng mà bạn quan tâm. Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

***Bước 1: Chuẩn bị viết***

**Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc**

• Đề tài của bài thuyết minh về quy trình / đối tượng cần đáp ứng các yêu cầu sau:

– Là quy trình/ đối tượng mà bạn hiểu rõ, thuận lợi cho việc thuyết minh.

– Được nhiều người quan tâm.

– Có điểm riêng, hấp dẫn.

• Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc bằng cách trả lời các câu hỏi:

– Văn bản này viết ra nhằm mục đích gì?

– Người đọc văn bản này là ai?

**Thu thập tư liệu**

Phạm vi lựa chọn của bạn cần giới hạn ở một nội dung. Ví dụ, bạn có thể lựa chọn thuyết minh về quy trình chế biến bánh trung thu.

Sau khi chọn được đối tượng/quy trình hoạt động cần thuyết minh, bạn hãy vận dụng các kĩ năng thu thập tư liệu đã được giới thiệu ở các lớp trước để thực hiện thao tác này.

*Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*

**Tìm ý**

Bạn nên quan sát, tiếp cận trực tiếp đối tượng hoặc theo dõi quy trình cần thuyết minh, kết hợp thu thập những thông tin trên sách, báo, các phương tiện truyền thông. Chẳng hạn như thuyết minh về quy trình làm bánh trung thu, bạn có thể tìm ý theo các vấn đề gợi ý sau:

– Lịch sử ra đời của bánh trung thu.

– Nguyên liệu.

– Các bước làm bánh.

– Yêu cầu thành phẩm.

– Ý nghĩa của bánh trung thu trong đời sống văn hoá của người Việt Nam.

– ...

**Lập dàn ý**

Sắp xếp các ý theo một trật tự hợp lí. Cụ thể là:

*Mở bài:* Giới thiệu quy trình/đối tượng và lí do cần thuyết minh.

*Thân bài:*

– Tổng quan về đối tượng/quy trình cần thuyết minh.

– Trình bày những đặc điểm cụ thể của đối tượng hoặc các bước/công đoạn của một quy trình (nguyên liệu thực hiện, các bước tiến hành, yêu cầu thành phẩm, ý nghĩa,...).

– Miêu tả chi tiết một vài đặc điểm, một vài công đoạn độc đáo, đặc sắc hoặc lồng ghép các nhận xét, đánh giá, bày tỏ cảm xúc.

Ví dụ: Thuyết minh về quy trình thu hoạch và chế biến cà phê, có thể gồm các ý sau:

– Giới thiệu cây cà phê ở Việt Nam.

– Cách thu hoạch cà phê trên cây.

– Các hình thức chế biến hạt cà phê.

– Kĩ thuật bảo quản hạt cà phê.

– Cà phê trong đời sống ẩm thực của người Việt Nam.

– ...

*Kết bài:* Đánh giá về đối tượng/quy trình thuyết minh.

Chân trời sáng tạo

*Bước 3: Viết bài*

Tuỳ vào đối tượng/quy trình thuyết minh, lựa chọn các bước thuyết minh hợp lí. Chung quy, khi viết bài văn thuyết minh cần phải đáp ứng các yêu cầu:

• Bám sát đối tượng/quy trình cần thuyết minh.

• Làm sáng tỏ các đặc điểm của đối tượng/quy trình bằng cách giới thiệu, miêu tả, giải thích. Sắp xếp nội dung thuyết minh theo một trình tự hợp lí. Chú ý lựa chọn ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ trình bày phù hợp với từng nội dung thuyết minh. Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ như: sơ đồ, hình ảnh, mô hình,... để tăng tính trực quan, sinh động, hấp dẫn.

• Đưa ra những nhận xét, đánh giá đảm bảo tính khách quan, xác thực, phù hợp với đối tượng/quy trình.

• Thông tin cần chính xác, phong phú, đa dạng; lồng ghép nghị luận và biểu cảm để bài thuyết minh không bị khô khan.

• Lưu ý tránh các lỗi chính tả, dùng từ, viết câu, liên kết câu/đoạn.

*Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa*

Đọc lại bài viết của mình và tự đánh giá, chỉnh sửa theo bảng kiểm sau:

**Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản thuyết minh về một đối tượng/ quy trình hoạt động**

| Nội dung kiểm tra | | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| ***Mở đầu*** | Giới thiệu đối tượng/ quy trình thuyết minh. | | |
| ***Nội dung chính*** | Miêu tả bao quát đối tượng/ quy trình. | | |
| | Trình bày từng phương diện của đối tượng/ quy trình thuyết minh theo một trình tự hợp lí (trước – sau; trên – dưới; trong – ngoài; khái quát – cụ thể;...). | | |
| | Tập trung giới thiệu một vài điểm đặc sắc nhất của đối tượng/ quy trình. | | |
| | Làm rõ vai trò, giá trị, ý nghĩa của đối tượng/ quy trình. | | |
| ***Kết thúc*** | Đánh giá chung và nêu cảm nhận về đối tượng/ quy trình thuyết minh. | | |

Chân trời sáng tạo

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***Kĩ năng trình bày, diễn đạt*** | Trình bày các ý mạch lạc, hệ thống. | | |
| | Sử dụng lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để làm tăng hiệu quả thuyết minh. | | |
| | Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ nội dung thuyết minh. | | |
| | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu, liên kết câu/đoạn. | | |



## NÓI VÀ NGHE

# GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC HOẶC MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN

**Đề tài:**

Giới thiệu và làm rõ giá trị của một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật mà bạn yêu thích.

*Bước 1: Chuẩn bị nói*

**Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói**

• Đề tài: Giới thiệu về một tác phẩm văn học (tuỳ bút, tản văn, bài thơ,...) hoặc tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc, điêu khắc,...) theo lựa chọn cá nhân.

• Mục đích nói: Giúp người nghe nắm bắt một số thông tin chính về tác phẩm để họ có thể cập nhật thông tin, chủ động tìm hiểu, thưởng thức,... Ngoài những mục đích trên, bài nói của bạn còn có mục đích nào khác nữa?

• Đối tượng người nghe: Ngoài bạn bè, thầy, cô giáo, bạn còn muốn trình bày bài nói với ai?

• Không gian và thời gian nói: Không gian trình bày ở đâu?, Bạn sẽ nói trong bao lâu?,...

**Tìm ý và lập dàn ý**

**Tìm ý**

Để tìm ý cho bài nói, bạn nên:

• Chọn một tác phẩm văn học (tuỳ bút, tản văn, bài thơ,...) hoặc tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc, điêu khắc,...) mà bạn yêu thích.

• Tìm hiểu kĩ tác phẩm. Có thể tham khảo thêm một số tư liệu liên quan đến tác giả, hoàn cảnh ra đời, vị trí của tác phẩm, đánh giá của các nhà chuyên môn,...

• Ghi chú lại những thông tin sau:

– Tên tác phẩm nghệ thuật, thể loại; tên tác giả; tên nhà xuất bản/đạo diễn/ hoạ sĩ/ nhạc sĩ,...; năm xuất bản/sản xuất/sáng tác,...

– Một số đặc điểm về nội dung, hình thức nghệ thuật, chủ đề và thông điệp của tác phẩm, trong đó đặc biệt lưu ý:

Đối với *tác phẩm văn học*, cần giới thiệu về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Ví dụ: Khi giới thiệu một tác phẩm tản văn hay tuỳ bút từ bài học này, bạn có thể tóm tắt những tình cảm, suy tư, nhận thức của tác giả về hình ảnh con người, sự việc được miêu tả trong tác phẩm và một số nét đặc sắc nghệ thuật như sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình,...

Đối với *tác phẩm nghệ thuật*, bạn cần giới thiệu về đặc điểm nội dung và nghệ thuật dựa trên đặc trưng loại hình của tác phẩm như:

+ *Tác phẩm điện ảnh*: bối cảnh xảy ra câu chuyện, cốt truyện, nhân vật, diễn viên (đặc biệt là diễn viên chính), âm thanh, hình ảnh, ánh sáng, góc quay,...

+ *Tác phẩm hội hoạ*: hình ảnh con người hoặc sự vật được thể hiện trong tác phẩm, không gian xung quanh, đường nét và hình khối, bố cục, màu sắc, kích thước, tỉ lệ, chất liệu,...

+ *Tác phẩm âm nhạc*: nội dung bản nhạc / bài hát, ca từ, giai điệu, tiết tấu, hoà âm, nghệ thuật trình bày / biểu diễn của nghệ sĩ/ ca sĩ,...

+ *Tác phẩm điêu khắc*: hình ảnh con người hoặc sự vật được khắc hoạ trong tác phẩm, phối cảnh đặt để, trưng bày tác phẩm, mảng khối, bố cục, kích cỡ, chất liệu,...

– Nhận xét, đánh giá điều bạn yêu thích/không thích về tác phẩm (chọn ít nhất một yếu tố nào đó của tác phẩm để nhấn mạnh), cảm xúc/tâm trạng khi đọc/xem/ nghe tác phẩm.

– Cách thức thể hiện bài trình bày, ví dụ như đóng vai, đọc thơ, biểu diễn một phân đoạn nào đó của tác phẩm.

– Ý tưởng về việc sử dụng phương tiện trực quan hỗ trợ cho bài giới thiệu, ví dụ: máy chiếu; hình ảnh minh hoạ cho tác phẩm; đoạn phim/đoạn nhạc được cắt ra từ tác phẩm, trang phục biểu diễn,...

Chân trời sáng tạo

**Lập dàn ý**

Về nội dung thuyết trình, bạn có thể phác thảo dàn ý theo những gợi ý dưới đây:

**PHIẾU GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT**

Tên tác phẩm văn học/ nghệ thuật: ..... Thể loại: .....

Tên tác giả: .....

**1. Lí do chọn giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật:**

.....

**2. Nội dung giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật:**

– Giới thiệu tóm tắt về nội dung và nghệ thuật:

.....

– Giới thiệu về chủ đề, thông điệp của tác phẩm:

.....

**3. Trình bày một số ý kiến nhận xét, đánh giá/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc/ xem/ nghe tác phẩm:**

.....

**Luyện tập**

Khi luyện tập, bạn nên đối chiếu dàn ý bài nói với bảng kiểm. Để phần trình bày đạt hiệu quả tốt nhất, bạn nên:

• Mở đầu ngắn gọn, hấp dẫn, gợi hứng thú; kết thúc ấn tượng, đặc sắc, tạo dư âm.

• Lựa chọn từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, sinh động; giải thích rõ những từ ngữ khó.

• Nắm vững bố cục bài trình bày, dùng từ ngữ chuyển tiếp giữa các phần để người nghe dễ theo dõi.

• Trích dẫn một số câu văn/thơ, lời thoại giữa các nhân vật, ca từ, phân cảnh/ phân đoạn ấn tượng trong tác phẩm điện ảnh/âm nhạc, trình chiếu hình ảnh của tác phẩm hội hoạ, điêu khắc để làm rõ nội dung giới thiệu.

• Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (phương tiện hỗ trợ trình bày, phương tiện ngôn ngữ hình thể) để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho bài trình bày.

• Sử dụng một số kĩ thuật như: cách phát âm, sự nhấn mạnh, tốc độ nói, chỗ ngừng nghỉ,...

• Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể trao đổi.

*Bước 2: Trình bày bài nói*

• Tạo không khí và mối quan hệ gần gũi, thân thiện, lịch sự với người nghe.

• Sử dụng thẻ ghi chú ghi lại những từ ngữ quan trọng; sắp xếp các thẻ ấy hợp lí để hỗ trợ người nghe theo dõi phần trình bày.

• Sử dụng cách xưng hô và các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp, thể hiện sự quan tâm đến người nghe, mời gọi người nghe tương tác với mình trong khi nói.

• Nói bằng giọng tự tin, rõ ràng, rành mạch, có cảm xúc.

*Bước 3: Trao đổi, đánh giá*

**Trao đổi**

• Trong vai trò người nghe: Thể hiện thái độ lắng nghe chăm chú, nghiêm túc bằng những tín hiệu không lời (ánh mắt, cái gật đầu, nụ cười,...); nêu rõ những điểm thú vị trong câu chuyện của người nói; phản hồi lịch sự với người nói về những nội dung chưa hiểu rõ, những vấn đề mà bạn cho là chưa hợp lí, chưa đồng tình.

• Trong vai trò người nói: Kiên nhẫn chờ đến lượt lời của bạn; tránh chỉ trích gay gắt, trao đổi trên tinh thần xây dựng; tôn trọng ý kiến của người khác; giải thích rõ hơn về những điều mà người nghe chưa hiểu về bài trình bày của bạn hoặc khác quan điểm với bạn (nếu có); cầu thị và ghi chép tóm lược câu hỏi hoặc góp ý của người nghe.

**Đánh giá**

Bạn có thể sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá lẫn nhau:

**Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu một tác phẩm văn học/ nghệ thuật**

| Nội dung kiểm tra | | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| ***Mở đầu*** | Chào hỏi và tự giới thiệu. | | |
| | Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả. | | |
| | Nêu lí do lựa chọn tác phẩm một cách thuyết phục, hấp dẫn. | | |
| | Nhận xét khái quát về tác phẩm. | | |
| ***Nội dung chính*** | Giới thiệu đặc điểm nội dung và hình thức của tác phẩm. | | |
| | Giới thiệu chủ đề, thông điệp của tác phẩm. | | |
| | Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc/ xem/ nghe tác phẩm. | | |
| | Sắp xếp các ý hợp lí, logic. | | |

Chân trời sáng tạo

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***Kết thúc*** | Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm. | | |
| | Khuyến khích người nghe thưởng thức tác phẩm. | | |
| | Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe. | | |
| | Cảm ơn và chào kết thúc. | | |
| ***Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe*** | Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu. | | |
| | Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày. | | |
| | Tương tác tích cực với người nghe trong quá trình nói. | | |
| | Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. | | |

## NẮM BẮT NỘI DUNG TRUYẾT TRÌNH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA NGƯỜI NÓI; NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, ĐẶT CÂU HỎI VỀ BÀI THUYẾT TRÌNH

Ở lớp 10, bạn đã được học cách nghe, nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói (Bài 6. *Nâng niu kỉ niệm*). Trong bài học này, bạn sẽ tiếp tục học kĩ năng nghe để nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói, đồng thời học cách đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ qua việc nghe các bạn trong nhóm/ lớp giới thiệu về một tác phẩm văn học/ nghệ thuật.

***Bước 1: Chuẩn bị nghe***

Trước khi nghe một bài thuyết trình, bạn nên:

- Tìm hiểu trong sách, báo, Internet về đề tài của bài thuyết trình.
- Suy nghĩ về những gì bạn đã biết và muốn biết thêm về đề tài của bài thuyết trình.
- Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.
- Tìm vị trí thích hợp để có thể theo dõi và tương tác tốt với người thuyết trình.

***Bước 2: Lắng nghe và ghi chép***

Trong khi nghe thuyết trình, bạn nên:

- Tập trung lắng nghe nội dung thuyết trình để hiểu quan điểm của người nói.
- Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của bài thuyết trình và quan điểm của người nói:

– Các kiểu câu như: *Vấn đề thứ nhất là...; Quan điểm của tôi là...; Tôi nghĩ...; Theo tôi...;...*

– Những nội dung mà người nói nhấn mạnh, nói chậm hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ.

- Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình để hiểu quan điểm của họ.

• Dùng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ dàn ý,... để ghi chép thông tin chính của bài thuyết trình (tham khảo mẫu ghi chép ở sách giáo khoa lớp 10, Bài 6. *Nâng niu kỉ niệm*). Lưu ý sắp xếp thông tin nghe được theo một trật tự logic để hiểu hơn về ý nghĩa của thông tin.

• Đánh dấu những nội dung chính, thông tin quan trọng, thú vị bằng bút màu, gạch chân, dấu sao (*),...

• Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung thuyết trình và cách thức thuyết trình (giọng nói, phong cách, các ví dụ, hình ảnh,...).

• Ghi những câu hỏi mà bạn muốn trao đổi với người thuyết trình.

***Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá***

• Dùng kĩ thuật PMI (plus, minus, interesting) để nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thuyết trình, cụ thể là:

– Nêu và khẳng định những điểm tích cực của bài thuyết trình (P): *Bài thuyết trình của bạn đã đem đến cho tôi cách nhìn mới về vấn đề...; Bằng những ví dụ cụ thể, cách trình bày rõ ràng, bạn đã giúp tôi hiểu rõ vấn đề...;...*

– Nêu một hoặc hai điểm hạn chế hoặc cần trao đổi thêm (M) bằng giọng điệu mềm mỏng, bằng cách đặt câu hỏi: *Tôi không hoàn toàn đồng ý với quan điểm của bạn, tôi cho là... vì những lí do sau...; Tôi nghĩ rằng, bài thuyết trình của bạn sẽ thú vị hơn nếu...; Bạn có thể giúp tôi làm rõ vấn đề... hay không?;...*

– Khẳng định sự thú vị của bài thuyết trình (I): *Mặc dù còn một vài điểm như trên nhưng có thể nói, bài thuyết trình của bạn rất ấn tượng...; Tôi học được cách trình bày hấp dẫn, thu hút của bạn...;...*

Chân trời sáng tạo

• Khi trao đổi, bạn nên:

– Trước khi nêu câu hỏi: Nêu điểm tích cực về nội dung và cách thức thuyết trình, xác nhận lại quan điểm của người nói.

– Mạnh dạn nêu câu hỏi về những điều chưa rõ. Cần lưu ý hỏi ngắn gọn, mạch lạc, rõ ràng, tránh hỏi quá nhiều hoặc hỏi dồn dập theo kiểu lấn lướt người trình bày.

– Tôn trọng quan điểm của người nói, tránh công kích cá nhân.

**Bảng kiểm kĩ năng nghe và trao đổi về bài thuyết trình**

| Nội dung kiểm tra | | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| ***Chuẩn bị nghe*** | Tìm hiểu thông tin về đề tài thuyết trình. | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***Trong khi nghe*** | Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình. | | |
| | Ghi chép tóm tắt nội dung thuyết trình bằng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ dàn ý. | | |
| | Đánh dấu những thông tin quan trọng. | | |
| | Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung và cách thức thuyết trình. | | |
| | Ghi lại những câu hỏi muốn trao đổi, tranh luận. | | |
| ***Sau khi nghe*** | Sử dụng kĩ thuật PMI để nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của bài thuyết trình về nội dung, cách thức thuyết trình. | | |
| | Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi (biết chờ đến lượt mình, xác nhận quan điểm của người nói trước khi trao đổi, tôn trọng quan điểm người nói). | | |
| | Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi. | | |

## ÔN TẬP

1. Nêu điểm tương đồng hoặc gần gũi về nội dung (chủ đề, cảm hứng) giữa các văn bản: *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, *Cõi lá*, *Trăng sáng trên đầm sen*.
2. Từ ba văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, *Cõi lá*, *Trăng sáng trên đầm sen*, hãy lập bảng tổng hợp về sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình theo gợi ý sau: dấu hiệu nhận biết sự kết hợp, nội dung tự sự, yếu tố trữ tình, tác động của sự kết hợp ấy đến người đọc.
3. Tìm đọc thêm một số tuỳ bút, tản văn viết về đề tài thiên nhiên. Liên hệ với những văn bản trong bài học để thấy cách tiếp cận riêng của mỗi nhà văn.
4. Giải thích nghĩa của những từ sau và xác định cách giải thích đã dùng: *phẳng lặng*, *nhấp nháy*, *cổ thi*, *chật chội*.
5. Cho đề bài: *Hãy viết văn bản thuyết minh (có lồng ghép một số yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm) về một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng mà bạn quan tâm*.

   Yêu cầu:

   – Lập dàn ý cho đề bài trên.

   – Viết đoạn mở bài và một đoạn thân bài.
6. Để giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật cũng như nắm bắt nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói hiệu quả, bạn cần lưu ý những điều gì?

BÀI 2

# HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI

## (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)

### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và đánh giá được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết; nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết và phân tích được: nội dung và mối quan hệ của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản; xác định mục đích, thái độ và tình cảm của người viết, nội dung và ý nghĩa của văn bản.
- Thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do; liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu sâu hơn.
- Nhận biết, đánh giá được cách giải thích nghĩa của từ trong các trường hợp cụ thể.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.
- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội: kết cấu bài có ba phần rõ ràng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược; sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.
- Có ý thức trong việc học tập, rèn luyện để phát triển bản thân, quan tâm và xác định các mục tiêu phấn đấu cho tương lai.

### TRI THỨC NGỮ VĂN

***Tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận***

Để làm nên sức hấp dẫn, thuyết phục của văn bản nghị luận, cần có những lí lẽ, bằng chứng thích hợp, chính xác, đầy đủ. *Tính thuyết phục của lí lẽ* thể hiện ở chỗ soi chiếu vấn đề trên nhiều khía cạnh, có những cơ sở vững chắc (từ lí thuyết và thực tiễn) để làm điểm tựa cho lập luận. Lí lẽ cần được lập luận một cách chặt chẽ, đảm bảo đủ cơ sở và kết luận. *Tính thuyết phục của bằng chứng* thể hiện ở việc lựa chọn bằng chứng phù hợp, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ. Tính thuyết phục

của lí lẽ, bằng chứng còn thể hiện ở những cách biểu đạt độc đáo, ấn tượng, giàu tính hùng biện, nhằm tác động vào tư tưởng, tình cảm của người đọc.

***Yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận***

*Các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự* được đưa vào văn bản nghị luận giúp người đọc hình dung về luận đề, bằng chứng trong văn bản. Yếu tố thuyết minh cung cấp tri thức về nguồn gốc, cấu tạo, vai trò, ý nghĩa,... của đối tượng cần bàn luận. Yếu tố miêu tả thể hiện các đặc điểm, tính chất nổi bật của con người, con vật, đồ vật, cảnh sinh hoạt,... Yếu tố tự sự thuật lại các sự việc liên quan đến luận đề, luận điểm, các bằng chứng trong văn bản. Các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận cần đáp ứng mục đích của văn bản là thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết.

***Nhan đề của văn bản nghị luận***

Nhan đề của văn bản nghị luận thường khái quát nội dung chính của văn bản. Bên cạnh đó, để tăng sức thuyết phục, người viết có thể chọn những nhan đề độc đáo, khơi gợi cảm xúc nơi người đọc. Ví dụ: Nguyễn Ái Quốc đã đặt nhan đề cho chương một của *Bản án chế độ thực dân Pháp* là *Thuế máu*. Đây là một nhan đề giàu hình ảnh và giá trị biểu cảm, gây ấn tượng mạnh cho người đọc về tội ác của chính quyền thực dân và số phận bi thảm của nhân dân các nước thuộc địa trong chiến tranh.

***Cách giải thích nghĩa của từ*** (xem Bài 1. *Thông điệp từ thiên nhiên*)



**ĐỌC**

## VĂN BẢN 1

# MỘT CÂY BÚT VÀ MỘT QUYỂN SÁCH CÓ THỂ THAY ĐỔI THẾ GIỚI[1]

**Ma-la-la Diu-sa-phdai (Malala Yousafzai)[2]**

### Trước khi đọc

Bạn hãy tìm hiểu về Ma-la-la Diu-sa-phdai, Ngày Ma-la-la và chia sẻ với các thành viên trong lớp.

[1] Diễn văn trước Đại hội đồng Giới trẻ Liên Hợp Quốc, ngày 12/7/2013.

[2] *Ma-la-la Diu-sa-phdai*: (sinh năm 1997) là nhà hoạt động xã hội người Pa-kít-xtan (Pakistan), đồng Giải thưởng Nô-ben (Nobel) Hoà bình năm 2014. Năm 2012, cô bị các tay súng Ta-li-ban (Taliban) bắn trọng thương do công khai lên tiếng phản đối việc cấm đoán phụ nữ đi học và phá huỷ các trường học dành cho trẻ em gái ở Pa-kít-xtan.

Chân trời sáng tạo

## Đọc văn bản



Ma-la-la phát biểu trước Đại hội đồng Giới trẻ Liên Hợp Quốc (*girlsglobe.org*)

Anh chị em thân mến, xin hãy ghi nhớ một điều. Ngày Ma-la-la[1] không phải là ngày của tôi. Hôm nay là ngày của tất cả mọi phụ nữ, mọi thanh thiếu niên nam nữ đã cất cao tiếng nói để bảo vệ quyền lợi của mình. Hàng trăm nhà hoạt động nhân quyền, hàng trăm nhân viên xã hội đã lên tiếng bảo vệ nhân quyền, và không chỉ có thế, họ còn đang đấu tranh để đạt được những mục tiêu khác về giáo dục, hoà bình và bình đẳng. Hàng nghìn người đã bị những kẻ khủng bố sát hại, hàng triệu người bị thương. Tôi chỉ là một trong số đó mà thôi.

Vì vậy, hôm nay tôi đứng đây... Tôi chỉ là một, trong số rất nhiều cô gái như tôi.

Tôi cất tiếng – không phải cho bản thân tôi, mà cho tất cả các thanh thiếu niên nam nữ như tôi.

Tôi cao giọng – không phải để thét lên, mà để người ta nghe thấy tiếng nói của những người không có tiếng nói.

Những người đã đấu tranh đòi quyền lợi cho mình.

Quyền được sống trong hoà bình.

Quyền được tôn trọng.

Quyền được bình đẳng tiếp cận mọi cơ hội.

Quyền được đi học.

[...]

Anh chị em thân mến, một khi ta nhìn thấy bóng tối, nghĩa là ta nhận ra ánh sáng quan trọng như thế nào. Một khi ta im lặng, nghĩa là ta nhận ra tiếng nói của mình quan trọng như thế nào. Tương tự như vậy, khi chúng tôi ở quận Xo-goát (Swat), miền Bắc Pa-kít-xtan, chúng tôi đã nhìn thấy súng đạn và khi đó chúng tôi nhận ra bút và sách quan trọng như thế nào.

[1] *Ngày Ma-la-la*: ngày 12/7/2013, Ma-la-la Diu-sa-phdai đã có bài phát biểu tại Liên Hợp Quốc để kêu gọi quyền tiếp cận giáo dục cho trẻ em gái trên toàn cầu. Từ đó, Liên Hợp Quốc chọn ngày 12/7 hằng năm là Ngày Ma-la-la để kỉ niệm sự kiện này.

Đúng như câu cách ngôn "Cây bút mạnh hơn thanh kiếm", những kẻ cực đoan[1] rất sợ sách và bút. Sức mạnh của giáo dục khiến họ sợ hãi. Họ sợ phụ nữ. Sức mạnh từ tiếng nói của phụ nữ khiến họ sợ hãi. Và đó là lí do tại sao họ đã giết mười bốn sinh viên y khoa vô tội trong một vụ tấn công mới đây ở Két-ta (Quetta)[2]. Và đó là lí do tại sao họ đã giết rất nhiều cô giáo và nhân viên y tế ở Kai-bơ Pác-tun Goa (Khyber Pukhtoon Khwa) và FATA[3]. Đó là lí do tại sao ngày nào họ cũng phá hoại trường học.

[...]

Kính thưa ngài Tổng Thư kí[4],

Muốn có giáo dục, thì cần phải có hoà bình. Còn biết bao nhiêu nơi nữa trên thế giới này, nhất là ở Pa-kít-xtan và Áp-ga-nít-xtan (Afghanistan), trẻ em vẫn không được đến trường vì khủng bố, chiến tranh và xung đột. Chúng tôi đã thực sự mệt mỏi vì những cuộc chiến này. Ở nhiều nơi trên thế giới, dưới nhiều hình thức khác nhau, phụ nữ và trẻ em vẫn đang phải chịu đựng bao khốn khổ. Ở Ấn Độ, nhiều em bé vô tội và nghèo khổ vẫn là nạn nhân của tệ lạm dụng lao động trẻ em. Ở Ni-giê-ri-a (Nigeria), nhiều trường học bị tàn phá. Người dân ở Áp-ga-nít-xtan suốt nhiều thập kỉ qua đã phải chịu thiệt thòi vì những rào cản của chủ nghĩa cực đoan[5]. Các bé gái bị bóc lột sức lao động trẻ em ngay trong gia đình và bị ép phải tảo hôn. Đói nghèo, thất học, bất công, tệ phân biệt chủng tộc và sự tước đoạt các quyền cơ bản, đó là những vấn đề chính yếu mà cả nam giới và phụ nữ đều phải đối mặt. 1

**Theo dõi**

1 Chỉ ra các yếu tố tự sự trong đoạn văn này.

[...]

Các anh chị em thân mến, đã đến lúc chúng ta phải lên tiếng.

Vậy nên, hôm nay chúng tôi kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới hãy thay đổi những chính sách chiến lược của mình, để tiến đến hoà bình và thịnh vượng.

Chúng tôi kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới rằng tất cả các thoả thuận hoà bình phải hướng đến bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Không thể chấp nhận bất kì một thoả thuận nào đi ngược lại phẩm giá và quyền lợi của phụ nữ.

Chúng tôi kêu gọi tất cả các chính phủ hãy đảm bảo giáo dục bắt buộc miễn phí cho tất cả trẻ em trên toàn thế giới.

Chúng tôi kêu gọi tất cả các chính phủ hãy đấu tranh chống lại khủng bố và bạo lực, để bảo vệ trẻ em trước hung tàn và tổn hại.

---

[1] *Những kẻ cực đoan*: những người hành động thái quá, dùng bạo lực để bảo vệ niềm tin của mình và đòi hỏi những thay đổi về chính trị.

[2] Vào ngày 15/6/2013, những kẻ khủng bố đã kích nổ một thiết bị nổ gắn trên xe buýt chở sinh viên y khoa ở Pa-kít-xtan, khiến mười bốn nữ sinh viên tử vong và mười chín người khác bị thương.

[3] Nhiều vụ khủng bố xảy ra từ năm 2012 ở Pa-kít-xtan, mục tiêu là các giáo viên nữ và nhân viên y tế phụ trách chương trình vắc-xin (vaccine) ngừa bại liệt.

[4] *Tổng Thư kí* (Tổng Thư kí Liên Hợp Quốc): chức danh đứng đầu của Ban Thư kí Liên Hợp Quốc. Vai trò của Ban Thư kí Liên Hợp Quốc là cung cấp thông tin, thực hiện nghiên cứu, hỗ trợ các cơ quan của Liên Hợp Quốc tổ chức cuộc họp, thực hiện nhiệm vụ được giao bởi các cơ quan của Liên Hợp Quốc.

[5] *Chủ nghĩa cực đoan*: những tư tưởng, niềm tin thái quá, thiên lệch đến cực độ, có thể dẫn đến việc sử dụng bạo lực và các hành vi vượt quá chuẩn mực đạo đức xã hội để bảo vệ tư tưởng, niềm tin cực đoan ấy.

Chúng tôi kêu gọi các quốc gia phát triển hãy hỗ trợ mở rộng cơ hội giáo dục cho trẻ em gái ở các nước đang phát triển.

Chúng tôi kêu gọi tất cả cộng đồng trên thế giới hãy khoan dung – hãy khước từ những định kiến[1] dựa trên đẳng cấp, tín ngưỡng, giáo phái, tôn giáo hoặc giới tính. Hãy đảm bảo quyền tự do và bình đẳng cho phụ nữ để họ phát triển. Một khi một nửa trong số chúng ta còn bị kìm hãm, thì tất cả chúng ta đều không thể thành công.

Chúng tôi kêu gọi các chị em gái trên toàn thế giới hãy can đảm lên – làm chủ sức mạnh bên trong con người mình và nhận thức rõ về tất cả tiềm năng của mình. 2

**Suy luận**

2 Việc lặp lại cấu trúc "Chúng tôi kêu gọi..." có tác dụng gì?

Các anh chị em thân mến, để em bé nào cũng có thể có một tương lai tươi sáng, thì chúng ta cần phải có trường học và giáo dục... Và nếu chúng ta muốn đạt được mục tiêu của mình, thì hãy tự trang bị cho mình vũ khí tri thức, và hãy tự bảo vệ mình bằng sự đoàn kết và gắn bó.

Các anh chị em thân mến, chúng ta không được phép quên rằng còn hàng triệu người vẫn đang phải chịu cảnh đói nghèo, bất công và thất học. Chúng ta không được phép quên rằng còn hàng triệu trẻ em vẫn không được đến trường. Chúng ta không được phép quên rằng còn nhiều anh chị em của chúng ta vẫn còn đang phải chờ đợi một tương lai hoà bình tươi sáng.

Vì vậy, chúng ta hãy tiến hành một cuộc chiến toàn cầu chống lại nạn mù chữ, đói nghèo và khủng bố, và chúng ta hãy cầm lấy sách và bút. Sách và bút là vũ khí mạnh mẽ nhất của chúng ta.

Một đứa trẻ, một giáo viên, một cây bút và một cuốn sách có thể thay đổi thế giới.

Giáo dục là giải pháp duy nhất. Giáo dục là trên hết.

(In trong *Những bài diễn văn đã thay đổi thế giới*, Phạm Ngọc Lan dịch, NXB Quercus, Luân Đôn, 2014, tr. 244 – 247)

## Sau khi đọc

1. Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được trình bày trong văn bản dựa vào sơ đồ sau (làm vào vở):




[1] *Định kiến*: ý nghĩ riêng sẵn có về con người hoặc sự vật, hiện tượng (thường tiêu cực và phiến diện), khó có thể thay đổi.

2. Lí lẽ, bằng chứng nào trong bài viết đã tạo cho bạn ấn tượng rõ rệt nhất? Vì sao? Luận điểm, lí lẽ, bằng chứng ấy đã làm sáng tỏ luận đề như thế nào?
3. Văn bản viết ra nhằm mục đích gì? Tác giả đã bày tỏ thái độ, tình cảm như thế nào đối với các vấn đề được nêu trong văn bản?
4. Nêu nhận xét về nhan đề của văn bản.
5. Các yếu tố tự sự, miêu tả (nếu có) được nêu trong văn bản nhằm mục đích gì?
6. Bạn suy nghĩ gì về đề xuất của Ma-la-la: "Hãy đảm bảo quyền tự do và bình đẳng cho phụ nữ để họ phát triển. Một khi một nửa trong số chúng ta còn bị kìm hãm, thì tất cả chúng ta đều không thể thành công"?
7. Từ nội dung trong văn bản, hãy liên hệ đến một sự việc, hiện tượng trong đời sống mà bạn đã trải qua, chứng kiến hoặc quan tâm. Qua đó, trình bày suy nghĩ về vai trò của giáo dục đối với mọi người, đặc biệt là những người yếu thế trong xã hội.

## VĂN BẢN 2

# NGƯỜI TRẺ VÀ NHỮNG HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ XXI[1]

**Đỗ Thị Ngọc Quyên, Nguyễn Đức Dũng**

### Trước khi đọc

Bạn quan tâm điều gì về tương lai? Bạn đã trau dồi những kĩ năng gì để chuẩn bị cho tương lai của chính mình?

### Đọc văn bản

Không phải chờ đến thế kỉ XXI mới có sự bất định[2], nhưng trong bối cảnh toàn cầu hoá sâu rộng, thế giới đã trở nên "phẳng" và "ảo" với mạng Internet và các ứng dụng công nghệ truyền thông, các sự bất định lan truyền với tốc độ chóng mặt và xảy ra trên quy mô lớn. Chưa kể thế giới đương đại càng ngày càng ẩn chứa đa liên kết phức tạp, sự bất định cũng trở nên phức tạp bội phần. (Lược một đoạn: *Tác giả lí giải "Nguyên lí bất định" của Hây-xơn-bớt (Heisenberg) trong vật lí lượng tử hiện đại để phân tích những bất định trong thế giới đương đại.*). Người trẻ cần mang theo những hành trang gì để chuẩn bị cho thế kỉ XXI đầy những bất định?

Thứ nhất, người trẻ cần trang bị hành trang tri thức. Đối với bất cứ ngành nào, kiến thức cốt lõi của ngành là đương nhiên. Tuy nhiên, thế giới hiện đại cho thấy không thể chia tách các ngành, các lĩnh vực, mà chúng tồn tại ràng buộc, lệ thuộc, tương tác với nhau. Do vậy, bên cạnh kiến thức cốt lõi của ngành, còn cần phải nắm bắt được kiến thức của các ngành gần, các ngành liên quan. Các vấn đề xã hội hiện đại đòi hỏi các giải pháp liên ngành, do vậy kiến thức liên ngành ngày càng trở nên quan trọng. 1

**Suy luận**

1 Vì sao chúng ta cần nắm vững kiến thức cốt lõi của ngành, kiến thức của các ngành gần, ngành liên quan?

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.
[2] *Sự bất định*: trạng thái không ổn định, không chắc chắn.

Câu chuyện của giải pháp liên ngành đã được nhắc từ nhiều năm nay trở nên hiển hiện nhất trong đại dịch COVID-19. Trong lúc nước sôi lửa bỏng, chống dịch cấp quốc gia và trên toàn cầu là bài toán không thể giải chỉ bằng các mô hình dịch tễ hay các giải pháp y tế, mà còn đòi hỏi các tính toán về công bằng, an sinh xã hội, về tâm lí xã hội và cách tiếp cận cộng đồng.

Ngoài kiến thức chuyên ngành, người trẻ còn cần trang bị khối kiến thức chung mà bất cứ công dân nào của thế kỉ XXI cũng cần phải có. Tổ chức "Partnership for 21st Century skills"[1] gọi tắt là P21 đã khảo sát, xây dựng và ban hành "Khung kĩ năng thế kỉ XXI". (Lược một đoạn: *Tác giả nêu thông tin về mục đích, vai trò của "Khung kĩ năng thế kỉ XXI".*)




Khung kĩ năng thế kỉ XXI
(*tiasang.com.vn*)

Khối các môn học cốt lõi mà sinh viên trong thế kỉ XXI cần có là tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ toàn cầu (tiếng Anh), Nhân văn, Toán, Kinh tế, Khoa học, Địa lí, Lịch sử và Quản lí nhà nước – Trách nhiệm dân sự[2]. Khối kiến thức chung liên ngành bao gồm: (1) Hiểu biết về các vấn đề toàn cầu (đa dạng văn hoá, tôn giáo, biến đổi khí hậu,...), (2) Hiểu biết về tài chính, kinh tế, kinh doanh (vai trò của nền kinh tế, tài chính cá nhân,...), (3) Hiểu biết về vai trò và trách nhiệm dân sự (quyền công dân, nhân quyền, quan hệ nhà nước – công dân,...), (4) Hiểu biết về y tế và sức khoẻ (các biện pháp bảo vệ sức khoẻ tâm thần và thể chất như giảm căng thẳng, tránh rủi ro y tế, dinh dưỡng,... theo dõi, giám sát sức khoẻ cá nhân, các vấn đề an toàn và y tế cộng đồng,...), (5) Hiểu biết về môi trường (môi trường thiên nhiên – hệ sinh thái, nguồn nước, năng lượng, khí hậu, tác động của con người tới môi trường tự nhiên – tăng trưởng dân số, tiêu thụ tài nguyên, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, phá rừng,...). Có thể thấy khung kĩ năng đã đặt ra các khối nội dung kiến thức xã hội

[1] *Tổ chức "Partnership for 21st Century skills"*: một tổ chức phi lợi nhuận quốc gia, cam kết hỗ trợ hình thành "Khung kĩ năng thế kỉ XXI" cho học sinh.

[2] *Dân sự* (tính từ): thuộc về nhân dân, liên quan đến nhân dân.

khá rộng, đòi hỏi sinh viên phải hiểu biết về môi trường đang sống, và phải có liên kết, gắn bó với môi trường xung quanh. Đây là những hành trang vô cùng quan trọng cho những người trẻ trong kỉ nguyên bất định ở thế kỉ XXI. ❷

**Theo dõi**

❷ Chỉ ra yếu tố thuyết minh sử dụng trong đoạn văn.

Thứ hai, người trẻ còn cần chuẩn bị hành trang về kĩ năng. Thiếu kĩ năng làm việc ở người trẻ khi tham gia thị trường lao động sau tốt nghiệp đại học là vấn đề của nhiều quốc gia. "Khung kĩ năng thế kỉ XXI" là chỉ dẫn giúp thu hẹp khoảng cách giữa việc đào tạo ở đại học với nhu cầu của doanh nghiệp. P21 đưa ra ba khối kĩ năng trọng yếu cho sinh viên ở thế kỉ XXI: (1) Kĩ năng học tập và sáng tạo, (2) Kĩ năng công nghệ, truyền thông và thông tin, và (3) Kĩ năng sống và nghề nghiệp. Trong số các kĩ năng này, nhóm (2) và (3) là những kĩ năng quan trọng nhất mang đặc trưng thời đại để ứng phó với bất định.

Thứ ba, hành trang không thể thiếu đó là thái độ. Nếu xem xét kĩ các kĩ năng trong khung kĩ năng của công dân thế kỉ XXI, có thể thấy trong đó đã ẩn chứa một phần thái độ mà những người trẻ cần có. (Lược một đoạn: *Tác giả liên hệ với sự bất định đã phân tích ở trên để lí giải về những thái độ người trẻ cần có.*). Chúng ta có thể lường trước sự bất định đến từ đâu, chứ không phải chúng ta mù mờ về tương lai và cho rằng tương lai là không thể xác định. Nhận thức như vậy giúp chúng ta có thái độ phù hợp với sự bất định. Đó là sẵn sàng, chủ động, có sự chuẩn bị, thay vì hoang mang, sợ hãi, nghi hoặc để rồi phó mặc hoặc ra các quyết định sai lầm.

(Lược đoạn cuối: *Tác giả nêu vai trò của nhà trường, hệ thống giáo dục chính thống, gia đình và xã hội trong việc giúp người trẻ chuẩn bị hành trang.*)

(Trích trong *Giáo dục trong kỉ nguyên của sự bất định*, Tạp chí *Tia sáng*, số Tết 2 + 3, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hà Nội, ngày 20/02/2022)

## Sau khi đọc

1. Bạn hãy xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố ấy.
2. Các luận điểm trong bài viết đã làm sáng tỏ luận đề như thế nào? Theo bạn, lí lẽ, bằng chứng nào là tiêu biểu?
3. Nêu tác dụng của các yếu tố thuyết minh trong văn bản.
4. Bạn hãy chỉ ra mục đích và thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản.
5. Bạn có đồng ý với "thái độ phù hợp với sự bất định" được trình bày ở đoạn cuối văn bản không? Vì sao?
6. Trong "Khung kĩ năng thế kỉ XXI", những kĩ năng nào bạn thấy bản thân cần trau dồi thêm? Bạn sẽ làm gì để hình thành, phát triển các kĩ năng ấy?

## ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

# CÔNG NGHỆ AI CỦA HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

### Đọc văn bản

*Công nghệ AI (Artificial Intelligence[1]) là công nghệ được quan tâm phát triển bậc nhất hiện nay, được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như nhận diện khuôn mặt, xử lí giọng nói, kĩ thuật ước tính đám đông,... đến các hệ thống an ninh, bảo mật hay hệ thống pháp luật, chính phủ.*

Theo dòng chảy của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0[2], trí tuệ nhân tạo ngày càng được phổ biến và ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. AI là công nghệ sử dụng kĩ thuật số có khả năng thực hiện những nhiệm vụ mà bình thường phải cần tới trí thông minh của con người. Đặc trưng của công nghệ AI là năng lực "tự học" của máy tính, có thể tự phán đoán, phân tích trước các dữ liệu mới mà không cần sự hỗ trợ của con người, đồng thời có khả năng xử lí dữ liệu với số lượng rất lớn ở tốc độ cao. Trí tuệ nhân tạo có khả năng tự thích nghi, tự học và tự phát triển, tự đưa ra các lập luận để giải quyết vấn đề, có thể giao tiếp như con người,... Từ những dự đoán về ứng dụng công nghệ AI trong nhiều lĩnh vực khác nhau, các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp, khởi nghiệp và chính phủ có thể định hướng mục tiêu phát triển trong tương lai.

*Hỗ trợ hệ thống cổng thông tin chính phủ*

Công nghệ trí tuệ nhân tạo AI có thể là chìa khoá để tiến tới việc cải tiến, cải cách hành chính hiệu quả, triệt để, giúp thay đổi đáng kể và giải quyết nhiều vấn đề hiện nay về quản lí và điều hành của các cơ quan quản lí nhà nước các cấp. Điển hình là việc ứng dụng AI vào hệ thống chatbot (trả lời tự động) và trợ lí ảo tại các trung tâm hành chính. Điều này cho phép người dân truy vấn thông tin và nhận được câu trả lời nhanh chóng, hiệu quả cũng như hạn chế tình trạng xếp hàng, chờ đợi như trước kia.

*Hỗ trợ nhận diện khuôn mặt*

Nhận diện khuôn mặt bằng AI là ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào việc xác minh đặc tính gương mặt, máy tính tự động xác định, nhận diện một người nào đó từ một bức ảnh kĩ thuật số hoặc một khung hình trong video. Nhận diện khuôn mặt bằng công nghệ AI thuộc một nhánh của thị giác máy tính, mà thị giác máy tính tốt hơn rất nhiều so với mắt thường của con người. Một trong những cách xác định là dựa vào những điểm nút của khuôn mặt. Hiện nay, ứng dụng này được tích hợp tại nhiều nơi với các hệ thống giám sát như tại cổng chấm công của công ty, các hệ thống giám sát tại sân bay, ga tàu, nơi công cộng; nhận diện khuôn mặt trong hệ thống an ninh quốc gia, trong hệ thống bảo an ngân hàng, toà nhà,...

---

[1] *Artificial Intelligence*: trí tuệ nhân tạo.

[2] *Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*: thời kì nền công nghiệp dựa trên công nghệ kĩ thuật số, sự vận hành kết nối qua Internet, gắn với các đột phá về công nghệ như: rô-bốt (robot), trí tuệ nhân tạo, công nghệ na-nô (nano),...

*Hỗ trợ ngành Vận tải*

Trí tuệ nhân tạo được ứng dụng trên những phương tiện vận tải tự lái, điển hình là ô tô. Sự ứng dụng này góp phần mang lại lợi ích kinh tế cao hơn nhờ khả năng cắt giảm chi phí cũng như hạn chế những tai nạn nguy hiểm đến tính mạng. Xe tự lái sẽ an toàn và xử lí thông minh các tình huống vì chúng được tích hợp nhiều tính năng tự động, các bộ cảm biến xung quanh xe luôn được phát tín hiệu phủ đủ rộng và đủ xa, giúp phát hiện nhanh chóng các chướng ngại vật, các máy quay nhận dạng các tín hiệu ảnh để phân tích, xử lí kịp thời.

(Trích từ trang web của Bộ Khoa học và Công nghệ, ngày 09/9/2021, https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/20614/cong-nghe-ai-cua-hien-tai-va-tuong-lai.aspx)

## Sau khi đọc

1. Bạn hãy tóm tắt nội dung của văn bản bằng một đoạn văn hoặc sơ đồ.
2. Theo văn bản, do đâu mà AI có được khả năng vượt trội và có thể ứng dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống?
3. Theo bạn, AI có thể thay thế hoàn toàn con người trong công việc không?
4. Sự phát triển của AI mang đến những thuận lợi và thách thức gì cho con người? Người trẻ cần chuẩn bị gì để thích nghi với hoàn cảnh ấy?

### THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong những trường hợp sau. Chỉ ra cách giải thích từ ngữ mà bạn đã sử dụng.

a. *Hôm nay là ngày của tất cả mọi phụ nữ, mọi thanh thiếu niên nam nữ đã cất cao tiếng nói để bảo vệ **quyền lợi** của mình.*

(Ma-la-la Diu-sa-phdai, *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*)

b. *Sức mạnh của **giáo dục** khiến họ sợ hãi.*

(Ma-la-la Diu-sa-phdai, *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*)

c. *Có thể thấy bộ kĩ năng đã đặt ra các khối nội dung kiến thức xã hội khá rộng, đòi hỏi sinh viên phải **hiểu biết** về môi trường đang sống, và phải có liên kết, gắn bó với môi trường xung quanh.*

(Đỗ Thị Ngọc Quyên, Nguyễn Đức Dũng, *Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI*)

d. *Để **chiến thắng** được sức mạnh khổng lồ của thiên nhiên, ông lão phải vận dụng hết kinh nghiệm, trí thông minh, lòng dũng cảm của một ngư dân sống cả đời trên biển.*

(Lê Lưu Oanh, *Hình tượng con người chinh phục thế giới trong "Ông già và biển cả"*)

2. *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên)[1] đã giải thích các nghĩa của từ "quả" (danh từ) như sau:

**1.** Bộ phận của cây do bầu nhuỵ hoa phát triển mà thành, bên trong chứa hạt. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* (tục ngữ). **2.** Từ dùng để chỉ từng đơn vị những vật có hình giống như quả cây. *Quả bóng. Quả trứng gà. Quả lựu đạn. Quả tim. Đấm cho mấy quả* (khẩu ngữ). **3.** Đồ để đựng bằng gỗ, hình hộp tròn, bên trong chia thành nhiều ngăn có nắp đậy. *Quả trầu. Bưng quả đồ lễ.* **4.** (kết hợp hạn chế; dùng đi đôi với *nhân*). Kết quả (nói tắt). *Có nhân thì có quả. Quan hệ giữa nhân và quả.* **5.** (khẩu ngữ) Món lợi thu được trong làm ăn, buôn bán. *Thắng quả. Trúng quả. Thua liền mấy quả.*

Hãy cho biết:

a. Trong các nghĩa của từ "quả", nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển?

b. Các nghĩa của từ "quả" được giải thích theo cách nào?

3. Phần giải thích nghĩa của các từ sau đây đã chính xác hay chưa? Vì sao?

a. *Đả kích* (động từ): việc phê phán, chỉ trích gay gắt đối với người, phía đối lập hoặc coi là đối lập.

b. *Khép nép* (tính từ): điệu bộ như muốn thu nhỏ người lại để tránh sự chú ý, sự đụng chạm hoặc để tỏ ra vẻ ngại ngùng hay kính cẩn.

c. *Trắng* (tính từ): màu của vôi, của bông.

### TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày một mục tiêu của bạn trong tương lai và những giải pháp để đạt được mục tiêu ấy. Hãy giải thích nghĩa của hai từ ngữ trong đoạn văn và cho biết bạn đã giải thích theo cách nào.

## ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

### HÌNH TƯỢNG CON NGƯỜI CHINH PHỤC THẾ GIỚI TRONG "ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ"[2]

**Lê Lưu Oanh**

Ơ-ni-xơ-tơ Hê-minh-uây (Ernest Hemingway) là nhà văn xuất sắc của nền văn học hiện đại Mỹ, được Giải thưởng Nô-ben[3] năm 1954. Tác phẩm *Ông già và biển cả* (1952) kể về cuộc hành trình săn đuổi và chinh phục con cá kiếm khổng lồ của một ông già trên biển cả, nhưng cuối cùng, con cá khổng lồ ấy lại bị đàn cá mập tấn

[1] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 2002.

[2] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

[3] *Nô-ben:* giải thưởng quốc tế được tổ chức trao thưởng hằng năm cho các cá nhân đạt thành tựu trong các lĩnh vực vật lí, hoá học, y học, văn học, kinh tế và hoà bình.

công, rỉa thịt đến mức chỉ còn bộ xương. Thiên truyện là một ẩn dụ về hình ảnh con người theo đuổi những khát khao lớn lao, dù cuối cùng thất bại nhưng vẫn bất khuất không chùn bước. Thiên truyện thể hiện rõ nét sức thuyết phục lớn lao của tư tưởng và văn tài của Hê-minh-uây đối với Giải thưởng Nô-ben.

[...]

Hình tượng ông lão đánh cá trong tác phẩm tượng trưng cho người chinh phục thiên nhiên. Để chiến thắng được sức mạnh khổng lồ của thiên nhiên, ông lão phải vận dụng hết kinh nghiệm, trí thông minh, lòng dũng cảm của một ngư dân sống cả đời trên biển. Cuộc chiến của ông lão với con cá khổng lồ là cuộc chiến gay go và ngoan cường, khẳng định sức mạnh cả tinh thần và thể chất của con người.

Ngày thứ ba, con cá bắt đầu mệt mỏi và dần khuất phục ông lão. Ông lão đã quá già, lại cộng thêm quá mệt mỏi vì suốt hai ngày đêm bị con cá kéo chạy dọc ngang trên biển, chỉ ăn một chút cá sống, uống nước cầm hơi, ông gần như kiệt sức: "mồ hôi ướt đẫm người, lão mệt thấu xương"; "hoa mắt suốt cả tiếng đồng hồ"; "mồ hôi xát muối vào mắt lão; hai lần lão cảm thấy chóng mặt và choáng váng"; "chưa bao giờ mình mệt như thế này"; "lão lại thấy xây xẩm mặt mày"; "lão cảm thấy choáng váng, đau đớn và không nhìn rõ"; "lão cảm thấy mình sắp ngất đi";... Ông mệt mỏi và suy sụp đến nỗi: "lòng kiêu hãnh" cũng đã "mất từ lâu".

Nhưng ông lão vẫn kiên cường không bỏ cuộc. Bởi lẽ, cuộc đấu với con cá được ông lão coi là một cuộc đấu thực sự không chỉ vì mưu sinh mà còn vì danh dự của một con người sinh sống lâu trên mặt biển. Ông lão luôn tự động viên mình: "mày khoẻ, mày luôn khoẻ"; "đầu ơi, hãy tỉnh táo, mình sẽ cố thêm lần nữa"; "hãy đứng vững, đôi chân kia"; "tỉnh táo vì tao, đầu à, bọn mày chưa bao giờ bại trận";... Với những kinh nghiệm và trí thông minh của người đánh cá lão luyện, ông đã dồn hết sức để bắt con cá: "thả dài dây câu, kéo dây, thu dây về" để con cá, dù có sức mạnh ghê gớm nhưng không thể tuột ra khỏi bàn tay dày dặn kinh nghiệm của ông lão. [...]

Để nói về ý chí và sức chịu đựng của ông lão, ý nghĩ ấn tượng nhất của ông lão là: "Hãy giữ đầu óc tỉnh táo và biết cách chịu đựng như một con người. Hay như một con cá". Điều đó có nghĩa là sự chịu đựng của con người luôn thể hiện trong trạng thái lặng lẽ, âm thầm, cô đơn, không thể chia sẻ, chỉ có mình mang hết mọi gánh nặng cuộc sống trên thế gian này. Một ý nghĩ mang tính triết lí.

[...]

Ông lão đã chiến thắng: bắt được con cá kiếm khổng lồ. Đối với ngư dân, bắt được cá, mà cá càng to thì niềm vinh dự, lòng kiêu hãnh càng lớn. Con cá là vận may của ông lão sau hơn tám mươi ngày ròng rã lênh đênh trên biển. Bên cạnh việc đánh bắt cá như một phương tiện mưu sinh, bắt được nhiều cá và cá lớn là minh chứng cho những kinh nghiệm nghề nghiệp, vận may trên biển, là thành quả của ý chí và lòng quả cảm của con người. Đó là sự chiến thắng thật vinh quang của con người lao động đầy lòng mưu trí và dũng cảm. [...]

Ông già Xan-ti-a-gô (Santiago)[1] là biểu tượng hùng vĩ của con người chinh phục biển cả, một mình đơn độc bắt cá và chống trả lũ cá mập khát máu. Suy rộng ra, đó cũng là biểu tượng của con người trên đường chinh phục thế giới, thực hiện khát vọng, ước mơ của mình một cách ngoan cường. Nhưng mặt khác, đó vẫn là con người bình thường, yếu đuối, đơn độc, rất đỗi con người.

(In trong *Phân tích bình giảng tác phẩm văn học 12*,
NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, tr. 179 – 183)

### Hướng dẫn đọc

1. Vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản trên.
2. Bạn ấn tượng với lí lẽ, bằng chứng nào trong bài viết? Vì sao?
3. Xác định mục đích, thái độ, tình cảm của người viết được thể hiện trong văn bản.
4. Chỉ ra các yếu tố thuyết minh, tự sự, miêu tả trong văn bản và nêu tác dụng của các yếu tố ấy.
5. Từ nội dung văn bản và hiểu biết của bản thân về tác phẩm *Ông già và biển cả*, bạn suy nghĩ gì về khát vọng chinh phục thế giới của nhân loại? Tìm những ví dụ thực tế trong xã hội hiện nay để làm sáng tỏ suy nghĩ của bạn.

❋ **Bài tập sáng tạo:** Từ những văn bản đã đọc và hiểu biết của bản thân về sự phát triển của khoa học, công nghệ trong thế kỉ XXI, hãy thực hiện một sản phẩm sáng tạo (đoạn văn, tranh vẽ, đoạn video clip, in-pho-grap-phích (infographic),...) thể hiện hình dung của bạn về những biến đổi trong tương lai và cách thức con người thích nghi với thế giới tương lai đó.



## VIẾT

Chân trời sáng tạo

## VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Ở lớp 10, bạn đã học viết kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội. Trong bài học, bạn sẽ tiếp tục rèn luyện kĩ năng viết kiểu bài này; chú trọng cách mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; phân tích, trao đổi với các ý kiến trái chiều để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

### Tri thức về kiểu bài

**Kiểu bài:** *Nghị luận về một vấn đề xã hội* là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội (một ý kiến, một tư tưởng đạo lí hay một hiện tượng xã hội), giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề đó.

[1] *Xan-ti-a-gô*: tên của nhân vật ông lão đánh cá trong tác phẩm *Ông già và biển cả*.

**Yêu cầu đối với kiểu bài:**

- Có luận điểm rõ ràng, chặt chẽ, thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề.
- Đưa ra hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ, để làm sáng tỏ luận điểm.
- Nêu và phân tích, trao đổi về các ý kiến trái chiều.
- Bố cục bài viết gồm ba phần:

*Mở bài:* Giới thiệu vấn đề xã hội cần bàn luận, thể hiện rõ quan điểm của người viết về vấn đề.

*Thân bài:* Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết; phản biện các ý kiến trái chiều.

*Kết bài:* Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề; đưa ra những đề xuất, giải pháp phù hợp.

## Đọc ngữ liệu tham khảo

### Tầm quan trọng của việc học phương pháp học

Tất cả chúng ta đều suốt đời học tập trong những lĩnh vực khác nhau, nhưng không phải ai cũng thành công trên con đường học vấn. Không phải vì họ lười biếng, không phải vì họ không đam mê mà vì họ không tìm ra cách học hiệu quả, cách thích ứng với những thay đổi của thế giới hiện đại. Có thể nói, học phương pháp học chính là chìa khoá thành công trên hành trình lĩnh hội tri thức, như quan niệm của Phrít-men (Friedman) trong cuốn *Thế giới phẳng*: "Kĩ năng đầu tiên và quan trọng nhất mà bạn cần có trong thế giới hiện đại là khả năng học phương pháp học".[1]

Học phương pháp học là học các kĩ năng, cách thức để tiếp thu tri thức khổng lồ của nhân loại một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất. Như vậy, ý kiến của Phrít-men khẳng định tầm quan trọng của việc học phương pháp học.[2]

Tôi đồng tình với quan điểm của Phrít-men.[3] Vì sao việc học phương pháp học lại quan trọng? Trước hết, việc học phương pháp học giúp chúng ta thích nghi, hội nhập với thế giới trong bối cảnh hiện đại. Thế giới hiện đại hôm nay được gọi là thế giới phẳng, với sự phát triển của khoa học kĩ thuật, khoảng cách về địa lí giữa các quốc gia ngày càng được xoá nhoà. Tất cả cùng đi vào một "luật chơi chung". Đã qua rồi cái thời "ta về ta tắm ao ta", không thể một mình một chợ. Trong phiên chợ chung của thế giới hiện đại, cơ may cũng nhiều mà rủi ro cũng lắm. Vì thế, mỗi quốc gia, mỗi cá nhân cần có sự khôn ngoan và phương pháp tối ưu để nắm bắt các thành tựu khoa học công nghệ của thế giới. Như vậy, chúng ta mới có thể phát triển.[4a]

Hơn nữa, một phương pháp học tập đúng đắn sẽ giúp cho việc học được hiệu quả. Hen-ri A-đam-xơ (Henry Adams) cũng đã từng khẳng

[1]: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.

[2]: Giải thích vấn đề cần bàn luận.

[3]: Nêu luận điểm của người viết về vấn đề.

[4a], [4b]: Trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm rõ luận điểm.

định rằng: "Biết cách học là đủ chứng tỏ bạn là người thông thái".[5] Chắc hẳn chúng ta đã từng trải qua hàng chục lần phải gồng mình thức thâu đêm cho những kì thi, không ít lần ngao ngán học thuộc lòng những tập đề cương lí thuyết dày cộm. Hãy xem lại cách học của mình! Có phải bạn đã sắp xếp kế hoạch học tập chưa hợp lí, dẫn đến tình trạng "nước đến chân mới nhảy"? Hay phải chăng bạn chỉ chăm chăm học vẹt, học mà không hiểu, không gắn lí thuyết với thực hành, dẫn đến học đâu quên đó? Một phương pháp học tập sai lầm sẽ khiến tốn thời gian mà việc học không hiệu quả. Ngược lại, khi nhận ra những điểm chưa hợp lí trong phương pháp học mà điều chỉnh, ta sẽ tiến bộ rõ rệt.[4b]

Có ý kiến cho rằng: "Chỉ cần học thuộc những gì thầy cô dạy trên lớp, đi thi được điểm tốt là được, tại sao lại cần phương pháp học?". Theo tôi, đây là quan niệm sai lầm, bởi tri thức chỉ thuộc mà không hiểu thì sẽ chóng quên, không thể vận dụng vào thực tế, việc học vì thế cũng vô ích. Hơn nữa, mục đích của việc học không phải là vì điểm số mà là để hoàn thiện bản thân, do vậy, cần phương pháp học để trau dồi tri thức trọn đời.[6]

Như vậy, để thành công, mỗi chúng ta cần hình thành cho mình những phương pháp học tập hiệu quả, phù hợp với khả năng của bản thân và với từng mục tiêu học tập cụ thể. Để làm được việc đó, trước hết, cần chuẩn bị cho mình một tâm thế sẵn sàng đổi mới, tìm tòi, khám phá, học những phương pháp mới để làm những công việc cũ và học những phương pháp mới để làm những công việc mới. Bạn có thể ứng dụng những phương pháp học tập tích cực, đã được chứng minh là có hiệu quả như học nhóm, đi thực tế, làm thí nghiệm, học tập thông qua dự án, ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập,... để đạt được hiệu quả tốt nhất.[7] Tôi tin chắc rằng, kĩ năng tự học chính là hành trang quan trọng để bước vào tương lai, bởi "Tri thức là sức mạnh" – Phrăng-xít Bây-cơn (Francis Bacon).

(*Theo* Trần Thị Ngọc Huyền, trích *Tuyển tập đề bài và bài văn nghị luận xã hội*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014, tr. 163 – 165)

[5]: Trích dẫn danh ngôn để tăng sức thuyết phục.

[6]: Trao đổi về các ý kiến trái chiều để vấn đề được bàn luận một cách trọn vẹn.

[7]: Khẳng định lại luận điểm và đề xuất giải pháp.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Bài viết bàn về vấn đề gì? Nhận xét của bạn về hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.
2. Tóm tắt nội dung phần mở bài, thân bài, kết bài.
3. Bài viết đã sử dụng những cách thức nào để phần mở bài và kết bài gây ấn tượng?
4. Cách lập luận của tác giả khi trao đổi với ý kiến trái chiều có gì đáng lưu ý?

## Thực hành viết theo quy trình

**Đề bài:**

Câu lạc bộ Văn học của trường bạn tổ chức cuộc thi viết với chủ đề *Những góc nhìn cuộc sống*. Hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội mà bạn quan tâm để gửi tham gia cuộc thi.

*Bước 1: Chuẩn bị viết*

**Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc**

• Để xác định đề tài, bạn hãy ghi lại những vấn đề xã hội mà bản thân quan tâm, băn khoăn, trăn trở. Đó có thể là những vấn đề về tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người mà bạn biết qua sách vở, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc những vấn đề xảy ra với bản thân, gia đình bạn. Từ đó, chọn một đề tài mà mình trăn trở nhất để triển khai bài viết.

• Sau đây là một số đề tài gợi ý:

– Những tấm gương vượt khó vươn lên trong học tập.

– Học đại học có phải là con đường duy nhất để thành công?

– Có phải lúc nào cũng nên theo đuổi đam mê?

– Chọn lựa nghề nghiệp: nghe theo cha mẹ hay tự mình quyết định?

– ...

**Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc**

Bài viết được dùng để tham gia cuộc thi do Câu lạc bộ Văn học tổ chức. Do đó, ngoài mục đích thuyết phục người đọc về quan điểm, ý kiến của bản thân, bài viết cần đáp ứng các tiêu chí của cuộc thi. Đối tượng người đọc của bạn là ban giám khảo của cuộc thi, đó có thể là thầy cô, chủ nhiệm câu lạc bộ, khách mời,... Những người đọc này mong chờ điều gì từ bài viết của bạn? Với mục đích viết và đối tượng người đọc như vậy, cần chọn cách viết như thế nào cho phù hợp?

**Thu thập tư liệu**

Sau khi chọn được đề tài, bạn hãy tìm tài liệu liên quan đến vấn đề nghị luận tại thư viện, trên sách báo và Internet. Việc này sẽ giúp bạn có được ý tưởng về:

• Những quan điểm thường thấy về vấn đề;

• Những lí lẽ, bằng chứng đáng chú ý;

• Những ý kiến trái chiều;

• Những điều chưa được bàn đến, cần được bàn luận sâu hơn.

*Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*

**Tìm ý**

Bạn có thể tìm ý bằng cách trả lời những câu hỏi:

• Luận điểm của tôi về đề tài này là gì? Với vấn đề cần bàn luận, tôi đồng tình hay phản đối?

• Những lí lẽ, bằng chứng nào sẽ góp phần làm sáng tỏ luận điểm?

• Có những ý kiến trái chiều nào về vấn đề? Tôi sẽ phản biện những ý kiến ấy như thế nào?

**Lập dàn ý**

Bạn hãy sắp xếp những ý vừa tìm được thành một dàn ý hoàn chỉnh, đảm bảo yêu cầu về bố cục của kiểu văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, lựa chọn trình tự hợp lí cho các luận điểm. Chẳng hạn, nếu đặt luận điểm quan trọng lên trước, bài văn sẽ thu hút được sự chú ý của người đọc; ngược lại, nếu đặt luận điểm quan trọng sau cùng, bài văn sẽ để lại dư âm trong người đọc. Có thể dựa vào sơ đồ sau:

| Đề tài: ..... | |
|---|---|
| Luận điểm 1: ..... | Lí lẽ – bằng chứng: ..... |
| Luận điểm 2: ..... | Lí lẽ – bằng chứng: ..... |
| Luận điểm 3: ..... | Lí lẽ – bằng chứng: ..... |
| Ý kiến trái chiều: ..... ..... | Phản biện của tôi: ..... ..... |

***Bước 3: Viết bài***

Từ dàn ý đã lập, bạn hãy viết bài văn hoàn chỉnh theo một số gợi ý:

• Để bài văn được mạch lạc, rõ ràng, cần có những câu văn nêu rõ luận điểm và sử dụng các từ ngữ có chức năng chuyển ý.

• Có thể sử dụng trích dẫn, danh ngôn để tăng sức thuyết phục cho lí lẽ.

• Đối thoại với người đọc, sử dụng hiệu quả các yếu tố thuyết minh, tự sự, miêu tả, biểu cảm để người đọc dễ dàng hình dung về vấn đề cần bàn luận, khơi gợi sự đồng cảm ở người đọc. Lựa chọn ngôn ngữ phù hợp với người đọc và mục đích viết.

• Để mở bài, kết bài gây ấn tượng, có thể sử dụng một câu chuyện có ý nghĩa, trích dẫn một danh ngôn, dùng một hình ảnh để ví von, so sánh, đặt ra một câu hỏi để khơi gợi trí tò mò của người đọc,... Có thể chọn cách viết mở bài và kết bài hô ứng để tạo dư âm.

***Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa***

Sau khi viết xong, hãy đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo những gợi ý sau:

Chân trời sáng tạo

**Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội**

| Nội dung kiểm tra | | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| ***Mở bài*** | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận. | | |
| | Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận. | | |
| ***Thân bài*** | Giải thích được vấn đề cần bàn luận. | | |
| | Trình bày được hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết. | | |
| | Nêu được lí lẽ thuyết phục, đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm. | | |
| | Nêu được bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ. | | |
| | Trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí. | | |
| ***Kết bài*** | Khẳng định lại quan điểm của bản thân. | | |
| | Đề xuất giải pháp, bài học phù hợp. | | |
| ***Kĩ năng trình bày, diễn đạt*** | Có mở bài, kết bài gây ấn tượng. | | |
| | Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng hợp lí. | | |
| | Diễn đạt rõ ràng, rành mạch, không mắc lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp. | | |

Từ bài viết của mình, bạn rút ra kinh nghiệm gì khi viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội?

Chân trời sáng tạo



## NÓI VÀ NGHE

## TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

**Đề tài:**

Bài viết của bạn được lựa chọn để tham gia buổi toạ đàm *Những góc nhìn cuộc sống*, trình bày ý kiến, quan điểm của học sinh về các vấn đề xã hội. Từ bài viết, bạn hãy chuẩn bị nội dung bài nói để tham gia buổi toạ đàm.

*Bước 1: Chuẩn bị nói*

**Xác định đề tài**

Đề tài của bài nói đã được bạn chuẩn bị ở phần Viết.

**Xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói**

• Mục đích nói chính là để thuyết phục người nghe về quan điểm của bạn trước một vấn đề xã hội.

• Đối tượng người nghe của bạn có thể là thầy cô, các bạn học sinh, ban chủ nhiệm câu lạc bộ, các khách mời,...

• Không gian và thời gian nói: Bạn cần tìm hiểu xem buổi toạ đàm diễn ra trong không gian nào (hội trường, trước sân trường, trong phòng học,...), thời gian trình bày bài nói là bao lâu? Từ đó, bạn chọn cách trình bày phù hợp: gần gũi, thân thiện hay trang trọng,...

**Tìm ý và lập dàn ý**

Bạn hãy chuyển dàn ý đã chuẩn bị ở phần Viết thành dàn ý cho bài nói, bằng cách:

• Đảm bảo kết cấu bài nói có ba phần rõ ràng: mở đầu, nội dung chính, kết thúc.

• Lựa chọn những luận điểm trọng tâm mà bạn tâm đắc nhất để trình bày. Tóm tắt hệ thống luận điểm dưới dạng sơ đồ để chủ động khi trình bày, giúp người nghe dễ dàng theo dõi nội dung.

• Sắp xếp, chỉnh sửa các lí lẽ, bằng chứng cho phù hợp với thời gian nói.

• Dự kiến các ý kiến trái chiều và chuẩn bị những phản hồi của bản thân.

• Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, âm thanh, video clip,...) hỗ trợ và dự tính cách khai thác các phương tiện ấy sao cho hiệu quả. Có thể phối hợp đa dạng phương tiện phi ngôn ngữ để bài nói trực quan, hấp dẫn hơn.

**Luyện tập**

Bạn có thể luyện nói bằng cách đứng trước gương, tự ghi âm để nghe lại hoặc luyện tập với các bạn. Khi luyện tập, cần chú ý lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói; sử dụng các từ nối để phần trình bày mạch lạc, rõ ràng; chú ý đến ngữ điệu nói và những khoảng ngắt, nghỉ để nhấn mạnh các nội dung chính của bài nói.

***Bước 2: Trình bày bài nói***

Khi trình bày, bạn nên dựa vào phần tóm tắt luận điểm đã chuẩn bị từ trước, kết nối bài nói với các phương tiện phi ngôn ngữ, chú ý tương tác với người nghe.

***Bước 3: Trao đổi, đánh giá***

Khi trao đổi với người nghe, bạn nên có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe và ghi chép các ý kiến; lựa chọn một số câu hỏi, ý kiến quan trọng để phản hồi trong thời gian cho phép.

Trong bước đánh giá, bạn sẽ có hai vai trò: người trình bày và người nghe. Trong vai trò người trình bày, bạn tự đánh giá bài nói của mình; trong vai trò người nghe, bạn đánh giá phần trình bày của thành viên khác trong lớp dựa vào bảng kiểm dưới đây:

**Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**

| Nội dung kiểm tra | | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| ***Mở đầu*** | Lời chào ban đầu và tự giới thiệu (nếu cần). | | |
| | Giới thiệu vấn đề cần trình bày. | | |
| | Nêu khái quát nội dung bài nói. | | |
| ***Nội dung chính*** | Thể hiện rõ quan điểm của người nói về vấn đề xã hội cần bàn luận. | | |
| | Trình bày hệ thống luận điểm rõ ràng, thuyết phục. | | |
| | Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, mạch lạc để làm rõ luận điểm. | | |
| | Nêu và phân tích, đánh giá, trao đổi về các ý kiến trái chiều. | | |
| ***Kết thúc*** | Tóm lược nội dung đã trình bày và khẳng định lại quan điểm của mình. | | |
| | Nêu vấn đề thảo luận và mời người nghe phản hồi, trao đổi; cảm ơn và kết thúc. | | |
| ***Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe*** | Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp với nội dung bài nói. | | |
| | Sử dụng hiệu quả, đa dạng các phương tiện phi ngôn ngữ. | | |
| | Tương tác tích cực với người nghe. | | |
| | Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. | | |

## ÔN TẬP

1. Hãy lập bảng tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, mục đích của người viết trong các văn bản nghị luận đã học trong bài.
2. Theo bạn, điều gì làm nên sự hấp dẫn, thuyết phục cho nhan đề của văn bản nghị luận?
3. Yếu tố thuyết minh, tự sự, miêu tả có tác dụng như thế nào đối với văn bản nghị luận?
4. Bạn hãy ghi lại những cách mở bài, kết bài ấn tượng mà bản thân và các bạn đã thực hiện khi viết bài nghị luận về một vấn đề xã hội.
5. Khi trình bày ý kiến, đánh giá về một vấn đề xã hội, cần lưu ý điều gì để phản hồi hiệu quả các ý kiến trái chiều của người nghe?
6. Giải thích nghĩa của từ được in đậm trong câu sau. Tìm thêm ít nhất năm kết hợp từ có chứa từ này.

   *Đối với ngư dân, bắt được cá, mà cá càng to thì* ***niềm*** *vinh dự, lòng kiêu hãnh càng lớn.*

   (Lê Lưu Oanh, *Hình tượng con người chinh phục thế giới trong "Ông già và biển cả"*)
7. Theo bạn, việc chủ động chuẩn bị những hành trang vào tương lai có ý nghĩa gì đối với các bạn trẻ hiện nay?

BÀI 3

# KHÁT KHAO ĐOÀN TỤ

## (TRUYỆN THƠ)

### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ,...
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung truyện thơ.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản truyện thơ.
- Phân tích được đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.
- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát); nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.
- Biết giới thiệu một tác phẩm văn học (truyện thơ), nghệ thuật (bài hát) theo lựa chọn cá nhân.
- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.
- Biết trân trọng tình cảm và sự đoàn tụ gia đình.

### TRI THỨC NGỮ VĂN

***Truyện thơ dân gian*** là một thể loại văn học dân gian, sáng tác dưới hình thức văn vần, thường xoay quanh đề tài tình yêu, hôn nhân; kết hợp tự sự với trữ tình, rất gần gũi với ca dao, dân ca; phát triển nhiều ở các dân tộc miền núi. Ví dụ: *Tiễn dặn người yêu* (dân tộc Thái), *Nàng con côi, Út Lót – Hồ Liêu* (dân tộc Mường), *Kim Quế* (dân tộc Tày – Nùng),...

*Cốt truyện trong truyện thơ dân gian:* Cốt truyện đơn giản, thường xoay quanh số phận của một vài nhân vật chính; có thể sử dụng yếu tố kì ảo (ví dụ: *Nàng con côi, Kim Quế,...*) hoặc không sử dụng (ví dụ: *Tiễn dặn người yêu*).

*Nhân vật chính trong truyện thơ dân gian* thường là những con người có số phận ngang trái, bất hạnh trong cuộc sống, tình yêu như nhân vật chàng trai, cô gái ("anh", "em") trong *Tiễn dặn người yêu* (*Xống chụ xon xao*) hoặc chàng Hồ Liêu, nàng Út Lót trong *Út Lót – Hồ Liêu*.

*Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian* là ngôn ngữ truyền khẩu, giàu chất trữ tình và mang âm hưởng của các làn điệu dân ca Việt Nam.

Chân trời sáng tạo

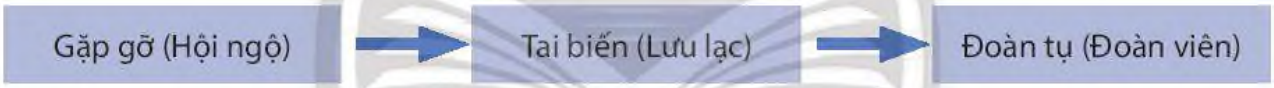
***Truyện thơ Nôm*** (hay ***truyện Nôm***) là một thể loại văn học độc đáo của văn học Việt Nam, sáng tác dưới hình thức văn vần (lục bát hoặc song thất lục bát), có cốt truyện, phát triển mạnh vào cuối thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX; dùng thơ tiếng Việt viết bằng chữ Nôm (thường là thơ lục bát) để kể chuyện (trần thuật), có khả năng phản ánh về hiện thực xã hội và con người với một phạm vi tương đối rộng. Truyện thơ Nôm thường chia làm hai loại:

Truyện thơ Nôm bình dân do các tác giả trong giới bình dân (thường là khuyết danh) sáng tác, chủ yếu lưu hành trong dân gian, nội dung phản ánh cuộc sống và khát vọng của người dân tầng lớp dưới, ngôn ngữ giản dị gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân. Ví dụ: *Thạch Sanh, Tống Trân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa,...*

Truyện thơ Nôm bác học do các tác giả là trí thức Nho học (thường có tên tuổi, lai lịch rõ ràng) sáng tác, lưu hành rộng rãi nhưng chủ yếu vẫn trong giới trí thức tinh hoa, có nội dung phản ánh số phận và nhu cầu của giới trí thức, có chất lượng nghệ thuật cao. Ví dụ: *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Mai đình mộng kí* (Nguyễn Huy Hổ), *Sơ kính tân trang* (Phạm Thái),...

*Cốt truyện trong truyện thơ Nôm:* Truyện thơ Nôm có thể sử dụng cốt truyện dân gian, cốt truyện trong văn học viết Trung Quốc hoặc cốt truyện lấy từ chính cuộc đời tác giả và thực tiễn đời sống. Cốt truyện trong truyện thơ Nôm thường được chia làm hai nhóm, thể hiện qua các mô hình sau:

1. Mô hình *Gặp gỡ (Hội ngộ) – Tai biến (Lưu lạc) – Đoàn tụ (Đoàn viên)*




Một số truyện tiêu biểu cho mô hình này: *Phạm Công Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, Truyện Kiều,...*

2. Mô hình *Nhân – Quả*




Một số truyện tiêu biểu cho mô hình này: *Thạch Sanh, Quan Âm Thị Kính,...*

*Nhân vật trong truyện thơ Nôm* thường được chia thành hai tuyến rõ ràng: nhân vật chính diện (đại diện cho cái tốt, cái đẹp, cái tiến bộ) và nhân vật phản diện (đại diện cho cái xấu, cái ác, cái bảo thủ). Nhân vật trong truyện thơ Nôm thường được xây dựng theo khuôn mẫu như: chàng trai tài giỏi (tài tử), chung tình, hiếu học, trải qua nhiều khó khăn về sau thành đạt; cô gái xinh đẹp (giai nhân), nết na, đảm đang, hiếu thảo, luôn sắt son chung thuỷ,...

*Ngôn ngữ trong truyện thơ Nôm:* Truyện thơ Nôm được viết bằng chữ Nôm, có sự kết hợp giữa tự sự với trữ tình. Truyện thơ Nôm bình dân có ngôn ngữ gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày, còn truyện thơ Nôm bác học sử dụng nhiều biện pháp tu từ và nhiều điển tích, điển cố. Có nhiều tác phẩm đạt tới trình độ điêu luyện.

Chân trời sáng tạo

*Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói*

Ngôn ngữ nói là lời nói sử dụng trong giao tiếp hằng ngày; thể hiện thái độ, phản ứng tức thời của người nói và người nghe. Vì vậy, ngôn ngữ nói thường có những đặc điểm cơ bản sau:

– Đa dạng về ngữ điệu (gấp gáp, chậm rãi; to, nhỏ;...), góp phần thể hiện trực tiếp tình cảm, thái độ của người nói.

– Thường sử dụng khẩu ngữ, từ địa phương, tiếng lóng, trợ từ, thán từ, từ ngữ chêm xen, đưa đẩy,...

– Thường sử dụng cả câu tỉnh lược và câu có yếu tố dư thừa, trùng lặp. Câu tỉnh lược thường được dùng để lời nói ngắn gọn. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, câu lại chứa nhiều yếu tố dư thừa, trùng lặp (do người nói vừa nghĩ vừa nói, không có điều kiện gọt giũa hoặc do người nói muốn lặp lại để giúp người nghe có thời gian lĩnh hội thấu đáo nội dung giao tiếp).

– Kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ như: nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...

*Lưu ý:*

– Nói và đọc (thành tiếng) một văn bản là khác nhau. Đọc (thành tiếng) bị lệ thuộc vào văn bản viết. Dù vậy, người đọc vẫn có thể tận dụng những ưu thế của ngôn ngữ nói như ngữ điệu, các phương tiện phi ngôn ngữ để làm cho phần đọc diễn cảm hơn.

– Ngôn ngữ nói có thể được ghi lại bằng chữ viết, chẳng hạn như đoạn đối thoại của các nhân vật trong văn bản truyện, cuộc phỏng vấn trong một bài báo,...



## ĐỌC

Chân trời sáng tạo

### VĂN BẢN 1

## LỜI TIỄN DẶN

(Trích *Tiễn dặn người yêu* – truyện thơ dân tộc Thái)

*Tiễn dặn người yêu* (nguyên văn tiếng Thái là *Xống chụ xon xao*) là một trong những truyện thơ hay nhất trong kho tàng truyện thơ của các dân tộc thiểu số Việt Nam. Người Thái có câu "Hát *Tiễn dặn* lên, gà ấp phải bỏ ổ, cô gái quên hái rau, anh đi cày quên cày" để bày tỏ niềm tự hào về sức hấp dẫn của tác phẩm này.

Truyện kể từ khi chàng trai và cô gái còn nằm trong bụng mẹ, cùng ra đời, cùng lớn lên, càng lớn càng quấn quýt nhau hơn. Chàng trai đã mang sính lễ đến xin ở rể nhưng cha mẹ cô gái chê anh nghèo và nhận lời gả cô cho một người giàu có. Cô gái đau khổ nhưng không thể cãi lời cha mẹ. Chàng trai quyết đi làm ăn xa và dặn cô gái đợi anh mang tiền về chuộc.

Khi người chồng hết thời hạn ở rể[1], cô gái phải rời nhà cha mẹ để về nhà chồng. Chàng trai trở về thì mọi sự đã muộn. Anh đành chỉ biết dặn dò cô "hết lời, hết lẽ" và tiễn cô về tận nhà chồng. Chứng kiến cô gái bị nhà chồng hắt hủi, đánh đập, anh chăm sóc thuốc thang cho cô và càng ước mong có ngày cả hai được đoàn tụ. Vài năm sau, cô gái bị nhà chồng đuổi về nhưng vừa về nhà, cô lại bị cha mẹ bán đứt cho một nhà quan. Ở đây, cô gái đau khổ, trở nên ngẩn ngơ. Họ mang cô ra chợ bán, cô gái xinh đẹp ngày nào mà nay chỉ đổi ngang một bó lá dong. Người đổi được cô may sao lại là chàng trai năm xưa nhưng vì cô đổi khác quá nhiều, anh không nhận ra và chỉ coi cô như một kẻ hầu. Tủi phận, một ngày kia cô mang đàn môi, kỉ vật ngày xưa, ra thổi. Anh bàng hoàng nhận ra người yêu cũ và quyết định cưới cô làm vợ.

Bản truyện thơ *Tiễn dặn người yêu* do Mạc Phi dịch gồm 1846 câu, trong đó có gần 400 câu tiễn dặn. Đoạn trích dưới đây gồm hai lời tiễn dặn: lời đầu (từ câu "Quẩy gánh qua đồng rộng" đến "thẳng tới tận nhà") là lời dặn dò của chàng trai khi anh tiễn cô về tận nhà chồng; lời thứ hai (từ câu "Dậy đi em, dậy đi em ơi!" đến hết đoạn trích) là lời khẳng định mối tình tha thiết, bền chặt của anh khi chứng kiến cảnh cô bị nhà chồng hắt hủi, hành hạ.

## Trước khi đọc

Bạn đã học về truyện thơ Nôm ở lớp 9. Theo bạn, khi đọc một truyện thơ, chúng ta cần chú ý điều gì?

## Đọc văn bản

Quẩy gánh qua đồng rộng,
Người đẹp anh yêu cất bước theo chồng.
Vừa đi vừa ngoảnh lại,
Vừa đi vừa ngoái trông,
Chân bước xa lòng càng đau nhớ.
Em tới rừng ớt ngắt lá ớt ngồi chờ,
Tới rừng cà ngắt lá cà ngồi đợi,
Tới rừng lá ngón[2] ngóng trông.
Anh tới nơi, em bẻ lá xanh em ngồi;
Được nhủ đôi câu, anh mới đành lòng quay lại,
Được dặn đôi lời, anh yêu em mới chịu quay đi.



Bìa 1 cuốn *Tiễn dặn người yêu*, NXB Văn hoá dân tộc, 1977

[1] *Ở rể*: người Thái xưa có tục ở rể. Trước khi đưa vợ về nhà bố mẹ mình hoặc ra ở riêng, người chồng phải qua giai đoạn rể ngoài (đi làm cho nhà vợ nhưng chỉ được nhà vợ coi như khách) từ một đến ba năm; giai đoạn rể trong (sống cùng vợ ở nhà vợ) từ ba đến bảy năm.

[2] *Lá cà, lá ngón*: các loại lá độc.

[...]

Xin hãy cho anh kể vóc mảnh,

Quấn quanh vai ủ lấy hương người,

Cho mai sau lửa xác đượm hơi[1], 1

Một lát bên em thay lời tiễn dặn!

Con nhỏ hãy đưa anh ẵm,

Bé xinh hãy đưa anh bồng,

Cho anh bế con dòng, đừng ngượng,

Nựng con rồng, con phượng[2], đừng buồn.

[...]

Đôi ta yêu nhau đợi tới tháng Năm lau nở,

Đợi mùa nước đỏ[3] cá về,

Đợi chim tăng lớ[4] hót gọi hè.

Không lấy được nhau mùa hạ, ta sẽ lấy nhau mùa đông,

Không lấy được nhau thời trẻ, ta lấy nhau khi goá bụa về già.

[...]

Anh ngỡ tưởng em mảng vui quên dậy!

"Dậy đi em, dậy đi em ơi!

Dậy giũ áo kẻo bọ,

Dậy phủi áo kẻo lấm!

Đầu bù anh chải cho,

Tóc rối đưa anh búi hộ!"

Anh chặt tre về đốt gióng đầu,

Chặt tre dày, anh hun gióng giữa,

**Suy luận**

1 Vì sao chàng trai lại nói đến điều này? Lời nói của anh có ý nghĩa gì?

Chân trời sáng tạo

[1] Người Thái có tục hoả táng. Khi hoả táng, người Thái thường đốt theo cái khăn, áo hoặc vài sợi tóc của người thân yêu nhất vì họ quan niệm cần có hơi hương của người thân để người chết không cô đơn, hồn siêu thoát. Câu thơ ý nói: không lấy được nhau thì suốt đời cũng không có ai thân yêu hơn. Vì vậy, chàng trai mượn hương người yêu ngay từ lúc này để sau này lúc chết, xác sẽ nhờ hơi hương của cô mà cháy đượm, vong hồn được siêu thoát.

[2] *Con dòng, con rồng, con phượng*: ở đây chỉ con của cô gái với chồng, được chàng trai quý mến, thương yêu.

[3] *Mùa nước đỏ*: mùa nước lũ.

[4] *Chim tăng lớ*: tên gọi theo tiếng kêu của một loại chim đẹp, lông màu xanh, thường hót vào mùa hạ, tiếng hót cao và buồn.

Lam[1] ống thuốc này em uống khỏi đau. 2
Tơ rối đôi ta cùng gỡ,
Tơ vò ta vuốt lại quay guồng;
Quay lại guồng gỗ tốt, cán thuôn,
Về với người ta thương thuở cũ.
Chết ba năm hình còn treo đó;
Chết thành sông, vục nước uống mát lòng,
Chết thành đất, mọc dây trầu xanh thắm,
Chết thành bèo, ta trôi nổi ao chung,
Chết thành muôi, ta múc xuống cùng bát,
Chết thành hồn, chung một mái, song song.
Hỡi gốc dưa yêu mọc ngoài cồn cát,
Nước ngập gốc đáng lụi, đừng lụi,
Nước ngập rễ đáng bệnh, đừng bệnh.
Đôi ta yêu nhau, tình Lú – Ủa[2] mặn nồng,
Lời đã trao thương không lạc mất.
Như bán trâu ngoài chợ,
Như thu lúa muôn bông[3],
Lòng ta thương nhau trăm lớp nghìn trùng,
Bền chắc như vàng, như đá.
Yêu nhau, yêu trọn đời gỗ cứng,
Yêu nhau, yêu trọn kiếp đến già,
Ta yêu nhau tàn đời gió[4], không rung không chuyển,
Người xiểm xui, không ngoảnh không nghe. 3

(Trích *Tiễn dặn người yêu – Xống chụ xon xao*,
Mạc Phi dịch và giới thiệu, NXB Văn học, Hà Nội, 1973, tr. 122 – 140)

**Tưởng tượng**

2 Bạn hình dung như thế nào về hoàn cảnh của cô gái và hành động của chàng trai lúc này?

**Suy luận**

3 Những câu thơ này thể hiện tình cảm của hai nhân vật như thế nào?

[1] *Lam*: đun sôi hoặc nấu chín gạo, nước không bằng nồi, siêu (ấm) mà bằng gióng tre, gióng nứa tươi.

[2] *Tình Lú – Ủa*: truyện cổ *Khun Lú Nàng Ủa* (*Chàng Lú nàng Ủa*) của dân tộc Xá kể rằng chàng Lú và nàng Ủa yêu nhau tha thiết từ nhỏ, nhưng lớn lên, nàng Ủa bị cha mẹ cưỡng gả cho một tù trưởng. Vì vậy, cả hai đã tự vẫn, kiện lên đến Trời. Nhưng chính Trời lại là chủ mưu trong chuyện này nên họ đã bị đày thành hai ngôi sao, mỗi ngôi sao đứng một góc trời ngóng trông nhau mà mãi mãi không được gần nhau. Một ngôi sao là Khun Lú, một ngôi sao là Nàng Ủa (người Kinh gọi là sao Hôm, sao Mai).

[3] *Thu lúa muôn bông*: sau khi thu về không còn biết đám nào gặt ở ruộng nào.

[4] *Tàn đời gió*: suốt từ lúc gió nổi đến lúc gió lặng là một đời gió. Tàn đời gió là hết một trận gió. Cũng có ý là gió thổi mãi mãi vẫn không rung chuyển, bao giờ hết gió, không có gió nữa mới là tàn đời gió, ý nói mãi mãi.

## Sau khi đọc

1. Lời "tiễn dặn" được thuật lại theo ngôi kể nào? Vì sao bạn biết?
2. Lời "tiễn dặn" giúp bạn biết gì về nhân vật chàng trai và cô gái? Qua đó, hãy nhận xét cách xây dựng nhân vật trong truyện thơ dân gian.
3. Bạn hãy chỉ ra những chi tiết quan trọng trong văn bản *Lời tiễn dặn* và phân tích vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung truyện thơ.
4. Nêu chủ đề của văn bản và cho biết qua văn bản này, tác giả dân gian muốn gửi gắm thông điệp gì.
5. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết văn bản *Lời tiễn dặn* thuộc thể loại truyện thơ?
6. Từ văn bản *Lời tiễn dặn*, bạn có suy nghĩ gì về khát khao đoàn tụ của đôi trai gái người Thái ngày xưa?

## VĂN BẢN 2

# TÚ UYÊN GẶP GIÁNG KIỀU

(Trích *Bích Câu kì ngộ*)

**Vũ Quốc Trân**

*Bích Câu kì ngộ* (Sự gặp gỡ lạ lùng ở đất Bích Câu) kể về một thư sinh ở vào đời Lê Thánh Tôn[1] tên gọi Trần Tú Uyên. Cha mẹ mất sớm, chàng dựng nhà ở giữa hồ Bích Câu để chuyên tâm đèn sách. Trong một dịp tình cờ, Tú Uyên gặp được một cô gái đẹp như tiên giáng trần, bèn đi theo thì nàng chợt biến mất không rõ tung tích, nên chàng mắc bệnh tương tư. Sau đó, Tú Uyên mua được một bức tranh vẽ hình mĩ nữ hệt như người chàng đã gặp, mang về treo trong nhà. Một thời gian sau, lúc nào từ trường về nhà, Tú Uyên cũng thấy cơm nước sẵn sàng. Chàng rình xem, thấy mĩ nhân trong tranh bước ra, vội chạy vào chào hỏi. Người con gái xưng là tiên nữ Giáng Kiều, nguyện cùng chàng kết nhân duyên. Hai người sống với nhau hạnh phúc được ba năm, song Tú Uyên dần trở nên nghiện rượu. Giáng Kiều khuyên chồng không được, bèn bỏ về tiên giới. Tú Uyên hối hận, sinh ra sầu não, đau ốm, định quyên sinh.




*Bích Câu kì ngộ (Chuyện Tú Uyên)*
(Hoàng Xuân Hãn hiệu đính và chú giải, NXB Huế, 1963)

[1] *Lê Thánh Tôn*: còn gọi là Lê Thánh Tông.

Đúng lúc ấy, Giáng Kiều hiện ra, tha lỗi cho chồng, hai vợ chồng nối lại duyên xưa. Từ đó, Tú Uyên nghe lời vợ chuyên tâm tu đạo. Cuối cùng, có đôi chim hạc từ trên mây bay xuống đưa hai vợ chồng về cõi tiên.

Trong truyện có sự xuất hiện của các địa danh và con người Việt Nam. Bích Câu nay là phố Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tại đây vẫn còn Bích Câu đạo quán (đền thờ Tú Uyên) và các di tích của câu chuyện này.

Tác phẩm nguyên là truyện viết bằng chữ Hán, được cho là của Đoàn Thị Điểm, về sau được dịch ra truyện thơ Nôm và phổ biến rộng rãi. Trước đây, nhiều người cho rằng truyện thơ này là của một tác giả khuyết danh, nhưng theo các nhà nghiên cứu hiện nay thì người sáng tác truyện thơ là Vũ Quốc Trân (? – ?), người làng Đan Loan, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, từng sống ở phường Đại Lợi (một phần phố Hàng Đào thuộc Hà Nội ngày nay) vào khoảng giữa thế kỉ XIX.

## Trước khi đọc

Theo bạn, thế nào là "người đẹp trong tranh" hay "người đẹp như tranh"? Hãy thử chia sẻ tưởng tượng của bạn về hình ảnh người đẹp bước ra từ một bức tranh.

## Đọc văn bản

(Lược dẫn: *Đoạn dưới đây kể về chàng Tú Uyên lúc nào cũng ôm tranh bên mình, lòng mơ tưởng đến người đẹp. Cho tới một ngày kia, chàng bắt gặp người đẹp bước ra từ trong tranh.*)

Mưa hoa khép cánh song hồ[1]
Sớm khuya với bức hoạ đồ làm đôi
Mâm chung một, đũa thêm hai
Thơ trao dưới nguyệt, rượu mời trước hoa
Tưởng gần thôi lại nghĩ xa
Có khi hình ảnh cũng là phát phu[2]
Êm trời vừa tiết trăng thu
Ngàn sương rắc bạc, lá khô rụng vàng
Chiều thu như gợi tấm thương
Lòng người trông xuống sông Tương[3] mơ hình

[1] *Song hồ* (*song*: cửa sổ; *hồ*: phết giấy): ở đây chỉ nơi đọc sách của học trò nghèo.
[2] *Phát phu* (*phát*: tóc; *phu*: da): tóc và da, hai thứ tượng trưng cho thân thể con người, ở đây chỉ hình ảnh cũng giống như người thật.
[3] *Sông Tương*: tục truyền hai bà Nga Hoàng và Nữ Anh – vợ vua Thuấn đã khóc chồng bên bờ sông Tương, ở đây chỉ nỗi tương tư của nhân vật.

Kể bên năn nỉ bày tình
Nỗi nhà thuở trước, nỗi mình ngày xưa
Từ phen giáp mặt đến giờ
Những là ngày tưởng đêm mơ đã chồn[1]
Ấy ai điểm phấn tô son
Để ai ruột héo, gan mòn vì ai?
Buồng đào nửa bước chẳng rời
Nghìn vàng đổi được trận cười ấy chăng?
Rày xin bẻ khoá cung trăng
Vén mây mở mặt chị Hằng, chút nao!
Chọt trông mấp máy miệng đào
Mặt hoa hớn hở dường chào chúa Đông[2]
Cho hay tình cũng là chung
Khách tiên chưa dễ qua vòng ái ân!
Một khi ra việc trường văn[3]
Trở về đã thấy bát trân[4] sẵn sàng
So xem phong vị khác thường
Mùi hoa sực nức, mùi hương ngạt ngào
Bếp trời[5] sẵn đó hay sao?
Của đâu thấy lạ, lòng nào chẳng nghi!
Sáng mai cứ buổi ra đi
Liệu chừng thoắt trở lại về thử coi
Bỗng đâu thấy sự lạ đời
Trong tranh sao có bóng người vào ra?
Nhân nhân[6] mày liễu mặt hoa

**Suy luận**

1 Bạn có nhận xét gì về tình cảm của chàng Tú Uyên thể hiện trong đoạn này?

[1] *Chồn*: (nghĩa đen) mỏi mệt đến mức không cử động được, ở đây để chỉ nỗi nhớ người yêu đến mức mệt mỏi của Tú Uyên.
[2] *Chúa Đông*: tức Đông Quân, vị thần coi về mùa xuân, ở đây chỉ mùa xuân.
[3] *Trường văn*: nơi học tập của học trò ngày xưa.
[4] *Bát trân* (*bát:* tám; *trân:* quý): tám món ăn quý. Theo sách *Chu lễ*, tám món ăn ấy là: bột ngào, bánh mỡ, heo quay, dê thui, chả quết, thịt ướp, nem luộc và gan nướng, ở đây chỉ thức ăn ngon.
[5] *Bếp trời*: tức Thiên Trù, tên một ngôi sao chăm lo việc bếp cho nhà trời.
[6] *Nhân*: nghĩa là người.

Chân trời sáng tạo

Này người khi trước đâu mà đến đây?
Nàng đương trang điểm nào hay
Cửa ngoài sẽ hé cánh mây bước vào
Vội vàng đánh tiếng ra chào
Bên mừng bên lệ, xiết bao là tình!
Rằng: "Bấy lâu một chữ tình
Gặp đây xin tỏ tính danh cho tường?"
Nàng rằng: "Bổ liễu[1] phận thường
Vì mang má phấn nên vương tơ điều[2]
Vốn xưa thiếp khách thanh tiêu[3]
Tiên Thù là hiệu, Giáng Kiều là tên
Ba sinh[4] đã nặng vì duyên
Đem thân liễu yếu kết nguyền đào thơ
Nhân duyên đã định từ xưa
Tơ trăng[5] xe đến bây giờ mới thân
Cũng là nhờ đức tiên quân[6]
Đoá hoa biết mặt chúa xuân từ rày"
Sinh rằng: "Trong bấy lâu nay
Nhắp sầu gối muộn có ngày nào nguôi
Đã rằng: tác hợp duyên trời[7]
Làm chi cho bận lòng người lắm nao[8]!"
Nàng rằng: "Xin quyết gieo cầu[9]
Tấm son[10] thề với trên đầu xanh xanh

[1] *Bổ liễu*: cây bổ liễu, còn gọi là cây thuỷ dương, là thứ cây cành lá dài và mềm, dáng vẻ thướt tha, mềm yếu, dùng để ví người phụ nữ.
[2] *Tơ điều*: tơ đỏ xe duyên.
[3] *Thanh tiêu* (*thanh:* xanh; *tiêu:* trời): tức trên trời, nhà trời. *Khách thanh tiêu*: người nhà trời, người cõi tiên.
[4] *Ba sinh*: ba kiếp người (kiếp trước, kiếp này và kiếp sau) theo thuyết luân hồi của Phật giáo. *Duyên nợ ba sinh*: duyên nợ gắn bó với nhau nhiều lần.
[5] *Tơ trăng*: là dây tơ hồng của Nguyệt Lão xe duyên vợ chồng.
[6] *Tiên quân*: tức chúa tiên.
[7] *Tác hợp duyên trời*: theo câu "thiên tác chi hợp" (trời làm cho hai bên kết hợp với nhau) trong *Kinh Thi*, ý nói cái duyên tự trời gây nên.
[8] *Lắm nao*: có bản chép "lắm nau", cũng như "lắm thay", là tiếng đệm.
[9] *Gieo cầu*: chọn người để lấy làm chồng. Do tích vua Hán Vũ Đế cho công chúa ngồi trên lầu ném quả cầu xuống, ai cướp được thì lấy người ấy. Về sau, các nhà quyền quý cũng bắt chước cách này để kén rể.
[10] *Tấm son*: tức tấm lòng.

Dám đâu học thói yến oanh[1]
Mặn tình trăng gió, nhạt tình lửa hương
Gieo thoi[2] trước đã dở dang
Sao nên nát đá phai vàng như chơi
Mái Tây[3] còn để tiếng đời
Treo gương kim cổ cho người soi chung
Lạ gì hoa với gió đông
Tiếc hương vả cũng nể lòng chim xanh[4]
Một mai mưa gió bất tình
Vóc tàn nên để yến oanh hững hờ
Nghĩ trong thân phận yếu thơ
Làm chi để tiếng sờ sờ lại sau!"
Nói thôi rút chiếc trâm đầu
Biến hình liền thấy đôi hầu theo ra
Tưng bừng sắm sửa tiệc hoa
Bình trầm đưa khói, chén hà[5] đậm hương
Giọng tình sánh với quỳnh tương[6]
Giả say sinh mới toan đường lần khân
Thưa rằng: "Túc trái tiền nhân[7]
Không dưng dễ xuống cõi trần làm chi
Song còn mấy bạn tương tri[8]
Bấy lâu chưa có chút gì là đâu

[1] *Yến oanh*: chim yến và chim oanh. Hai loại chim thường bay từng đàn. Nghĩa bóng: đông đúc, rộn rịp, ham vui.
[2] *Gieo thoi*: ném cái thoi, chỉ người con gái phải biết giữ mình để bảo toàn tiết hạnh. Trong *Tấn Thư* chép chuyện Tạ Côn đời Tấn ghẹo cô gái hàng xóm họ Cao lúc cô đang dệt cửi, bị cô lấy con thoi ném làm Côn gãy mất hai cái răng.
[3] *Mái Tây*: để chỉ *Tây sương kí*, một vở kịch của Vương Thực Phủ kể về câu chuyện tình yêu giữa nàng Thôi Oanh Oanh và thư sinh Trương Quân Thuỵ. Nàng Oanh Oanh chủ động gặp chàng ở mái Tây chùa Phổ Cứu.
[4] *Chim xanh*: để chỉ người đưa tin, người làm mối.
[5] *Chén hà*: *hà* là ráng chiều, *chén hà* để chỉ thứ chén ngọc long lanh như nắng chiều, cũng dùng để chỉ một thứ rượu tiên, uống vào có thể thành tiên, ở đây chỉ chén đẹp.
[6] *Quỳnh tương* (*quỳnh:* ngọc quỳnh; *tương:* nước): chỉ rượu ngon, rượu quý.
[7] *Túc trái* (*túc:* cũ, trước; *trái:* nợ): nợ từ kiếp trước, theo Phật giáo. *Tiền nhân* (*tiền:* trước; *nhân:* nguyên nhân): nguyên nhân kiếp trước, theo Phật giáo.
[8] *Tương tri* (*tương:* cùng, *tri:* biết): hai người biết nhau, hiểu nhau.

Chân trời sáng tạo

Trước xin từ biệt cùng nhau
Chữ duyên này trở về sau còn dài"
Nghe lời nói cũng êm tai
Chiều lòng chi nỡ ép nài mưa mây
Trước sân mừng cuộc tỉnh say
Tiếng vui đãi nguyệt[1], tiệc bày đối hoa
Bóng mây bỗng kéo quanh nhà
Thảo am[2] thoắt đã đổi ra lâu đài
Tường quang[3] sáng một góc trời
Nhởn nhơ áo, mũ, xiêm, hài, biết bao!
Người yểu điệu, khách thanh tao
Mỗi người một vẻ, ai nào kém ai
Lả lơi bên nói bên cười
Bên mừng cố hữu[4], bên mời tân lang[5]
Đong đưa khoe thắm đua vàng
Vũ y thấp thoáng, Nghê thường[6] thiết tha.

(Trích *Bích Câu kì ngộ*, Thi Nham Đinh Gia Thuyết đính chính và chú thích, *Cổ văn Việt Nam*, 1952, tr. 36 – 42)

**Tưởng tượng**

2 Hãy hình dung sự thay đổi của khung cảnh trước và sau khi nàng tiên Giáng Kiều làm phép.

## Sau khi đọc

1. Dựa vào tóm tắt, cho biết cốt truyện của *Bích Câu kì ngộ* được xây dựng theo mô hình nào.
2. Chỉ ra chi tiết có vai trò quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
3. Phân tích đặc điểm của nhân vật Tú Uyên và Giáng Kiều thể hiện qua đoạn trích.
4. Nhận xét về cách thể hiện thái độ, tình cảm của nhân vật Giáng Kiều qua lời thoại dưới đây:

[1] *Đãi nguyệt* (*đãi:* chờ, *nguyệt:* trăng): chờ trăng.
[2] *Thảo am*: lều cỏ, nhà tranh.
[3] *Tường quang*: ánh sáng tốt lành.
[4] *Cố hữu*: ở đây có nghĩa là bạn cũ.
[5] *Tân lang*: chú rể.
[6] *Vũ y, Nghê thường*: *vũ y* là quần áo múa; *nghê thường* là xiêm y của các nàng tiên, màu sắc cầu vồng. Dị Văn Lục chép: Vua Đường Minh Hoàng nhân đêm Trung thu được một đạo sĩ hoá phép đưa lên chơi cung trăng. Các tiên nữ trên cung trăng xiêm áo lộng lẫy, múa hát duyên dáng. Khi về lại cõi trần, nhà vua phỏng theo điệu nhạc của các tiên nữ trên cung trăng mà chế ra điệu "Nghê thường vũ y khúc" cho các cung nhân múa hát.

*Thưa rằng: "Túc trái tiền nhân*
*Không dưng dễ xuống cõi trần làm chi*
*Song còn mấy bạn tương tri*
*Bấy lâu chưa có chút gì là đâu*
*Trước xin từ biệt cùng nhau*
*Chữ duyên này trở về sau còn dài"?*

5. Dấu hiệu nào trong đoạn trích cho thấy đây là truyện thơ Nôm bác học?

6. Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc là gì?

❋ **Bài tập sáng tạo:** Hãy diễn xuôi đoạn trích này và nhận xét sự khác biệt giữa đoạn trích và đoạn diễn văn xuôi về hiệu quả thể hiện nội dung của tác phẩm.

## ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

### NGƯỜI NGỒI ĐỢI TRƯỚC HIÊN NHÀ

**Huỳnh Như Phương**

**Đọc văn bản**

Sau khi Hiệp định Gio-ne-vơ (Geneva) được kí kết, cuối năm 1954 – đầu năm 1955, ở quê tôi gần một nửa gia đình có người thân đi tập kết ra miền Bắc. Không khí làng quê chùng xuống vì tình cảnh kẻ Bắc người Nam. Những người đàn bà tiễn chồng, tiễn con ra đi, mắt đẫm lệ, hẹn hai năm trở về mà lòng còn nghi ngại. Chính quyền "quốc gia" tiếp thu từ vĩ tuyến 17 trở vào và những người con đất Quảng từng hiến tuổi thanh xuân cho cuộc kháng chiến chống Pháp đành phải lìa bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, theo đơn vị vào Quy Nhơn, xuống những chiếc tàu Ba Lan đang đợi sẵn. Nhiều người ra đi khi vừa lập gia đình, để lại những người vợ trẻ, có người mang bào thai trong bụng.

Nhà ngoại tôi năm người ra đi trên những chuyến tàu năm ấy: ông ngoại, hai người con trai và hai người con rể. Mới một tháng trước đó, nhà tôi rộn rã với đám cưới của dì Bảy. Dượng Bảy người Tam Kỳ (Quảng Nam), mồ côi cả cha mẹ, đi bộ đội, đóng quân ở làng tôi, thầm yêu dì, rồi đơn vị đứng ra làm lễ cưới. Chỉ một tháng sau là đơn vị chuyển đi, đôi người đôi ngả.

Ra miền Bắc rồi vào lại miền Nam chiến đấu, dượng tôi vẫn tìm cách liên lạc với gia đình. Thỉnh thoảng một lá thư gói trong bọc ni lông bé tí chuyển đến nhà tôi giữa đêm khuya mang theo tin tức của dượng như một niềm hi vọng đáp lại nỗi trông chờ mòn mỏi của dì. Năm dượng đi, dì tròn hai mươi tuổi. Suốt hai mươi năm sau đó, có những người ngỏ ý, dạm hỏi, dì vẫn không lung lạc, với niềm tin sẽ có ngày

dượng trở về. Gần cuối cuộc chiến tranh, tin nhắn của dượng về nhà thường xuyên hơn. Hình như lời cầu nguyện của dì linh ứng để dượng tránh hòn tên mũi đạn nơi chiến trường.

Nhà tôi gần đường số 1. Mỗi ngày, sau khi đi làm đồng trở về, dì tôi thường ngồi trên bộ phản gõ ngoài hiên nhìn ra con ngõ, nơi ngày xưa dượng cùng những người đồng đội lần đầu đến nhà tôi xin chỗ trú quân. Tháng Tư năm 1975, những đoàn xe Mô-lô-tô-va (Molotova) nối tiếp nhau chạy ngang trước nhà tôi để chuyển quân vào mặt trận phía Nam. Dượng tôi ở trên một trong những chuyến xe đó. Hai mươi năm, dượng không quên người xưa nhưng đã quên cảnh cũ. Khi đến địa phận huyện Mộ Đức, dượng đảo mắt tìm xóm nhà quê vợ nhưng không nhận ra vì cảnh vật đổi thay. Đến khi dừng lại hỏi nhà, thì xe đã chạy vượt qua gần năm cây số. Trên đường tiến quân, đâu thể quay xe trở lại, dượng chỉ kịp nhờ một người đi đường báo tin cho gia đình.

Những ngày sau đó, gia đình tôi nao nức trong niềm vui chờ đợi. Ông ngoại tôi mất sớm trên miền Bắc, ba tôi hi sinh trên chiến trường đã tám năm, nỗi đau dần nguôi ngoai. Nhà có năm người ra đi, ba người trở về, cũng còn là may mắn. Dì Bảy tôi lại ngồi trước hiên nhà mỏi mắt nhìn ra đường cái. Nhưng hai cậu tôi lần lượt trở về mà dượng Bảy vẫn không tin tức. Những chiếc xe chở bộ đội hồi hương chạy qua không dừng lại. Gia đình dò hỏi các nơi, mãi đến cuối năm 1975 mới nhận giấy báo tử: dượng ngã xuống trong trận đánh ở Xuân Lộc, cửa ngõ phía đông bắc Sài Gòn, chỉ mươi ngày trước khi chiến tranh ngưng tiếng súng.

Như trong một câu chuyện cổ, người kị sĩ ra đi trên lưng chiến mã nhưng ngày chiến thắng chỉ có chiến mã trở về mà không bóng dáng người trên lưng ngựa. Dì tôi nén nỗi đau vào bên trong. Nhà tôi lập bàn thờ cho dượng. Tôi đã nhờ người về tận xã Tam Thanh, huyện Tam Kỳ (nay là thành phố Tam Kỳ), tỉnh Quảng Nam tìm gia đình dượng nhưng không ai còn nhớ tên người lính cũ Nguyễn Ngọc Linh. Gần đây, dò tìm danh sách liệt sĩ trên mạng, cũng không có thông tin gì để tìm mộ phần của dượng.

Ngày hoà bình, dì tôi đã qua tuổi bốn mươi. Vẫn có người đàn ông để ý đến dì nhưng lòng dì đã không còn rung động. Bà ngoại tôi ngày một già yếu. Những người con trai của bà về thăm ít ngày rồi lại đi ra thành phố. Những người con gái theo chồng, theo con. Chỉ còn mình dì Bảy ở lại chăm sóc bà, trông coi nhà thờ giữa khu vườn ít bàn tay vun xới.

Bà ngoại mất, mấy năm trước dì vào Sài Gòn sống với em nhưng được ít lâu, nhớ quê, lại về sống một mình trong ngôi nhà cũ. Dì lại tiếp tục những bữa cơm vắng lặng như mấy mươi năm trước. Và mỗi buổi chiều muộn lại ra ngồi trước hiên nhà, nhìn con đường kéo dài như nỗi chờ mong trong vô vọng. Đêm đêm, ngọn đèn

điện trên gian thờ lập loè theo tiếng kêu của thạch sùng, có cảm giác như thời gian ngưng đọng đã từ lâu lắm. Mỗi lần về thăm, ngồi bên mâm cơm đạm bạc với dì, tôi chợt nghĩ nếu ngày đó dì đi bước nữa thì liệu bây giờ dì có được hưởng hạnh phúc không. Hay là hồi trẻ dì "tự túc" một đứa con, theo lời khuyên trong một lá thư đẫm tình thương yêu của dượng, hẳn nay có chỗ trông nhờ và nguồn an ủi.

Mùa lụt năm ngoái, sau những trận mưa dữ dội là những cơn xả lũ ác nhơn, vùng quê tôi nước tràn trắng trời trắng đất. Nhà ngoại tôi nước ngập đến lưng cửa sổ, gần bằng trận lụt năm Giáp Thìn (1964). Nhớ hồi đó, tôi còn nhỏ, nhà tôi đông người, thôn xóm cho ghe đến tận nhà chuyển người và gia súc lên vùng đồi cao. Lần này, chỉ có dì Bảy với người cháu gái, nửa đêm nước dâng vào nhà bất thần, may có vài người bà con ở gần đến giúp đỡ kê bàn ghế để có chỗ nằm cao hơn mặt nước, chờ đất trời thu nước xuống.

Mùa lũ dữ rồi cũng qua, vườn rau xanh trở lại. Những ngày này, dì tôi, bà Lê Thị Thoả, một trong bao người phụ nữ bình dị đã đi qua chiến tranh, năm nay tròn tám mươi tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết ở ngôi nhà gần cầu Vĩnh Phú thuộc thị trấn Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyện cầu hồn thiêng những người đã ngã xuống độ trì cho dì bình an, trường thọ.

Xuân Ất Mùi, 2015

(In trong *Thành phố những thước phim quay chậm, Tản văn*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2018, tr. 265 – 270)

## Sau khi đọc

1. Bạn có suy nghĩ gì về hình ảnh người vợ trong văn bản?
2. Niềm khát khao đoàn tụ được thể hiện trong văn bản như thế nào? Hãy nêu một số chi tiết tiêu biểu thể hiện điều này.
3. Bạn đã bao giờ nghe câu chuyện nào khác về sự chia li và khát vọng đoàn tụ trong cuộc sống hay chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện đó với các bạn bằng cách kể hoặc viết lại.

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Có những trường hợp ngôn ngữ nói được ghi lại bằng chữ viết. Lấy ví dụ và chỉ ra những dấu hiệu nhận biết ngôn ngữ nói trong các trường hợp đó.
2. Lời thoại của nhân vật trong các đoạn trích dưới đây có những đặc điểm nào của ngôn ngữ nói?

a. – *Tươm rồi đấy, anh* – Cô gái nói trong bóng tối.
– *Cám ơn nhé, Nhật Giang!*

*Cô gái trở lại với nỗi ngạc nhiên:*

*– Ô kìa. Ừ nhỉ, sao anh biết tên em?*

*Tôi cười, không đáp.*

*– À, em biết rồi. Anh toạ độ chứ gì mà. Các anh bộ đội chuyên thế. Cứ gọi: Lan, Hằng, Liên, Oanh thế nào cũng trúng, chứ gì?*

*– Nhưng Giang, lại Nhật Giang nữa, chắc không có hai người tên như thế đâu, đoán mò sao được.*

(Bảo Ninh, *Giang*)

b. *Bỗng thằng Cò kêu "oái" một tiếng, hai tay vò trán lia lịa.*

*– Có ong sắt, tía ơi! Nó đánh con một vết đây nè!*

*Tôi nhanh trí ngược hướng gió chạy ra xa để tránh bầy ong, và nhân thể bứt vội vàng một nắm cỏ tranh và sậy khô đưa lại cho tía nuôi tôi:*

*– Tía ơi, đốt nó đi, tía!*

*Tía nuôi tôi mỉm cười, khoát khoát tay:*

*– Đừng! Không nên giết ong, con à! Để tía đuổi nó cách khác...*

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)

**3.** Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*"Dậy đi em, dậy đi em ơi!*
*Dậy giũ áo kẻo bọ,*
*Dậy phủi áo kẻo lấm!*
*Đầu bù anh chải cho,*
*Tóc rối đưa anh búi hộ!"*

(Truyện thơ dân tộc Thái, *Tiễn dặn người yêu*)

a. Lời của nhân vật trong đoạn trích trên có mang đặc điểm của ngôn ngữ nói không? Vì sao?

b. Từ các ngữ liệu ở bài tập 2 và 3, hãy nhận xét về sự khác biệt giữa lời nói của nhân vật trong văn bản truyện và văn bản truyện thơ.

**4.** Đọc (thành tiếng) phần *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói* ở mục *Tri thức Ngữ văn*. Phần đọc (thành tiếng) này có những đặc điểm của ngôn ngữ nói không? Vì sao?

## TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu nhận xét về một nhân vật/ chi tiết trong một truyện thơ đã để lại cho bạn ấn tượng sâu sắc nhất.

Chân trời sáng tạo

## ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

# THỊ KÍNH NUÔI CON CHO THỊ MẦU

(Trích *Quan Âm Thị Kính* – truyện thơ khuyết danh Việt Nam)

Thị Kính – con gái nhà nghèo, lấy chồng là Thiện Sỹ, con nhà phú ông. Một đêm, Thiện Sỹ ngồi đọc sách mệt mỏi nên ngủ thiếp đi. Thị Kính thấy dưới cằm chồng có râu mọc ngược, cho là điềm gở nên cầm dao định cắt. Đúng lúc Thiện Sỹ giật mình tỉnh dậy, cho là vợ định hại mình nên hô hoán lên. Cha mẹ chồng đuổi Thị Kính về nhà cha mẹ đẻ. Nàng buồn tủi, toan tự vẫn nhưng thương cha mẹ già nên để tròn quả phúc, nàng đã cải nam trang, đổi tên là Kính Tâm và đến tu ở chùa Vân Tự.

Thị Mầu, con gái phú ông, vốn có tính lẳng lơ, tưởng Kính Tâm là trai bèn đem lòng say đắm. Về nhà, thị tư thông cùng đứa đầy tớ trai và có chửa. Bị hào lí trong làng tra hỏi, thị liền đổ cho Kính Tâm. Sau khi sinh con trai, Thị Mầu đem con "trả" cho Kính Tâm. Kính Tâm thương đứa bé vô tội nên đã nuôi nấng tử tế, mặc điều tiếng dị nghị. Khi đứa bé lên ba thì Kính Tâm mất. Lúc sư vãi trong chùa ra liệm thi hài và đọc được bức thư tuyệt mệnh nàng để lại, mọi người mới rõ những nỗi oan của nàng. Về phần Thiện Sỹ, sau khi đuổi vợ đi, chàng vẫn ngày đêm thương nhớ. Hay tin Kính Tâm mất, chàng cùng người nhà đến lo việc ma chay cho nàng rồi sau cũng đi tu trọn đời ở ngôi chùa đó.

[...]

Tiểu đương tụng niệm khấn nguyền,
Bỗng nghe tiếng trẻ tá[1] lên giật mình.
Ngoảnh đi thì dạ chẳng đành,
Nhận ra thì hoá là tình chẳng ngay.
Gớm thay mặt dạn mày dày,
Trân trân[2] rằng giả con đây mà về.
Cơ thiền[3] kể đã khất khe,
Khéo xui ra đứa làm rê riếu[4] mình.
Nhưng mà trong dạ hiếu sinh[5],
Phúc thì làm phúc, dơ thì đành dơ.
Cá trong chậu nước sởn sơ[6],

[1] *Tá*: (từ gốc Hán) tiếng kêu, lời than thở, ở đây là tiếng kêu khóc của trẻ em.
[2] *Trân trân*: mặt trơ ra không biết hổ thẹn.
[3] *Cơ thiền*: (Thiền cơ) là thời điểm đạt tới trạng thái định tâm (Thiền định). Câu này nghĩa là việc tu hành để đạt được tới trạng thái định tâm là rất khó.
[4] *Rê riếu*: bêu riếu, làm hại đến thanh danh.
[5] *Hiếu sinh*: có lòng quý trọng sinh mệnh, tránh những hành động gây hại đến sự sống của muôn loài.
[6] *Sởn sơ*: tươi tắn, mập mạp. Một bản khác chép câu này là: "Cá trong chậu nước bơ vơ".

Thì nay chẳng cứu, còn chờ khi nao.
Chẳng sinh cũng chịu cù lao[1],
Xót tình măng sữa nâng vào trong tay.
Bữa sau sư phụ mới hay,
Dạy rằng: "Như thế thì thầy cũng nghi.
Phỏng như khác máu[2] ru thì[3],
Con ai mặc nấy can gì đa mang".
Bạch rằng: "Muôn đội thầy thương,
Xưa nay thầy dạy mọi đường nhỏ to.
Dẫu xây chín đợt phù đồ[4],
Sao bằng làm phúc cứu cho một người.
Vậy nên con phải vâng lời,
Mệnh người dám lấy làm chơi mà liều".
Sư nghe thưa lại mấy điều,
Khen rằng: "Cũng có ít nhiều từ tâm[5]".
Rõ là nước lã[6] mà nhầm,
Cũng đem giọt máu tình thâm[7] hoà vào.
Mẹ vò thì sữa khát khao,
Lo nuôi con nhện làm sao cho tuyền[8].
Nâng niu xiết nỗi truân chuyên,
Nhai cơm mớm sữa để nên con người.
Đến dân ai cũng chê cười,
Tiểu kia tu có trót đời được đâu.
Biết chăng một đứa thương đâu,
Mình là hai với Thị Mầu là ba[9].

---

[1] *Cù lao*: công cha mẹ nuôi nấng khó nhọc.
[2] *Khác máu*: ý nói không phải con mình sinh ra.
[3] *Ru thì*: vậy thì, thế thì. Một bản khác chép câu này là: "Phỏng như khác máu dù thì".
[4] *Phù đồ*: tên cái tháp thờ Phật.
[5] *Từ tâm*: lòng nhân từ.
[6] *Nước lã*: ý trong câu "Giọt máu đào hơn ao nước lã".
[7] *Giọt máu tình thâm*: ý nói con chính mình đẻ ra. Cả câu có ý là biết không phải con mình mà coi như con.
[8] *Mẹ vò … làm sao cho tuyền*: mượn ý ca dao xưa: *Tò vò mà nuôi con nhện/ Đến khi nó lớn nó quện nhau đi/ Tò vò ngồi khóc tỉ ti/ Nhện ơi nhện hỡi nhện đi đằng nào?*. Dân gian tin rằng con tò vò (một loài ong) xây tổ đưa con nhện con vào nuôi, sau này, con nhện lớn lên sẽ bỏ đi hết; ý nói là mất công, mất của nuôi người khác vô ích. Ý cả câu là: mẹ (tò vò) không có sữa (sữa khát khao) nhưng vẫn lo nuôi đứa bé con người khác (nhện) sao cho chu toàn.
[9] Cả hai câu ý nói việc thực hay giả, oan hay không thì chỉ có đứa ở, Thị Mầu và Kính Tâm biết.

Ra công nuôi bộ[1] thực là,
Nhưng buồn có trẻ hoá ra đỡ buồn.
Khi trống tàn, lúc chuông dồn,
Tiếng chuông lẫn tiếng ru con tối ngày.
Phù trì[2] như thổi ra ngay,
Lọ[3] phương hoạt ấu[4] lọ thầy bảo anh[5].
Bùa thiêng đã sẵn kim kinh[6],
Ma vương kia cũng phải kiêng lọ là.
Thoi đưa tháng trọn ngày qua,
Mấy thu mà đã lên ba tuổi rồi.
Con mày mà giống cha nuôi[7],
Hình dung ý tứ khác nào bản sinh.
Mai ngày đến lúc trưởng thành,
Cơ cầu[8] dễ rạng tiền trình[9] hơn xưa.
[...]

(Trích *Quan Âm Thị Kính*, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 10, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 411 – 413)

## Hướng dẫn đọc

1. Tóm tắt nội dung của văn bản trên. Theo bạn, những đặc điểm nào của thể loại truyện thơ đã được thể hiện qua văn bản?
2. Việc Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu đã được thuật lại theo ngôi kể nào, qua điểm nhìn của ai? Nhờ vào đâu mà bạn biết?
3. Nhân vật Thị Kính hiện lên như thế nào qua đoạn trích trên? Từ đó, bạn có nhận xét gì về cách tác giả dân gian xây dựng nhân vật trong truyện thơ?
4. Đoạn trích đã thể hiện những đặc điểm nào của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là ngôn ngữ của truyện thơ Nôm? Hãy phân tích để chứng minh điều đó.
5. Thông điệp bạn nhận được qua đoạn trích trên là gì? Dựa vào đâu bạn cho là như vậy?

---

[1] *Nuôi bộ*: nuôi đứa trẻ sơ sinh mà không dùng sữa mẹ.
[2] *Phù trì*: nâng đỡ, giữ gìn.
[3] *Lọ*: cần gì.
[4] *Phương hoạt ấu*: bài thuốc cho trẻ mau lớn.
[5] *Bảo anh*: bảo vệ sức khoẻ cho trẻ. Ý cả câu là Kính Tâm lo chu đáo, chẳng cần đến thuốc uống mau lớn hay thầy thuốc bảo vệ sức khoẻ cho trẻ.
[6] *Kim kinh*: Kinh Phật được viết bằng chữ thiếp vàng, cũng chỉ kinh *Kim Quang Minh* để độ cho trẻ con.
[7] *Cha nuôi*: chỉ Kính Tâm, vì khi ấy Kính Tâm giả trai.
[8] *Cơ cầu*: con cháu hay giỏi nối nghiệp ông cha.
[9] *Tiền trình*: con đường trước mắt, ý chỉ tương lai. Ý cả câu: đứa bé lớn lên nối nghiệp ông cha càng thêm rạng rỡ, con đường đời phía trước còn hơn thế hệ trước.



VIẾT

# VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (TRUYỆN THƠ) HOẶC MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BÀI HÁT)

## Tri thức về kiểu bài

**Kiểu bài:** *Nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bài hát)* là kiểu bài nghị luận dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm (truyện thơ hoặc bài hát) đó.

**Yêu cầu đối với kiểu bài:**

- Về nội dung: Nêu và nhận xét được một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện thơ/ bài hát dựa trên những lí lẽ xác đáng và bằng chứng tiêu biểu, hợp lí được lấy từ tác phẩm.
- Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết văn bản và kết hợp các thao tác lập luận hợp lí.
- Bố cục bài viết gồm ba phần:

*Mở bài:* Giới thiệu vấn đề nghị luận (tên truyện thơ/ bài hát, tác giả, khái quát nội dung chính của tác phẩm) hoặc nêu định hướng của bài viết.

*Thân bài:* Lần lượt trình bày các luận điểm để làm nổi bật những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật; đưa ra lí lẽ và bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

*Kết bài:* Khẳng định ý kiến về giá trị của tác phẩm hoặc nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc/ người nghe.

## Đọc ngữ liệu tham khảo 1

### Giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện thơ *Trê Cóc*[1]

Trong các truyện thơ Nôm Việt Nam, *Trê Cóc* là tác phẩm khá đặc biệt ở cách sáng tạo nhân vật loài vật, mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người, chuyện xã hội loài người.[1]

Câu chuyện có thể tóm tắt như sau: Vợ chồng Cóc vốn ở gần bờ ao. Đến khi đẻ, vợ Cóc xuống ao sinh ra một đàn nòng nọc. Trê ở dưới ao thấy nòng nọc giống mình, bèn bắt cả đàn về nuôi. Khi Cóc trở lại, thấy Trê chiếm đoạt con mình, mới đem việc đến kiện ở cửa quan. Quan truyền giam Trê lại. Vợ Trê ở nhà đến nhờ Triều Đẩu gỡ tội cho chồng. Triều Đẩu giới thiệu vợ Trê đến tìm Lý Ngạnh, một thủ hạ am tường việc quan.

[1]: Giới thiệu tác phẩm, nhận xét khái quát về nét đặc sắc của tác phẩm.

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Lý Ngạnh lo lót lễ vật vào cáo quan để khiếu nại cho Trê. Quan cho sai nha đến tận nơi tra án. Trông thấy đàn nòng nọc, nha lại cho là con của Trê bèn về trình với quan. Quan liền ra lệnh thả Trê và bắt giam Cóc lại. Đến lượt vợ Cóc phải chạy lo cho chồng. Ếch giới thiệu cho vợ Cóc một thầy kiện trứ danh là Nhái Bén. Nhái Bén khuyên vợ Cóc cứ đợi đàn nòng nọc đứt đuôi tự nhiên sẽ về với mình, không cần phải kiện cáo gì cả. Quả nhiên ít lâu sau, khi ra bờ ao thì đàn cóc con theo mẹ về. Vợ Cóc cùng đàn con đến kêu oan. Trước chứng cứ rõ ràng, Trê phải thú tội và bị kết án "lưu tam thiên lí" (đày xa ba ngàn dặm). Vợ chồng Cóc thắng kiện trở về, một nhà vui sướng sum vầy.[2]

Về nội dung, tư tưởng, tác giả đã thành công trong việc mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người, chuyện của xã hội loài người. Quả thực vậy, dù là truyện về thế giới loài vật nhưng những việc kiện tụng, sai nha hách dịch, quan lại quan liêu, đút lót,... thì lại là của xã hội loài người. Ngoài tính cách phúng thích[1] về thời sự, truyện *Trê Cóc* còn có ý nghĩa về luân lí. Bởi tác giả đã phô bày lắm nét hủ bại và nực cười ở xã hội xưa, chung quanh những vụ kiện tụng trước cửa quan,... Ở mỗi trang truyện, người ta thấy trở đi trở lại những chữ "lo lót, lễ vật, lễ mọn, phí tổn". Chung quy thì chỉ người dân "vô phúc đáo tụng đình"[2] là phải chịu thiệt hại, thua cũng thiệt mà được cũng thiệt.[3]

Về hình thức nghệ thuật, truyện *Trê Cóc* đáng lưu ý ở lối xây dựng hình tượng phúng dụ giàu chất ngụ ngôn. Trước hết là trong việc chọn những con vật: Cóc sù sì, thô kệch giống như là những người dân chất phác, hiền lành. Trê nhẫn nhụi, trơn tru hay chui luồn, có thể tiêu biểu cho những người có nết láu lỉnh, hay làm việc mờ ám,... Bên cạnh đó, tác giả lại khéo cho những nhân vật ấy nói ra những lời của "người". Ngoài ra, thể thơ lục bát đã được tác giả khai thác hợp lí, cách kể chuyện bằng thơ cũng giúp cho truyện thêm hấp dẫn, linh hoạt,...[4]

Tóm lại, từ cách chọn nhân vật, xây dựng tâm lí, dàn cảnh, kể việc, đối thoại; tác giả đã có nhiều khéo léo. Đem những con vật để đóng vai người, đem tính nết ngôn ngữ của người để hoạt hoá những con vật; tác giả đã gây được một tấn tuồng đời vừa vui, vừa thật, vừa linh hoạt và trào lộng mà lại có ý nghĩa châm biếm sâu xa.[5]

*Theo* Phạm Thế Ngũ
(In trong *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, tập hai,
NXB Đồng Tháp, 1997, tr. 82 – 83, 86 – 87)

[2]: Tóm tắt cốt truyện tác phẩm.

[3], [4]: Các luận điểm về đặc sắc nội dung, nghệ thuật. Mỗi luận điểm có các lí lẽ và bằng chứng từ tác phẩm.

[5]: Khẳng định ý kiến của mình về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Vấn đề nghị luận của bài viết là gì? Với vấn đề ấy, tác giả đã triển khai thành các luận điểm nào? Trình tự sắp xếp các luận điểm trong bài viết đã hợp lí chưa?
2. Mỗi luận điểm được làm sáng rõ bằng những lí lẽ và bằng chứng nào? Các lí lẽ và bằng chứng có thuyết phục không? Vì sao?
3. Bạn học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học từ bài viết trên?

[1] *Phúng thích*: châm biếm, trào phúng; dùng phương thức kín đáo để chế nhạo, chỉ trích.
[2] *Vô phúc đáo tụng đình:* phải đưa việc kiện tụng ra chốn công đường là một việc bất đắc dĩ, vô phúc.

## Đọc ngữ liệu tham khảo 2

### *Bài ca hi vọng* của Văn Ký – những cánh chim chào đón tương lai[1]

Nhạc sĩ Văn Ký (1928 – 2020) là tác giả của hơn bốn trăm ca khúc cách mạng, trữ tình quê hương, trong đó *Bài ca hi vọng* khơi gợi tinh thần yêu nước cả thời chiến lẫn thời bình.[1]

Khi sáng tác nhạc phẩm năm 1958, nhạc sĩ vừa tròn ba mươi tuổi, trái tim trong sáng, giàu nhiệt huyết. Giữa bom đạn chiến tranh, ông vẽ bức tranh nên thơ với những chấm phá, ẩn dụ tài tình. Hình ảnh đàn chim bay giữa gió xuân về phương Nam vừa tạo ra sợi dây tình cảm kết nối giữa hai miền Nam – Bắc, vừa gieo hi vọng về một tương lai tươi sáng.[2]

*Từng đôi chim bay đi tiếng ca rộn ràng*
*Cánh chim xao xuyến gió mùa xuân*
*Gửi lời chim yêu thương tới miền Nam quê hương*
*Nhắn rằng ta ngày đêm mong nhớ*

Bài hát chỉ vẻn vẹn tám câu nhưng đi vào lòng người nhờ giai điệu, ca từ đẹp. Nhiều người nghe cho rằng "đôi chim bay" ngụ ý ca ngợi tình yêu son sắt, thuỷ chung thời chiến. Tuy nhiên, nhạc sĩ từng nói: "Khi sáng tác, tôi đặt mình vào một vị trí khác, không đơn thuần là tình cảm bình thường, tình yêu đôi lứa mà là cảm xúc tự nhiên bật lên, biến suy nghĩ của mình hướng đến những điều lớn lao, tươi đẹp của dân tộc mà ngay chính tôi cũng không hình dung được".

Vì vậy, ở đoạn sau, nhạc sĩ vẫn chọn hình ảnh đàn chim nhưng mang tâm thế khác. "Đàn chim bay cùng ta cất cánh" ngụ ý về bước chuyển mình của dân tộc, nhất định giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh vệ quốc. Những hình ảnh "ánh sáng chân trời mới đang bừng chiếu", "gió, mưa, buồn thương và mây mù sẽ tan" vẽ ra tương lai tốt đẹp.[3]

Ca khúc gắn liền tên tuổi các nghệ sĩ như: Trung Kiên, Lê Dung, Quang Thọ, Khánh Linh,... Tuy nhiên, nhạc sĩ Văn Ký tâm đắc nhất với bản thu đầu tiên của Khánh Vân.

Nhạc sĩ Văn Ký từng nói: "Các chiến sĩ yêu thích ca khúc bởi họ luôn tin tưởng vào tương lai, có niềm tin chiến thắng". Bản chép tay ca khúc cũng được lưu giữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, như chứng nhân cho một thời hào hùng của dân tộc.[4]

*Theo* Hà Thu
(*https://vnexpress.net/bai-ca-hy-vong-tac-pham-de-doi-cua-nhac-si-van-ky-4182681.html*)

[1]: Giới thiệu bài hát, tác giả; nhận xét khái quát về nét đặc sắc của bài hát.

[2], [3]: Các luận điểm về nét đặc sắc của bài hát. Mỗi luận điểm có các lí lẽ và bằng chứng từ tác phẩm.

[4]: Khẳng định ý kiến của mình về giá trị, đóng góp của bài hát.

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Vấn đề nghị luận của bài viết; với vấn đề ấy, tác giả đã triển khai thành các luận điểm nào; nhận xét của bạn về trình tự sắp xếp các luận điểm trong bài viết.
2. Bài viết tách riêng thành luận điểm về giá trị nội dung, luận điểm về giá trị nghệ thuật hay trình bày kết hợp trong mỗi luận điểm?
3. Bài viết đã đáp ứng những yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (bài hát) chưa?

## Hướng dẫn quy trình viết

**Đề bài:**

Viết một bài văn nghị luận phân tích giá trị đặc sắc của một truyện thơ hay bài hát mà bạn yêu thích.

***Bước 1: Chuẩn bị viết***

**Xác định đề tài**

Đề tài của bài viết là giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện thơ hay bài hát. Bạn có thể chọn những trích đoạn truyện thơ đã học trong bài hoặc những truyện thơ, trích đoạn khác mà bạn biết, cũng có thể chọn một bài hát yêu thích. Sau đây là một số gợi ý:

- *Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu)
- *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* (Nguyễn Đình Chiểu)
- *Vượt biển* (truyện thơ Tày – Nùng)
- *Em ơi, Hà Nội phố* (thơ Phan Vũ, nhạc Phú Quang)
- ...

**Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc**

Bạn cần trả lời những câu hỏi sau:

- Mục đích viết bài này là gì (để chia sẻ suy nghĩ, đánh giá của mình về một tác phẩm mà mình yêu thích)?
- Người đọc bài viết này là ai (thầy, cô giáo, các bạn học sinh,...)?
- Với mục đích viết và đối tượng người đọc đó, bạn sẽ chọn nội dung, cách viết như thế nào?

**Thu thập tư liệu**

Tìm tư liệu trên Internet, thư viện,... về tác phẩm mà bạn đã chọn.

*Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*

**Tìm ý**

Ghi các luận điểm về giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm và các lí lẽ, bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ luận điểm dựa trên gợi ý sau:

• Tác phẩm (truyện thơ/ bài hát) có những giá trị đặc sắc nào về nội dung? Lí lẽ và bằng chứng cho luận điểm này là gì?

• Tác phẩm (truyện thơ/ bài hát) có những giá trị đặc sắc nào về nghệ thuật (xây dựng nhân vật, cách kể chuyện,.../ giai điệu, ca từ,...)? Lí lẽ và bằng chứng cho luận điểm này là gì?

**Lập dàn ý**

Sau khi tìm ý, bạn cần sắp xếp các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lí, đảm bảo bố cục của kiểu bài nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc bài hát (xem lại hướng dẫn về bố cục bài viết ở phần *Tri thức về kiểu bài*).

*Bước 3: Viết bài*

Triển khai dàn ý đã lập thành bài văn hoàn chỉnh. Bài văn cần có hệ thống luận điểm rõ ràng, sắp xếp theo trình tự hợp lí. Mỗi luận điểm cần có lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, phù hợp.

*Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa*

• Dùng bảng kiểm sau để tự kiểm tra bài viết của mình:

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc tác phẩm nghệ thuật (bài hát)**

| | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| ***Mở bài*** | Giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật (tên tác phẩm, tác giả, thể loại,...). | | |
| | Nêu khái quát giá trị đặc sắc của tác phẩm. | | |
| ***Thân bài*** | Trình bày tóm tắt nội dung của tác phẩm. | | |
| | Phân tích, đánh giá giá trị đặc sắc về nội dung của tác phẩm. | | |
| | Phân tích, đánh giá giá trị đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. | | |
| | Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tác phẩm. | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***Kết bài*** | Khẳng định lại một cách khái quát giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. | | |
| | Nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc. | | |
| ***Kĩ năng trình bày, diễn đạt*** | Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ, hệ thống luận điểm mạch lạc. | | |
| | Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm. | | |
| | Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài. | | |
| | Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết. | | |

• Đọc lại bài viết của bạn và suy ngẫm về các điều sau:

– Điều bạn hài lòng và chưa hài lòng về bài viết là gì?

– Cần điều chỉnh những gì để bài viết hoàn chỉnh hơn?



## NÓI VÀ NGHE

## GIỚI THIỆU MỘT TRUYỆN THƠ HOẶC MỘT BÀI HÁT THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN

**Đề tài:**

Hãy trình bày về giá trị của một truyện thơ hoặc một bài hát mà bạn yêu thích.

*Bước 1: Chuẩn bị nói*

**Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe**

• Đề tài: Giới thiệu một tác phẩm truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân.

• Mục đích nói: Giúp người nghe hiểu được lí do lựa chọn tác phẩm và cái hay, cái đẹp của tác phẩm.

• Đối tượng người nghe có thể là bạn học cùng lớp, thầy, cô giáo, thành viên trong câu lạc bộ,...

**Tìm ý và lập dàn ý**

**Tìm ý**

Để tìm ý cho bài nói, bạn cần:

– Xác định tác phẩm của ai, ra đời năm nào, trong bối cảnh nào, thuộc thể loại hay loại hình nghệ thuật gì.

– Xác định thể loại của tác phẩm.

– Xác định nội dung của tác phẩm.

– Xác định những biện pháp nghệ thuật đặc sắc và tác dụng.

– Nhận xét, đánh giá về tác phẩm.

**Lập dàn ý**

Dựa vào những ý đã tìm, bạn có thể phác thảo dàn ý theo gợi ý dưới đây:

| Truyện thơ | Bài hát |
|---|---|
| Tác giả (nếu có), tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác | Tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác |
| Lí do lựa chọn tác phẩm | Lí do lựa chọn tác phẩm |
| Thể loại | Thể loại |
| – Tóm tắt nội dung, cốt truyện<br>– Giới thiệu nhân vật | Giới thiệu nội dung, phương thức thể hiện |
| Nêu điểm nổi bật về nghệ thuật (kết cấu, hình ảnh, ngôn ngữ nghệ thuật,...) | Nêu điểm nổi bật về nghệ thuật (tiết tấu, ca từ, hoà âm, nghệ thuật diễn xướng,...) |
| Khái quát chủ đề, thông điệp | Khái quát chủ đề, thông điệp |
| Ý kiến đánh giá | Ý kiến đánh giá |

**Luyện tập**

Dựa vào gợi ý trên, bạn có thể luyện nói một mình hoặc với bạn bè.

***Bước 2: Trình bày bài nói***

Khi trình bày bài nói, hãy nhớ một số yêu cầu cơ bản sau:

• Nói từ tốn, tự tin, với âm lượng đủ nghe.

• Tương tác với người nghe.

• Sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách chừng mực để giúp cho bài nói thêm sinh động.

• Sử dụng các phương tiện hỗ trợ để giới thiệu được tác phẩm nghệ thuật một cách trực quan sinh động.

***Bước 3: Trao đổi, đánh giá***

**Trao đổi**

- Lắng nghe ý kiến và câu hỏi của người nghe.
- Trả lời và giải thích rõ ràng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.

**Đánh giá**

Lần lượt đóng hai vai: người nói và người nghe. Bạn có thể dùng bảng kiểm ở Bài 1. *Thông điệp từ thiên nhiên* (*Ngữ văn 11*, tập một) để tự kiểm soát bài nói của mình và góp ý cho bạn khác.

## ÔN TẬP

1. Kẻ bảng sau vào vở, nêu các đặc điểm của thể loại truyện thơ được thể hiện qua các đoạn trích:

| | ***Lời tiễn dặn*** | ***Tú Uyên gặp Giáng Kiều*** | ***Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu*** |
|---|---|---|---|
| Cốt truyện | | | |
| Nhân vật | | | |
| Người kể chuyện | | | |
| Ngôn ngữ | | | |
| Nhận xét chung | | | |

2. Lời của các nhân vật từ câu "Bữa sau sư phụ mới hay" đến câu "Mệnh người dám lấy làm chơi mà liều" (trích *Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu*) có mang đặc điểm của ngôn ngữ nói không? Dựa vào đâu bạn nhận xét như vậy?
3. Khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ) hoặc tác phẩm nghệ thuật (bài hát), bạn cần lưu ý những điều gì?
4. Bạn cần chú ý những gì khi giới thiệu một truyện thơ hoặc một bài hát theo lựa chọn cá nhân?
5. Qua niềm khát khao đoàn tụ trong các văn bản *Lời tiễn dặn*, *Tú Uyên gặp Giáng Kiều*, *Người ngồi đợi trước hiên nhà*, bạn hiểu gì về bi kịch và vẻ đẹp của con người trong hoàn cảnh xa cách?

Chân trời sáng tạo

BÀI 4

# NÉT ĐẸP VĂN HOÁ VÀ CẢNH QUAN

## (VĂN BẢN THÔNG TIN)

### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.
- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.
- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản; phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết; thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.
- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp; biết trình bày báo cáo về một vấn đề xã hội/ tự nhiên.
- Trân trọng và có ý thức giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc.

### TRI THỨC NGỮ VĂN

*Văn bản thông tin* được viết nhằm mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin cho người đọc. Để truyền tải thông tin sinh động, hiệu quả, văn bản thông tin có thể sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin, nhiều cách trình bày (dạng chữ, dạng hình ảnh/ sơ đồ/ bảng biểu,...), nhiều phương thức biểu đạt (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận,...).

*Các yếu tố hình thức trong văn bản thông tin:* Văn bản thông tin có thể sử dụng một số yếu tố hình thức (bao gồm cả phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để biểu thị cách sắp xếp, cấu trúc thông tin trong văn bản hoặc làm cho các ý tưởng và thông tin hấp dẫn, sinh động, dễ hiểu. Chẳng hạn như: nhan đề; kí hiệu đánh dấu các phần, mục; chú thích cho hình ảnh; bảng số liệu; biểu đồ, sơ đồ, lược đồ; mô hình; bản đồ.

*Dữ liệu trong văn bản thông tin* là sự thật hiển nhiên hoặc những phát biểu/ tuyên bố được xác minh bằng những bằng chứng cụ thể, được đo lường, quan sát một cách khoa học và mọi người công nhận. Vì thế, dữ liệu mang tính khách quan và là yếu tố làm nên tính chính xác, đáng tin cậy của văn bản thông tin.

*Thái độ, ý kiến, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin* thường được trình bày dưới dạng những phát biểu thể hiện niềm tin, cảm nhận hoặc suy nghĩ của

người viết về một vấn đề/đối tượng nào đó. Ý kiến, quan điểm có thể được/ không được xác minh bằng sự thật hoặc chứng cứ cụ thể, vì đó có thể là những suy nghĩ cảm tính hoặc diễn giải của người viết về thông tin, dữ liệu. Vì vậy, thái độ, ý kiến và quan điểm thường mang tính chủ quan. Đó là lí do dẫn đến hiện tượng cùng một dữ liệu, nhưng có thể có nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau về dữ liệu ấy.

***Thông tin cơ bản của văn bản*** là thông tin quan trọng nhất mà người viết muốn truyền tải qua văn bản. Thông tin cơ bản được hỗ trợ bởi các thông tin chi tiết.

***Cách trình bày ý tưởng và thông tin, dữ liệu:*** Ý tưởng và thông tin, dữ liệu trong văn bản thông tin thường được trình bày theo một số cách nhất định để hỗ trợ người đọc nhận ra mối liên hệ giữa chúng, chẳng hạn như: ý chính và nội dung chi tiết, trật tự thời gian, cấu trúc nguyên nhân – kết quả, cấu trúc so sánh – đối chiếu, cấu trúc vấn đề – cách giải quyết.

***Cách trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo***

*– Trích dẫn*

Trong tiểu luận hay báo cáo nghiên cứu, việc trích dẫn giúp đảm bảo độ tin cậy, sự minh bạch, tránh tình trạng đạo văn[1], đồng thời cho phép người đọc theo dõi và tìm được nguồn trích dẫn. Có hai kiểu trích dẫn:

+ Trích dẫn trực tiếp

Ví dụ: "Chắc hẳn nhiều người cũng đồng tình rằng, tàu điện là kí ức đáng nhớ của Thủ đô trên nhiều phương diện" (Vũ Hoài Đức, 2019).

+ Trích dẫn gián tiếp

Ví dụ: Nguyễn Văn Trung (1986) cho rằng...

*– Lập danh mục tài liệu tham khảo*

Danh mục tài liệu tham khảo được đặt ở cuối tiểu luận hay báo cáo nghiên cứu. Hiện nay có nhiều cách viết tài liệu tham khảo[2]. Dưới đây là cách trình bày tài liệu tham khảo theo chuẩn APA[3]:

Henderson, J. C. (2009). Food Tourism Reviewed. *British Food Journal*, 111(4), 317 – 326.

Nguyễn Văn Trung. (1986). *Câu đố Việt Nam*. Hà Nội: Thời đại.

Vũ Hoài Đức. (2019). Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai. *Tạp chí Kiến trúc*, số 10. Truy xuất ngày 29/9/2020 từ https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/cung-duong-cua-ky-uc-hien-tai-va-tuong-lai.html.

---

[1] *Đạo văn*: hành vi sao chép bất kì tài liệu nào và coi nó như là của riêng mình. Đây là một hành vi phạm tội trong học tập, nghiên cứu và vi phạm luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam cũng như công ước, luật pháp quốc tế mà Việt Nam đã kí kết.

[2] Sách *Ngữ văn 10*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo* đã trình bày một trong những cách viết tài liệu tham khảo phổ biến ở Việt Nam.

[3] *APA*: chuẩn trình bày tài liệu tham khảo do *Hiệp hội Tâm lí Hoa Kỳ (The American Psychological Association)* quy định. *Lưu ý*: Khi áp dụng chuẩn APA vào bài viết tiếng Việt, việc trình bày tên tác giả người Việt được thực hiện không thống nhất. Trong bộ sách này, nhóm biên soạn chọn cách viết đầy đủ họ tên tác giả theo trình tự thông thường.

## ĐỌC

### Văn bản 1

# SƠN ĐOÒNG – THẾ GIỚI CHỈ CÓ MỘT 1

*Theo* Ngọc Thanh, Hồng Minh, Tuyết Loan, Hồ Cúc Phương, Phan Anh, Mạnh Hà[1]

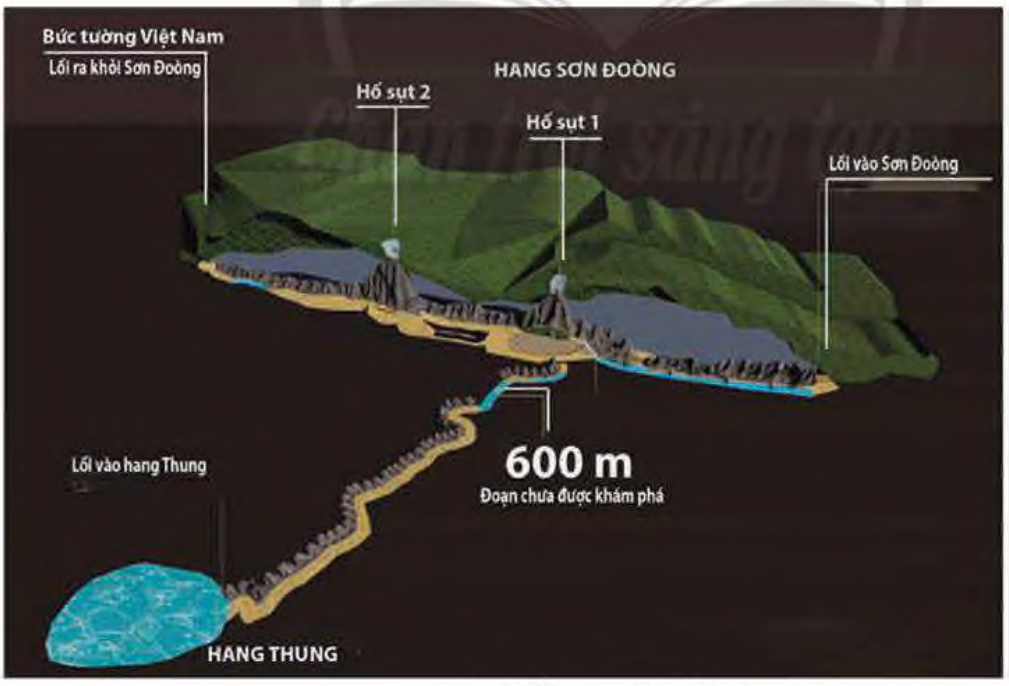
### Trước khi đọc

Nhan đề "Sơn Đoòng – Thế giới chỉ có một" cho thấy văn bản muốn đề cập đến thông tin gì về hang Sơn Đoòng?

### Đọc văn bản

**Kể từ khi được phát hiện, hang Sơn Đoòng đã khiến các chuyên gia, những người yêu hang động và đam mê du lịch mạo hiểm ngỡ ngàng, choáng váng vì vẻ đẹp lộng lẫy của nó. Không chỉ rất lớn về quy mô, Sơn Đoòng còn sở hữu những điều kì bí, độc đáo và vẻ đẹp có một không hai. Vấn đề của Sơn Đoòng hiện nay là chọn cách khai thác nào cho hiệu quả, mà vẫn bảo vệ và gìn giữ được "báu vật" này.**

**Sơn Đoòng – Đệ nhất kì quan 2**




Sơ đồ hang Sơn Đoòng
(*https://thanhnien.vn/kham-pha-bi-an-duoi-day-son-doong-post837776.html*)

**Theo dõi**

1 và 2 Nhan đề và hệ thống đề mục của văn bản cung cấp thông tin gì cho bạn? Cách trình bày các đề mục có gì đáng chú ý?

[1] *Tổ chức sản xuất*: Ngọc Thanh, Hồng Minh; *nội dung*: Tuyết Loan; *tư liệu*: Hồ Cúc Phương; *kĩ thuật và đồ hoạ*: Phan Anh, Mạnh Hà.

Hang Sơn Đoòng được hình thành khoảng 2 – 5 triệu năm trước, khi nước sông chảy ngang qua vùng đá vôi đã bị vùi lấp dọc theo một đường đứt gãy. Dòng nước làm xói mòn và tạo ra một đường hầm khổng lồ trong lòng đất dưới dãy núi. Tại những nơi đá mềm, phần trần sụp xuống tạo thành những lỗ hổng, lâu ngày tạo thành những vòm hang khổng lồ. Trong hang có dòng sông ngầm dài 2,5 km và có những cột nhũ đá cao tới 70 m.

Sơn Đoòng bắt đầu được biết đến từ năm 1990. Một người dân Quảng Bình chuyên đi rừng, ông Hồ Khanh, trong một chuyến tìm trầm đi qua khu vực Hang Én, tình cờ phát hiện một cái hang. Đứng trước cửa hang, ông cảm nhận có một luồng gió mát lạnh thổi thốc từ trong hang ra, tiếng gió rít qua vách đá đến lạnh người.

Năm 2008, khi Hiệp hội hang động Hoàng gia Anh đến Việt Nam, Hồ Khanh gặp Hao-ot Lim-bơ (Howard Limbert), một chuyên gia hang động của Hiệp hội. Ông đã kể cho vị này nghe về cửa hang mà mình phát hiện ra. Qua miêu tả ban đầu của Hồ Khanh, đoàn thám hiểm nhận định đây có thể là một hang động rất lớn và động viên Hồ Khanh cố đi tìm lại cửa hang. Một mình Hồ Khanh đã vào rừng và mò mẫm kiếm tìm trong suốt hai ngày mới phát hiện ra cửa trước của hang.

Khi đó, vì tò mò, ông đã liều mình tụt xuống độ sâu khoảng 80 m, nhận thấy bên trong có suối lớn, nước chảy xiết và lòng hang có vẻ rất sâu. Ông đã cho rằng có thể hang này rất lớn, nhưng lúc ấy ông không thể tưởng tượng được đây lại là hang động lớn nhất thế giới.

Năm 2009, Hao-ot Lim-bơ đã cùng với Hồ Khanh tụt xuống cửa hang, cả hai đã chính thức phát hiện và thám hiểm toàn bộ hang Sơn Đoòng, sau này được Tạp chí *Địa lí Quốc gia Mỹ* (*National Geographic*) công bố là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới vào năm 2010.



Điểm chụp hình nổi tiếng trong hang Sơn Đoòng
(*nhandan.vn*)

Theo số liệu chính xác do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn An Thi Việt Nam (đơn vị đã thực hiện scan 3D toàn bộ lòng hang vào năm 2014) cung cấp thì chiều dài nhánh chính của hang Sơn Đoòng là 4,45 km. Khoảng cách tính từ nền lên tới trần hang bên trong, nơi cao nhất là 203 m. Từ đỉnh cao nhất của hố sụt xuống đến nền hang, khoảng cách lên tới 304 m. Nơi lòng hang rộng nhất, theo kích thước đo đạc là 147 m. Và thể tích của toàn bộ hang Sơn Đoòng đạt tới 12,5 triệu mét khối. Để chuyển tải được vẻ kì vĩ cùng không gian gây choáng ngợp của Sơn Đoòng, những bức ảnh – khuôn hình đều phải dùng con người để đối sánh. Với kích cỡ con người chỉ bé xíu bằng một chú kiến khi đặt trong ma trận nhũ đá cùng vòm hang khổng lồ, chúng ta sẽ thấy khả năng tạo tác thần kì của bà mẹ thiên nhiên quả là không giới hạn! 3

**Phân biệt dữ liệu và ý kiến/ quan điểm**

3 Xác định dữ liệu và ý kiến/ quan điểm của người viết trong đoạn văn "Theo số liệu chính xác … quả là không giới hạn!".

Sơn Đoòng không chỉ là hang động lớn nhất thế giới, mà còn ẩn chứa rất nhiều điều kì lạ. Muốn đến được Sơn Đoòng phải đi qua Hang Én – "hang động tự nhiên lớn thứ ba thế giới" (chỉ xếp sau Sơn Đoòng và hang Đia (Deer) của Ma-lai-xi-a (Malaysia)). Nguồn gốc của tên Hang Én là vì chim én sống ở đây quanh năm chứ không di cư. Mỗi năm vào khoảng giữa tháng Năm âm lịch, chim én lại ra ràng[1] đồng loạt. Hang dài 1,6 km, trần hang có nơi cao đến 100 m. Hang Én cũng là cái túi nước khổng lồ, nơi thu nước từ nhiều chỗ. Mùa mưa, nước dâng lên trong hang rất nhanh. Trong Hang Én có những khối đá vôi bị hoà tan, rửa lũa[2] tạo thành những hình dạng độc đáo.



Cánh buồm nắng – Hang Én
(*nhandan.vn*)

[1] *Ra ràng*: (chim non) vừa mới đủ lông, đủ cánh, bắt đầu có thể bay ra khỏi tổ.
[2] *Lũa*: rữa nát.

Qua Hang Én, tụt xuống cửa sau, đi thêm khoảng hơn 3 km nữa là tới cửa hang Sơn Đoòng. Nền hang tụt sâu xuống bên dưới khoảng 80 m. Muốn xuống phải vượt qua một vách đá thẳng đứng, phải dùng dây và bộ đai leo núi chuyên dụng để trèo xuống.

Sơn Đoòng còn là nơi chứa đựng nhiều loại hoá thạch của cả động vật và thực vật, từ hoá thạch huệ biển khoảng 300 triệu năm, hoá thạch san hô,... đến hoá thạch của một con thú thuộc bộ móng guốc nằm ở phía cửa sau của hang...

Điểm đặc biệt của Sơn Đoòng là có hai hố sụt. Đây chính là phần vòm trần hang do những tác động khác nhau bị sập đổ, tạo nên các "giếng trời". Ánh sáng tự nhiên từ các giếng trời này rọi xuống, tạo nên một thảm thực vật dày đặc, một khu rừng nhiệt đới đặc biệt không nơi nào có được. Thảm thực vật trong hố sụt thứ nhất chủ yếu là cây thân thảo và dương xỉ, số lượng không nhiều, thường được gọi là Hố sụt Khủng Long. Thảm thực vật trong hố sụt thứ hai phong phú hơn nhiều, đây chính là khu rừng nhiệt đới có tên gọi là Vườn Ê-đam (Edam). Có những cây cao tới 20 – 30 m, đường kính gốc lên tới 40 cm. Rừng có cả cây cao, tán hẹp, cây ưa bóng râm chen dày, thực vật biểu sinh[1] như tầm gửi, phong lan,...



Thảm thực vật trong lòng hang
(*nhandan.vn*)



Ruộng ngọc động
(*nhandan.vn*)

Trong hang, có những cột nhũ đá cao tới 70 m, những tảng đá có nguồn gốc do trần hang sập đổ và bị nước cuốn trôi, có đường kính đến hàng mét. Sơn Đoòng còn là thế giới của "ngọc động" 4, là những viên đá hình cầu, cầu dẹt hoặc hình trứng, thường hình thành trong những ngăn "ruộng bậc thang" do can-xi (canxi) cấu thành. [...] Chuyên gia hang động

**Theo dõi**

4 Cụm từ "ngọc động" được hiểu như thế nào? Qua cách dùng cụm từ ấy, tác giả thể hiện tình cảm gì với Sơn Đoòng?

[1] *Thực vật biểu sinh*: là dạng thực vật sinh sống trên một thực vật khác (chủ yếu trên cành và thân cây gỗ) và thu nhận hơi ẩm, chất dinh dưỡng từ không khí, mưa và đôi khi từ các mảnh vụn tích tụ xung quanh, thay vì là từ cấu trúc mà nó bám chặt vào.

Hao-ơt Lim-bơ cho biết, "ngọc động" ở Sơn Đoòng lớn nhất và nhiều nhất trong các hang động trên thế giới. Có viên nặng tới 1 kg.

Điểm đặc biệt cuối cùng mà Sơn Đoòng dành tặng du khách trước khi chia tay là "Bức tường Việt Nam". "Bức tường" thạch nhũ khổng lồ cao xấp xỉ 100 m, chắn hết chiều rộng phía cuối hang và nối với hang chính bằng một hồ nước dài cỡ 500 m. Đây chính là một phần núi đá đứt gãy được hình thành trong quá trình biến đổi của vỏ Trái Đất để tạo nên hang Sơn Đoòng. Để vượt qua được "bức tường", phải sử dụng dụng cụ leo núi chuyên dụng và có sự hướng dẫn, hỗ trợ của chuyên gia. Phía sau "bức tường" là cửa hang, có lối đi ra ngoài. [...]

**Để phát triển bền vững hang động lớn nhất thế giới – Sơn Đoòng**

Chính vì những điểm đặc biệt, có một không hai, nên Sơn Đoòng được thế giới đánh giá rất cao. Tờ Thời báo Niu-Óóc (*The New York Times*) đánh giá Sơn Đoòng là một trong những điểm đáng đến nhất thế giới. [...]

Để giữ Sơn Đoòng, các nhà quản lí, nhà phát triển du lịch cần phải hết sức tỉnh táo, cân nhắc giữa mối lợi trước mắt và lâu dài, bởi vì hang động thì có nhiều, nhưng Sơn Đoòng thì thế giới chỉ có một.

Nhưng cũng có nhiều khuyến cáo bảo vệ "thiên đường dưới lòng đất này" trước sự phát triển mạnh mẽ của du lịch thương mại. Sức hấp dẫn của Sơn Đoòng khiến không ít lần hang động này bị đẩy vào nguy cơ "mở rộng khai thác thương mại" với những dự án hướng tới phát triển du lịch đại trà. Tuy nhiên, điều đó đã bị công luận phản đối kịch liệt.

Chủ tịch Hội Cổ sinh – Địa tầng Việt Nam, Tạ Hoà Phương cho rằng: "Hình thức khai thác du lịch mạo hiểm, khám phá Hang Én và động Sơn Đoòng như hiện nay là phù hợp, mang lại hiệu quả kinh tế và ít tác hại đến hệ thống hang động độc nhất vô nhị này. [...] Hang Én mặc dù cách Sơn Đoòng một quãng, nhưng cũng là nơi cư trú của hàng vạn con chim én – nơi hội tụ đặc sắc nhất của loài chim này ở nước ta. Vì thế cho nên không thể để bất kì điều gì tác động đến môi trường, môi sinh ở đây. Một khi đã bị tổn hại thì không chỉ Sơn Đoòng, Hang Én mà toàn ngành du lịch Việt Nam sẽ mất đi vị thế trên bản đồ du lịch mạo hiểm thế giới và khó có khả năng hồi phục". 5

**Đọc quét**

5 Vì sao du lịch mạo hiểm, khám phá lại là hình thức khai thác du lịch phù hợp với hang Sơn Đoòng?

Chuyên gia hang động, Hao-ơt Lim-bơ cũng cho rằng: [...] "Sơn Đoòng giữ được vẻ đẹp hoang sơ khó có thể tìm được ở nơi nào khác trên thế giới. Việc bảo tồn Sơn Đoòng chủ yếu phụ thuộc vào bản thân người Việt Nam, từ du khách, chính quyền cho đến người dân sở tại".

(Theo *https://nhandan.vn/megastory/2019/3/1*, xuất bản: 31/1/2019)

## Sau khi đọc

1. Vẽ sơ đồ tóm tắt bố cục của văn bản. Bố cục ấy có mối quan hệ như thế nào với nhan đề của văn bản?
2. Phần văn bản "Sơn Đoòng – Đệ nhất kì quan" trình bày dữ liệu và thông tin theo (những) cách nào? Dựa vào đâu bạn có thể xác định được như vậy? Nhận xét về hiệu quả của (các) cách trình bày ấy trong văn bản.
3. Nội dung chính của văn bản này là gì? Các yếu tố hình thức của văn bản đã hỗ trợ như thế nào cho việc biểu đạt nội dung chính? Hãy lí giải.
4. Xác định thái độ của tác giả được thể hiện qua văn bản và chỉ ra căn cứ để xác định (những) thái độ đó.
5. Tìm thông tin chính và các chi tiết được trình bày trong đoạn văn: "Điểm đặc biệt của Sơn Đoòng là có hai hố sụt ... cây ưa bóng râm chen dày, thực vật biểu sinh như tầm gửi, phong lan...". Các chi tiết này đóng vai trò gì trong việc thể hiện thông tin chính của đoạn văn?
6. Bạn có đồng ý với quan điểm của người viết được thể hiện ở phần văn bản "Để phát triển hang động lớn nhất thế giới – Sơn Đoòng" không? Vì sao?
7. Đề tài của văn bản *Sơn Đoòng – Thế giới chỉ có một* có ý nghĩa như thế nào với ngành du lịch Quảng Bình nói riêng và Việt Nam nói chung? Từ đó, bạn có suy nghĩ gì về việc khai thác và bảo tồn các kì quan thiên nhiên?

**Văn bản 2**

# ĐỒ GỐM GIA DỤNG CỦA NGƯỜI VIỆT[1]

**Phan Cẩm Thượng**

## Trước khi đọc

Kể tên một số đồ gốm gia dụng trong gia đình bạn. Những đồ gốm ấy có thể "nói" với bạn về (những) điều gì?

## Đọc văn bản

Đồ gốm sứ[2] nhỏ dùng trong nhà có cả một lịch sử phát triển không giống như những đồ sành[3] như nồi niêu, chum vại cả ngàn năm hầu như không thay đổi. Chỉ riêng cái bát ăn cơm mỗi thời mỗi khác và phản ánh những tập tục ăn ở khác nhau.

[1] Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

[2] *Gốm sứ*: theo nghĩa rộng, gốm là những sản phẩm được sản xuất bằng cách nung nguyên liệu dạng bột bao gồm các khoáng thiên nhiên và các chất vô cơ tổng hợp kể cả kim loại. Nguyên liệu để sản xuất gốm thường là đất sét hoặc cao lanh. Sứ là sản phẩm gốm mịn được tạo ra bằng cách đun nóng nguyên liệu (gồm có đất sét ở dạng cao lanh) với nhiệt độ khoảng 1 200°C – 14 000°C. Sứ có độ bền cao, không thấm nước và thường có màu trắng, sáng.

[3] *Sành*: gốm rất rắn, chế từ đất sét thô, có tráng men, nung ở nhiệt độ khoảng 1 000°C.

Tiền thân của cái bát có lẽ do con người dùng vỏ hoa quả như vỏ quả dừa và vỏ trai, sò để đựng thức ăn, sau đó có thể làm những chiếc bát bằng gỗ, cuối cùng cái bát ra đời,[...]. Cái bát thuyền trong các mộ thời Hán có dạng như một lòng bàn tay, có hai cạnh để cầm và nó cũng giống như hình một chiếc thuyền thúng[1]. Tuy nhiên, trừ cái bát thuyền ra, mọi cái bát khác đều có thể tích cơ bản là hai lòng bàn tay chụm lại, mà con người đã từng làm như thế để uống nước. Đó chính là chiếc bát ăn cơm thông thường ngày nay. Song, hình như con người lại không ưa một sự mô phỏng thuần tuý như thế, những chiếc bát men đen, men ngọc thời Lý và những chiếc bát đàn[2] thời Hậu Lê lại có dạng loe miệng và thót[3] đáy như một cái nón, khả năng vuốt bàn xoay[4] hình nón cũng dễ hơn vuốt hình tròn cong đều từ chân lên thành. Cái bát cong đều như thế có trong gốm hoa lam thời Trần và chúng có chân rất cao. Một cải tiến nữa kết hợp giữa bát hình nón và bát chân cao sinh ra cái bát chiết yêu duyên dáng thế kỉ XVIII – XIX. 1



Bát thuyền (thế kỉ II – III)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Hà Nội



Bát men đen thời Lý (thế kỉ XI – XII)
Hiện vật Bảo tàng tại Nam Định

**Phân biệt dữ liệu và ý kiến/ quan điểm**

1 Tìm trong đoạn văn ít nhất hai ý kiến/ quan điểm của tác giả và ít nhất hai dữ liệu.



Bát men lam (thế kỉ XV – XVI)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Hà Nội



Bát chân cao (thế kỉ XV – XVI)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Hà Nội



Bát chiết yêu (thế kỉ XVII – XIX)
Hiện vật Bảo tàng Văn hoá Mường (Hoà Bình)
(Ảnh: Nguyễn Anh Tuấn)

Chân trời sáng tạo

[1] *Thuyền thúng*: thuyền nan nhỏ, hình giống như cái thúng to, chở được một người.
[2] *Bát đàn*: bát nông lòng, làm bằng đất nung thô, có tráng men.
[3] *Thót*: thu nhỏ hoặc làm cho thu nhỏ thể tích ở một bộ phận nào đó.
[4] *Vuốt bàn xoay*: phương thức tạo hình gốm không cần đến sự hỗ trợ của khuôn đúc, máy in, máy dập mà hoàn toàn chỉ cần sự khéo léo, tài hoa từ đôi bàn tay của người thợ gốm. Đất sau khi được luyện kĩ và có độ dẻo nhất định sẽ được nặn thành dây dài, to bằng cổ tay. Người thợ gốm sau đó sẽ chuốt ngắt từng đoạn, khoanh trũng đoạn đất ấy giữa cái bàn xoay (một dụng cụ quan trọng trong quá trình làm gốm, được dùng để tạo hình cho các sản phẩm như chum, lọ, bình, âu, bát,... ). Khi tạo hình gốm bằng cách vuốt trên bàn xoay, người thợ dùng chân phải đạp bàn để cho bàn xoay, dùng hai tay vuốt đất để tạo hình sản phẩm cho đến khi vừa ý. Vì thế, mỗi sản phẩm tạo ra có thể sẽ không giống nhau.



Ang – gốm trắng men lam (thế kỉ XV – XVI)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
tại Hà Nội



Bát quả (thế kỉ XV – XVI)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
tại Thành phố Hồ Chí Minh



Âu (thế kỉ XVII – XIX)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
tại Hà Nội



Liễn (thế kỉ XV – XVI)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
tại Thành phố Hồ Chí Minh



Nậm đựng rượu (thế kỉ XV – XVI)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
tại Thành phố Hồ Chí Minh



Chén tống (thế kỉ XVII – XIX)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần quá thanh nhã khiến chúng ta không thể tưởng tượng rằng có thời con người sống cao sang như thế, nếu như đồ gốm phản ánh sự sử dụng và món ăn chúng chứa đựng. Những chiếc chậu, những chiếc âu mà hôm nay chúng ta nâng niu như cổ vật quý hiếm thì ngày xưa chúng chỉ được để rửa ráy chân tay mà thôi. Ở nông thôn, những gia đình trung bình đều có một chạn[1] bát đĩa thường dụng và một vài rổ bát đĩa cất trong buồng dùng khi có cỗ bàn. Bát ăn cơm, bát chiết yêu, ang và âu, đĩa lòng nông vài cỡ, đũa cả[2], đũa ăn, muôi[3] bằng gỗ, còn thìa thì hầu như không có, và thế là đủ cho một bữa ăn gia đình, tối bắc chõng[4] nhỏ ra sân đặt mâm cơm lên, mọi người ngồi xung quanh bằng ghế đẩu. Những đồ gốm này thường có men trắng đục, trắng xanh, ít hoa văn, mỏng manh, dễ vỡ, cấu tạo đơn sơ, chất lượng đất không tinh, nhưng giá rẻ. [...] Ngay từ cuối thời Trần, làng Bát Tràng đã sản xuất những loại gốm gia dụng men lam như thế, một số đồ đẹp dâng cho triều đình, còn lại, bán ra cho dân. Từ sau thế kỉ XV, xu hướng đồ dân gian và cung đình ngày càng tách biệt, thậm chí triều đình còn mở những lò riêng hoặc đặt những lô hàng riêng có đề chữ Nội phủ, hơn nữa là sang Trung Hoa đặt mua đồ gốm sứ cho hoàng triều. [...] Dân thành thị cũng có xu hướng dùng đồ gốm gia dụng Trung Hoa và Nội phủ, tạo ra sự phân biệt giữa nông thôn và thành thị trong thị trường đồ gốm.

[1] *Chạn*: đồ dùng bằng gỗ hoặc tre, gồm nhiều ngăn, các mặt xung quanh thường có giát thưa hoặc lưới sắt, để xếp bát đĩa hoặc cất thức ăn.
[2] *Đũa cả*: đũa to và dẹt, dùng để xới cơm hoặc nấu nướng trong bếp.
[3] *Muôi*: đồ dùng để múc thức ăn, hình dáng gần giống như thìa, nhưng to hơn và thường có cán dài.
[4] *Chõng*: đồ dùng bằng tre, nứa để nằm, ngồi, hình giống cái giường, hẹp và thấp.

Loại hình gốm sứ gia dụng Trung Hoa và Nội phủ cũng phong phú hơn. Đĩa to có thể đựng được cả con gà hay cá chép lớn rán giòn, bát và âu múc canh có thể đựng đến nửa nồi canh riêu cua, bát ăn cơm, bát nhỏ đựng nước mắm chấm, đĩa nhỏ đựng chanh ớt, hạt tiêu, nậm hay lục bình đựng rượu, chén tống uống rượu và trà, thìa nhỏ, muôi lớn. Rồi nào ang, liễn, bát quả, tô,... nghĩa là bữa cơm không còn giản dị tương cà mà nhiều món khác nhau đòi hỏi nhiều đồ ăn, đồ đựng khác nhau. Bàn ăn có hình chữ nhật hoặc hình tròn bằng cả tấm đá mài như bức tranh trừu tượng với bốn hoặc sáu ghế. 2



Bát múc canh – men Pháp lam
(thế kỉ XVIII – XIX)
Hiện vật Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Hà Nội
(Ảnh: Nguyễn Anh Tuấn)

**Theo dõi**

2 Đoạn văn này trình bày một xu hướng riêng của đồ gốm gia dụng trong xã hội Việt Nam từ sau thế kỉ XV. Đó là xu hướng gì?

(In trong *Văn minh vật chất của người Việt*, NXB Thế giới, tr. 228 – 230)

## Sau khi đọc

1. Chỉ ra bố cục của văn bản. Bạn đánh giá như thế nào về mối quan hệ giữa bố cục và nhan đề của văn bản?
2. Xác định cách trình bày thông tin của các đoạn văn dưới đây và đánh giá hiệu quả của (các) cách trình bày ấy.

   a) *Đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà có cả một lịch sử phát triển ... cái bát chiết yêu duyên dáng thế kỉ XVIII – XIX.*

   b) *Đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần quá thanh nhã ... bức tranh trừu tượng với bốn hoặc sáu ghế.*
3. Cách sử dụng các yếu tố hình thức của văn bản này có gì đặc biệt? Nêu tác dụng của chúng đối với việc biểu đạt thông tin chính của văn bản.
4. Xác định thông tin cơ bản và thông tin chi tiết của đoạn văn: "Đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà có cả một lịch sử phát triển ... cái bát chiết yêu duyên dáng thế kỉ XVIII – XIX". Chỉ ra mối liên hệ giữa các thông tin chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của đoạn văn.
5. Tác giả thể hiện thái độ như thế nào qua đoạn văn: "Đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần quá thanh nhã ... bức tranh trừu tượng với bốn hoặc sáu ghế"? Dựa vào đâu bạn cho là như vậy?
6. Những thông tin cơ bản của văn bản này gợi cho bạn (những) suy nghĩ gì về văn hoá dân tộc?

Cân trời sáng tạo

## ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

# CHÂN QUÊ

**Nguyễn Bính**

### Đọc văn bản

Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh[1] rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!

Nào đâu cái yếm lụa sồi[2]
Cái dây lưng đũi[3] nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái[4] đen?

Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.

Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thày u[5] mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.

1936

(In trong *Tổng hợp Văn học Việt Nam*, tập 25,
NXB Khoa học Xã hội, 2000, tr. 457 – 458)

### Sau khi đọc

1. Nhân vật "tôi" đã thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì trong bài thơ? Tình cảm, cảm xúc ấy được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh và biện pháp tu từ nào?
2. Hình ảnh "em" hiện lên như thế nào trong cảm nhận của nhân vật "tôi"?
3. Tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì qua văn bản này?

---

[1] *Lĩnh*: vải dệt bằng tơ non, mặt bóng mịn, các sợi dọc phủ kín sợi ngang.
[2] *Lụa sồi*: vải dệt bằng tơ ươm không đều, sợi có đoạn to, đoạn nhỏ nên mặt xù xì.
[3] *Đũi*: tơ thô kéo bằng tơ gốc và áo nhộng.
[4] *Nái*: sợi tơ thô, ươm lẫn tơ gốc với tơ nõn.
[5] *Thày u*: *thày/ thầy* (phương ngữ miền Bắc): chỉ cha, bố; *u* (phương ngữ miền Bắc): chỉ mẹ.

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xác định những phần trích dẫn trong đoạn trích sau và cho biết đó là kiểu trích dẫn nào:

*Theo Nguyễn Thị Phương Châm (2013), nhìn vào hầu hết các khía cạnh của văn hoá Việt Nam trong hai thập kỉ qua, có thể dễ dàng nhận ra màu sắc toàn cầu trong đó, nhất là trong đời sống văn hoá thường ngày. "Có lẽ chỉ trong bối cảnh hiện tại, khi toàn cầu hoá đã "phủ sóng" rộng khắp thì ngay tại Việt Nam, dân chúng mới có thể ngắm hoa anh đào, thưởng thức su-si (sushi), đọc truyện tranh Nhật Bản, nghe nhạc, xem phim Hàn Quốc, thưởng thức quốc hoạ Trung Hoa, lễ hội hoá trang Bra-xin (Brazil), rồi hip-hop, truyện Ha-ri Pót-tơ (Harry Potter), phim Hô-li-út (Hollywood), các thần tượng bóng đá, ca nhạc, điện ảnh quốc tế của giới trẻ..." (Nguyễn Thị Phương Châm, 2013). Rõ ràng, toàn cầu hoá có những tác động mạnh mẽ đến văn hoá giới trẻ, mà một trong những khía cạnh tiêu biểu là văn hoá giải trí của họ.*

(Đinh Việt Hà, *Văn hoá giải trí của giới trẻ Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá*, Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 5/2017)

2. Quan sát những phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản *Sơn Đoòng – Thế giới chỉ có một*, *Đồ gốm gia dụng của người Việt* và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Xác định loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản trên.

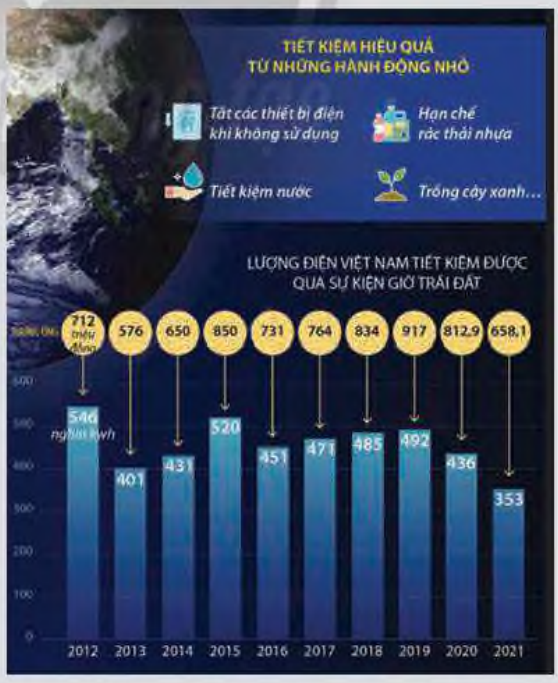
b. Cách trình bày các phương tiện ấy trong văn bản có gì đáng lưu ý?

c. Chỉ ra tác dụng của từng loại phương tiện trong mỗi văn bản.

3. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

**Giờ Trái Đất năm 2022: Kiến tạo tương lai – bây giờ hoặc không bao giờ**

Hà Nội (Thông tấn xã Việt Nam, 26/3): Sự kiện tắt đèn trong vòng một giờ hưởng ứng "Chiến dịch Giờ Trái Đất" năm 2022 diễn ra từ 20h30 đến 21h30, thứ Bảy, ngày 26/3/2022 với thông điệp "Kiến tạo tương lai – bây giờ hoặc không bao giờ" nhấn mạnh vào tính cấp bách của hành động.




*(https://vnanet.vn/vi/graphic/nghe-thuat-van-hoa-va-giai-tri-1/gio-trai-dat-nam-2022-kien-tao-tuong-lai-bay-gio-hoac-khong-bao-gio-6019803.html)*

a. Loại phương tiện phi ngôn ngữ nào được sử dụng trong văn bản?

b. Nhận xét về hiệu quả của việc sử dụng kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ với phương tiện ngôn ngữ trong văn bản.

4. Tìm một văn bản thông tin có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (lưu ý dẫn nguồn đầy đủ). Cho biết loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng và tác dụng của phương tiện ấy trong văn bản.

## TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Hãy thiết kế một bưu thiếp hoặc thiệp chúc Tết/ mừng sinh nhật, trên đó có hình vẽ một sản phẩm truyền thống của địa phương.

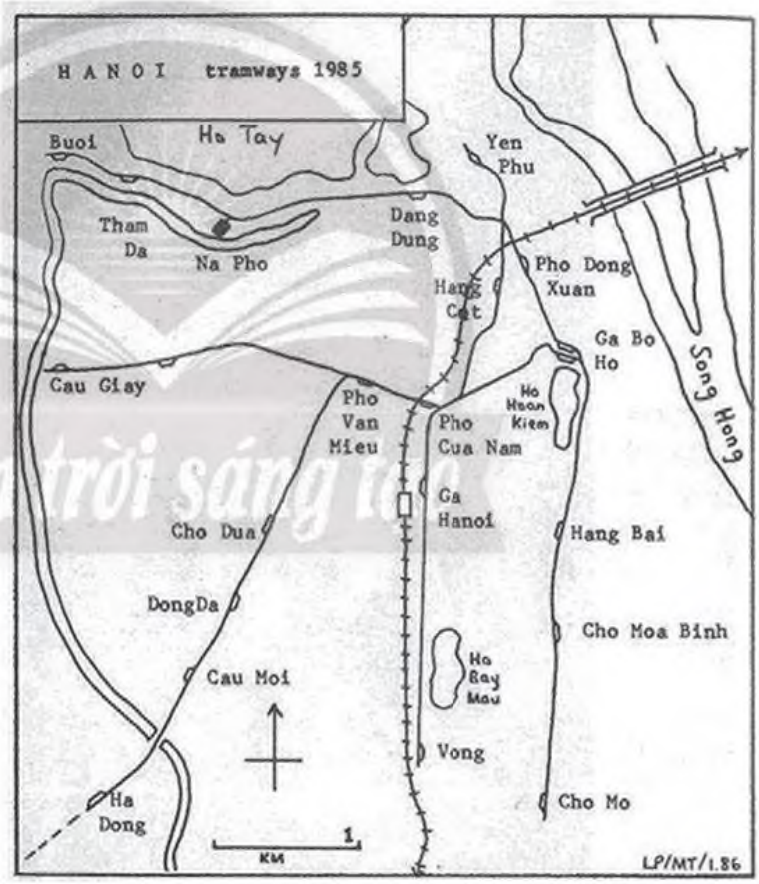
## ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

### CUNG ĐƯỜNG CỦA KÍ ỨC, HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

**Vũ Hoài Đức**

**Với nhiều thế hệ người Hà Nội xưa, những chuyến tàu điện thong dong trên năm tuyến đường[1] hướng về Bờ Hồ – trái tim của thành phố, đã trở thành một biểu tượng văn hoá của Thủ đô. Hình ảnh những toa tàu nhuốm đầy bụi thời gian mỗi khi hiện lên trong những thước phim tư liệu, hay trên sân khấu và các tác phẩm nghệ thuật,... lại khơi dậy nỗi nhớ khôn nguôi về một thời đã qua.**

Có lẽ chưa có một nghiên cứu nào tìm cách lí giải thấu đáo và khoa học cho câu hỏi: "Vì sao hệ thống tàu điện tồn tại từ thời Pháp thuộc lại tạo nên dấu ấn sâu đậm như vậy trong lòng người Hà Nội?".




Sơ đồ các tuyến tàu điện Hà Nội năm 1985
(*https://infonet.vietnamnet.vn/ki-uc-mot-thoi-leng-keng-tau-dien-1689.html*)

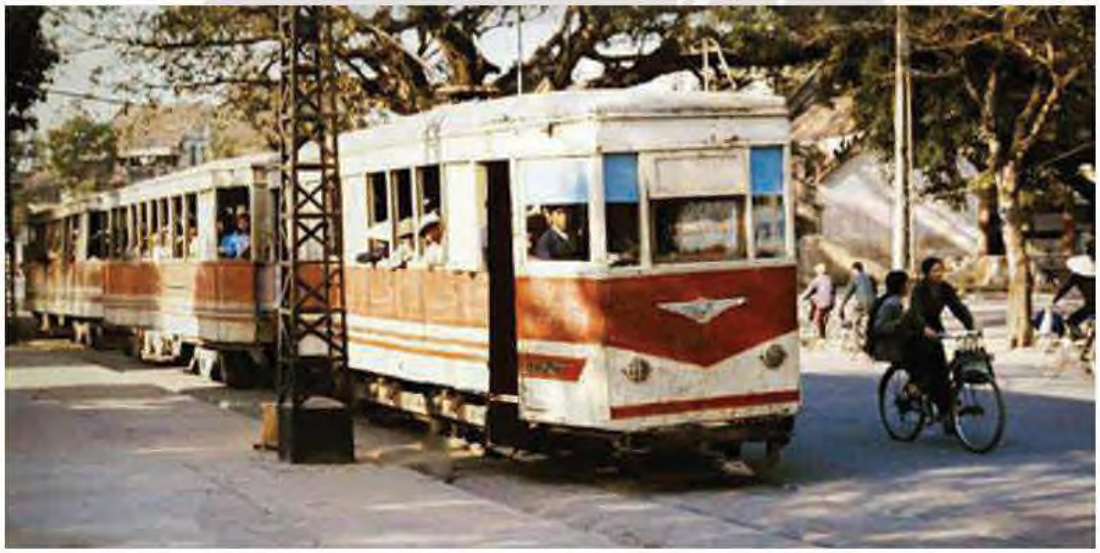
[1] Kể từ năm 1955, Hà Nội có năm tuyến tàu điện và Bờ Hồ (hồ Hoàn Kiếm) là trạm trung tâm, từ đây toả đi sáu hướng là Hà Đông, Cầu Giấy, Chợ Mơ, Vọng, Bưởi và Yên Phụ. Trong số đó có bốn tuyến chạy qua Bờ Hồ gồm: Bờ Hồ – Chợ Bưởi, Bờ Hồ – Chợ Mơ, Bờ Hồ – Cầu Giấy, Bờ Hồ – Hà Đông; bên cạnh đó còn có tuyến Yên Phụ – Vọng.

Chắc hẳn nhiều người cũng đồng tình rằng, tàu điện là kí ức đáng nhớ của Thủ đô trên nhiều phương diện.

Dưới góc độ nghiên cứu lịch sử đô thị, hệ thống tàu điện Hà Nội xưa vừa là chứng nhân cho quá trình chuyển đổi mô hình phát triển kiểu thành thị phương Đông sang hình thái đô thị hiện đại kiểu phương Tây, vừa là kết quả có giá trị của giai đoạn đô thị hoá mang tính bản lề ấy. Giá trị ấy minh chứng cho một quá trình phát triển thành công, góp phần tạo nên một Thủ đô nhiều tầng văn hoá.

Phải khẳng định rằng, mạng lưới tàu điện theo mô hình hướng tâm, với nhà ga trung tâm đặt tại hồ Hoàn Kiếm là thủ pháp quy hoạch đô thị tuyệt vời góp phần làm nên sự đặc sắc của không gian cảnh quan Hồ Gươm. Kì diệu thay, mạng lưới tàu điện cùng với nhiều công trình mang dáng dấp phương Tây bao bọc xung quanh, lại không hề làm mất đi vẻ đẹp của những Tháp Rùa, Đền Ngọc Sơn, Cầu Thê Húc, Nhà Thuỷ Tạ,... nhỏ nhắn mà tinh khôi soi bóng trên mặt hồ. Những thành tố mang đậm tinh thần và vẻ đẹp Việt dường như được tôn vinh hơn trong lòng phố Pháp; mọi thứ dường như sống động và giàu giá trị hơn từ góc nhìn trên những chuyến tàu điện dạo quanh.

Dễ dàng nhận thấy mạng lưới tàu điện từ đây hướng ra vùng ngoại ô: Yên Phụ, Bưởi, Cầu Giấy, Hà Đông, Bạch Mai, Đống Mác khi xưa, lại hoàn toàn dựa trên những tuyến đường bản địa. Đó phải chăng chính là sự giao thoa Đông – Tây? Không thể gọi là ngẫu nhiên khi các tuyến đường tàu điện chỉ đi qua các khu thị dân, kết nối hệ thống chợ truyền thống. Các bến đỗ được tinh tế bố trí không hề xa nhau như ở bên Tây, mà vô cùng hợp lí cho hình thức thương mại dạng tiểu thương[1] bám phố, bám đường như ở Hà Nội. Không những thế, mạng lưới đường tàu điệncòn liên kết ga Hàng Cỏ và các bệnh viện với các công trình công cộng khác một cách liên hoàn. Có thể so sánh không cường điệu rằng, nếu Hà Nội thời Pháp thuộc là một cơ thể khá hoàn chỉnh thì mạng lưới tàu điện là những huyết mạch cơ bản.



Tàu điện Hà Nội xưa

[1] *Tiểu thương*: người buôn bán nhỏ.

Đây là những minh chứng rõ ràng cho thấy, hệ thống tàu điện Hà Nội thời Pháp thuộc là một bài học quý giá trong lĩnh vực phát triển giao thông công cộng, cũng là kinh nghiệm về phát triển đô thị gắn với phát triển giao thông dưới góc nhìn hiện đại. Bài học này còn đặc biệt có giá trị khi được nhìn nhận ở góc độ văn hoá. Với tàu điện thời Pháp thuộc, chúng ta không hề thấy sự sao chép nguyên mẫu. Nền tảng công nghệ phương Tây được thiết lập trên không gian và văn hoá bản địa. Đó là nghệ thuật giao hoà! Đây chính là những lí do sâu xa, khiến ngày nay, dù không còn bóng dáng nhưng hình ảnh những đoàn tàu xưa cũ ấy dường như vẫn lung linh trong hồn "Phố Phái"[1]. Tiếng "leng keng tàu sóm khuya"[2] vọng về từ quá khứ đã là một thanh âm mang sắc thái riêng của đất Tràng An.

Vì nhiều nguyên do, đến năm 1989 – 1990, thành phố quyết định chấm dứt hoạt động và loại bỏ hệ thống tàu điện sau nhiều nỗ lực đổi thay. Quyết định ấy đã khiến Hà Nội mất đi một thứ rất đáng được xem là di sản đầy tiềm năng để phát huy giá trị. Những thanh tà vẹt[3] được bóc dỡ dần trong day dứt của biết bao người. [...] Tàu điện Hà Nội vì thế chỉ còn là hoài niệm và nuối tiếc.

[...]

Ở các nước trên thế giới, đặc biệt là tại châu Âu, những hệ thống tàu điện được xây dựng trước hoặc cùng thời với Hà Nội, hầu hết đều được giữ lại, cải tạo, phát triển phù hợp với từng thời kì và có tính kế thừa cao. Rất nhiều đô thị trong quá trình đổi mới nếu bắt buộc vì một mục tiêu lớn hơn, thành phố chỉ xem xét thay thế bằng một tuyến giao thông công cộng mới; thậm chí một số đô thị hiện nay đang xem xét khôi phục lại các tuyến tàu điện lịch sử, áp dụng công nghệ hiện đại để bổ sung cho hệ thống giao thông công cộng của thành phố. Nhiều thành phố đã tìm cách lưu giữ lại dấu tích cũ của tàu điện như toa tàu hay những cung đường ray nguyên gốc, để tô điểm thêm cho không gian mới.

Như vậy, việc khôi phục tàu điện lịch sử của Hà Nội là hoàn toàn có cơ sở thực chứng[4], khoa học về tình yêu của người Hà Nội. Nên xem xét khôi phục một phần hệ thống tàu điện lịch sử – một đặc trưng văn hoá riêng của Thủ đô, với một phương thức "lưỡng dụng": vừa phục vụ du lịch, vừa phục vụ phát triển giao thông công cộng. Nghiên cứu để đánh giá tiềm năng phục hồi tuyến tàu điện xưa, trong không gian đặc trưng, liên kết các di tích, danh thắng quan trọng với các khu dân cư ở trung tâm của Hà Nội sẽ là một việc làm vừa có tính văn hoá lịch sử, vừa mang hơi thở của thời đại – một cách làm bền vững.

---

[1] Bùi Xuân Phái là một hoạ sĩ Hà Nội. Ông đã vẽ về phố cổ với tất cả tình yêu quê hương của mình. Vì vậy, tranh Bùi Xuân Phái đã trở thành một phần của phố cổ. Ông đã tạo nên hàng trăm bức vẽ khác nhau về phố cổ, vì thế, phố cổ Hà Nội còn được gọi là "Phố Phái".

[2] Đây là phần lời được trích từ bài hát *Nhớ về Hà Nội* do nhạc sĩ Hoàng Hiệp sáng tác.

[3] *Tà vẹt*: thanh gỗ, sắt hoặc bê tông dùng để kê ngang dưới đường ray tàu điện hoặc tàu hoả.

[4] *Thực chứng*: kiểm tra, chứng minh bằng thực tế.

Mong rằng, một ngày không xa, sẽ có tuyến tàu điện với công nghệ hiện đại, nhưng mang trên mình hình bóng của đoàn tàu lịch sử và tiếng leng keng ngày xưa ấy lại ngân vang trong đời sống đô thị. Một tuyến tàu từ Thuỵ Khuê qua khu vực Ba Đình – Hoàng thành Thăng Long, khu phố cổ để hướng về với Hồ Gươm hào hoa, để rồi kết nối với khu phố Pháp phía nam quận Hoàn Kiếm...

Đó sẽ là một cung đường của kí ức, hiện tại và nối đến tương lai!

(Tạp chí *Kiến trúc*, số 10/2019, *https://www.tapchikientruc.com.vn/chuyen-muc/cung-duong-cua-ky-uc-hien-tai-va-tuong-lai.html*)

### Hướng dẫn đọc

1. Vẽ sơ đồ bố cục của văn bản và tóm tắt nội dung từng phần.
2. Xác định cách trình bày thông tin của phần văn bản: "Có lẽ chưa có một nghiên cứu nào tìm cách lí giải thấu đáo và khoa học cho câu hỏi ... Tiếng "leng keng tàu sớm khuya" vọng về từ quá khứ đã là một thanh âm mang sắc thái riêng của đất Tràng An". Chỉ ra hiệu quả của cách trình bày ấy.
3. Phân tích các chi tiết đã được tác giả trình bày trong văn bản để làm rõ nhận định "Chắc hẳn nhiều người cũng đồng tình rằng, tàu điện là kí ức đáng nhớ của Thủ đô trên nhiều phương diện".
4. Tác dụng của sơ đồ các tuyến tàu điện Hà Nội năm 1985 và hình ảnh trong văn bản là gì?
5. Bạn có nhận xét gì về cách đặt nhan đề của tác giả trong mối tương quan với nội dung của văn bản?
6. Xác định thái độ và quan điểm của người viết.
7. Bạn có đồng tình với ý kiến của người viết về việc "khôi phục tàu điện lịch sử của Hà Nội" hay không? Vì sao?



## VIẾT

# VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

### Tri thức về kiểu bài

**Kiểu bài:** *Báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội* là kiểu bài trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội dựa trên những bằng chứng từ quá trình khảo sát thực tế hoặc thực nghiệm những giải pháp mà người nghiên cứu đề xuất.

**Yêu cầu đối với kiểu bài:**

- Trình bày đầy đủ, thuyết phục các kết quả nghiên cứu thu nhận được.
- Sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu.
- Sử dụng ngôn ngữ chính xác, khách quan.
- Sử dụng phù hợp các trích dẫn, cước chú, các phương tiện hỗ trợ như: hình ảnh, bảng biểu, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...
- Bố cục văn bản báo cáo gồm các phần, mục:

*Tên đề tài/ nhan đề báo cáo*

*Tóm tắt*: Trình bày tóm tắt mục tiêu, phương pháp, phạm vi nghiên cứu.

*Từ khoá*: Nêu từ ba đến năm từ quan trọng liên quan đến nội dung nghiên cứu.

*Mở đầu*

– Nêu vấn đề nghiên cứu.

– Trình bày lí do chọn đề tài.

– Nêu câu hỏi nghiên cứu.

– Nêu nhiệm vụ, câu hỏi, phương pháp và phạm vi nghiên cứu.

*Nội dung chính*

– Trình bày cơ sở lí thuyết của đề tài.

– Trình bày kết quả khảo sát, đề xuất giải pháp hoặc/ và kết quả thực nghiệm (trích dẫn phù hợp, đúng quy cách; sử dụng các phương tiện hỗ trợ để làm rõ kết quả nghiên cứu (bảng biểu, sơ đồ,...)).

*Kết luận*

– Tóm lược nội dung bài viết, khẳng định ý nghĩa, giá trị của kết quả nghiên cứu.

– Gợi mở hướng phát triển của đề tài (nếu có).

*Tài liệu tham khảo*

Trình bày danh mục tài liệu tham khảo: tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, tên nhà xuất bản/ tạp chí (theo trình tự A, B, C).

*Phụ lục* (nếu có)

Chân trời sáng tạo

## Đọc ngữ liệu tham khảo

### Bảo tồn đa dạng sinh học chim ở một số khu bảo tồn vùng Đông Bắc Việt Nam[1]

**Tóm tắt**

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, quan sát, phỏng vấn để: (1) xác định và đánh giá thành phần loài, công tác bảo tồn chim tại các khu bảo tồn; (2) đề xuất một số giải pháp đối với công tác bảo tồn và quản lí đa dạng loài chim nói riêng, tài nguyên thiên nhiên nói chung. Khảo sát được thực hiện tại một số khu bảo tồn ở Đông Bắc Việt Nam.[2]

[1]: Nêu tên đề tài/ nhan đề báo cáo.

[2]: Tóm tắt mục tiêu, phương pháp, phạm vi nghiên cứu.

***Từ khoá:*** *vùng Đông Bắc; đa dạng sinh học chim; bảo tồn đa dạng sinh học chim.*

## 1. MỞ ĐẦU

Vùng Đông Bắc là một trong những tiểu vùng ở phía bắc Việt Nam (Đông Bắc, Tây Bắc và Đồng bằng sông Hồng). Đây là khu vực có hệ sinh thái đa dạng và phong phú với các dãy núi đá vôi xen với các dãy núi đất, hệ thống sông, hồ tạo nên nơi sống (sinh cảnh) cho nhiều loài động vật, trong đó có các loài chim, nơi đây có hệ thống khu bảo tồn khá đa dạng: vườn Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn loài và sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan,...[3a] Để góp phần bảo vệ hệ sinh thái đa dạng nơi đây,[3b] chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mục đích tìm câu trả lời cho các câu hỏi: Thực trạng công tác bảo tồn chim ở các khu bảo tồn như thế nào? Có giải pháp nào để quản lí đa dạng chim nói riêng, tài nguyên thiên nhiên nói chung?

Các phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là: (1) quan sát chim theo tuyến, điểm tại các khu nghiên cứu bằng ống nhòm, kính thiên văn, dùng lưới mờ bắt chim để xác định thành phần loài, đeo vòng, cân, đo rồi thả ra, sử dụng máy ảnh có ống kính zoom để chụp ảnh, xác định loài; (2) phỏng vấn người dân địa phương và các nhà quản lí về các loài quý hiếm, ít gặp, các cách thức bảo vệ được áp dụng và những tồn tại, thách thức trong công tác bảo tồn; (3) nghiên cứu các tài liệu như *Sách đỏ Việt Nam* (2007), *Danh mục đỏ của Liên minh bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN),...* Nghiên cứu được thực hiện từ năm 2018 đến 2021 tại Vườn Quốc gia Phia Oắc – Phia Đén (Cao Bằng), Khu bảo tồn thiên nhiên Cham Chu (Tuyên Quang), Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Mê (thuộc Vườn Quốc gia Du Già – Cao nguyên đá Đồng Văn – Hà Giang) và Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc (Bắc Kạn).[3c]

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Khái niệm *đa dạng sinh học*

"Đa dạng sinh học là sự phong phú về nguồn gen, về giống, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên" (Luật Đa dạng sinh học, 2008).[*]

Công ước về Đa dạng sinh học (1992) giải thích: "Đa dạng sinh học có nghĩa là tính (đa dạng) biến thiên giữa các sinh vật sống của tất cả các nguồn bao gồm các hệ sinh thái tiếp giáp, trên cạn, biển, các hệ sinh thái thuỷ vực khác và các tập hợp sinh thái mà chúng là một phần. Tính đa dạng này thể hiện ở trong mỗi bộ loài, giữa các loài và các hệ sinh học".[*][4]

Như vậy, sự đa dạng về sinh học hay sự đa dạng sinh học có thể hiểu là sự đa dạng của sự sống trên Trái Đất.

### 2.2. Kết quả nghiên cứu và đề xuất

#### *2.2.1. Đa dạng sinh học chim khu vực Đông Bắc*

Kết quả khảo sát đã xác định được 2020 loài chim thuộc 56 họ và 15 bộ, trong đó có 6 loài quý hiếm thuộc *Danh mục đỏ của Liên minh bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN)*. Trong số này, phải kể đến loài như Vạc hoa:[**][5a]

MỞ ĐẦU

[3a]: Nêu vấn đề nghiên cứu.

[3b]: Nêu lí do thực hiện nghiên cứu.

[3c]: Nêu nhiệm vụ, câu hỏi, phương pháp và phạm vi nghiên cứu.

[*]: Trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo.

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

[4]: Nêu cơ sở lí luận

[**]: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.

[5a]: Lần lượt trình bày kết quả khảo sát.

Chân trời sáng tạo

| Phân loại | Cham Chu | Bắc Mê | Phia Oắc – Phia Đén | Nam Xuân Lạc |
|---|---|---|---|---|
| Bộ | 12 | 15 | 14 | 12 |
| Họ | 28 | 39 | 43 | 37 |
| Loài | 119 | 105 | 140 | 92 |
| Loài quý hiếm | 1 | 2 | 4 | 3 |

**Bảng thống kê các loài chim ở một số khu bảo tồn vùng Đông Bắc**

### *2.2.2. Công tác quản lí, bảo tồn*

Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lí, bảo tồn đa dạng sinh học còn nhiều bất cập:[5b]

Về cơ cấu tổ chức: Các khu bảo tồn hay vườn Quốc gia đều có ban quản lí, kiểm lâm viên, bảo vệ, tổ tuần tra, bảo vệ rừng (của cộng đồng), bên cạnh đó là các trạm kiểm lâm và các chốt bảo vệ ở các nơi xung yếu. Tuy nhiên, cơ chế tổ chức cũng như công tác quản lí và bảo tồn còn nhiều thách thức và hạn chế. Cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực cũng như tài chính hoạt động của một số khu bảo tồn như Cham Chu, Bắc Mê chưa hoàn thiện và còn thiếu. Các khu bảo tồn hầu như chưa có trụ sở hoạt động của ban quản lí, đặc biệt là Vườn Quốc gia Phia Oắc – Phia Đén. Hiện tại, tất cả các khu bảo tồn được khảo sát đều mới chỉ xác định ranh giới trên bản đồ, chưa có các cột mốc đánh dấu ranh giới. Điều này gây khó khăn cho công tác quản lí sự xâm nhập cũng như lấn chiếm khu bảo tồn.

Về công tác nghiên cứu khoa học và điều tra, khảo sát bảo tồn các loài và hệ sinh thái: Các khu bảo tồn hầu như không có kinh phí, nguồn nhân lực cho các hoạt động này. Phần lớn các kết quả nghiên cứu, khảo sát đều do các cơ quan khoa học ở Trung ương hoặc Đại học Thái Nguyên triển khai. Các kết quả này nhiều khi không được bàn giao cho các khu bảo tồn, hoặc nếu có thì khu bảo tồn chưa có thiết bị tốt để lưu giữ và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lí, bảo tồn.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và khuyến khích sự tham gia của người dân cũng như chính quyền địa phương đối với công tác bảo tồn cũng còn nhiều hạn chế. Biện pháp chủ yếu là tuyên truyền bằng các pa-nô (pano), áp phích hoặc các tờ rơi, pô-xtơ (poster) mà chưa có các chương trình cụ thể.

Cách quản lí thì tập trung vào việc ngăn chặn sự xâm nhập và lấn chiếm vào khu bảo tồn (thực thi pháp luật); phòng chống cháy rừng (các hạt và trạm kiểm lâm đều có bảng báo cháy rừng). Tuy nhiên, do lực lượng kiểm lâm, bảo vệ thiếu và yếu, nhận thức, ý thức của người dân chưa cao, đời sống của người dân còn khó khăn nên vẫn còn nhiều vụ xâm nhập vào các khu bảo tồn khai thác trái phép gỗ, lâm sản ngoài gỗ, săn bắt động vật rừng,... Bên cạnh đó, việc phát triển sinh kế và các cây trồng chủ lực cũng tạo nên sức ép không nhỏ cho các khu bảo tồn.

Việc phát triển du lịch sinh thái như là một sinh kế để nâng cao đời sống của người dân trong vùng đệm hầu như chưa được phát triển tại các khu bảo tồn.

[5b]: Lí giải, phân tích ý nghĩa của các dữ liệu.

### 2.2.3. Đề xuất một số giải pháp cho công tác quản lí, bảo tồn

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cho công tác quản lí và bảo tồn cho các khu bảo tồn thiên nhiên nói chung, bốn khu bảo tồn được khảo sát nói riêng:[6]

– Xây dựng thể chế, chính sách, phù hợp và đặc thù cho các khu bảo tồn.

– Tăng cường nhân lực và tài chính cho các khu bảo tồn.

– Triển khai dự án xác định và đóng mốc ranh giới ở hiện trường.

– Triển khai các hoạt động điều tra, quan trắc đa dạng sinh học.

– Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác quản lí, bảo tồn đa dạng sinh học.

– Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động canh tác gây ô nhiễm môi trường tại khu vực xung quanh, các hoạt động khai thác mỏ, đá và khai thác lâm, thuỷ sản trái phép.

– Phát triển du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng để tăng cường tài chính cho các hoạt động quản lí, bảo tồn cũng như nâng cao sinh kế của người dân địa phương.

– Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục môi trường.

## 3. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

**3.1.** Các khu bảo tồn thiên nhiên nói chung, đặc biệt là một số khu bảo tồn ở vùng Đông Bắc, có khu hệ chim rất đa dạng và phong phú, trong đó có nhiều loài quý hiếm đang bị đe doạ.

**3.2.** Công tác bảo tồn ở các khu vực này còn gặp nhiều khó khăn và thách thức về nhiều mặt như: thể chế; chính sách; hoạt động khai thác mỏ, xâm lấn, canh tác nương rẫy; hoạt động điều tra, quan trắc đa dạng sinh học; hoạt động nâng cao nhận thức và cải thiện sinh kế của cộng đồng địa phương,...

**3.3.** Để công tác quản lí và bảo tồn có hiệu quả, cần triển khai các biện pháp một cách hệ thống và đồng bộ để khắc phục các khó khăn, thách thức nêu trên.[7]

**Tài liệu tham khảo**[8]


1. *Công ước về Đa dạng sinh học*. (1992). Truy xuất từ http://cspl-tnmt.monre.gov.vn/tin-tuc/phap-luat-quoc-te/-cong-uoc-nam-1992-ve-da-dang-sinh-hoc.html
2. Lê Mạnh Hùng. (2012). *Introduction to Some Species of Brids of Vietnam*. Hanoi: Natural Science and Technology.
3. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2008). *Luật Đa dạng sinh học*. Truy xuất từ https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=81137
4. *The IUCN Red List of Threatened Species*. Truy xuất từ https://www.iucn.org/sites/dev/files/import/downloads/iucn-brochure-low-res.pdf


(*Theo* Hoàng Văn Thắng, Đỗ Nhật Huỳnh, Lê Mạnh Hùng, *https://tapchimoitruong.vn/nghien-cuu-23/bao-ton-da-dang-sinh-hoc-chim-o-mot-so-khu-bao-ton-vung-dong-bac-viet-nam-25875*

[6]: Đề xuất giải pháp dựa trên kết quả khảo sát thực trạng.

KẾT LUẬN

[7]: Tóm tắt kết quả nghiên cứu.

[8]: Trình bày danh mục tài liệu tham khảo.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Văn bản trên gồm mấy phần? Tóm tắt nội dung của từng phần.
2. Các tác giả đã đề ra những câu hỏi nghiên cứu nào? Kết quả nghiên cứu có lần lượt trả lời được các câu hỏi nghiên cứu không? Hãy lí giải.
3. Vì sao cần trình bày phương pháp thực hiện nghiên cứu, phạm vi khảo sát hoặc thực nghiệm?
4. Ý nghĩa của việc lí giải kết quả khảo sát hoặc thực nghiệm là gì?
5. Danh mục các tài liệu tham khảo đã được trình bày đúng quy cách hay chưa?
6. Bạn rút ra được những lưu ý gì về cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên sau khi đọc văn bản trên?

## Thực hành viết theo quy trình

**Đề bài:**

Tìm hiểu và viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội mà bạn và nhiều người quan tâm.

***Bước 1: Chuẩn bị viết***

**Xác định đề tài**

Khi chọn đề tài nghiên cứu, bạn cần lưu ý:

- Đề tài có tính cụ thể, tránh chung chung hoặc quá rộng.
- Đề tài có tính thời sự, được nhiều người quan tâm.
- Đề tài có tính thực tế.
- Có nguồn tài liệu tham khảo dồi dào.
- Phù hợp với quỹ thời gian và kinh phí cho phép.

**Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc, mục tiêu, câu hỏi, phương pháp nghiên cứu**

Trước khi thực hiện viết báo cáo nghiên cứu, bạn cần xác định:

- Người đọc bản báo cáo này có thể là ai?
- Báo cáo này có thể được công bố ở đâu hoặc gửi đến đâu (trang web của trường, cuộc thi nghiên cứu khoa học, tạp chí khoa học,...)? Thể lệ viết bài của cuộc thi hoặc tạp chí khoa học đó là gì?
- Mục tiêu nghiên cứu (những điều mà người nghiên cứu mong muốn đạt được khi hoàn thành nghiên cứu) là gì?

*Lưu ý:* Kết quả của nghiên cứu này phải có ích cho cộng đồng.

- Câu hỏi nghiên cứu: *Ai? Cái gì? Như thế nào? Bằng cách nào? Tại sao? Bao nhiêu?,...*

Chân trời sáng tạo

Ví dụ: Một học sinh thường đến thư viện trường để đọc sách, tìm sách bao nhiêu lần trong một tháng? Nguyên nhân của thực trạng và giải pháp khuyến khích học sinh đọc sách là gì?

•Xác định đúng câu hỏi nghiên cứu sẽ định hướng cho người nghiên cứu: tài liệu tham khảo cần đọc; cơ sở lí thuyết cần làm rõ; cách tổ chức điều tra/ thực nghiệm; công cụ đánh giá đối tượng khảo sát/ thực nghiệm; cách thu thập dữ liệu, phân tích, đánh giá ý nghĩa của dữ liệu.

• Phương pháp nghiên cứu phù hợp với nội dung nghiên cứu (ví dụ: phương pháp nghiên cứu lí thuyết, phương pháp khảo sát thực trạng, phương pháp thực nghiệm, phương pháp thống kê và xử lí dữ liệu,...).

**Thu thập tư liệu**

Để có cơ sở và số liệu thực hiện báo cáo nghiên cứu, bạn cần thu thập các tài liệu nghiên cứu liên quan đến đề tài. Ví dụ như tài liệu trình bày các khái niệm, định nghĩa về *đa dạng sinh học, các hình thức bạo lực học đường,...* Các tài liệu này cung cấp cho chúng ta cơ sở lí thuyết để thực hiện nghiên cứu đồng thời cho biết vấn đề nghiên cứu đã được thực hiện hay chưa, thực hiện ở mức độ nào,... Vì thế, các tài liệu cần có độ tin cậy và chính xác. Bạn có thể tìm tư liệu ở những địa chỉ dưới đây:

• Trang web của các tổ chức quốc tế của chính phủ, ví dụ: trang web của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (https:// www.worldwildlife.org/).

• Bài báo được công bố trên các tạp chí nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước.

• Sách được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín.

...

Sau đó, lập danh mục các tài liệu với đầy đủ thông tin: tên tài liệu, tên tác giả, tên nhà xuất bản/ tên tạp chí/ trang web, năm xuất bản/ công bố.

***Bước 2: Phác thảo đề cương báo cáo***

Sau khi đã lập danh mục các tài liệu liên quan, bạn cần đọc kĩ tài liệu, trên cơ sở đó, phác thảo đề cương nghiên cứu gồm các mục: tên đề tài, lí do chọn đề tài, mục đích nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, cơ sở lí thuyết, các dữ liệu cần thu thập, phương pháp thu thập dữ liệu.

*Lưu ý:* Đề cương có thể được điều chỉnh trong quá trình nghiên cứu.

***Bước 3: Thực hiện nghiên cứu***

• Dựa trên các tài liệu đã đọc, viết nháp cơ sở lí thuyết để xác lập căn cứ cho việc khảo sát thực trạng hoặc thực nghiệm giải pháp nào đó nhằm cải thiện thực trạng.

• Thu thập các dữ liệu nghiên cứu như: các con số từ khảo sát thực trạng hoặc kết quả thực nghiệm, các ý kiến của những người liên quan về vấn đề nghiên cứu,... Để xác định đúng, đủ các dữ liệu cần thu thập, bạn cần trả lời các câu hỏi:

| Loại dữ liệu | Nội dung | Số lượng dữ liệu | Công cụ thực hiện/ cách thu thập |
|---|---|---|---|
| Số liệu khảo sát, thống kê, đo đạc,... | | | Quan sát<br>Công cụ đo |
| Ý kiến của những người tham gia nghiên cứu | | | Bảng hỏi<br>Bảng phỏng vấn |
| Ý kiến của các chuyên gia | | | Bảng phỏng vấn |

*Lưu ý:* Việc thu thập các tài liệu và dữ liệu cần đảm bảo đủ, đúng, khách quan, phù hợp và có thể làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu.

***Bước 4: Viết báo cáo***

Trên cơ sở đề cương và các thông tin đã có, tiến hành viết báo cáo theo đề cương nghiên cứu.

***Bước 5: Xem lại và chỉnh sửa***

Sau khi viết xong, đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm sau:

**Bảng kiểm báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội**

| Phương diện | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| ***Tóm tắt nội dung*** | Tóm lược mục tiêu, phương pháp, phạm vi nghiên cứu. | | |
| ***Từ khoá*** | Nêu được từ ba đến năm từ khoá. | | |
| ***Mở đầu*** | Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu. | | |
| | Trình bày lí do chọn đề tài. | | |
| | Nêu được nhiệm vụ, mục đích, câu hỏi nghiên cứu. | | |
| | Trình bày rõ phương pháp và phạm vi nghiên cứu. | | |
| ***Cơ sở lí thuyết*** | Trình bày ngắn gọn cơ sở lí thuyết làm nền tảng cho đề tài. | | |
| ***Kết quả nghiên cứu*** | Trình bày đầy đủ, rõ ràng kết quả nghiên cứu. | | |
| | Đưa ra lí giải và bằng chứng để lần lượt làm sáng tỏ câu hỏi nghiên cứu. | | |
| | Đề xuất giải pháp cho vấn đề (nếu có). | | |
| ***Kết luận*** | Tóm tắt kết quả nghiên cứu. | | |
| | Gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài (nếu có). | | |
| ***Tài liệu tham khảo*** | Liệt kê đầy đủ, chính xác và trình bày đúng quy cách. | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***Trình bày, diễn đạt*** | Đề mục rõ ràng, logic, sắp xếp theo trình tự hợp lí. | | |
| | Sử dụng trích dẫn và cước chú đúng quy định. | | |
| | Sử dụng hợp lí, hiệu quả các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. | | |
| | Dùng ngôn ngữ chính xác, khách quan. | | |
| | Diễn đạt rõ ràng, trong sáng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. | | |



## NÓI VÀ NGHE

# TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

**Đề tài:**

Bài báo cáo của bạn được chọn để trình bày trong buổi toạ đàm "Khoa học và cuộc sống". Bạn hãy chuẩn bị nội dung bài nói để tham gia buổi toạ đàm.

*Bước 1: Chuẩn bị nói*

**Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói**

Đề tài của bài nói đã được bạn chuẩn bị ở phần Viết. Bạn cần tự trả lời những câu hỏi sau khi chuẩn bị bài báo cáo:

- Mục đích của bài nói là gì?
- Bạn có bao nhiêu phút để trình bày kết quả nghiên cứu và trả lời câu hỏi của người nghe theo quy định của ban tổ chức?
- Người nghe của bạn là những ai? Họ mong muốn được nghe điều gì từ bài báo cáo?
- Nơi báo cáo có những phương tiện máy móc gì có thể sử dụng khi báo cáo?

**Tìm ý và lập dàn ý**

Bạn hãy chuyển nội dung của bài viết thành dàn ý cho bài nói, bằng cách:

- Lựa chọn những nội dung quan trọng nhất để trình bày: tên đề tài, câu hỏi, mục đích, phương pháp và kết quả nghiên cứu.
- Tóm tắt nội dung báo cáo dưới dạng sơ đồ.
- Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, âm thanh, video clip, thí nghiệm (nếu có) để làm rõ kết quả nghiên cứu.
- Dùng phần mềm phù hợp để thiết kế bài báo cáo.

Chân trời sáng tạo

• Cân nhắc nội dung chính, phụ để điều chỉnh dung lượng báo cáo.

• Dự kiến các câu hỏi của người nghe và chuẩn bị câu trả lời.

**Luyện tập**

Bạn có thể tự ghi âm để nghe lại hoặc luyện tập với các bạn. Khi luyện tập, cần chú ý:

• Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.

• Kết hợp sử dụng ngôn ngữ nói với phương tiện phi ngôn ngữ như: bài trình chiếu, hình ảnh, video clip, sơ đồ, bảng biểu,...

• Sử dụng các từ nối để phần trình bày mạch lạc, rõ ràng.

• Tốc độ nói phù hợp.

***Bước 2: Trình bày bài nói***

Khi trình bày, bạn cần:

• Dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị từ trước.

• Kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

• Đảm bảo thời gian cho phép.

***Bước 3: Trao đổi, đánh giá***

Khi trao đổi với người nghe, bạn nên:

• Lắng nghe và ghi chép các câu hỏi, đánh dấu những câu hỏi có nội dung trùng lặp, lựa chọn một số câu hỏi quan trọng để phản hồi.

• Gạch đầu dòng ngắn gọn những ý trả lời cho các câu hỏi.

• Trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đúng trọng tâm với thái độ lịch sự.

Sau khi trình bày xong bài báo cáo, bạn hãy tự trả lời những câu hỏi sau để hoàn thiện kĩ năng trình bày kết quả nghiên cứu:

• Điều gì làm tôi hài lòng khi trình bày bài báo cáo này?

• Cần điều chỉnh những gì (về nội dung báo cáo, cách báo cáo,...) và điều chỉnh như thế nào để người nghe hiểu rõ và hứng thú theo dõi bài trình bày của tôi?

Trong vai trò người nói và người nghe, bạn có thể tự đánh giá bài nói của mình và góp ý cho bạn khác dựa vào bảng kiểm dưới đây:

**Bảng kiểm kĩ năng trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội**

| Phương diện | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt |
|---|---|---|---|
| ***Mở đầu*** | Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu. | | |
| | Trình bày được mục đích nghiên cứu. | | |
| | Nêu được câu hỏi nghiên cứu. | | |
| | Trình bày rõ các phương pháp nghiên cứu. | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***Nội dung báo cáo*** | Trình bày được cơ sở lí thuyết của đề tài. | | |
| | Trình bày đầy đủ, rõ ràng các kết quả nghiên cứu. | | |
| | Đề xuất được giải pháp để giải quyết, khắc phục (nếu có). | | |
| ***Kết luận*** | Tóm tắt kết quả nghiên cứu và khuyến nghị (nếu có). | | |
| ***Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe*** | Trình bày rõ ràng, mạch lạc, đúng thời gian quy định. | | |
| | Sử dụng từ ngữ chính xác, đơn nghĩa. | | |
| | Khai thác hiệu quả sự hỗ trợ của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. | | |
| | Sử dụng giọng điệu, điệu bộ hợp lí. | | |
| | Tương tác tích cực với người nghe trong quá trình báo cáo. | | |
| | Ghi nhận và phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe. | | |

## ÔN TẬP

1. Trình bày những hiểu biết của bạn về đặc điểm của văn bản thông tin.
2. Tóm tắt ba văn bản đã học (*Sơn Đoòng – Thế giới chỉ có một; Đồ gốm gia dụng của người Việt Nam; Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai*) theo các phương diện sau: đề tài; thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết thể hiện thông tin cơ bản; cách trình bày dữ liệu, thông tin và hiệu quả của cách trình bày; đặc trưng về yếu tố hình thức và vai trò của các yếu tố ấy đối với việc thể hiện thông tin chính của văn bản; thái độ, quan điểm của người viết; phương tiện phi ngôn ngữ.
3. Nêu ít nhất một bài học kinh nghiệm về việc đọc hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin. Từ đó, rút ra (những) điểm cần chú ý khi tạo lập văn bản có sử dụng các phương tiện ấy.
4. Trình bày một số điểm cần lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
5. Ghi lại những kinh nghiệm về cách trình bày kết quả nghiên cứu.
6. Từ những gì đã học trong bài học này, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về ý nghĩa của việc giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

BÀI 5

# BĂN KHOĂN TÌM LẼ SỐNG

## (BI KỊCH)

### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản kịch.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Phân tích được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết.
- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (kịch bản văn học) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bộ phim); nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.
- Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân (ví dụ: tác phẩm văn học, tác phẩm điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ).
- Trân trọng lẽ sống cao đẹp; có ý thức suy nghĩ và thể hiện chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

### TRI THỨC NGỮ VĂN

***Bi kịch*** là thể loại kịch tập trung khai thác những xung đột gay gắt giữa những khát vọng cao đẹp của con người với tình thế bi đát của thực tại, dẫn tới sự thảm bại hay cái chết của nhân vật.

***Hành động trong bi kịch*** là hệ thống hành động của các nhân vật được tổ chức và kết nối lại, tạo nên sự phát triển của cốt truyện bi kịch. Hành động của các nhân vật bi kịch, cũng như hành động của nhân vật kịch nói chung, thường được phân thành hai dạng chính: các hành động bên ngoài (lời nói, cư xử, hoạt động) và hành động bên trong (sự chuyển biến nội tâm, các độc thoại nội tâm).

***Cốt truyện bi kịch*** là tiến trình của các sự việc, biến cố trong câu chuyện kịch được tổ chức tạo nên sự phát triển xung đột, cũng như sự phát triển hành động và tính cách các nhân vật. Đó thường là một chuỗi các sự kiện dẫn đến những tổn thất, đau thương trong cuộc đời nhân vật chính (từ đỉnh cao danh vọng, quyền uy, hạnh phúc,... đến cái chết hoặc sự mất mát khủng khiếp của nhân vật).

***Xung đột bi kịch*** là nhân tố tổ chức tác phẩm kịch, thể hiện sự va chạm, đấu tranh, loại trừ giữa các thế lực đối lập: giữa các mặt khác nhau của cùng một tính cách, giữa

các tính cách nhân vật khác nhau, hoặc giữa tính cách nhân vật với hoàn cảnh. Xung đột bi kịch thường nảy sinh giữa cái cao cả với cái cao cả, giữa cái cao cả với cái thấp kém hoặc giữa khát vọng cao cả với số phận khắc nghiệt.

***Nhân vật chính của bi kịch*** thường có bản chất tốt đẹp, có khát vọng vượt lên và thách thức số phận, nhưng cũng có những nhược điểm trong hành xử hoặc sai lầm trong đánh giá. Những nhược điểm, sai lầm đó sẽ buộc nhân vật phải trả giá rất đắt, thậm chí bằng cả cuộc đời của mình và những gì mình trân trọng.

***Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch:*** Những chấn động cảm xúc mạnh mẽ mà bi kịch gây nên trong tâm hồn khán giả là cơ sở tạo nên hiệu ứng thanh lọc của thể loại này. Thoạt tiên, bi kịch khiến khán giả thương xót trước số phận bi đát của một con người vốn dĩ cao quý, tốt đẹp và sợ hãi trước cái chết, trước những mất mát khủng khiếp. Tuy nhiên, sâu xa hơn, bi kịch khiến khán giả nhận ra, thức tỉnh và đồng cảm trước những giá trị tốt đẹp, có ý nghĩa trong đời, đau đớn trước sự huỷ diệt những giá trị đó; và do vậy, họ có thể giải toả sự xót thương, nỗi sợ hãi thường tình, hướng tâm hồn tới cái cao cả, phấn đấu cho những sức mạnh tinh thần lớn lao.

***Chủ đề chính và chủ đề phụ:*** Trong những tác phẩm văn học cỡ lớn (một truyện lịch sử, truyện thơ, tiểu thuyết, hay kịch bản văn học,... gồm nhiều phần, nhiều chương khúc) thường có nhiều chủ đề. Trong đó, có một chủ đề chính và một số chủ đề phụ xoay quanh chủ đề chính. Ví dụ ở *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô Gia văn phái), xoay quanh chủ đề quá trình thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời Tây Sơn diệt Trịnh là các chủ đề: tình trạng lục đục trong phủ chúa Trịnh, chiến công đại phá quân Thanh của vua Quang Trung,... Có thể xác định chủ đề chính dựa vào nhan đề, nội dung bao quát, hình tượng trung tâm, tổng thể các chi tiết, sự việc chính,... của tác phẩm.

***Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết***

Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác. Khi viết, người viết có điều kiện chọn lọc các phương tiện ngôn ngữ; còn khi đọc, người đọc có điều kiện suy ngẫm, phân tích kĩ lưỡng. Vì vậy, ngôn ngữ viết có những đặc điểm cơ bản sau:

- Được thể hiện bằng chữ viết, hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự.
- Sử dụng từ ngữ chọn lọc, phù hợp với từng phong cách; tránh sử dụng khẩu ngữ và từ ngữ địa phương.
- Có thể sử dụng câu dài, nhiều thành phần nhưng được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ.
- Có thể kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ,...

*Lưu ý:* Trong thực tế sử dụng, ngôn ngữ viết có thể được trình bày lại bằng lời nói, chẳng hạn như trường hợp thuyết trình một vấn đề đã chuẩn bị, trình bày bài phát biểu đã soạn trước,... Trong các trường hợp này, lời nói tận dụng được những ưu thế của ngôn ngữ viết đồng thời vẫn có sự phối hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ làm tăng hiệu quả biểu đạt.



## ĐỌC

### VĂN BẢN 1

# VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI[1]

(Trích *Vũ Như Tô*)

**Nguyễn Huy Tưởng**

*Vũ Như Tô* (1943 – 1945) là kịch bản văn học năm hồi của Nguyễn Huy Tưởng. Nhân vật chính là Vũ Như Tô, một kiến trúc sư chí lớn tài cao, cương trực, trọng nghĩa khinh tài,... Ông bị vua Lê Tương Dực (1493 – 1516), một hôn quân bạo chúa, bắt xây Cửu Trùng Đài. Ban đầu, ông quyết từ chối. Nhưng theo lời khuyên của cung nữ Đan Thiềm, ông đã mượn tay vua Lê Tương Dực để thực thi hoài bão của mình: xây một toà lâu đài vĩ đại và trường tồn. Nhưng việc xây đài chỉ "để cho vua chơi" (lời của Vũ Như Tô) là công việc lớn lao, nặng nề và vô cùng tốn kém, không thuận lòng người, nhất là với thợ xây đài. Triều đình phải tăng sưu thuế, săn đòi thợ giỏi, cưỡng bức nhân công,... gây nên bao cảnh bi thương, oán thán trong dân chúng. Tình hình triều chính bấy giờ lại hết sức rối ren. Lợi dụng tình hình đó, phe phản nghịch trong triều nổi loạn giết vua Lê Tương Dực, hoàng hậu, cung nữ,... Binh lính, dân chúng và chính những người thợ xây đài, vì không chịu đựng nổi sự áp bức, cực nhọc, vất vả, cũng đã nhân đó, theo phe phản nghịch nổi dậy đốt Đài Cửu Trùng đang xây dở và giết Đan Thiềm, Vũ Như Tô. Trước khi bị giết, Vũ Như Tô vẫn không thể hiểu được vì sao đài bị đốt và bản thân ông bị dân chúng thù hận. Ông một mực tự cho mình là vô tội: "Ta chỉ có một hoài bão là tô điểm đất nước, đem hết tài ra xây cho nòi giống một toà đài hoa lệ... Vậy thì ta có tội gì?".

*Vũ Như Tô* phản ánh nhiều mâu thuẫn của xã hội đương thời, mỗi mâu thuẫn ấy gắn với một chủ đề của tác phẩm.

*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* trích Hồi V của tác phẩm. Hành động kịch xoay quanh việc binh lính, dân chúng và chính những người thợ xây đài theo phe phản nghịch, nổi dậy đốt Đài Cửu Trùng, giết Đan Thiềm, Vũ Như Tô.

## Trước khi đọc

Đã bao giờ bạn tự hỏi: "Tôi là ai? Ước mơ lớn nhất của tôi là gì? Tôi có thể làm gì để đạt được ước mơ ấy?". Hãy chia sẻ với các bạn những suy nghĩ đó của mình.

[1] Nhan đề văn bản trong *Ngữ văn 11* nâng cao, tập một, Trần Đình Sử (Tổng Chủ biên), NXB Giáo dục, 2007.

## Đọc văn bản

### Hồi V

### *Một cung cấm*

### Lớp I

*Vũ Như Tô – Đan Thiềm*

**Vũ Như Tô** – Có việc gì mà bà chạy hớt hơ hớt hải? Mặt bà cắt không còn hột máu.

**Đan Thiềm** (*thở hổn hển*) – Nguy đến nơi rồi... Ông Cả!

**Vũ Như Tô** – Lạ chưa, nguy làm sao? Đài Cửu Trùng chia năm đã được một phần.

**Đan Thiềm** – Ông trốn đi, mau lên không thì không kịp.

**Vũ Như Tô** – Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu? Làm gì phải trốn?

**Đan Thiềm** – Ông nghe tôi! Ông trốn đi! Ông nghe tôi! Ông phải trốn đi mới được!

**Vũ Như Tô** – Làm sao tôi cần phải trốn? Bà nói rõ cho là vì sao? Khi trước tôi nhờ bà mách đường chạy trốn, bà khuyên không nên, bây giờ bà bảo tôi đi trốn, thế là nghĩa gì?[1]

**Đan Thiềm** – Có nghĩa lắm. Tôi không làm một việc gì vô lí cả. Khi trước trốn đi thì ông nguy, bây giờ trốn đi thì ông thoát chết.

**Vũ Như Tô** – Sao thế? 1

**Đan Thiềm** – Loạn đến nơi rồi. Dân gian đói kém nổi lên tứ tung. Giặc Trần Cao[2] trước đã bị quan quân đuổi đánh, nay lại về đóng ở Bồ Đề[3], thanh thế rất mạnh. Trong triều, Nguyên Quận công Trịnh Duy Sản vì can vua mà bị đánh, nay mưu với mấy tên đồng chí, giả mượn tiếng đi dẹp giặc rồi quay binh về làm loạn.

**Vũ Như Tô** – Tôi làm gì nên tội?

**Đan Thiềm** – Vậy mà ai ai cũng cho ông là thủ phạm. Vua xa xỉ là vì ông, công khố hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, man di oán giận là vì ông, thần nhân trách móc[4] là vì ông. Cửu Trùng Đài, họ có cần đâu? Họ dấy nghĩa cốt giết ông, phá Cửu Trùng Đài. 2

**Theo dõi**

1 Lời thoại của Vũ Như Tô và Đan Thiềm cho thấy họ có quan điểm như thế nào về hành động và cảm xúc của quần chúng nhân dân?

**Suy luận**

2 Vì sao Đan Thiềm luôn tỏ ra lo lắng còn Vũ Như Tô lại không?

---

[1] Khi bị Lê Tương Dực bắt ép xây Cửu Trùng Đài cho vua và cung nữ hưởng thụ cuộc sống xa hoa, Vũ Như Tô một mực từ chối. Nhưng khi nghe cung nữ Đan Thiềm thành tâm khuyên ông rằng đây là cơ hội hiếm có mà Vũ Như Tô có thể mượn tiền tài vật lực để xây nên một kì quan, thực hiện "mộng lớn" của một kiến trúc sư tài ba, đồng thời bảo tồn tính mạng của bản thân, vợ con, ông đã nhận lời xây Cửu Trùng Đài.

[2] *Trần Cao*: một thủ lĩnh quân khởi nghĩa chống triều đình nhà Lê (thế kỉ XVI).

[3] *Bồ Đề*: tên một vùng đất ở bờ Bắc sông Hồng (nay thuộc quận Long Biên, Hà Nội).

[4] Trong thời gian xây Cửu Trùng Đài xảy ra rất nhiều tai nạn, thiên tai, mất mùa, đói kém,... Người xưa cho đó là do thần nhân quở phạt, trách móc,... một điềm rất xấu khiến dân tình hoang mang.

**Vũ Như Tô** – Phá Cửu Trùng Đài? Không đời nào! Mà tôi thì không làm gì nên tội. Họ hiểu nhầm.

**Đan Thiềm** – Ông phải trốn đi. (*có tiếng quân ầm ầm, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng tù và, tiếng ngựa hí*). Ông phải trốn đi (*lời có vẻ van lơn*). Trong lúc biến cố này, ông hãy tạm lánh đi. Khi dân nổi lên, họ nông nổi vô cùng. Họ không phân biệt phải trái. Ông trốn đi. Tài kia không nên để uổng. Ông mà có mệnh hệ[1] nào thì nước ta không còn ai tô điểm nữa.

**Vũ Như Tô** – Bà không nên lo cho tôi. Tôi không trốn đâu. Người quân tử không bao giờ sợ chết. Mà vạn nhất có chết, thì cũng phải để cho mọi người biết rằng công việc mình làm chính đại quang minh[2]. Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài một bước. Hồn tôi để cả đây, thì tôi chạy đi đâu?

**Đan Thiềm** – Ông Cả! Ông nghe tôi. Trốn đi để chờ cơ hội khác. Đại sự hỏng rồi.

**Vũ Như Tô** – Đa tạ bà. Tấm lòng của bà, chỉ có lòng cha mẹ tôi mới sánh kịp. Nhưng tôi đã quyết, không chịu rời Cửu Trùng Đài một bước. Tôi quyết ở đây.

**Đan Thiềm** (*thất vọng*) – Ông Cả ơi!

## Lớp II

*Những người trên, thêm Nguyễn Vũ*[3]

**Nguyễn Vũ** (*lật đật và xộc xệch*) – Kìa, thầy Cả.

**Vũ Như Tô** – Lạy Cụ lớn.

**Nguyễn Vũ** – Thầy có biết việc gì không?

**Vũ Như Tô** – Bẩm Cụ lớn, không. Duy có bà Đan Thiềm đây vừa mới bảo với chúng tôi rằng Nguyên Quận công làm phản.

**Nguyễn Vũ** (*hất hàm hỏi Đan Thiềm*) – Thế nào?

**Đan Thiềm** – Chúng tôi cũng không rõ. Nghe như Quận công làm phản. Cụ lớn có biết tin gì thêm không?

**Nguyễn Vũ** – Đúng thế đấy. Ta vừa chạy đến đây. Thiên tử đâu? Chiều hôm kia ta còn uống rượu trong nội điện[4] với Hoàng thượng[5].

**Đan Thiềm** (*rú lên*) – Cái gì đó? (*có tiếng động ầm ầm ở xa*). Họ tiến lại đây chăng? (*quay bảo Vũ Như Tô*) Ông trốn đi, mau lên, khổ lắm. (*lắng tai*) Có tiếng quân reo... (*líu lưỡi*).

**Nguyễn Vũ** – Ta lo cho Hoàng thượng lắm. Duy Sản là một đứa tiểu nhân. Nó vẫn căm giận Hoàng thượng và ta. Ta hối không can Hoàng thượng, lại để cho Ngài sai đánh nó quá đau, mà lại ở ngay giữa chợ. Thẹn quá hoá giận, đứa tiểu nhân thì nghĩ chi đến nghĩa vua tôi! 3

**Dự đoán**

3 Từ lời của Nguyễn Vũ, bạn dự đoán điều gì sẽ xảy ra với các nhân vật trong đoạn trích?

[1] *Mệnh hệ*: chuyện rủi ro liên quan đến tính mệnh. Ở đây ý nói: "ông mà chết...".
[2] *Chính đại quang minh*: chính đáng, đàng hoàng.
[3] *Nguyễn Vũ*: cận thần của Lê Tương Dực, giữ chức Đông các Đại học sĩ.
[4] *Nội điện*: cung điện riêng của vua, ở sâu trong hoàng thành.
[5] *Hoàng thượng*: nhà vua, ở đây là Lê Tương Dực.

**Đan Thiềm** (*quay bảo Vũ Như Tô*) – Ông định chết ở đây sao? Ông gàn quá. Quận công có ưa gì ông đâu?

**Vũ Như Tô** (*sẵng*) – Bà để mặc tôi. Tôi tự có cách khu xử[1].

**Đan Thiềm** – Đấy, tiếng reo mỗi lúc một gần. Kìa, thái giám[2], chắc có tin gì? (*Nội giám*[3] *hoảng hốt vào*).

### Lớp III

*Những người trên, Lê Trung Mại*[4]

(Lược dẫn: *Nghe tin vua Lê Tương Dực bị phe phản nghịch giết, Nguyễn Vũ dùng dao tự tử.*)

### Lớp IV

*Những người trên, thêm một bọn nội giám khác*

(Lược dẫn: *Phe phản nghịch giết vua, lập triều đình mới; thợ xây Cửu Trùng Đài cũng nổi dậy theo phe này. Vũ Như Tô một mực không tin thợ xây đài oán giận ông.*)

### Lớp V

*Vũ Như Tô – Đan Thiềm*

**Đan Thiềm** – Ông Cả! Ông chạy đi! Ông có nghe tiếng gì không? Quân giặc đang tìm ông đấy, trốn đi!

**Vũ Như Tô** – Họ tìm tôi, nhưng có lí gì họ giết tôi. Tôi có gây oán gây thù gì với ai?

**Đan Thiềm** – Ông đừng mơ mộng nữa. Dân chúng nông nổi, dễ sinh tàn ác. Họ không hiểu công việc của ông. Tránh đi! Trốn đi! Đợi thời là thượng sách. Đừng để phí tài trời. Trốn đi!

**Vũ Như Tô** – Còn bà?

**Đan Thiềm** – Tôi ở đây (*có tiếng quân reo dữ dội: "Giết chết Vũ Như Tô, giết chết lũ cung nữ"*).

**Vũ Như Tô** (*thản nhiên*) – Bà ở đây. Vậy tôi cũng ở đây, nguy biến ta cùng chịu.

**Đan Thiềm** – Không được! Tôi chết đi không thiệt hại cho đời. Còn ông, ông phải đi mới được. (*có tiếng nhà đổ, tiếng cửa đổ*) Ông đi đi không thì không kịp (*nàng chắp tay lạy*). Tôi xin ông, ông nghe tôi trốn đi.

*Có tiếng giày dép nhốn nháo. Bọn cung nữ hốt hoảng đi vào.*

### Lớp VI

*Những người trên – Kim Phượng*[5] *– cung nữ*

**Kim Phượng** (*khóc lóc*) – Làm thế nào bây giờ? Cửa điện bị chúng phá rồi! Chúng đứng đầy ngoài sân. (*hỏi Đan Thiềm*) Đây có cửa ra đằng sau không?

---

[1] *Khu xử*: đứng ở giữa giải quyết ổn thoả cho cả hai bên.

[2] *Thái giám*: người hầu hạ, giám sát việc trong cung cấm.

[3] *Nội giám*: người đảm nhiệm công việc như thái giám nhưng chức vị thấp hơn, ít được trọng thị hơn.

[4] *Lê Trung Mại*: tên một viên thái giám thân cận của hoàng hậu, triều Lê Tương Dực.

[5] *Kim Phượng*: thứ phi của Lê Tương Dực, được yêu quý, chiều chuộng đặc biệt. Vua xây Cửu Trùng Đài cũng là để vui chơi với Kim Phượng.

**Đan Thiềm** – Đến đây là đường cùng rồi! Đây là tử địa!

**Cung nữ** – Trời ơi!

**Đan Thiềm** (*bảo Vũ Như Tô*) – Ông Cả ơi! Có trốn cũng không được nữa. Ông nguy mất (*nàng khóc*).

*Quân khởi loạn kéo vào, gươm giáo sáng loè.*

## Lớp VII

*Những người trên, thêm Ngô Hạch*[1] *và quân khởi loạn*

**Quân khởi loạn** – Đây rồi! Vũ Như Tô! Lũ cung nữ!

**Ngô Hạch** – Quân bay, vào bắt lũ cung nữ trước.

**Cung nữ** (*quỳ xuống*) – Trăm lạy Tướng quân, trăm lạy Tướng quân.

**Ngô Hạch** – Ta vâng tướng lệnh vào bắt các ngươi.

**Kim Phượng** (*quỳ xuống*) – Chị em chúng tôi không có tội gì. Xin Tướng quân sinh phúc (*Đan Thiềm bĩu môi thở dài*). Kẻ hay xúc xiểm vua là ả kia (*chỉ Đan Thiềm*). Chính nó mê hoặc vua. Chính nó dan díu với Vũ Như Tô, làm uế tạp nơi cung cấm, chính nó là thủ phạm[2].

**Cung nữ** – Chính nó là thủ phạm.

**Đan Thiềm** – Lũ yêu quái không được đặt để nên nhời, Tướng quân nên thấu cho. Tôi không sợ chết, nguyện xin được chết. Nhưng tôi không phải là con người bất chính, tôi nói thế không hổ với quỷ thần hai vai, không hổ với thanh thiên bạch nhật.

**Cung nữ** – Chính con Đan Thiềm là thủ phạm (*nhìn lẳng lơ, bọn quân sĩ như bị quyến rũ*).

**Ngô Hạch** – Ta đã biết! Quân bay, vào bắt lấy gian phu dâm phụ.

**Đan Thiềm** – Tướng quân không nên nói thế.

**Vũ Như Tô** – Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan.

**Đan Thiềm** – Tướng quân nghe tôi. Bao nhiêu tội tôi xin chịu hết. Nhưng xin Tướng quân tha cho ông Cả. Ông ấy là một người tài...

**Quân khởi loạn** (*cười ầm*) – Thế mà còn mở mồm cãi. Mày chết để chồng mày sống à.

**Đan Thiềm** – Các người chỉ nghĩ những điều quá quắt.

**Quân khởi loạn** – Chúng ông chỉ có thế, con đĩ già câm miệng.

**Ngô Hạch** – Trói cổ nó lại.

**Đan Thiềm** (*quỳ xuống*) – Tướng quân tha cho ông Cả. Nước ta còn cần nhiều thợ tài để tô điểm.

---

[1] *Ngô Hạch*: một nhân vật trong phe nổi loạn, võ sĩ của Trịnh Duy Sản.

[2] Đan Thiềm vốn là cung nữ tài sắc, nàng quý trọng và hoà hợp đặc biệt với Vũ Như Tô. Cả hai người đều có tâm hồn nghệ sĩ trong sáng, cao thượng. Nhưng quan hệ tốt đẹp ấy lại bị người đời hiểu lầm, còn bọn Kim Phượng thì cố tình vu khống, bôi nhọ.

**Ngô Hạch** (*cười ha hả*) – Cần thọ tài để tô điểm. Để hao hụt công khố, để dân gian lầm than.

**Vũ Như Tô** – Đan Thiềm, bà đứng dậy. Sao bà lẩn thẩn thế, lạy cả một đứa tiểu nhân?

**Đan Thiềm** (*đứng dậy*) – Tướng quân hãy nghe tôi, đừng phạm vào tội ác. Đừng giết ông Cả. Kẻo Tướng quân mang hận về muôn đời! Tha cho ông Cả. Tôi xin chịu chết.

**Ngô Hạch** (*truyền*) – Trói cổ con đĩ già lại.

**Đan Thiềm** – Tướng quân tha...

**Quân khởi loạn** (*xúm vào trói nàng*) – Đừng nói nữa vô ích, con dâm phụ.

**Đan Thiềm** – ... Tha cho ông Cả.

**Ngô Hạch** (*thấy Như Tô chạy lại*) – Trói thằng Vũ Như Tô lại (*quân sĩ xông vào trói chàng, có vẻ đắc ý*).

**Đan Thiềm** (*thất vọng*) – Chỉ tại ông không nghe tôi, dùng dằng mãi. Bây giờ... (*nói với Ngô Hạch*) Xin Tướng quân...

**Ngô Hạch** – Dẫn nó đi, không cho nó nói nhảm nữa, ròm tai[1] (*quân sĩ dẫn nàng ra*).

**Đan Thiềm** – Ông Cả! Đài lớn tan tành! Ông Cả ơi! Xin cùng ông vĩnh biệt (*họ kéo nàng ra, tàn nhẫn*). 4

**Theo dõi**

4 Chú ý giọng điệu các lời thoại của Đan Thiềm trong đoạn này.

## Lớp VIII

*Những người trên, trừ Đan Thiềm*

**Vũ Như Tô** – Xin đa tạ tấm lòng tri kỉ. Đan Thiềm, xin cùng bà vĩnh biệt (*buồn rầu, trấn tĩnh ngay*). Đời ta chưa tận, mệnh ta chưa cùng. Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỉ.

**Ngô Hạch** (*chỉ bọn cung nữ, bảo mấy tên quân*) – Dẫn họ về dinh ta đợi lệnh.

**Mấy tên quân** – Xin vâng lệnh (*dẫn cung nữ ra*).

**Vũ Như Tô** (*khinh bỉ*) – Mi thực là một tên bỉ ổi. Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường[2]!

**Ngô Hạch** – Dẫn thằng này về trình chủ tướng.

**Vũ Như Tô** (*đầy hi vọng*) – Dẫn ta ra mắt An Hoà Hầu, để ta phân trần, để ta giảng giải, cho người đời biết rõ nguyện vọng của ta. Ta tội gì. Không, ta chỉ có một hoài bão là tô điểm đất nước, đem hết tài ra xây cho nòi giống một toà đài hoa lệ, thách cả những công trình sau trước, tranh tinh xảo với Hoá công. Vậy thì ta có tội gì? Ta xây Cửu Trùng Đài có phải đâu để hại nước? Không, không, Nguyễn Hoàng Dụ sẽ biết cho ta, ta không có tội và chủ tướng các người sẽ cởi trói cho ta để ta xây nốt Cửu Trùng Đài, dựng một kì công muôn thuở...

---

[1] *Ròm tai* (hay *rườm tai*): chán tai, không muốn nghe.

[2] *Cương thường:* tức *tam cương* và *ngũ thường* (nói tắt). *Tam cương:* ba quan hệ cơ bản trong hệ thống đạo đức Nho giáo (gồm: vua – tôi, cha – con, chồng – vợ). *Ngũ thường:* năm đức tính trong hệ thống đạo đức Nho giáo (gồm: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín).

**Quân sĩ** (*cười ầm*) – Câm ngay đi. Quân điên rồ, câm ngay đi không chúng ông vả vỡ miệng bây giờ. Mày không biết mấy nghìn người chết vì Cửu Trùng Đài, mẹ mất con, vợ mất chồng vì mày đó ư? Người ta oán mày hơn oán quỷ. Câm ngay đi.

**Vũ Như Tô** – ... Vài năm nữa, Đài Cửu Trùng hoàn thành, cao cả, huy hoàng, giữa cõi trần lao lực, có một cảnh Bồng lai...

**Quân sĩ** – Câm mồm!

**Vũ Như Tô** – ... xuất hiện...

**Quân sĩ** – Câm mồm! (*họ xúm vào vả miệng Vũ Như Tô*).

**Vũ Như Tô** – Ta có thù oán gì với các ngươi?

**Ngô Hạch** – Dẫn nó ra pháp trường. Không để nó nói nhảm trước mặt chủ tướng mất thì giờ.

**Quân sĩ** – Ra pháp trường!

**Vũ Như Tô** – Không, dẫn ta ra mắt chủ tướng. Ta muốn nói chuyện với An Hoà Hầu. Các người không hiểu được ta (*có tiếng ầm ầm như long trời lở đất*).

**Mọi người** – Cái chi nghe kinh người?

*(Một lũ quân vào)*

### Lớp IX

*Những người trên, thêm một lũ quân*

**Ngô Hạch** – Chúng bay đi đâu?

**Lũ quân** – Bẩm Tướng quân! Kinh thành phát hoả!

**Ngô Hạch** – Ai ra lệnh ấy?

**Một tên quân** – Chính An Hoà Hầu!

**Vũ Như Tô** – Chính An Hoà Hầu! Thế Cửu Trùng Đài?

**Lũ quân** – Cửu Trùng Đài ư? Dã tràng xe cát[1]! Cửu Trùng Đài sắp là một đống tro tàn!

**Vũ Như Tô** – Vô lí! Vô lí!

**Ngô Hạch** – Rõ quân ngu muội! Đến đầu mày chả chắc, nói chi đến Cửu Trùng Đài mà còn tin tưởng.

**Vũ Như Tô** – Đời ta không quý bằng Cửu Trùng Đài.

**Quân sĩ** – Giống vật không biết nhục.

**Ngô Hạch** – Dẫn nó đi (*chợt có ánh lửa, sáng rực cả tàn than, bụi khói bay vào*).

**Vũ Như Tô** (*nhìn ra, rú lên*) – Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phú cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài! (*có tiếng hô vui vẻ: "Cửu Trùng Đài đã cháy!"*). 5

**Suy luận**

5 So sánh biểu cảm của Vũ Như Tô và quân sĩ trước sự sụp đổ của Cửu Trùng Đài.

[1] *Dã tràng xe cát*: (nghĩa ẩn dụ) việc làm tốn công vô ích.

**Quân sĩ** – Thực đáng ăn mừng.

**Vũ Như Tô** (*chua chát*) – Thôi thế là hết. Dẫn ta đến pháp trường!

(*Màn hạ nhanh*)

(In trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 23, Hà Minh Đức sưu tầm, biên soạn, giới thiệu, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 777 – 788)

## Sau khi đọc

1. Tóm tắt diễn biến sự kiện và hành động của các nhân vật từ Lớp I đến Lớp IX.
2. Qua hệ thống nhân vật ở các lớp kịch, hãy xác định những xung đột cơ bản của tác phẩm.
3. Bạn hình dung thế nào về công trình "Cửu Trùng Đài" mà Vũ Như Tô đang xây dựng dở dang? Việc xây dựng công trình ấy có phải là nguyên nhân chính gây nên bạo loạn và kết cuộc bi thảm ở cuối Hồi V hay không? Vì sao?
4. Nhận xét về ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của hai nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm qua các lớp kịch.
5. Chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt trong tính cách của hai nhân vật Đan Thiềm, Vũ Như Tô trước tình huống bạo loạn nguy hiểm đối với sinh mệnh của Cửu Trùng Đài và đối với bản thân họ. Cho biết Vũ Như Tô mang những đặc điểm nào của nhân vật chính của bi kịch.
6. Thể loại bi kịch thường kết thúc với cái chết hoặc sự mất mát khủng khiếp của nhân vật. Từ đoạn kết của bi kịch *Vũ Như Tô*, hãy chỉ ra những mất mát mà nhân vật chính phải gánh chịu.
7. Theo bạn, bi kịch *Vũ Như Tô* là tác phẩm có một chủ đề hay nhiều chủ đề? Điều đó đã được thể hiện trong Hồi V *(Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài)* như thế nào?
8. Qua văn bản trên, tác giả muốn thể hiện tư tưởng và thông điệp gì? Tư tưởng và thông điệp đó có còn ý nghĩa đối với đời sống đương đại không?

Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960), quê ở làng Dục Tú, Từ Sơn, Bắc Ninh, nay thuộc xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội. Sáng tác của ông khá phong phú, có thiên hướng rõ rệt về đề tài lịch sử, thành công hơn cả về thể loại tiểu thuyết và kịch. Trong đó, nổi bật là các vở kịch như: *Vũ Như Tô* (1941), *Bắc Sơn* (1946), *Những người ở lại* (1948),... và các truyện lịch sử như: *Đêm hội Long Trì* (1942), *An Tư* (1945), *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (1960), *Sống mãi với Thủ đô* (1961),...



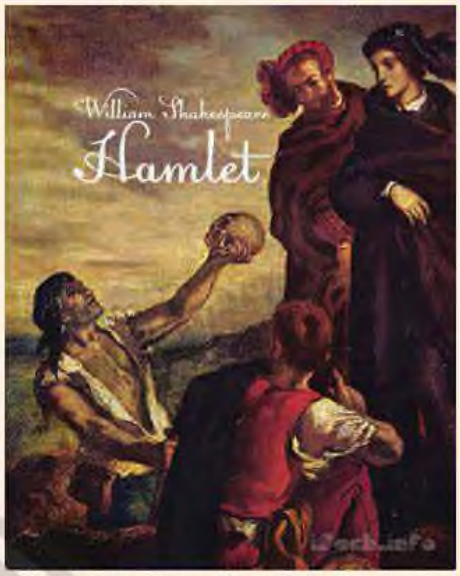
Nguyễn Huy Tưởng

## VĂN BẢN 2

# SỐNG HAY KHÔNG SỐNG[1] – ĐÓ LÀ VẤN ĐỀ

(Trích *Hăm-lét (Hamlet)*)

**Sếch-xpia (Shakespeare)**




*(https://toplist.vn/top-list/tac-pham-van-hoc-hay-nhat-cua-william-shakespeare-21445.htm)*

Hăm-lét, hoàng tử Đan Mạch, được hồn ma của cha chàng – vị vua mới qua đời – báo cho biết về cái chết của ông không phải do rắn độc cắn như triều đình loan báo, mà do vua Clô-đi-út (Claudius) – người em trai nham hiểm, vô đạo – đầu độc nhằm chiếm cả ngai vàng và hoàng hậu của ông. Từ đây, một mặt Hăm-lét bị thôi thúc phải hành động để trả thù cho cha, mặt khác vẫn băn khoăn, do dự, muốn tra xét rõ sự thật. Chàng giả điên, cố tình hành động thật kì lạ, nói năng lung tung, khó hiểu khiến cho người yêu của mình là nàng Ô-phê-li-a (Ophelia) – con gái của cận thần Pô-lô-ni-út (Polonius), em gái của La-ớc-tơ (Laertes) – hoang mang, sợ hãi và rời bỏ chàng. Nghĩ rằng Hăm-lét đang toan tính điều gì ghê gớm, nguy hiểm, Clô-đi-út cho người hộ tống chàng sang Anh, nhờ vua Anh thủ tiêu để trừ hậu hoạ. Nhưng Hăm-lét đã tương kế tựu kế, triệt hạ hai kẻ hộ tống, quay về Đan Mạch tiếp tục thực hiện kế hoạch hành động của mình. Vở kịch kết thúc với cái chết của hoàng hậu, cận thần Pô-lô-ni-út, La-ớc-tơ, vua và Hăm-lét. Nhưng âm mưu và tội lỗi của Clô-đi-út cùng bọn tay sai đã bị vạch trần, buộc chúng phải đền tội.

Văn bản *Sống hay không sống – đó là vấn đề* trích Hồi III – Cảnh 1 vở kịch *Hăm-lét* của Sếch-xpia. Hăm-lét giả điên để che giấu những suy nghĩ và toan tính liên quan đến nguyên nhân cái chết đột ngột của vua cha và hành động ám muội của Clô-đi-út.

### Trước khi đọc

Theo bạn, ngôn ngữ giao tiếp, cách nói năng của một người điên (hay giả điên) và của một người bình thường khác nhau như thế nào? Hãy chia sẻ ý kiến với các bạn trong lớp.

### Đọc văn bản

**Hồi III – Cảnh I** (Trích)

***Một gian phòng trong lâu đài***

***Vua, Hoàng hậu, Pô-lô-ni-út***

*(Ô-phê-li-a, Rô-den-cran (Rosencrantz) và Ghin-đơn-xtơn (Guildenstern) ra)*

[1] Câu này dịch sát nguyên văn là: "tồn tại hay không tồn tại..." (to be or not to be...). Nhan đề trên lấy từ *Văn học 10*, tập hai, Nguyễn Lộc – Phan Nhật Chiêu – Trần Xuân Đề – Lê Ngọc Trà – Lương Duy Trung, NXB Giáo dục, 1997, tr. 54 – 61 và tôn trọng bản dịch tiếng Việt của nhóm dịch giả: Đào Anh Kha, Bùi Ý, Bùi Phụng.

**Vua** – Thế trong khi chuyện trò cùng thái tử, các khanh lại không lựa được cơ hội nào để tìm hiểu tại sao Người rối loạn tâm thần, để cho chuỗi ngày xanh êm đẹp bị tan nát vì những con điên dữ dội, hiểm nghèo hay sao? 1

**Dự đoán**

1 Động cơ nào khiến vua Clô-đi-út quan tâm, hỏi han về nguyên do dẫn đến tình trạng tinh thần của Hăm-lét?

**Rô-den-cran** – Tâu Bệ hạ, thái tử cũng biết mình bị mất trí, nhưng duyên do tại đâu thì nhất định Người không nói.

**Ghin-đơn-xtơn** – Thực ra thì thái tử cũng không để cho tìm hiểu sâu hơn. Người cứ đánh trống lảng bằng những con điên khôn khéo, mỗi khi chúng thần tìm cách gợi Người tỏ bày thực trạng tâm hồn mình.

**Hoàng hậu** – Thái tử tiếp các khanh có tử tế không?

**Rô-den-cran** – Thưa, thật đúng như một người lịch thiệp.

**Ghin-đơn-xtơn** – Nhưng bên trong vẫn có vẻ gì gượng gạo.

**Rô-den-cran** – Người hỏi rất ít, nhưng trả lời những câu hỏi của chúng thần thì huyên thuyên dài dòng.

**Hoàng hậu** – Thế các khanh có kiếm cách gì cho thái tử tiêu khiển không?

**Rô-den-cran** – Tâu Lệnh bà, trên đường đi tình cờ chúng thần gặp một bọn đào kép. Chúng thần có thưa bày và thái tử tỏ vẻ vui thích lắm. Bọn họ hiện ở quanh quẩn trong cung này và hình như đã nhận được lệnh trình diễn đêm nay hầu thái tử.

**Pô-lô-ni-út** – Thưa, đúng như vậy. Chính thái tử có khẩn khoản nhờ thần mời Bệ hạ và Lệnh bà tới ngự lãm đêm nay.

**Vua** – Trẫm rất vui lòng. Trẫm hài lòng khi biết thái tử tìm được nguồn thích thú như vậy. Các khanh ạ, nên khuyến khích thêm thái tử nữa vào những trò giải trí ấy.

**Rô-den-cran** – Tâu Bệ hạ, chúng thần xin tuân thượng lệnh.

*(Rô-den-cran và Ghin-đơn-xtơn vào)*

**Vua** – Ái khanh nữa, xin mời ái khanh cũng tạm lui. Trẫm đã ra mật lệnh cho tìm Hăm-lét tới đây, làm như thể tình cờ y bắt gặp Ô-phê-li-a ở nơi này. Trẫm sẽ đích thân cùng Tướng công Pô-lô-ni-út, như hai thám tử hợp pháp, ngồi vào một nơi kín, nhìn thấy hết mà không ai nhìn thấy mình, để tận mắt quan sát mọi cử chỉ của y qua cuộc gặp gỡ, xem có phải chính bệnh tương tư là nguyên nhân làm y quẫn trí chăng.

**Hoàng hậu** – Xin vâng lệnh Bệ hạ, còn Ô-phê-li-a con, ta mong rằng chính nhan sắc yêu kiều của con là nguyên nhân tốt lành của bệnh hoạn của Hăm-lét và ta hi vọng đức hạnh của con sẽ làm cho nó trở lại bình thường; vì danh dự của cả hai con đấy!

**Ô-phê-li-a** – Tâu Lệnh bà, con cũng mong như thế.

*(Hoàng hậu vào)*

**Pô-lô-ni-út** – Ô-phê-li-a, con cứ đi đi lại lại ở chỗ này – Xin Bệ hạ cùng thần lánh vào đây. (*nói với Ô-phê-li-a*) Con hãy cầm cuốn sách này và đọc đi. Như thế mới thêm vẻ tự nhiên trong lúc cô đơn. Đời vẫn thường chê trách rằng ta khoác cái vẻ trầm mặc thành kính và bộ điệu chân tu nhiều khi cũng đường mật đánh lừa được cả ma quỷ. Điều đó đã được chứng tỏ quá nhiều rồi.

**Vua** – Ôi, đúng quá thật! Lời nói như roi quất vào lương tâm ta. Đôi má của gái hồng lâu, rực rỡ vì son tô phấn điểm, cũng không thể xấu xa hơn hành động của ta được điểm phấn tô son bằng những lời hoa gấm mĩ miều. Ôi, gánh nặng của tội ác! 2

**Theo dõi**

2 Đây là lời đối thoại hay độc thoại? Có mối liên hệ gì giữa câu thoại trên đây của Pô-lô-ni-út với câu thoại này của nhà vua?

**Pô-lô-ni-út** – Tâu Bệ hạ, thần đã nghe thấy bước chân thái tử đi tới. Ta hãy tạm lánh thôi.

*(Vua và Pô-lô-ni-út vào. Hăm-lét ra.)*

**Hăm-lét** – Sống, hay không sống – đó là vấn đề. Chịu đựng tất cả những viên đá, những mũi tên của số mệnh phũ phàng, hay là cầm vũ khí vùng lên mà chống lại với sóng gió của biển khổ, chống lại để mà diệt chúng đi, đằng nào cao quý hơn? Chết, là ngủ. Không hơn. Và tự nhủ rằng ngủ đi tức là chấm dứt mọi đau khổ của cõi lòng muôn vàn vết tử thương mà hình hài phải chịu đựng, kết liễu cuộc đời như thế, chẳng đáng mong muốn sao? Chết, ngủ. Ngủ, có thể chỉ là mơ. Hừ! Đây mới là điều khó khăn. Vì trong giấc ngủ của cõi chết ấy, khi ta đã thoát khỏi cái thể xác trần tục này, những giấc mơ nào lại tới, điều đó làm cho ta phải ngừng lại mà suy nghĩ. Chính điều đó gây ra bao tai hoạ cho cuộc sống dằng dặc này! Bởi vì, ai là người có thể chịu đựng được những roi vọt và khinh khi của thời đại, sự áp bức của kẻ bạo ngược, hống hách của kẻ kiêu căng, những nỗi giày vò của tình yêu tuyệt vọng, sự trì chậm của công lí, hỗn xược của cường quyền, sự miệt thị của kẻ bất tài đối với đức tài nhẫn nhục, khi chỉ cần với một mũi dùi là có thể đủ đưa mình đến chỗ yên nghỉ. Có ai đành cam chịu, than vãn rên rỉ, đổ mồ hôi dưới gánh nặng của cuộc đời mệt mỏi, nếu không phải chỉ vì sợ một cái gì mênh mang sau khi chết, cả một thế giới huyền bí mà đã vượt biên cương thì không một du khách nào còn quay trở lại, nỗi sợ làm cho tâm trí rối bời và bắt ta phải cam chịu mọi khổ nhục trên cõi thế này còn hơn là bay tới những nỗi khổ nhục khác mà ta chưa hề biết tới? Đấy, chính nỗi vướng mắc của tâm tư ấy làm cho chúng ta trở thành hèn mạt tất cả, và ngọn lửa của quyết tâm vừa bùng lên đã mờ nhạt ốm yếu đi trước ánh leo lắt của ý nghĩ đó, bao dự kiến lớn lao, cao quý cũng phải xoay chiều đổi hướng, chẳng thể biến thành hành động – Thôi khẽ chứ! Kìa Ô-phê-li-a yêu kiều! Nữ thần của ta ơi, khi nàng cầu nguyện, xin nàng đừng quên những tội lỗi của ta. 3

**Suy luận**

3 Đây là lời đối thoại hay độc thoại? Lời thoại này cho thấy điều gì trong tâm trí và tính cách của Hăm-lét?

**Ô-phê-li-a** – Kính thưa Điện hạ, chẳng hay sức khoẻ của Người bấy lâu nay ra sao?

**Hăm-lét** – Xin đa tạ cô em, tôi vẫn được như thường, như thường, như thường. 4

**Ô-phê-li-a** – Thưa Điện hạ, thiếp còn giữ những kỉ vật Người trao tặng, đã từ lâu thiếp vẫn mong được gửi lại, mong Người nhận cho.

**Theo dõi**

4 Từ đây cho đến hết cuộc thoại với Ô-phê-li-a, Hăm-lét dùng lời lẽ như thế nào để che mắt những kẻ đang theo dõi chàng?

**Hăm-lét** – Không, không, tôi nào có hề tặng cô em cái gì bao giờ.

**Ô-phê-li-a** – Thưa Điện hạ tôn kính, Điện hạ cũng thừa biết là có và Người đã gửi gắm theo những kỉ vật ấy những lời xiết bao tình tứ làm cho chúng càng tôn thêm giá. Nhưng bây giờ hương đã tàn phai, xin chàng giữ lấy; bởi vì đối với một tâm hồn cao quý, quà tặng quý giá đến đâu chăng nữa, nào còn có ý nghĩa gì một khi người trao đã thờ ơ lạnh nhạt. Thưa đây, Điện hạ.

**Hăm-lét** – A ha! Cô em có phải là người đức hạnh không?

**Ô-phê-li-a** – Thưa Điện hạ!...

**Hăm-lét** – Cô em có phải là người nhan sắc không?

**Ô-phê-li-a** – Điện hạ định nói gì?

**Hăm-lét** – Nếu cô vừa là người đức hạnh, lại vừa nhan sắc, thì đức hạnh làm sao có thể nói chuyện được với nhan sắc của cô?

**Ô-phê-li-a** – Sao, thưa Điện hạ, nhan sắc còn có thể hoà hợp với cái gì hơn là đức hạnh?

**Hăm-lét** – Chứ sao! Vì nhan sắc có mãnh lực biến đức hạnh thành phóng đãng, nhưng đức hạnh không thể nào khép nhan sắc vào khuôn khổ nết na. Ngày xưa, đó là điều nghịch lí, nhưng ngày nay thì đã được chứng thực rồi. Có một thời, tôi đã yêu cô em.

**Ô-phê-li-a** – Thực thế thưa Điện hạ, chính Người đã làm cho thiếp tưởng như vậy.

**Hăm-lét** – Đáng lí cô em đừng tin tôi mới phải, vì chẳng thể ghép đức hạnh vào dòng giống cũ kĩ của chúng ta mà chúng ta không giữ lại chút gì của dòng giống đó. Tôi chưa bao giờ yêu cô em cả.

**Ô-phê-li-a** – Thế thì thiếp lại càng bị mắc lừa lắm!

**Hăm-lét** – Cô em nên vào nhà tu kín đi thôi. Tại sao cô em cũng lại muốn sinh sản ra những kẻ tội lỗi? Bản thân tôi cũng là một người không đến nỗi hư thân, ấy thế mà tôi có thể tự kết tội tôi nhiều đến nỗi giá mẹ tôi đừng sinh ra tôi thì hơn! Tôi là một kẻ kiêu căng, hay oán thù, đầy tham vọng, đầu óc chứa chất nhiều tội lỗi đến nỗi tôi không đủ ý để diễn đạt, trí tưởng tượng để hình dung, thời gian để hành sự. Trần thế cần chi phải có những gã như tôi sống lê la giữa đất trời? Chúng tôi là những kẻ khốn kiếp không hơn. Cô không nên tin kẻ nào cả. Cô nên vào nhà tu kín đi. Thân phụ cô em đâu?

**Ô-phê-li-a** – Thưa Điện hạ, phụ thân thiếp ở nhà.

**Hăm-lét** – Thế thì phải cửa đóng then cài cho chắc, để cho ông ta chỉ có thể giở trò điên dại ở nhà thôi nhé! Thôi chào cô.

**Ô-phê-li-a** – Ôi, cầu Chúa, hãy cứu vớt lấy chàng!

**Hăm-lét** – Nếu cô em cứ nhất định xuất giá thì tôi xin gửi tặng lời nguyền bất hạnh này để cô em làm của hồi môn: Dù cô em có tinh khiết như băng, trong trắng như tuyết, cũng không thể nào tránh khỏi được miệng tiếng người đời. Thôi cô em vào nhà tu kín đi, vào đi, chào cô! Hay cô em thấy cứ cần phải lấy chồng, thì chỉ nên lấy một thằng rồ, vì những kẻ khôn ngoan thừa biết cô sẽ biến họ thành quỷ dữ. Vào nhà tu kín đi, vào đi; vào ngay đi thôi. Chào cô.

**Ô-phê-li-a** – Ôi các đấng thần linh! Xin làm cho chàng hồi tỉnh!

**Hăm-lét** – Tôi lại còn nghe nói cô tô son điểm phấn khéo lắm. Chúa đã ban cho cô một bộ mặt, cô lại tạo cho mình một bộ mặt khác; cô múa rõn, lượn lờ, nói nói, cười cười, trêu cợt cả mọi sinh linh của Chúa, phóng đãng mà ra vẻ thơ ngây! Thôi đi, tôi không chịu được nữa, thế cũng đủ làm cho tôi phát điên lên rồi. Tôi đã nói mà, chuyện cưới xin sẽ không bao giờ có nữa. Những kẻ nào đã bước vào con đường ấy – tất cả chỉ trừ có một – sẽ được sống. Còn những kẻ nào chưa bước vào thì nên cứ ở vậy suốt đời. Vào nhà tu kín đi, vào đi thôi.

*(Vào)*

**Ô-phê-li-a** – Ôi một tâm hồn cao quý, bỗng dưng tan nát! Đôi mắt của nhà thông thái, thanh gươm của trang hiệp sĩ, miệng lưỡi của người hào hoa; niềm hi vọng, đoá hồng tươi của quốc gia gấm vóc, gương sáng của thời trang, kiểu mẫu của mọi người; bao người thán phục, ca tụng, bây giờ, còn đâu nữa, hết rồi, thật hết rồi! Có người khuê nữ nào thất vọng và đau khổ hơn tôi, người đã được tận hưởng hương mật của bao lời tỏ tình êm như tiếng nhạc của chàng. Bây giờ, lí trí cao quý của một đấng quân vương nào khác chi những tiếng chuông êm ái rung lên lạc điệu và chối tai, tuổi hoa niên đẹp đẽ tuyệt vời bị dập vùi trong điên cuồng mê loạn. Ôi đau đớn cho tôi, xưa kia mắt đã thấy là thế, mà nay lại là thế!

*(Vua và Pô-lô-ni-út lại ra)*

**Vua** – Tình yêu? Tình cảm của y không hướng về phía đó đâu. Những lời nói của y dù là huyên thuyên, đôi chỗ không ăn khớp, nhưng không hẳn là điên dại. Tâm hồn y có điều chi phiền muộn, làm cho y nặng ưu tư. Trẫm lo rằng, y cứ ấp ủ mãi nỗi đau buồn ắt không tránh khỏi xảy ra điều nguy hiểm. Để ngăn ngừa, trẫm vừa quyết định: y phải lập tức rời sang Anh Cát Lợi[1] để đòi những vật triều cống mà nước này lãng quên chưa nộp. Biết đâu, khác cảnh khác người, khí hậu đổi thay, cái điều thầm kín trong tâm y có thể tiêu tan đi được. Để y suy nghĩ luẩn quẩn, trẫm lo rằng y có thể biến đổi vô chừng. Khanh thấy thế nào? 5

**Theo dõi**

5 Lời thoại của nhân vật vua và Pô-lô-ni-út cho thấy sự suy đoán của bạn từ đầu đúng hay sai? Giải thích do đâu bạn suy đoán đúng hoặc suy đoán chưa đúng.

[1] *Anh Cát Lợi*: nước Anh. Tên gọi này bắt nguồn từ cách phiên âm trong tiếng Trung (từ *English* phiên thành *Anh Cát Lợi*; từ *England* phiên thành *Anh Cách Lan*, đều chỉ nước Anh).

**Pô-lô-ni-út** – Tâu Bệ hạ, thật là cao kiến. Tuy nhiên, thần vẫn tin chắc rằng duyên do và đầu mối nỗi sầu muộn của hoàng tử chính là bởi thất tình. *(nói với Ô-phê-li-a)* Thôi Ô-phê-li-a con ạ, con không cần kể lại những điều thái tử đã nói với con. Bệ hạ và cha đã nghe rõ cả rồi. *(nói với vua)* Tâu Bệ hạ, xin Bệ hạ cứ tuỳ ý định liệu. Nhưng nếu Bệ hạ thấy không có điều chi bất tiện, thì sau khi xem diễn tuồng trở về, xin để cho hoàng hậu tâm sự riêng với thái tử để dò thăm nỗi ưu tư của thái tử. Hoàng hậu cứ hỏi thẳng, và nếu Bệ hạ cho phép thần sẽ xin nấp chỗ kín đáo sao cho có thể nghe được câu chuyện giữa hai người. Nếu hoàng hậu cũng không tìm ra được duyên do thì lúc đó Bệ hạ hãy truyền lệnh cho thái tử sang nước Anh tức khắc, hay là giam giữ ở một nơi nào tuỳ cao kiến của Bệ hạ quyết định.

**Vua** – Phải làm như thế mới được. Không thể coi thường sự điên dại ở những kẻ có tài và có địa vị.

Đào Anh Kha, Bùi Ý, Bùi Phụng dịch
(In trong *Hăm-lét*, NXB Sân khấu, Hà Nội, 2006, tr. 222 – 235)

## Sau khi đọc

1. Dựa vào nội dung tóm tắt cốt truyện ở phần đầu văn bản, hãy lí giải tình thế của Hăm-lét và mục đích giả điên của chàng.
2. Xác định xung đột trong văn bản và cho biết những giằng xé nội tâm của Hăm-lét (liên quan đến việc lựa chọn giữa sống và chết, giữa những thái độ sống và nhân cách đối lập,...) có tác dụng như thế nào trong việc khơi sâu và phát triển xung đột trong các lớp kịch.
3. Phân tích đoạn độc thoại nội tâm và những lời đối thoại của Hăm-lét với Ô-phê-li-a để làm rõ:
   a. Nguyên nhân làm nảy sinh mối xung đột giữa Hăm-lét với các nhân vật khác và với xã hội Đan Mạch thời bấy giờ.
   b. Thái độ, tình cảm của Hăm-lét trong những lời thoại với Ô-phê-li-a về người nữ.
4. Kẻ bảng sau vào vở, liệt kê một số biểu hiện "hành động bên trong", "hành động bên ngoài" của nhân vật vua Clô-đi-út và Hăm-lét:

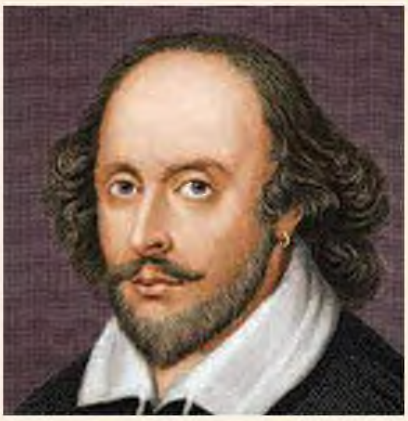
| Nhân vật | Hành động bên ngoài | Hành động bên trong |
|---|---|---|
| Vua Clô-đi-út | | |
| Hăm-lét | | |

   Từ bảng trên, hãy lí giải sự khác biệt giữa con người qua "hành động bên trong" và con người qua "hành động bên ngoài" của mỗi nhân vật. Nhận xét về cách xây dựng nhân vật và hành động kịch của tác giả trong văn bản.
5. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng ngôn ngữ đối thoại, độc thoại trong văn bản.
6. Xác định chủ đề và cho biết qua văn bản trên, tác giả muốn gửi đến người đọc/người xem thông điệp gì.

7. Từ việc đọc văn bản *Sống hay không sống – đó là vấn đề* và *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, bạn rút ra được những lưu ý gì khi đọc một văn bản bi kịch?

**Bài tập sáng tạo:** Thành lập nhóm kịch và sân khấu hoá (một phần hoặc toàn phần) một trong hai văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, *Sống hay không sống – đó là vấn đề*. Cho biết bạn dự định vào vai nhân vật nào trong màn sân khấu hoá của nhóm và giải thích lí do.

Sếch-xpia (1564 – 1616) là nhà soạn kịch, nhà thơ Anh, là tác gia tiêu biểu của văn học Phục hưng. Sự nghiệp văn học của Sếch-xpia là bài ca tuyệt diệu về con người, đúng như ông đã viết: "Kì diệu thay là con người, về vẻ đẹp nó sánh ngang với thần thánh, trí tuệ sánh ngang với thượng đế. Con người (...) là trung tâm của vũ trụ, là kiểu mẫu của muôn loài. Con người phải được thoả mãn mọi nhu cầu vốn có như ăn, uống, ngủ, nghỉ, các sinh hoạt trần thế, sự hiểu biết và sự phát triển về mặt trí tuệ". Ông viết hơn 40 vở kịch, gồm cả bi kịch, hài kịch, kịch lịch sử, tất cả đều dưới dạng kịch thơ, tiêu biểu là các vở kịch: *Rô-mê-ô (Romeo) và Giu-li-ét (Juliet), Hăm-lét (Hamlet), Vua Lia (Lear), Giông tố, Ô-ten-lô (Othello), Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ (Venice),...*



Sếch-xpia

## ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

### CHÍ KHÍ ANH HÙNG[1]

**Nguyễn Công Trứ**

**Đọc văn bản**

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc,[2]
Nợ tang bồng[3] vay trả, trả vay.
Chí làm trai nam bắc đông tây,
Cho thoả sức vẫy vùng trong bốn bể.
Nhân sinh thế thượng thuỳ vô nghệ[4],
Lưu đắc đan tâm chiếu hãn thanh[5].

[1] Có bản chép là *Chí anh hùng*.
[2] Lấy nghĩa ở chữ *tung hoành* (*hợp nam bắc là tung, liên đông tây là hoành*), ý nói rộng rãi, to lớn khắp bốn phương trời.
[3] *Nợ tang bồng*: *tang* là gỗ dâu; *bồng* là cỏ bồng, chỉ chí khí dọc ngang của người làm trai. *Nợ tang bồng* là nợ của kẻ làm trai theo quan niệm của người xưa.
[4] *Thuỳ vô nghệ*: ai mà không có một nghề, một tài nghệ (có bản chép: "thuỳ vô tử" nghĩa là ai mà chẳng chết).
[5] Ở đây có nghĩa là: điều quan trọng là tấm lòng son được rạng rỡ trong sử sách.

Đã chắc rằng ai nhục ai vinh,
Mấy kẻ biết anh hùng thời vị ngộ[1].
Cũng có lúc mây tuôn sóng vỗ,[2]
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong[3].
Chí những toan xẻ núi lấp sông,
Làm nên đấng anh hùng đâu đấy tỏ.
Đường mây[4] rộng thênh thênh cử bộ[5],
Nợ tang bồng trang trắng[6] vỗ tay reo.
Thênh thênh thơ túi rượu bầu.

(In trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 14, Đặng Đức Siêu biên soạn, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 1084)

## Sau khi đọc

1. Giải thích quan niệm về chí anh hùng của chủ thể trữ tình trong bài thơ. Theo bạn, cách thể hiện quan niệm ấy trong tám dòng thơ đầu, bốn dòng thơ tiếp theo và ba dòng thơ cuối có gì khác nhau?
2. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì? Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố vần, nhịp, âm điệu có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện cảm hứng ấy?
3. Không phải ai cũng có thể trở thành "anh hùng" nhưng đã là con người, ai cũng có thể và cần nuôi dưỡng "chí anh hùng". Bạn nghĩ thế nào về quan niệm trên?

### THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Đọc lại phần tri thức tiếng Việt, mục *Tri thức Ngữ văn* của bài này và bài 3 để thực hiện bảng so sánh sau (làm vào vở):

| Đặc điểm | Ngôn ngữ viết | Ngôn ngữ nói |
|---|---|---|
| Phương tiện thể hiện | | |
| Từ ngữ | | |
| Câu | | |
| Phương tiện kết hợp | | |

[1] *Anh hùng thời vị ngộ*: người anh hùng lúc chưa gặp thời.
[2] Có bản chép: "Cũng có lúc mưa dồn sóng vỗ"; "mây tuôn sóng vỗ" hay "mưa dồn sóng vỗ" đều nói về những biến động, thử thách trong cuộc đời mà người có chí khí phải đối mặt để vượt qua.
[3] *Cuồng phong*: gió lớn, ý nói thời loạn lạc.
[4] *Đường mây*: lấy nghĩa ở chữ "vân trình" để nói người người thi đỗ, tức là đường công danh.
[5] *Cử bộ*: cất bước chân đi.
[6] *Trang trắng*: trang trải xong.

2. Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ viết thể hiện trong các đoạn trích sau:

a. *Hai mâu thuẫn cơ bản của vở kịch được thể hiện qua xung đột chính của hồi kịch. Thứ nhất, đó là xung đột giữa giai cấp thống trị thối nát, xa hoa, truỵ lạc với nhân dân khốn khổ, lầm than. Mâu thuẫn này đã được giải quyết khi vua Lê Tương Dực bị giết, Nguyễn Vũ tự sát. Thứ hai, đó là xung đột giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu, thuần tuý với lợi ích trực tiếp, thiết thực của nhân dân. Mâu thuẫn này không được giải quyết rạch ròi, dứt khoát.*

(Nguyễn Đăng Mạnh (Chủ biên), *Ngữ văn 11*, tập một)

b. *Việc Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài cho Lê Tương Dực theo lời khuyên của Đan Thiềm là nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh xung đột bi kịch. Tuy nhiên, đây không phải là xung đột thông thường mà là xung đột vừa mang tính lịch sử, vừa mang tính nhân loại.*

(Phạm Vĩnh Cư, *Bàn thêm về bi kịch Vũ Như Tô*)

3. Điều chỉnh các câu dưới đây cho phù hợp với ngôn ngữ viết:

a. *Hôm nay, cô giáo em mặc một bộ áo dài đẹp hết sảy.*

b. *Hành động kì cục của ông ấy khiến cả nhà cảm thấy rối nùi.*

c. *Đường bay quốc tế đã mở tung, du khách nước ngoài tha hồ đến Việt Nam du lịch.*

d. *Bà ấy đói quá nên xơi tất tần tật các món ăn trên bàn.*

4. Phân tích những đặc điểm của ngôn ngữ nói trong đoạn trích sau:

**Vũ Như Tô** – *Có việc gì mà bà chạy hớt hơ hớt hải? Mặt bà cắt không còn hột máu.*

**Đan Thiềm** (thở hổn hển) – *Nguy đến nơi rồi… Ông Cả!*

**Vũ Như Tô** – *Lạ chưa, nguy làm sao? Đài Cửu Trùng chia năm đã được một phần.*

**Đan Thiềm** – *Ông trốn đi, mau lên không thì không kịp.*

**Vũ Như Tô** – *Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?*

**Đan Thiềm** – *Ông nghe tôi! Ông trốn đi! Ông nghe tôi! Ông phải trốn đi mới được!*

**Vũ Như Tô** – *Làm sao tôi cần phải trốn? Bà nói rõ cho là vì sao? Khi trước tôi nhờ bà mách đường chạy trốn, bà khuyên không nên, bây giờ bà bảo tôi đi trốn, thế nghĩa là gì?*

(Nguyễn Huy Tưởng, *Vũ Như Tô*)

## TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Từ việc đọc hai văn bản bi kịch trên đây, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi: *Thanh niên ngày nay nên chọn lí tưởng sống như thế nào?*, trong đó lưu ý lựa chọn từ ngữ, câu văn phù hợp với ngôn ngữ viết.

## ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

# ÂM MƯU VÀ TÌNH YÊU[1]

**Si-le (Sile/ Schiller)**

(Trích)

*Âm mưu và tình yêu* (1783), kịch năm hồi của nhà soạn kịch người Đức Giô-han Cơ-ri-xtôp-phơ Phơ-ri-đơ-rich Si-le (Johann Christoph Friedrich Schiller) (1759 – 1805) được xem là tác phẩm mẫu mực về nghệ thuật bi kịch Đức. Hành động kịch diễn ra tại nhiều địa điểm khác nhau. Nhân vật trung tâm là Thiếu tá Phéc-đi-năng (Ferdinand), con trai của Tể tướng Phôn Van-te (Von Walter), yêu Luy-dơ (Luise), con gái của nhạc công Min-le (Miller) và quyết tâm lấy nàng làm vợ, bất chấp sự ngăn cách về giai cấp và địa vị xã hội. Nhưng Luy-dơ cảm thấy tình yêu của hai người sẽ gặp nhiều trở ngại (Hồi I – Cảnh 1). Phôn Van-te là một quý tộc gian ác, đã ám sát viên Tể tướng trước để chiếm địa vị đó. Ông ta cấm Phéc-đi-năng yêu Luy-dơ, ép chàng phải lấy Min-pho (Milford), một ái phi đã bị chán bỏ của viên công tước đứng đầu nhà nước, nhằm củng cố địa vị của mình. Nhưng Phéc-đi-năng đã kiên quyết bảo vệ tình yêu với Luy-dơ và doạ sẽ tố giác Tể tướng Phôn Van-te về tội giết người tiếm ngôi (Hồi II – Cảnh 2). Sợ chuyện vỡ lở, Phôn Van-te đành tạm gác chuyện ép con trai lấy Min-pho. Nhưng Vuôm (Wurm)[2], gã thư kí riêng nham hiểm của Tể tướng, kẻ cũng đang say đắm Luy-dơ mà không được nàng đoái hoài, đã bàn với lão Tể tướng bày ra một kế độc. Hắn vô cớ bắt giam vợ chồng nhạc công Min-le, rồi buộc Luy-dơ viết một lá thư tỏ tình với Thị vệ trưởng Phôn Ca-bơ (Von Calb)[3], kẻ mà nàng không hề quen biết. Vốn là một cô gái rất hiếu thảo và sùng đạo, để cứu cha mẹ, Luy-dơ buộc lòng phải làm theo và phải thề trước tượng Chúa rằng sẽ không tiết lộ cho ai biết. Bức thư được Vuôm bố trí để rơi vào tay Phéc-đi-năng. Chàng tưởng mình bị Luy-dơ lừa dối, tìm gặp nàng để hỏi cho ra chuyện. Vì lời nguyền, Luy-dơ không thể nói sự thật. Phéc-đi-năng tuyệt vọng, bí mật bỏ thuốc độc vào li nước chanh, ép nàng uống rồi chàng cũng uống. Lúc biết mình và người yêu sắp chết, Luy-dơ đã nói ra sự thật về bức thư, nhưng tất cả đã muộn (các cảnh, hồi tiếp theo đến hết tác phẩm).

Phần văn bản dưới đây trích Hồi I – Cảnh 1 và Hồi II – Cảnh 2, tác phẩm *Âm mưu và tình yêu*, thể hiện hành động đấu tranh bảo vệ tình yêu của Phéc-đi-năng và Luy-dơ.

Chân trời sáng tạo

## Hồi I

### Cảnh 1

***Một căn phòng trong nhà nhạc sĩ Min-le***

(Lược dẫn: *Đối thoại giữa hai vợ chồng nhạc sĩ Min-le cho thấy xung đột giữa hai ông bà, liên quan đến mối quan hệ giữa Luy-dơ (con gái họ) với Thiếu tá Phéc-đi-năng (con trai Tể tướng). Ông Min-le nhất quyết phản đối mối quan hệ nói trên. Đồng lí Vuôm – kẻ theo đuổi Luy-dơ, nhưng không được nàng đoái hoài – đột ngột xuất hiện. Hắn gợi chuyện và thăm dò thực hư mối quan hệ tình cảm giữa Luy-dơ và Phéc-đi-năng để báo cho Tể tướng.*)

**Luy-dơ** *(đặt quyển sách lên bàn, lại gần nắm lấy tay cha)* – Thưa cha, con đã về.

**Min-le** *(nồng nhiệt)* – Tốt lắm, Luy-dơ! Cha rất vui mừng thấy con luôn luôn nghĩ đến Chúa như vậy. Con hãy luôn luôn giữ lòng tin như thế và cánh tay Người sẽ nâng đỡ con.

---

[1] *Âm mưu và tình yêu* được sáng tác năm 1783, công diễn lần đầu ở Đức ngày 13/4/1784. Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Đình Nghi, NXB Sân khấu, Hà Nội, 2006.

[2,3] Trong tiếng Đức, *vuôm* có nghĩa là con sâu; *ca-bơ* có nghĩa là con bò.

**Luy-dơ** – Ôi, thưa cha con là kẻ tội lỗi nặng nề! Mẹ ơi, chàng có đến đây không?

**Bà Min-le** – Ai hả con?

**Luy-dơ** – Ù nhỉ, con cứ quên rằng trên Trái Đất này còn có người khác ngoài chàng! Đầu óc con rối loạn quá! Chàng chưa đến ư, Van-te ấy mà?

**Min-le** *(buồn và nghiêm trang)* – Thế mà cha cứ tưởng rằng Luy-dơ của cha đã quên được cái tên ấy ở nhà thờ rồi!

**Luy-dơ** *(chăm chăm nhìn cha)* – Cha ơi, con hiểu ý cha, con cảm thấy lời trách móc của cha như lưỡi dao xuyên vào lương tâm con. Nhưng mà muộn mất rồi. Con không thể cầu Chúa được nữa. Phéc-đi-năng và Chúa đang tranh giành nhau mảnh linh hồn tả tơi đẫm máu của con. Con sợ... Con sợ... *(im lặng một lát)*. Nhưng mà không phải thế. Cha nhân từ của con ơi! Đối với người nghệ sĩ, còn lời khen nào ngọt ngào hơn là thấy người xem mải mê chiêm ngưỡng tác phẩm đến nỗi quên cả người tạo ra nó? Khi Chúa thấy con say mê trước tác phẩm của Người đến nỗi lãng quên Người, thì Chúa lại chẳng vui mừng sao?

**Min-le** *(thất vọng gieo mình xuống ghế)* – Đó! kết quả loại sách vở vô đạo nó đọc là thế đó!

**Luy-dơ** *(lo lắng tới gần cửa sổ)* – Chàng đang ở đâu? Các tiểu thư sang trọng đang được nhìn ngắm chàng, được nghe chàng nói. Còn ta, ta chỉ là một đứa con gái nghèo hèn tội nghiệp bị bỏ rơi. *(sợ hãi vì câu mình vừa nói, nàng chạy đến gần cha)* – Không! Không, cha tha lỗi cho con! Con không hề phàn nàn số phận của con. Con chỉ mong mỏi một chút ít thôi. Được nghĩ đến chàng. Điều đó nào có thiệt hại gì đâu? Con chỉ muốn đem chút sinh mạng này là tất cả của cải của con biến thành làn gió mát dịu thoảng qua vuốt ve vầng trán nóng bỏng của chàng. Đoá hoa thanh xuân nhỏ bé này ước gì như một bông lan tím được chết dưới chân chàng. Cha ơi, con chỉ cầu xin một chút thế thôi! Con như một con sâu nhỏ, muốn đắm mình trong ánh mặt trời, thì vầng thái dương uy nghiêm kiêu hãnh kia nỡ giận con chăng?

**Min-le** *(xúc động tựa vào ghế, hai tay ôm mặt)* – Con nghe đây, Luy-dơ! Cha sẵn lòng hi sinh tất cả những ngày sống thừa của cha, chỉ ước gì con chưa bao giờ gặp Thiếu tá.

**Luy-dơ** *(sợ hãi)* – Cha nói sao? Không, không, cha không nghĩ thế, cha ta hiểu khác ta! Chắc là cha không biết rằng Chúa cao cả trên trời, Chúa của những trái tim yêu thương đã tạo nên Phéc-đi-năng cho ta, cho hạnh phúc của ta. *(suy nghĩ một lát)* Khi ta gặp chàng lần đầu tiên, khi máu ta bừng lên đôi má, khi mạch ta dồn dập chạy nhanh hơn, khi mỗi nhịp tim ta và mỗi hơi thở ta đều thì thầm bên tai ta rằng: Chàng đó! Khi trái tim ta nhận ra người mà ta hằng mong đợi và cất tiếng reo vui: Chàng đó! Với một sức mạnh mà hồi âm vang động khắp thế gian náo nức vui say, thì khi đó, ôi, khi đó ánh bình minh đầu tiên đã bừng dậy trong hồn ta. Muôn nghìn tình cảm mới mẻ bừng nở trong trái tim ta như mặt đất bừng nở muôn hoa khi mùa xuân tới. Mắt ta không còn nhìn thấy thế gian, nhưng ta lại biết rằng chưa bao giờ thế gian tươi đẹp như bấy giờ. Ta không còn biết rằng có Chúa, nhưng lại chưa bao giờ ta biết yêu Chúa hơn bây giờ.

**Min-le** *(chạy lại ôm con vào ngực)* – Luy-dơ, con yêu quý, con xinh đẹp của cha, con hãy lấy đi mái đầu bạc đã mòn mỏi vì tuổi già của cha, con hãy lấy đi tất cả của cha... nhưng còn Thiếu tá thì... xin Chúa làm chứng cho cha, cha không thể có quyền cho con được. *(ra)*

**Luy-dơ** – Cho nên bây giờ con có ước sống cùng chàng đâu, cha ơi! Được tưởng nhớ đến Phéc-đi-năng, chỉ thế cũng đã đủ làm êm dịu, tan biến đi giọt sương hoa là cuộc đời con đây! Ở đời này con xin đành tạ tuyệt chàng. Sau này, mẹ ơi, sau này khi hàng rào ngăn cách con người với con người đã đổ gục rồi, khi cái vỏ giai cấp đáng nguyền rủa vẫn tù hãm chúng ta đã võ vụn rồi, khi mà con người sẽ chỉ là con người, khi ấy thì con sẽ chỉ còn mang theo lòng thơ ngây trinh bạch của con. Cha vẫn chẳng thường nói rằng đến giờ Chúa nhân từ hiển hiện ra cùng chúng ta, thì trang sức và tước hiệu sẽ không còn giá trị nữa, mà chỉ còn trái tim con người là thật sự đáng quý trọng đó sao? Khi ấy, con sẽ là kẻ giàu sang. Ở trên trời, nước mắt là chiến công, và tư tưởng cao đẹp là tước hiệu. Khi ấy con sẽ là người cao quý, mẹ ạ! Và đến giờ phút ấy thì còn cao sang nào khiến Phéc-đi-năng hơn được người mà chàng yêu chăng?

**Bà Min-le** *(vụt đứng dậy)* – Luy-dơ, Thiếu tá đã đến kìa! Mẹ trông thấy chàng vượt qua hàng rào. Mẹ biết trốn đi đâu bây giờ?

**Luy-dơ** *(bắt đầu run sợ)* – Mẹ ơi, ở lại đây với con!

**Bà Min-le** – Trời ơi, con trông mẹ đây này! Mẹ xấu hổ đến chết mất. Ăn mặc thế này, mẹ ra mắt công tử sao được. *(ra)*

(Hồi I – Cảnh 2: *Cha Phéc-đi-năng, Tể tướng Phôn Van-te muốn Phéc-đi-năng kết hôn với phu nhân Min-pho nhằm củng cố địa vị của ông ta. Khi biết Phéc-đi-năng đã yêu Luy-dơ và định cưới nàng bất chấp mọi thiên kiến, Tể tướng quyết định đi trước một bước: loan tin cho mọi người trong toàn thành phố, Hoàng thân và triều đình biết rằng cuộc hôn nhân giữa Phéc-đi-năng và phu nhân Min-pho sắp chính thức cử hành.*)

## Hồi II

(Hồi II – Cảnh 1: *Âm mưu của Tể tướng được thực thi. Việc này đã đẩy Phéc-đi-năng và Min-pho vào một tình huống không có đường lui. Chàng đến lâu đài Min-pho xin bà đồng ý huỷ bỏ hôn lễ nhưng bất thành.*)

### Cảnh 2

(Lược dẫn: *Phéc-đi-năng đến nhà nhạc sĩ Min-le gặp Luy-dơ, nói cho nàng biết âm mưu của cha mình và trấn an nàng. Biết chuyện, ông bà Min-le hết sức hoang mang, Luy-dơ rất sợ hãi và tuyệt vọng. Giữa lúc đó, Tể tướng Phôn Van-te cùng đám nhân viên pháp đình*[1] *kéo đến nhà Min-le. Ông ta hăm doạ bắt bớ, mắng nhiếc ông bà Min-le, Phéc-đi-năng, sỉ nhục Luy-dơ hết sức tàn độc, nặng nề khiến nàng ngã ngất.*)

***Tại nhà Min-le (sau khi Tể tướng sỉ nhục Luy-dơ)***

**Phéc-đi-năng** *(chạy lại đỡ Luy-dơ ngã ngất đi trong tay chàng)* – Luy-dơ! Luy-dơ! Ai cứu tôi với! Cứu nàng với, nàng sợ hãi ngất đi rồi!

[1] *Nhân viên pháp đình*: nhân viên toà án.

*(Min-le nắm lấy gậy, chụp mũ lên đầu, tư thế tấn công. Bà Min-le quỳ sụp xuống chân Tể tướng.)*

**Tể tướng** *(vạch huân chương trên ngực áo, với các nhân viên pháp đình)* – Nhân danh Hoàng thân[1], chúng bay giúp tao một tay!... Thằng kia, tránh xa con ấy ra!... Bắt lấy nó, dù nó ngất hay nó tỉnh... Khi nào vòng sắt đeo vào cổ nó rồi, thì người ta sẽ có cách dùng đá ném cho nó tỉnh lại.

**Bà Min-le** – Xin ngài thương chúng tôi, trăm lạy Đức ông, xin ngài thương chúng tôi!

**Min-le** *(kéo vợ đứng lên)* – Này mụ! Hãy quỳ gối trước mặt Chúa, đừng quỳ gối trước mặt lũ vô lại, bởi vì đằng nào thì tôi cũng phải vào ngục rồi.

**Tể tướng** *(cắn môi)* – Có khi lão tính lầm rồi đấy, lão khốn kiếp! Giá treo cổ vẫn còn chỗ cho lão! *(với các nhân viên pháp đình)* – Tao phải nhắc lại lệnh của tao hay sao? *(các nhân viên pháp đình xô đến Luy-đơ).*

**Phéc-đi-năng** *(giận dữ, đứng ngăn giữa Luy-đơ và bọn chúng)* – Đứa nào dám tới đây? *(chàng rút kiếm và dùng chuôi kiếm chống lại)* – Chó có đứa nào tìm cách động vào nàng trừ phi đã bán đứt cái sọ của mình khi vào làm thuê cho Pháp đình! *(với Tể tướng)* – Xin cha hãy nghĩ đến bản thân cha, cha ơi, đừng dồn ép con thêm nữa!

**Tể tướng** *(giọng đe doạ, với các nhân viên pháp đình)* – Nếu chúng bay còn muốn giữ lấy miếng ăn, đồ hèn nhát... *(bọn họ lại xông tới Luy-đơ)*

**Phéc-đi-năng** – Thể độc có tử thần cùng tất cả mọi loài ma quỷ, lùi lại! Tao bảo: lùi lại! – Hãy thương tiếc lấy cha, đừng dồn con đến chỗ cùng đường, cha ơi!

**Tể tướng** *(sôi sục giận dữ)* – Chúng bay làm tròn nhiệm vụ của chúng bay như thế ư, quân tôi đòi hèn mạt? *(bọn tuỳ tùng lại xông tới dữ dội hơn trước)*

**Phéc-đi-năng** – Thôi được! Đã phải như vậy thì... *(tuốt gươm đâm bị thương mấy đứa)*. Hỡi công lí, xin tha thứ cho tôi!

**Tể tướng** *(cuồng nộ)* – Ta muốn xem liệu chính ta có phải nếm lưỡi kiếm này không! *(tự mình giằng lấy Luy-đơ, giao cho một tên)*

**Phéc-đi-năng** *(cười cay đắng)* – Cha ơi, cha ơi! Hành vi của cha thật là một lời cay độc ném vào mặt Chúa, vì Chúa đã lầm, đã lẫn, đã chọn tên đao phủ đê hèn lên làm Tể tướng mạt hạng.

**Tể tướng** *(với các tuỳ tùng)* – Lôi nó đi!

**Phéc-đi-năng** – Cha ơi! Nàng sẽ lên giá nhục hình nhưng là cùng với Thiếu tá – con trai của Tể tướng... Cha vẫn cương quyết ư?

**Tể tướng** – Thế thì cuộc trưng bày càng thú vị!... Lôi nó đi!

**Phéc-đi-năng** – Cha ơi, con sẽ dùng thanh kiếm sĩ quan của con mà che phủ cho người thiếu nữ này. Cha vẫn cương quyết ư?

---

[1] Bản của Nguyễn Đình Nghi dịch từ này là "Hoàng thân", bản *Văn học 11*, tập hai, Ban Khoa học Xã hội dịch là "Công tước".

**Tể tướng** – Lên giá nhục hình mà mang kiếm bên mình thì chẳng hợp chút nào... Lôi nó đi, lôi nó đi, chúng mày rõ ý tao rồi đấy.

**Phéc-đi-năng** *(giằng lấy Luy-dơ từ các nhân viên pháp đình, một tay ôm Luy-dơ, một tay chĩa kiếm vào nàng)* – Thà tôi đâm lưỡi kiếm này qua xác vợ tôi, còn hơn nhìn nàng bị cha sỉ nhục. Cha vẫn cương quyết ư?

**Tể tướng** – Đâm đi, nếu lưỡi kiếm của mày còn đủ nhọn!

**Phéc-đi-năng** *(buông Luy-dơ, ngước mắt nhìn trời, ghê gớm)* – Xin Chúa cao cả chứng giám cho tôi. Tôi đã dùng hết mọi phương tiện của con người, bây giờ tôi chỉ còn cách dùng đến một thủ đoạn của loài ma quỷ. Được, các ngươi cứ đưa nàng lên giá nhục hình đi! Trong khi đó *(thét vào tai Tể tướng)* – ta sẽ đi kể cho tất cả cung điện nghe một câu chuyện nhan đề là: Người ta leo lên ngôi Tể tướng bằng cách nào? *(ra)*.

**Tể tướng** *(như bị sét đánh)* – Thế là thế nào! Phéc-đi-năng! – Buông con bé ấy ra! *(chạy theo Thiếu tá)*.

(In trong *Âm mưu và tình yêu*, bản dịch của Nguyễn Đình Nghi, NXB Sân Khấu, 2006, tr. 50 – 55; 137 – 141; riêng phần văn bản thuộc Hồi II – Cảnh 2 sử dụng văn bản dùng trong *Văn học 11*, tập hai, Ban Khoa học Xã hội, Phùng Văn Tửu, Đặng Anh Đào, Phạm Vĩnh Cư, Hoàng Ngọc Hiến, Lưu Đức Trung, Trần Đình Sử, NXB Giáo dục, 1998, tr. 23 – 29)

## Hướng dẫn đọc

1. Kẻ hai bảng dưới đây vào vở, liệt kê một số hành động của các nhân vật góp phần phát triển mâu thuẫn, xung đột kịch trong văn bản.

**Bảng a. Những hành động giãi bày, khẳng định tình yêu của Luy-dơ trong Hồi I – Cảnh 1**

| Thứ tự hành động | Hành động của Luy-dơ | Hành động của ông bà Min-le |
|---|---|---|
| 1 | – Luy-dơ: ... | – Nhạc công Min-le: ...<br>– Bà Min-le: ... |
| ... | ... | ... |

**Bảng b. Những hành động xoay quanh cuộc đấu tranh bảo vệ tình yêu và danh dự của Phéc-đi-năng trong Hồi II – Cảnh 2**

| Thứ tự hành động | Hành động của Phéc-đi-năng | Hành động của Tể tướng Van-te và bọn tay chân |
|---|---|---|
| 1 | – Luy-dơ: ...<br>– Phéc-đi-năng: ... | – Tể tướng Van-te: ...<br>– Bọn tay chân của Tể tướng: ... |
| ... | ... | ... |

2. Theo bạn, chủ đề "Âm mưu và tình yêu" được thể hiện trong Hồi I – Cảnh 1 và Hồi II – Cảnh 2 có gì khác nhau? Nguyên nhân chính dẫn đến tình huống căng thẳng và xung đột giữa hai cha con Van-te – Phéc-đi-năng trong Hồi II – Cảnh 2 là gì?

3. Phân tích nét tính cách nổi bật của một trong hai nhân vật Thiếu tá Phéc-đi-năng, Tể tướng Phôn Van-te. Cho biết nguyên nhân nào làm nảy sinh và phát triển xung đột bi kịch giữa hai nhân vật này.

4. Nhận xét về cách miêu tả, thể hiện diễn biến tâm lí, ngôn ngữ đối thoại, cử chỉ hành động của Luy-dơ.

5. Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ kịch trong Hồi I – Cảnh 1 và / Hồi II – Cảnh 2 (cách phân bố lời thoại cho các nhân vật nhiều hay ít, dài hay ngắn, có hợp lí không, vì sao,...).

6. Trong văn bản trên, nhân vật nào mang đặc điểm rõ nhất của nhân vật bi kịch? Căn cứ vào đâu để bạn kết luận như vậy?

7. Nêu một số dấu hiệu giúp bạn nhận biết phần văn bản trên (trích trong *Âm mưu và tình yêu*) thuộc thể loại bi kịch.



## VIẾT

# VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (KỊCH BẢN VĂN HỌC) HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BỘ PHIM)

### Tri thức về kiểu bài

**Kiểu bài:** *Nghị luận về một kịch bản văn học hoặc bộ phim* là kiểu bài nghị luận văn học dùng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung và một số nét nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm văn học (kịch bản văn học) hoặc tác phẩm nghệ thuật (bộ phim) đó.

**Yêu cầu đối với kiểu bài:**

Xem *Yêu cầu đối với kiểu bài* ở Bài 3. *Khát khao đoàn tụ* (*Ngữ văn 11*, tập một).

### Đọc ngữ liệu tham khảo 1

**Xung đột trong bi kịch *Vũ Như Tô***

Việc Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài cho Lê Tương Dực theo lời khuyên của Đan Thiềm là nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh xung đột bi kịch. Tuy nhiên, đây không phải là xung đột thông thường mà là xung đột vừa mang tính lịch sử, vừa mang tính nhân loại.[1]

[1]: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận về vở kịch.

Trong kịch bản, Vũ Như Tô đã nhắc đến Lê Thánh Tông, ai oán vì sao mình phải xây dựng điện đài cho hôn quân bạo chúa Lê Tương Dực, chứ không phải cho vị hoàng đế hiền minh đã quá cố này. Ai oán thì cứ ai oán, nhưng nhân vật này (và tất nhiên cả tác giả của nó) thừa biết là chỉ Lê Tương Dực, chứ Lê Thánh Tông thì sẽ không bao giờ ra lệnh xây Cửu Trùng Đài.[2]

[...]

Ta tiến gần đến cốt lõi của xung đột bi kịch trong vở kịch của Nguyễn Huy Tưởng.[*] Vũ Như Tô, nghệ sĩ tài trời đã ngoại tứ tuần (tuổi của nhân vật được nhắc đi nhắc lại trong kịch bản kiệm lời) mà chưa làm nên sự nghiệp gì, đứng trước ngã rẽ của hai con đường, mỗi đường oan nghiệt theo một kiểu: hoặc chối từ thiên chức của mình, tức là tự sát, hoặc tuân lệnh Lê Tương Dực và mượn tay Lê Tương Dực để thực hiện mộng lớn sáng tạo, nhưng như thế tất yếu sẽ gieo rắc thêm nhiều tai hoạ cho quần chúng nhân dân vốn đã quá khốn khổ vì bị áp bức, bóc lột, ức hiếp trăm đường. Quyền lợi của quần chúng nhân dân được tác giả bênh vực bằng những phương tiện nghệ thuật đầy thuyết phục, không thể đặt chúng xuống dưới phạm trù "cái nhất thời" mà hi sinh cho "cái vĩnh cửu" được. Và khi họ Vũ chọn con đường xây dựng Cửu Trùng Đài, ông ý thức rất rõ những gì phải làm để đạt đích. Ông đòi vua cho mình "toàn quyền làm việc, kẻ nào trái lệnh chém bêu đầu". Công trình với năm vạn thợ bên trong và mười vạn thợ bên ngoài được so sánh với cuộc chiến tranh với nước ngoài. Cái quyền sống của nhân dân bị hi sinh không thương tiếc trong cuộc chiến ấy được phát lên thành lời nhiều lần và từ nhiều miệng: từ miệng Trịnh Duy Sản ở Hồi II (Trịnh Duy Sản trong kịch bản là một quan võ thô bạo và hủ nho, nhưng can đảm, chính trực, lo lắng cho lợi ích của nước, của dân, đối lập với gian thần Nguyễn Vũ), từ miệng người thợ đào ngũ và bị đưa đi hành quyết ở Hồi III, rồi tế nhị từ miệng Thị Nhiên ở Hồi IV và sỗ sàng, hể hả từ miệng những người lính nổi loạn ở hồi cuối, trước lúc hạ màn. Điệp khúc nguyền rủa Cửu Trùng Đài vang lên song song với điệp khúc ngưỡng vọng Cửu Trùng Đài trong tổng phổ phức điệu của kịch *Vũ Như Tô*. [...][**]

Như vậy, hai lực đối kháng và đồng đẳng xung đột quyết liệt trong tác phẩm bi kịch hoàn chỉnh một cách cổ điển của Nguyễn Huy Tưởng: nghệ sĩ và nhân dân.[3] Nghệ sĩ mượn tay vương quyền để khẳng định thiên tài sáng tạo của mình, không đếm xỉa đến mồ hôi, nước mắt và cả xương máu của nhân dân. Nhân dân không chấp nhận sự áp đặt giá trị với những đòi hỏi hi sinh từ phía nghệ sĩ, nổi dậy tiêu diệt nghệ sĩ và công trình kì quan của y. Nếu quan niệm hoạt động sáng tạo là sự thực hiện mệnh lệnh của *cái đẹp* và việc bảo vệ quyền sống và các quyền chính đáng khác của con người là sự thực hiện mệnh lệnh của *cái thiện*, thì trước chúng ta là cuộc xung đột khốc liệt giữa *cái đẹp* và *cái thiện*, cuộc xung đột có ý nghĩa lịch sử nhân loại mà nhà văn Việt Nam Nguyễn Huy Tưởng đã khắc hoạ [...].[*]

*Theo* Phạm Vĩnh Cư

(Trích *Bàn thêm về bi kịch Vũ Như Tô*, in trong *Sáng tạo và giao lưu*, NXB Giáo dục, 2007, tr. 39 – 41)

[2]: Luận điểm 1: Xung đột mang tính lịch sử.

[*]: Nêu lí lẽ 1.

[**]: Nêu và phân tích các bằng chứng từ tác phẩm để hỗ trợ cho lí lẽ 1.

[3]: Luận điểm 2: Xung đột mang tính nhân loại.

[*]: Nêu lí lẽ 2.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Vấn đề nghị luận trong văn bản là gì?
2. Người viết đã đưa ra những lí lẽ, bằng chứng nào để khẳng định: xung đột quyết liệt trong tác phẩm bi kịch *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng là xung đột giữa nghệ sĩ và nhân dân trong văn bản?
3. Bạn rút ra được lưu ý gì khi viết văn bản nghị luận về một vở bi kịch từ văn bản trên?

## Đọc ngữ liệu tham khảo 2

### Ám ảnh nước trong *Mùa len*[1] *trâu*

Mênh mông nước nổi, trâu không còn một nhúm cỏ để ăn, cha mẹ Kim cũng không còn giạ lúa nào trả tiền công thuê người đi "len trâu" suốt một mùa nước lên. Cậu bé Kim mười lăm tuổi, dắt hai con trâu, gia nhập đám giang hồ hảo hớn len trâu. Sau mùa len trâu thứ nhất, cậu bé đã nhuốm tất cả thói quen giang hồ của những kẻ len trâu hung dữ và mông muội. Đến mùa thứ hai, sau cái chết của người cha, một mình chèo thuyền giữa mưa đầy trời, mênh mang nước nổi không bến bờ, cậu bé Kim đã ngộ ra nhiều điều, đã đi hết một vòng tròn số phận và đã quay về với người phụ nữ mà cậu đã đem lòng yêu,...

Quá trình trưởng thành của nhân vật chính liên quan đến sự trưởng thành của tất cả các nhân vật khác trong phim và đặc biệt không một trường đoạn nào mà không liên quan đến nước. Với triết lí nhân bản của nó, nước trở thành hình tượng xuyên suốt *Mùa len trâu*, thành một thứ ngôn ngữ phim truyện riêng, thật độc đáo của đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh.[1]

Không hề ngẫu nhiên khi nước – từ hình tượng nghệ thuật ngôn từ trong hai truyện ngắn: *Mùa len trâu* và *Một cuộc biển dâu*, tập truyện *Hương rừng Cà Mau* của nhà văn Sơn Nam – đã được chuyển hoá thành hình tượng nghệ thuật thị giác trong ngôn ngữ đạo diễn của Nguyễn Võ Nghiêm Minh, với sức ám ảnh đặc biệt từ đầu đến cuối bộ phim truyện này.[2] Nhà đạo diễn phim tự nhận rằng khi còn ở Việt Nam, ông từng đọc *Hương rừng Cà Mau* với một cái nhìn mộc mạc của tuổi mới lớn. Sau mười sáu năm làm khoa học tại Mỹ, đã thành tiến sĩ Vật lí, hứng khởi bắt tay vào phóng tác hai truyện ngắn của Sơn Nam, lựa chọn những ý tưởng cho kịch bản phim *Mùa len trâu*, trước khi bộ phim được khởi quay vào tháng Tám năm 2003, ông mới phát hiện nhiều ý nghĩa khác, mới mẻ và chìm sâu của văn chương Sơn Nam.[*]

Khi trả lời phỏng vấn báo chí trong nước, ông tâm sự: *"... mùa nước nổi là một cảnh trí rất hùng vĩ trong sự tưởng tượng của tôi, tôi thấy vẻ đẹp rất đặc biệt của một không gian bị nước bao phủ mặc dù tôi chưa bao giờ đặt chân tới vùng Cà Mau, An Giang"*. Ông khẳng định: *"Nước trong*

[1]: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận về bộ phim.

[2]: Luận điểm 1: Nước từ hình tượng nghệ thuật ngôn từ trở thành hình tượng nghệ thuật thị giác.

[*]: Nêu lí lẽ và bằng chứng về quá trình chuyển thể từ truyện sang phim.

[1] *Len*: trong tiếng Khơ-me có nghĩa là *tự do*. *Len trâu* là trả trâu đi tự do vào mùa nước nổi. Đây là nét đặc trưng của vùng đồng bằng Nam Bộ.

*"Mùa len trâu" là biểu tượng của sự chết (mùa nước nổi không có đất để chôn nên người ta dìm xác người ở dưới nước, trâu bò chết ở dưới nước mục rã ra trong nước, cây cỏ bị nước làm cho mục nát) nhưng từ trong môi trường chết nảy sinh sự sống (sinh vật lấy mầm sống từ nước, cá sinh sôi, lúa nảy mầm,...). Nước trong "Mùa len trâu" còn là biểu tượng của thời gian trôi qua, thời gian mang tinh chất lịch sử đang trên đà bị mất đi, lối sống của những người chăn trâu mất đi, bởi con trâu thay thế bằng máy cày. Đó là những ý tưởng đã theo đuổi tôi".* Do đó, với ông, nước – vốn chỉ là một bối cảnh được lấy từ truyện ngắn Sơn Nam – đã được ông đẩy lên thành hình tượng nghệ thuật thị giác trong phim, bao hàm trong đó cùng lúc hai "vai diễn": nước – vừa làm nền cảnh văn hoá sông nước cho những nhân vật trong phim, vừa là một "nhân vật" đặc biệt, có thân phận nghệ thuật hẳn hoi. Nước trở thành nền tư tưởng của bộ phim, là "nhân vật" xuyên suốt *Mùa len trâu*, đã dẫn dắt Nguyễn Võ Nghiêm Minh hợp tác ăn ý với I-vơ Cáp (Yves Cape), nhà quay phim người Bỉ, trong việc tạo độ tương phản sáng – tối cho hình ảnh với nhiều khoảng tối cố ý[*]. [...][3]

Như thế, Nguyễn Võ Nghiêm Minh đã tạo tác được một bộ phim thật hoàn chỉnh, từ chất liệu văn học của Sơn Nam, với một cấu trúc điện ảnh tài năng.

Nguyễn Thị Minh Thái

(In trên báo *Tuổi trẻ*, Thành phố Hồ Chí Minh, 2007, *https://tuoitre.vn/am-anh-nuoc-trong-mua-len-trau-201785.htm*)

[3]: Luận điểm 2: Nước như một nhân vật biểu đạt tư tưởng của phim.

[*]: Nêu lí lẽ và trích dẫn ý kiến của đạo diễn về hình tượng nước trong phim.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Vấn đề nghị luận trong văn bản.
2. Việc người viết trích dẫn ý kiến của Nguyễn Võ Nghiêm Minh, đạo diễn phim *Mùa len trâu* và nhiều lần liên hệ đến tập truyện *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam nhằm dụng ý gì?
3. Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm phim truyện có gì giống và khác với viết văn bản nghị luận về một kịch bản văn học?

## Thực hành viết theo quy trình

**Đề bài:**

Câu lạc bộ Văn học – Nghệ thuật của trường bạn tổ chức cuộc thi viết về "Tác phẩm sân khấu – điện ảnh tôi yêu". Để tham gia, hãy viết văn bản nghị luận nhận xét về nội dung và hình thức nghệ thuật của một kịch bản văn học hoặc bộ phim mà bạn yêu thích.

Bạn thực hiện viết theo quy trình bốn bước: *1. Chuẩn bị viết; 2. Tìm ý, lập dàn ý; 3. Viết bài; 4. Xem lại và chỉnh sửa* đã học ở Bài 3. *Khát khao đoàn tụ* (*Ngữ văn 11*, tập một). Riêng với bài học này, bạn lưu ý thêm một số điểm dưới đây khi thực hiện các bước:

***Bước 1: Chuẩn bị viết***

Khi xác định đề tài, nên lựa chọn tác phẩm kịch/ phim hoặc trích đoạn kịch/ phim có chủ đề rõ ràng, nội dung và hình thức nghệ thuật đặc sắc, có độ dài vừa phải để phân tích.

• Nếu lựa chọn giới thiệu tác phẩm kịch, bạn có thể chọn một trong các văn bản như: *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (trích *Vũ Như Tô*); *Sống hay không sống – đó là vấn đề* (trích *Hăm-lét*); *Âm mưu và tình yêu* (trích *Âm mưu và tình yêu*);... hoặc một kịch bản văn học đã đọc.

• Nếu lựa chọn giới thiệu một bộ phim, bạn nên chọn tác phẩm có đề tài gần gũi và phù hợp với lứa tuổi, có giá trị nghệ thuật cao (được các tạp chí chuyên ngành đánh giá cao, đạt các giải thưởng phim có uy tín trong nước hoặc quốc tế). Nếu bộ phim chuyển thể từ tác phẩm văn học, bạn nên tìm đọc tác phẩm để có thể so sánh kịch bản và nguyên tác.

• Nội dung, hình thức của một kịch bản văn học/ bộ phim thường có nhiều khía cạnh/ vấn đề, mỗi khía cạnh/vấn đề có thể gợi lên một hay nhiều vấn đề cần bàn luận. Trong khuôn khổ một bài nghị luận ở lớp 11, khó có thể phân tích đánh giá toàn diện về mọi mặt của tác phẩm, do vậy chỉ nên chọn nghị luận về một khía cạnh, vấn đề cụ thể. Chẳng hạn: với bi kịch *Vũ Như Tô*, bạn có thể tập trung vào xung đột bi kịch (như *Ngữ liệu tham khảo 1*); với phim *Mùa len trâu* chỉ tập trung vào hình ảnh nước (như *Ngữ liệu tham khảo 2*).

***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý***

Dựa vào bố cục chung về kiểu bài dưới đây để lập dàn ý:

| Phần | Văn bản nghị luận về một kịch bản văn học | Văn bản nghị luận về một bộ phim |
|---|---|---|
| ***Mở bài*** | – Giới thiệu kịch bản văn học, tác giả.<br>– Nêu luận đề của bài viết. | – Giới thiệu bộ phim, đạo diễn và ê-kíp.<br>– Nêu luận đề của bài viết. |
| ***Thân bài*** | Triển khai ít nhất hai luận điểm nhằm làm sáng tỏ luận đề của bài viết về kịch bản văn học.<br>Ví dụ:<br>1. Thành công/ hạn chế về xây dựng nhân vật, hành động, xung đột kịch,...<br>2. Thành công/ hạn chế về ngôn ngữ kịch. | Triển khai ít nhất hai luận điểm nhằm làm sáng tỏ luận đề của bài viết về bộ phim.<br>Ví dụ:<br>1. Thành công/ hạn chế về kịch bản phim.<br>2. Thành công/ hạn chế về ngôn ngữ điện ảnh, đạo diễn, diễn xuất,... |
| ***Kết bài*** | – Khẳng định lại luận đề.<br>– Nêu kết luận bao quát về giá trị, đóng góp nổi bật của kịch bản văn học. | – Khẳng định lại luận đề.<br>– Nêu kết luận bao quát về giá trị, đóng góp nổi bật của bộ phim. |

So sánh ngữ liệu *Xung đột trong bi kịch "Vũ Như Tô"* và *Ám ảnh nước trong "Mùa len trâu"* để thấy sự khác biệt trong cách triển khai các luận điểm nghị luận về một kịch bản văn học và nghị luận về một bộ phim.

***Bước 3: Viết bài*** (xem Bài 3. Khát khao đoàn tụ)

***Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa***

Khi tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng viết kiểu bài này, bạn sử dụng mẫu bảng kiểm nêu ở Bài 3. *Khát khao đoàn tụ*, có thể điều chỉnh một số tiêu chí cho phù hợp với đặc điểm của kiểu bài nghị luận về một kịch bản văn học hoặc một bộ phim.



## NÓI VÀ NGHE

## GIỚI THIỆU MỘT KỊCH BẢN VĂN HỌC HOẶC MỘT BỘ PHIM THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN

**Đề tài:**

Hãy lựa chọn và giới thiệu với các bạn cùng lớp một kịch bản văn học hoặc một bộ phim.

Bạn thực hiện bài nói theo quy trình ba bước: *1. Chuẩn bị nói; 2. Trình bày bài nói; 3. Trao đổi, đánh giá* đã được trình bày ở Bài 1. *Thông điệp từ thiên nhiên* (*Ngữ văn 11*, tập một). Riêng ở bài nói này, bạn lưu ý thêm một số điểm dưới đây:

***Bước 1: Chuẩn bị nói***

Khi xác định đề tài, có thể giới thiệu tác phẩm kịch / bộ phim đã được bạn chuẩn bị trong phần Viết hoặc chọn một tác phẩm kịch / bộ phim khác (nếu muốn).

***Bước 2: Trình bày bài nói***

Khi tìm ý và lập dàn ý, để bài nói thêm thuyết phục, hấp dẫn, bạn cần:

• Dựa vào đặc điểm thể loại của tác phẩm kịch và bộ phim để tìm ý. Ví dụ: đối với kịch, cần chú ý xung đột, hành động, xây dựng nhân vật, ngôn ngữ kịch; trong khi đối với phim, cần chú ý kịch bản phim, ngôn ngữ điện ảnh, đạo diễn, diễn xuất,...

• Sắp xếp nội dung bài nói thành ba phần rõ ràng, phần mở đầu và kết thúc cần tạo ấn tượng sâu sắc.

• Phân biệt sự khác nhau giữa các phần của văn bản nghị luận về một kịch bản văn học và văn bản nghị luận về một bộ phim.

Ví dụ: Mở bài của văn bản nghị luận về một kịch bản văn học cần giới thiệu về tác phẩm, tác giả; giới thiệu một bộ phim thì cần nêu tên đạo diễn, ê-kíp làm phim.

• Dự kiến những ý kiến trái ngược về tác phẩm kịch / bộ phim và cách trả lời.

• Kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, clip,...) để tăng tính hấp dẫn cho bài nói và làm rõ ý kiến của mình.

***Bước 3: Trao đổi, đánh giá***

Khi tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng nói, bạn sử dụng mẫu bảng kiểm nêu ở Bài 1. *Thông điệp từ thiên nhiên* (*Ngữ văn 11*, tập một), có lưu ý đến tên kiểu bài và một vài chi tiết khác biệt về đặc điểm của kiểu bài với sự hỗ trợ của thầy, cô giáo.

## ÔN TẬP

1. Đọc lại các văn bản kịch đã học và điền thông tin phù hợp vào bảng sau (làm vào vở):

| Văn bản | Cốt truyện | Xung đột |
|---|---|---|
| *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* | | |
| *Sống hay không sống – đó là vấn đề* | | |
| *Âm mưu và tình yêu* | | |

2. Kẻ bảng dưới đây vào vở; liệt kê một số hành động, lời thoại tiêu biểu; từ đó, khái quát tính cách của các nhân vật:

| Nhân vật chính | Hành động, lời thoại và tính cách | |
|---|---|---|
| | Hành động, lời thoại | Tính cách |
| Vũ Như Tô | | |
| Hăm-lét | | |
| Phéc-đi-năng | | |

3. Qua các văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, *Sống hay không sống – đó là vấn đề*, *Âm mưu và tình yêu*, hãy làm rõ hiệu ứng thanh lọc của bi kịch.

4. Khi sử dụng ngôn ngữ viết, chúng ta cần lưu ý những gì?

5. Cần lưu ý những điều gì khi viết văn bản nghị luận giới thiệu về một kịch bản văn học hoặc bộ phim?

6. Theo bạn, lẽ sống có ý nghĩa thế nào đối với cuộc đời của mỗi người?

Chân trời sáng tạo

# ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

1. Kẻ vào vở hai cột A, B theo mẫu dưới đây, sau đó nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm phù hợp được nêu ở cột B; giải thích lí do bạn tạo ra các đường nối giữa hai cột A và B.

| A. THỂ LOẠI/ KIỂU VĂN BẢN | B. ĐẶC ĐIỂM |
|---|---|
| **Tuỳ bút/ tản văn** | lựa chọn bằng chứng phù hợp, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ. |
| | không có cốt truyện, giàu tính trữ tình và tính nhạc. |
| **Văn bản nghị luận** | thường được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng, chủ đề nhất định; ngôn ngữ giàu hình ảnh, chất thơ, chất suy tưởng, chính luận,... |
| **Truyện thơ dân gian** | có cốt truyện, kết cấu đơn giản, kết hợp giữa tự sự và trữ tình, phản ánh cuộc sống của nhân dân cũng như khát vọng về tình yêu, tự do, hạnh phúc và công lí. |
| **Truyện thơ Nôm** | sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin, nhiều dạng trình bày (dạng chữ, dạng hình ảnh/ sơ đồ/ bảng biểu,...), nhiều phương thức biểu đạt (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận,...). |
| **Văn bản thông tin tổng hợp** | thể loại tự sự bằng thơ, định hình từ thế kỉ XVII, phát triển mạnh từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX. |
| | có cốt truyện đơn giản; nhân vật có chức năng tạo ra thế giới và con người. |
| **Bi kịch** | nhân vật chính thường có bản chất tốt đẹp, có khát vọng vượt lên và thách thức số phận, nhưng cũng có những nhược điểm trong hành xử hoặc sai lầm trong đánh giá. |

2. Hãy tóm tắt hai trong số các văn bản đã đọc ở học kì I, trong đó có:
   – Một văn bản truyện thơ
   – Một văn bản bi kịch
3. Tóm tắt những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu một văn bản theo các thể loại dưới đây (có thể tóm tắt dưới hình thức lập bảng):
   – Tuỳ bút, tản văn
   – Truyện thơ
   – Bi kịch

4. Nêu một số điểm tương đồng, khác biệt về cách miêu tả, thể hiện nhân vật Thị Kính trong hai văn bản *Thị Mầu lên chùa* (trích chèo cổ *Quan Âm Thị Kính*, sách *Ngữ văn 10*, tập một) và *Thị Kính nuôi con cho Thị Mầu* (trích truyện thơ Nôm *Quan Âm Thị Kính*, sách *Ngữ văn 11*, tập một).

5. Nêu và phân tích một đặc điểm chung nổi bật của nhân vật bi kịch thể hiện qua hai nhân vật Vũ Như Tô và Hăm-lét trong các văn bản đã học (trích *Vũ Như Tô* và *Hăm-lét*, sách *Ngữ văn 11*, tập một).

6. Nêu ít nhất hai điểm tương đồng, một điểm khác biệt về đặc điểm thể loại giữa tuỳ bút và tản văn (minh hoạ bằng dẫn chứng lấy từ tác phẩm đã học, đã đọc).

7. Chỉ ra một số điểm khác biệt trong cách đọc hiểu một văn bản thông tin tổng hợp và đọc hiểu một văn bản nghị luận.

8. Thế nào là các phương tiện phi ngôn ngữ? Việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản thông tin tổng hợp có tác dụng như thế nào? Minh hoạ bằng một số dẫn chứng lấy từ các văn bản đã học.

9. Chỉ ra một số điểm tương đồng và khác biệt trong cách sử dụng hình ảnh minh hoạ (và các phương tiện phi ngôn ngữ khác, nếu có) ở hai văn bản sau:

– *Đồ gốm gia dụng của người Việt* (Phan Cẩm Thượng)

– *Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI* (Đỗ Thị Ngọc Quyên, Nguyễn Đức Dũng)

10. Lập bảng tổng hợp những điểm đáng ghi nhớ về yêu cầu khi viết văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

11. Lập bảng so sánh và chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt về yêu cầu đối với kiểu bài khi viết:

– *Văn bản thuyết minh về một đối tượng hoặc quy trình hoạt động có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận* và *báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội*

– *Báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội* và *văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội*

– *Văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (truyện thơ)* và *văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (kịch bản văn học)*

12. Lập bảng tổng hợp về các tri thức tiếng Việt cần ghi nhớ đã học ở học kì I.

13. Viết đoạn văn (khoảng ba trăm chữ) bàn về một trong hai nội dung:

– Từ nỗi oan của nhân vật Thị Kính trong văn học nghĩ về sự cần thiết và tầm quan trọng của sự minh oan.

– Từ cuộc đấu tranh cho lẽ sống của các nhân vật bi kịch như Vũ Như Tô (kịch *Vũ Như Tô*), Hăm-lét (kịch *Hăm-lét*) nghĩ về việc theo đuổi mục đích, lí tưởng sống của thanh niên ngày nay.

# BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

| TT | Thuật ngữ | Giải thích | Trang |
|---|---|---|---|
| B | báo cáo nghiên cứu (về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội) | kiểu văn bản thông tin khoa học trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội dựa trên những bằng chứng từ quá trình khảo sát thực tế hoặc thực nghiệm những giải pháp mà nhà nghiên cứu đề xuất | 83, 84, 99,... |
| | bi kịch | một thể loại kịch khai thác những mâu thuẫn, khủng hoảng của thực tại dẫn đến kết thúc bi đát dành cho nhân vật chính (thường là cái chết hoặc mất mát khủng khiếp) | 110, 111, 119,... |
| D | danh mục tài liệu tham khảo | danh sách các tài liệu tham khảo được sắp xếp theo một quy chuẩn nhất định và được đặt ở cuối tiểu luận hay báo cáo nghiên cứu | 84, 100,... |
| | dữ liệu (trong văn bản thông tin) | sự thật hiển nhiên hoặc những phát biểu/ tuyên bố được xác minh bằng những bằng chứng cụ thể, được đo lường, quan sát một cách khoa học và được mọi người công nhận | 84, 102, 103,... |
| H | hành động trong bi kịch | hệ thống hành động của các nhân vật được tổ chức và kết nối lại tạo nên sự phát triển của cốt truyện bi kịch | 110 |
| N | nghĩa của từ | nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ,...) mà từ biểu thị | 10, 20,... |
| | ngôn ngữ nói | lời nói sử dụng trong giao tiếp hằng ngày; thể hiện thái độ, phản ứng tức thời của người nói và người nghe | 58, 70,... |
| | ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian | ngôn ngữ truyền khẩu, giàu chất trữ tình và mang âm hưởng của các làn điệu dân ca Việt Nam | 56 |
| | ngôn ngữ trong truyện thơ Nôm bình dân | ngôn ngữ gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày | 57 |
| | ngôn ngữ trong truyện thơ Nôm bác học | ngôn ngữ thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ và nhiều điển tích, điển cố | 57 |
| | ngôn ngữ văn học | ngôn ngữ chủ yếu dùng trong tác phẩm văn chương, có tính nghệ thuật, thể hiện qua các đặc điểm: giàu sức truyền cảm, biểu cảm; tính đa nghĩa; tính hình tượng; tính thẩm mĩ | 10, 74,... |
| | ngôn ngữ viết | ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác | 111, 127,... |
| T | tài liệu tham khảo | nguồn mà người viết thu thập thông tin hoặc ý tưởng để triển khai nội dung nghiên cứu | 84, 100,... |
| | tản văn | một dạng văn xuôi gần với tuỳ bút; thường có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả thiên nhiên, khắc hoạ nhân vật | 9, 10, 19,... |
| | truyện thơ | thể loại tự sự bằng thơ, bao gồm truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm | 56 |
| | truyện thơ dân gian | một thể loại văn học dân gian, sáng tác dưới hình thức văn vần, thường xoay quanh đề tài tình yêu, hôn nhân; kết hợp tự sự với trữ tình, rất gần gũi với ca dao, dân ca; phát triển nhiều ở các dân tộc miền núi | 56, 57, 58,... |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | truyện thơ Nôm | một thể loại văn học độc đáo của văn học Việt Nam, sáng tác dưới hình thức văn vần, có cốt truyện, phát triển mạnh vào cuối thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX; dùng thơ tiếng Việt viết bằng chữ Nôm (thường là thơ lục bát) để kể chuyện (trần thuật), có khả năng phản ánh hiện thực xã hội và con người với một phạm vi tương đối rộng | 57, 59, 68,... |
| | tuỳ bút | một tiểu loại thuộc loại hình kí; thường tập trung thể hiện cái tôi, kết hợp hài hoà giữa tự sự và trữ tình | 9, 10, 11,... |
| V | văn bản thông tin | văn bản được viết nhằm mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin cho người đọc | 23, 83, 84,... |
| | văn bản thông tin tổng hợp | loại văn bản thông tin thuyết minh về một sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội hay một quy trình hoạt động; báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội,... | 23, 83, 141,... |
| | văn bản thuyết minh | kiểu văn bản thông tin tổng hợp sử dụng kết hợp nhiều yếu tố, phương tiện để miêu tả, giải thích làm rõ đặc điểm của một đối tượng/ quy trình hoạt động, giúp người đọc hiểu rõ đối tượng/ quy trình ấy | 23, 28, 35,... |
| X | xung đột bi kịch | nhân tố tổ chức tác phẩm kịch, thể hiện sự va chạm, đấu tranh, loại trừ giữa các thế lực đối lập: giữa các mặt khác nhau của cùng một tính cách, giữa các tính cách nhân vật khác nhau, hoặc giữa tính cách nhân vật với hoàn cảnh | 110, 134, 138,... |

# BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT

| TT | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt | Trang |
|---|---|---|---|---|---|
| A | ẩm | 1 | uống | ẩm thực (B1) | 27 |
| B | bác | 3 | thông suốt, sâu rộng | bác học (B3) | 57, 68 |
| | bạch | 5 | sáng rõ | bạch nhật (B5) | 116 |
| | bi | 5 | đau thương, buồn thảm | bi kịch (B5) | 82, 110, 111,... |
| C | cải | 2 | thay đổi, sửa chữa | cải cách (B2) | 44 |
| | cố | 3 | cũ | cố hữu (B3) | 67 |
| | cơ | 1, 2, 4 | nền móng, nền tảng, căn cứ, dựa theo | cơ sở (B1, B2, B4) | 11, 36, 99,... |
| | | 2, 5 | dịp, lúc hợp thời | cơ hội (B2, B5) | 38, 114, 121,... |
| | | 4 | máy móc | cơ cấu (B4) | 102 |
| | chất | 3 | bản tính chất phác | chất phác (B3) | 76 |
| | chi | 1 | nhánh | chi lưu (B1) | 13 |
| Đ | đảm | 1, 2, 3, 4 | gánh vác, đảm đương | đảm bảo (B1, B2, B3, B4) | 23, 27, 28,... |
| | | | dũng khí | can đảm (B2) | 40 |
| | đăng | 1 | đèn | hoa đăng (B1) | 14 |
| | đẳng | 2 | cấp bậc, thứ tự | bình đẳng (B2), đẳng cấp (B2) | 38, 40,... |
| | điển | 3 | phép tắc, thành lệ | điển tích (B3), điển cố (B3) | 57 |
| | đồ | 3 | tranh vẽ | hoạ đồ (B3) | 63 |
| | đối | 3, 5 | đối nhau | đối hoa (B3), đối lập (B3, B5) | 67, 111,... |
| | đoan | 2 | sự vật có hai đầu đều gọi là đoan | cực đoan (B2) | 39 |
| | đoàn | 3, 5 | họp lại | đoàn tụ (B3, B5), đoàn viên (B3) | 56, 57, 59,... |

Chân trời sáng tạo

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| G | gia | 4 | nhà | gia dụng (B4) | 90, 92, 93,... |
| | | | người chuyên môn | chuyên gia (B4) | 85, 86, 88,... |
| | giai | 3 | đẹp | giai nhân (B3) | 57 |
| | giám | 2, 5 | xem xét | giám sát (B2, B5), thái giám (B5) | 42, 44, 115,... |
| H | hiếu | 3, 4 | ưa thích | hiếu học (B3), hiếu sinh (B3) | 57, 72, |
| | | | hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ | hiếu thảo (B3, B5) | 57, 129 |
| | hoặc | 2 | ngờ, hoài nghi | nghi hoặc (B2) | 43 |
| | hoang | 2, 5 | kinh hoảng | hoang mang (B2, B5) | 43, 113 |
| | huyền | 1 | sâu kín | huyền thoại (B1), huyền hoặc (B1) | 16, 17 |
| K | khinh | 5 | coi rẻ | khinh khi (B5) | 122 |
| | khoan | 2 | rộng rãi | khoan dung (B2) | 40 |
| | khuyết | 3, 5 | thiếu sót | khuyết danh (B3, B5) | 57, 63, 72,... |
| | khước | 2 | không nhận | khước từ (B2) | 40 |
| | khủng | 2 | sợ hãi | khủng bố (B2) | 40 |
| L | lược | 1, 2, 3 | – mưu sách, kế hoạch<br>– bỏ bớt, giảm bớt | – chiến lược (B1, B2)<br>– tỉnh lược (B3) | – 16, 39,...<br>– 58 |
| | lăng | 1 | mồ mả vua | lăng tẩm (B1) | 13 |
| M | mạt | 5 | thấp hèn | mạt hạng (B5) | 132 |
| N | nhục | 5 | thể xác | nhục hình (B5) | 132 |
| | nhược | 1, 5 | yếu, yếu kém | nhược điểm (B1, B5) | 18, 111 |
| | ngự | 1, 5 | – cai quản, thống trị<br>– của vua, do vua, thuộc về vua | – chế ngự (B1)<br>– ngự lãm (B5) | – 12<br>– 111 |
| | ngưỡng | 2 | kính mộ, trông cậy | tín ngưỡng (B2) | 40 |
| P | phẩm | 2 | đức tính, tư cách | phẩm giá (B2) | 39 |
| | phó | 2 | giao phó, trao cho | phó mặc (B2) | 43 |
| | phụ | 1, 2, 3, 4, 5 | phái nữ | phụ nữ (B1, B2, B3, B4) | 24, 25, 37,... |
| | | | cha, bố | thân phụ (B5), phụ thân (B5) | 123, 124 |
| | phù | 1 | nổi trên mặt nước hoặc trong không trung | phù sa (B1) | 12 |
| S | sắc | 1, 3, 4, 5 | – màu<br>– phẩm chất<br>– vẻ mặt, vẻ đẹp | – sắc thái (B1, B3)<br>– bản sắc (B4)<br>– nhan sắc (B5) | – 10, 98, 99<br>– 83, 109<br>– 121 |
| | sầu | 5 | buồn lo, đau thương, ảm đạm | sầu muộn (B5) | 125 |
| T | tản | 1, 3 | rời rạc, không có quy tắc | tản văn (B1, B3) | 9, 10, 18,... |
| | tảo | 2 | sớm | tảo hôn (B2) | 39 |
| | tân | 3 | mới | tân lang (B3) | 67 |
| | tập | 1, 4 | thói quen | tập tục (B1, B4) | 22, 90 |
| | tiềm | 2, 4 | kín, ẩn | tiềm năng (B2, B4) | 40, 98 |
| | tiêu | 2, 5 | mất đi, hao phí | tiêu thụ (B2) | 42 |
| | | | dấu mốc | tiêu chí (B2) | 51 |
| | | | – trừ bỏ, tiêu trừ<br>– giải trí | – thủ tiêu (B5)<br>– tiêu khiển (B5) | – 120<br>– 121 |
| | | | trời | thanh tiêu (B3) | 65 |
| | thuần | 4, 5 | Nguyên chất, không pha trộn | thuần tuý (B4, B5) | 91, 128 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thường | 1, 2, 3, 5 | xiêm, váy | nghê thường (B3) | 67 |
| | | | – đạo lí, quan hệ luân lí<br>– phổ thông, bình phàm | – cương thường (B5)<br>– bình thường (B1, B2, B5) | – 117<br>– 15, 21, 44,... |
| | tương | 3 | lẫn nhau, với nhau | tương tri (B3) | 67 |
| | | 1, 2, 4, 5 | – sẽ, sắp<br>– lấy, đem | – tương lai (B1, B2, B4)<br>– tương kế tựu kế (B5) | – 12, 36, 40,...<br>– 120 |
| | | 3 | chất lỏng | quỳnh tương (B3) | 66 |
| | tường | 3 | tốt lành | tường quang (B3) | 67 |
| | tuỳ | 1, 5 | thuận theo | tuỳ bút (B1), tuỳ ý (B5) | 9, 125 |
| | trách | 2, 4 | phận sự phải làm | trách nhiệm (B2, B4) | 42, 87 |
| | trang | 2, 3 | hành lí | hành trang (B2) | 36, 41, 42,... |
| | | | chải chuốt cho đẹp | trang điểm (B3) | 65 |
| | truân | 1, 3 | khó khăn | gian truân (B1), truân chuyên (B3) | 12, 73 |
| | trữ | 1, 3 | bày tỏ, biểu đạt, phát tiết | trữ tình (B1, B3) | 9, 10, 16,... |
| U | u | 1 | lặng lẽ, yên tĩnh | u tịch (B1), âm u (B1) | 17, 20 |
| | uế | 5 | nhơ bẩn, không sạch sẽ, tạp loạn | uế tạp (B5) | 116 |
| | ưu | 1, 3, 5 | tốt đẹp, hơn, trội | ưu thế (B1, B3, B5) | 24, 58, 111,... |
| V | vị | 1, 4, 5 | ý nghĩa, hứng thú | thú vị (B1, B4, B5) | 23, 25, 32,... |
| | vị | 2, 4 | chỗ, nơi | vị trí (B1) | 16, 30, 33,... |
| X | xu | 2, 4 | quy hướng, khuynh hướng | xu thế (B2), xu hướng (B4) | 36, 92,... |
| | xung | 2, 5 | xung nhau, kị nhau | xung đột (B2, B5) | 39, 110, 111,... |
| | xướng | 3 | ca, hát | diễn xướng (B3) | 81 |
| Y | yếu | 1, 2, 3, 4, 5 | quan trọng, cần thiết | yếu tố (B1, B2, B3, B4, B5), chính yếu (B2) | 9, 10, 16,... |

# BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

| TT | Tiếng nước ngoài | Phiên âm tiếng Việt | Trang |
|---|---|---|---|
| A | Afghanistan | Áp-ga-nít-xtan | 39 |
| B | Brazil | Bra-xin | 95 |
| C | canxi | can-xi | 88 |
| | Claudius | Clô-đi-út | 120, 121, 125,... |
| D | Deer | Đia | 87 |
| E | Edam | Ê-đam | 88 |
| | Ernesst Hemingway | Ơ-ni-xơ-tơ Hê-minh-uây | 46 |
| F | Ferdinand | Phéc-đi-năng | 129, 130, 131,... |
| | Francis Bacon | Phrăng-xít Bây-cơn | 50 |
| | Friedman | Phrít-men | 49 |
| G | Geneva | Giơ-ne-vơ | 68 |
| | Guildenstern | Ghin-đơn-xtơn | 120 |
| H | Hamlet | Hăm-lét | 120, 121, 122,... |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Harry Potter | Ha-ri Pót-tơ | 95 |
| | Heisenberg | Hây-xơn-bớt | 41 |
| | Henry Adams | Hen-ri A-đam-xơ | 49 |
| | Hollywood | Hô-li-út | 95 |
| | Howard Limbert | Hao-ơt Lim-bơ | 86, 89 |
| I | infographic | in-pho-gráp-phích | 48 |
| J | Juliet | Giu-li-ét | 126 |
| | Johann Christoph Friedrich Schiller | Giô-han Cơ-ri-xtôp-phơ Phơ-ri-đơ-rich Si-le | 129 |
| K | Khyber Pukhtoon Khwa | Kai-bơ Pác-tun Goa | 39 |
| L | Laertes | La-ớc-tơ | 120 |
| | Lear | Lia | 126 |
| | Luise | Luy-dơ | 129, 130, 131,... |
| M | Malala Yousafzai | Ma-la-la Diu-sa-phdai | 37, 38, 45,... |
| | Malaysia | Ma-lai-xi-a | 87 |
| | Miler | Min-le | 129, 130, 131,... |
| | Milford | Min-pho | 129, 131,... |
| | Molotova | Mô-lô-tô-va | 69 |
| N | nano | na-nô | 44 |
| | Nigeria | Ni-giê-ri-a | 39 |
| | Nobel | Nô-ben | 37, 46 |
| O | Ophelia | Ô-phê-li-a | 120, 121, 122,... |
| | Othello | Ô-ten-lô | 126 |
| P | pano | pa-nô | 103 |
| | Pakistan | Pa-kít-xtan | 37 |
| | Polonius | Pô-lô-ni-út | 120, 121, 122,... |
| | poster | pô-xtơ | 102 |
| Q | Quetta | Két-ta | 39 |
| R | robot | rô-bốt | 44 |
| | Rosencrantz | Rô-den-cran | 120 |
| | Romeo | Rô-mê-ô | 126 |
| S | Santiago | Xan-ti-a-gô | 48 |
| | Shakespeare | Sếch-xpia | 120, 126 |
| | sushi | su-si | 95 |
| | Swat | Xơ-goát | 38 |
| T | Taliban | Ta-li-ban | 37 |
| V | vaccine | vắc-xin | 39 |
| | violin | vi-ô-lông | 22 |
| | Venice | Vơ-ni-dơ | 126 |
| | Von Calb | Phôn Ca-bơ | 129 |
| | Von Walter | Phôn Van-te | 129, 131, 134 |
| W | Wurm | Vuôm | 129 |
| Y | Yves Cape | I-vơ Cáp | 137 |



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

## BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 11, Tập một
2. Toán 11, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 11
4. Ngữ văn 11, Tập một
5. Ngữ văn 11, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
7. Tiếng Anh 11
   Friends Global - Student Book
8. Lịch sử 11
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
10. Địa lí 11
11. Chuyên đề học tập Địa lí 11
12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
14. Vật lí 11
15. Chuyên đề học tập Vật lí 11
16. Hoá học 11
17. Chuyên đề học tập Hoá học 11
18. Sinh học 11
19. Chuyên đề học tập Sinh học 11
20. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
21. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
22. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
23. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Âm nhạc 11
25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (1)
27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (2)
28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11

Chân trời sáng tạo

**Các đơn vị đầu mối phát hành**

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

**Sách điện tử:** http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.